
Quick®
MARINE LIGHTING

ITEM NAME	SERIES NAME	PAGE
A		
ACTION 10W	ACTION	196
ACTION 10W+4W	ACTION	197
ACTION 5W	ACTION	197
ACTION TOUCH BUS 10W	ACTION	196
AG1B WHOLLY 4W	AG WHOLLY	152
AG1B WHOLLY 6W	AG WHOLLY	153
AG1D WHOLLY 4W	AG WHOLLY	156
AG1D WHOLLY 6W	AG WHOLLY	157
AG1K 4W	AG	132
AG1K 6W	AG	133
AG1K WHOLLY 4W	AG WHOLLY	150
AG1K WHOLLY 6W	AG WHOLLY	151
AG1M WHOLLY 4W	AG WHOLLY	154
AG1M WHOLLY 6W	AG WHOLLY	155
AG2B WHOLLY 4W	AG WHOLLY	160
AG2B WHOLLY 6W	AG WHOLLY	161
AG2D WHOLLY 4W	AG WHOLLY	164
AG2D WHOLLY 6W	AG WHOLLY	165
AG2K 4W	AG	134
AG2K 6W	AG	135
AG2K WHOLLY 4W	AG WHOLLY	158
AG2K WHOLLY 6W	AG WHOLLY	159
AG2M WHOLLY 4W	AG WHOLLY	162
AG2M WHOLLY 6W	AG WHOLLY	163
APOLLO XP HP 6W	GLASS	117
APOLLO XP HP 6W QC RGBW	GLASS	117
APOLLO XP HP 6W QC TW	GLASS	117
APOLLO XP LP 6W	GLASS	117
APOLLO XP LP 6W QC RGBW	GLASS	117
APOLLO XP LP 6W QC TW	GLASS	117
AUDREY	AUDREY	263
AUDREY DUAL	AUDREY	263
AUDREY NS	AUDREY	263
AUDREY NS DUAL	AUDREY	263
AUDREY WALL	AUDREY	264
AUDREY WALL DUAL	AUDREY	264
AUDREY WALL NS	AUDREY	264
AUDREY WALL NS DUAL	AUDREY	264
AUDREY WALL PL NS	AUDREY	265
AUDREY WALL PL NS DUAL	AUDREY	265
AUDREY WALL PL S2	AUDREY	265
AUDREY WALL PL S2 DUAL	AUDREY	265
AUDREY WALL PL USB	AUDREY	265
AUDREY WALL PL USB DUAL	AUDREY	265
AUDREY WALL S2	AUDREY	264
AUDREY WALL S2 DUAL	AUDREY	264
AUDREY WALL USB	AUDREY	264
AUDREY WALL USB DUAL	AUDREY	264
AUDREY WALL USB NS	AUDREY	264
AUDREY WALL USB NS DUAL	AUDREY	264
B		
BARBIE C 2W	CLUB SURFACE-MOUNT	193
BARBIE C DUAL 2+2W	CLUB SURFACE-MOUNT	193
BLAKE XP - FP OD 4W	XP	74
BLAKE XP - FP OD 6W	XP	75
BLAKE XP - FP OD 6W QC RGBW	XP	75
BLAKE XP - FP OD 6W QC TW	XP	75
BLAKE XP - FP SD 4W	XP	72
BLAKE XP - FP SD 6W	XP	73
BLAKE XP - FP SD 6W QC RGBW	XP	73
BLAKE XP - FP SD 6W QC TW	XP	73
BLAKE XP - HP 4W	XP	78
BLAKE XP - HP 6W	XP	79
BLAKE XP - HP 6W QC RGBW	XP	79
BLAKE XP - HP 6W QC TW	XP	79
BLAKE XP - LP 4W	XP	76
BLAKE XP - LP 6W	XP	77
BLAKE XP - LP 6W QC RGBW	XP	77
BLAKE XP - LP 6W QC TW	XP	77
BRANDON E - OD 2W	ELITE	53
BRANDON E - OD DUAL 2W+2W	ELITE	53
BRANDON E - SD 2W	ELITE	53
BRANDON E - SD DUAL 2W+2W	ELITE	53
BRANDON ET - OD 2W	ELITE	53
BRANDON ET - SD 2W	ELITE	53
BRYAN C 2W - IP40/IP66	CLUB	58
BRYAN C DUAL 2+2W - IP40/IP66	CLUB	58
BRYAN CS 2W - IP40	CLUB	58
BRYAN CT 2W - IP40/IP66	CLUB	58
BRYAN N 2W - IP40/IP66	NICE	64
BRYAN N DUAL 2+2 - IP40/IP66	NICE	64
BRYAN NT 2W - IP40/IP66	NICE	64
BRYAN V 4W - IP66	VIP	67
BRYAN VN 4W - IP66	VIP NICE	67
BYRON AC 15W	AC (220 Vac)	177
BYRON AC PL 15W	AC (220 Vac)	179
C		
CALIFFA	CALIFFA	266
CALIFFA WALL	CALIFFA	267
CALIFFA WALL USB	CALIFFA	265
CHIARA 4W	ROUND	84
CHIARA 6W	ROUND	84
CHIARA 6W QC RGBW	ROUND	84
CHIARA 6W QC TW	ROUND	84
CLG DLT 30 QC - 30W	**CHALLENGER - DELTA**	296
CLG DLT 30 QC BC - 30W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 30 QC RGBW - 30W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 30 QN - 30W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 30 QN BC - 30W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 30 QN RGBW - 30W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 45 QC - 45W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 45 QC BC - 45W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 45 QC RGBW - 45W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 45 QN - 45W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 45 QN BC - 45W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 45 QN RGBW - 45W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 60 QC - 60W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 60 QC BC - 60W	CHALLENGER - DELTA	297
CLG DLT 60 QC RGBW - 60W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 60 QN - 60W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 60 QN BC - 60W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 60 QN RGBW - 60W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 80 QC - 80W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 80 QC BC - 80W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 80 QC RGBW - 80W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 80 QN - 80W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 80 QN BC - 80W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 80 QN RGBW - 80W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG EVO 30 QC - 30W	**CHALLENGER - EVOLUTION**	300
CLG EVO 30 QC BC - 30W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 30 QC RGBW - 30W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 30 QN - 30W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 30 QN BC - 30W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 30 QN RGBW - 30W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 45 QC - 45W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 45 QC BC - 45W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 45 QC RGBW - 45W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 45 QN - 45W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 45 QN BC - 45W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 45 QN RGBW - 45W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 60 QC - 60W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 60 QC BC - 60W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 60 QC RGBW - 60W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 60 QN - 60W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 60 QN BC - 60W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 60 QN RGBW - 60W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 80 QC - 80W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 80 QC BC - 80W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 80 QC RGBW - 80W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 80 QN - 80W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 80 QN BC - 80W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 80 QN RGBW - 80W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG THI 30 QC - 30W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 30 QC BC - 30W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 30 QC RGBW - 30W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 30 QN - 30W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 30 QN BC - 30W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 30 QN RGBW - 30W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 45 QN - 45W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 45 QN BC - 45W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 45 QN RGBW - 45W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 60 QC - 60W	CHALLENGER - THI	306
CLG THI 60 QC BC - 60W	CHALLENGER - THI	306
CLG THI 60 QC RGBW - 60W	CHALLENGER - THI	306
CLG THI 60 QN - 60W	CHALLENGER - THI	306
CLG THI 60 QN BC - 60W	CHALLENGER - THI	306
CLG THI 60 QN RGBW - 60W	CHALLENGER - THI	306
CLG THI 80 QN - 80W	CHALLENGER - THI	308
CLG THI 80 QN BC - 80W	CHALLENGER - THI	308
CLG THI 80 QN RGBW - 80W	CHALLENGER - THI	308
CRISTIAN 6W QC RGBW	ROUND	86
CRISTIAN 6W QC TW	ROUND	86
CRISTIAN 7W	ROUND	86
CRISTIAN 12W	ROUND	86
CRISTIAN 12W QC RGBW	ROUND	86
CRISTIAN 12W QC TW	ROUND	86
D		
DAISY 40 1,5W	FLORA	46
DAISY 40 3,5W	FLORA	47
DAISY 52 1,5W	FLORA	46
DAISY 52 3,5W	FLORA	47
DANAE HP 6W QC RGBW	GLASS	122
DANAE HP 6W QC TW	GLASS	122
DANAE HP 7W	GLASS	122
DANAE HP 12W	GLASS	123
DANAE HP 12W QC RGBW	GLASS	123
DANAE HP 12W QC TW	GLASS	123
DANAE LP 6W QC RGBW	GLASS	122
DANAE LP 6W QC TW	GLASS	122
DANAE LP 7W	GLASS	122
DANAE LP 12W	GLASS	123
DANAE LP 12W QC RGBW	GLASS	123
DANAE LP 12W QC TW	GLASS	123
DAPHNE HP 4W	GLASS	120
DAPHNE LP 4W	GLASS	120
DAPHNE XP HP 6W	GLASS	121
DAPHNE XP HP 6W QC RGBW	GLASS	121
DAPHNE XP HP 6W QC TW	GLASS	121
DAPHNE XP LP 6W	GLASS	121
DAPHNE XP LP 6W QC RGBW	GLASS	121
DAPHNE XP LP 6W QC TW	GLASS	121
DEMETRA 6W QC RGBW	SQUARE	93
DEMETRA 6W QC TW	SQUARE	93
DEMETRA 7W	SQUARE	93
DEMETRA 12W	SQUARE	93
DEMETRA 12W QC RGBW	SQUARE	93
DEMETRA 12W QC TW	SQUARE	93
DRESS-UP 12V/24V	DRESS-UP	207
DRESS-UP TOP 12V/24V	DRESS-UP	207
E		
EDEL	EDEL	285
EDWIN C 2W - IP40/IP66	CLUB	57
EDWIN C DUAL 2+2W - IP40/IP66	CLUB	57
EDWIN N 2W - IP40/IP66	NICE	63
EDWIN N DUAL 2+2 - IP40/IP66	NICE	63
EDWIN V 4W - IP66	VIP	67
EDWIN VN 4W - IP66	VIP NICE	67
ELLIOT E - OD 2W	ELITE	52
ELLIOT E - OD DUAL 2W+2W	ELITE	52
ELLIOT E - SD 2W	ELITE	52
ELLIOT E - SD DUAL 2W+2W	ELITE	52
ELLIOT ET - OD 2W	ELITE	52
ELLIOT ET - SD 2W	ELITE	52
ELY 1,5W	ELY	32
ELY 3W	ELY	33
ELY AG 1,5W	ELY AG - ANTIGLARE COLL.	34 - 126
ELY AG 3W	ELY AG - ANTIGLARE COLL.	35 - 127
ELY AG WT 1,5W	ELY AG - ANTIGLARE COLL.	36 - 128
ELY SMOKEY 1,5W	ELY	37
ELY SMOKEY 3W	ELY	37
ELY SMOKEY WT 1,5W	ELY	37
ERICA 1 - 2W	ERICA	40
ERICA 2 - 4W	ERICA	40
ERICA 3 - 6W	ERICA	40
EYELID	EYELID	284
F		
G		
GAIA	GAIA	281
GLADIS 1L	GRACE & GLADIS	279
GLADIS 2L	GRACE & GLADIS	279
GRACE 1L	GRACE & GLADIS	279
GRACE 2L	GRACE & GLADIS	279
GWENDA 1L	MARGOT & GWENDA	278
GWENDA 2L	MARGOT & GWENDA	278
H		
HALLIE	HALLIE & HARRIET	277
HARRIET	HALLIE & HARRIET	277
HONEY HP - 1,5W	GLASS	114 - 286
HONEY HP - 3W	GLASS	114 - 286
HONEY LP - 1,5W	GLASS	114 - 286
HONEY LP - 3W	GLASS	114 - 286
I		
ILENIA	PATRICIA & C.	276
INES	PATRICIA & C.	276
INFINITY 12V/24V	INFINITY	211
IRENE	PATRICIA & C.	276
J		
JACOB - 2,5W	JACOB - SPOTLIGHTS COLL.	256
JACOB NS - 2,5W	JACOB - SPOTLIGHTS COLL.	256
JAZZ H10 4W	JAZZ - ANTIGLARE COLL.	138
JAZZ H10 6W	JAZZ - ANTIGLARE COLL.	139
JD - 1,5	JO&JD	43
JO - 1,5	JO&JD	43
JOYCE - 3W	JOYCE - SPOTLIGHTS COLL.	257
JOYCE NS - 3W	JOYCE - SPOTLIGHTS COLL.	257
K		
KAI XP - FP OD 4W	XP	74
KAI XP - FP OD 6W	XP	75
KAI XP - FP OD 6W QC RGBW	XP	75
KAI XP - FP OD 6W QC TW	XP	75
KAI XP - FP SD 4W	XP	72
KAI XP - FP SD 6W	XP	73
KAI XP - FP SD 6W QC RGBW	XP	73
KAI XP - FP SD 6W QC TW	XP	73
KAI XP - HP 4W	XP	78
KAI XP - HP 6W	XP	79
KAI XP - HP 6W QC RGBW	XP	79
KAI XP - HP 6W QC TW	XP	79
KAI XP - LP 4W	XP	76

ITEM NAME	SERIES NAME	PAGE
KAI XP - LP 6W	XP	77
KAI XP - LP 6W QC RGBW	XP	77
KAI XP - LP 6W QC TW	XP	77
KLEOS 180 - 12W	ROUND	89
KLEOS 235 - 15W	ROUND	89
KOLE AC 15W	AC (220 Vac)	176
KOLE AC FLAT 15W	AC (220 Vac)	176
KOLE AC PL 15W	AC (220 Vac)	178
KOR XP - HP 4W	XP	78
KOR XP - HP 6W	XP	79
KOR XP - HP 6W QC RGBW	XP	79
KOR XP - HP 6W QC TW	XP	79
KOR XP - LP 4W	XP	76
KOR XP - LP 6W	XP	77
KOR XP - LP 6W QC RGBW	XP	77
KOR XP - LP 6W QC TW	XP	77
KRISTINE 6W QC RGBW	SQUARE	92
KRISTINE 6W QC TW	SQUARE	92
KRISTINE 7W	SQUARE	92
KRISTINE 12W	SQUARE	92
KRISTINE 12W QC RGBW	SQUARE	92
KRISTINE 12W QC TW	SQUARE	92
KXP L2 / KXP L2R	KAI/KOR XP LP ACCESSORIES	80
L		
LIDA	LIDA	280
LINDA 21 - 12V/24V	LINDA	205
LINDA 31 - 12V/24V	LINDA	205
LUCILLE 1,5W	ADJUSTABLES	97
M		
MARGOT 1L	MARGOT & GWENDA	278
MARGOT 2L	MARGOT & GWENDA	278
MARINA XP - FP OD 4W	XP	74
MARINA XP - FP OD 6W	XP	75
MARINA XP - FP OD 6W QC RGBW	XP	75
MARINA XP - FP OD 6W QC TW	XP	75
MARINA XP - FP SD 4W	XP	72
MARINA XP - FP SD 6W	XP	73
MARINA XP - FP SD 6W QC RGBW	XP	73
MARINA XP - FP SD 6W QC TW	XP	73
MARINA XP - HP 4W	XP	78
MARINA XP - HP 6W	XP	79
MARINA XP - HP 6W QC RGBW	XP	79
MARINA XP - HP 6W QC TW	XP	79
MARINA XP - LP 4W	XP	76
MARINA XP - LP 6W	XP	77
MARINA XP - LP 6W QC RGBW	XP	77
MARINA XP - LP 6W QC TW	XP	77
MATHILDA AC 15W	AC (220 Vac)	177
MATHILDA AC PL 15W	AC (220 Vac)	178
MAXIBAR - 18W/m	MAXIBAR	215
MAXIBAR DUAL - 9W/M+9W/m	MAXIBAR	215
MAXIBAR QC RGBW - 11W/M	MAXIBAR	215
MAXIBAR QC TW - 11W/M	MAXIBAR	215
MAYA 30	MAYA	259
MAYA 30 DUAL	MAYA	259
MAYA 60	MAYA	259
MAYA 60 DUAL	MAYA	259
MINDY C 2W - IP40	CLUB SURFACE-MOUNT	193
MINDY CS 2W - IP40	CLUB SURFACE-MOUNT	193
MIRIAM C 2W - IP40	CLUB	59
MIRO' 2W	MIRO' & TATI'	194
N		
NICOLE 1,5W	NICOLE - SPOTLIGHTS COLL.	257
NIKITA 4W	ADJUSTABLE	98
NIKITA 6W	ADJUSTABLE	98
NIKITA 9W	ADJUSTABLE	99
NIKITA AG 4W	ADJ. - ANTIGLARE COLL.	100 - 141
NIKITA AG 6W	ADJ. - ANTIGLARE COLL.	101 - 142
NIKITA AG 9W	ADJ. - ANTIGLARE COLL.	102 - 143
NK1 / NK2 / NK3	NIKITA ACCESSORIES	103 - 144
O		
OLIVIA - 2,5W	OLIVIA - SPOTLIGHTS COLL.	256
OLIVIA NS - 2,5W	OLIVIA - SPOTLIGHTS COLL.	256
ONDALED SIDE - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	230
ONDALED SIDE RGBW - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	230
ONDALED SIDE TW - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	130
ONDALED TOP - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	226
ONDALED TOP RGBW - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	226
ONDALED TOP TW - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	226
ONDALED TOP10 - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	228
P		
PALLADIO Q90 - 10W	PALLADIO	169
PALLADIO Q70 - 7W	PALLADIO	168
PALLADIO Q105 - 13W	PALLADIO	170
PALLADIO R70 - 7W	PALLADIO	168
PALLADIO R90 - 10W	PALLADIO	169
PALLADIO R105 - 13W	PALLADIO	170
PALLADIO VR70 - 7W	PALLADIO VISOR	171
PALLADIO VR90 - 10W	PALLADIO VISOR	172
PALLADIO VR105 - 13W	PALLADIO VISOR	173
PATRICIA	PATRICIA & C.	276
PLATO' 30 12V/24V	PLATO'	244-249
PLATO' 60 12V/24V	PLATO'	244-249
Q		
QB COMPASS 1L - 4W	QB	236-239
QB COMPASS 1L - 6W	QB	236-239
QB COMPASS 2L - 2+2W	QB	236-239
QB FIXED 1L - 4W	QB	236-239
QB FIXED 1L - 6W	QB	236-239
QB FIXED 2L - 2+2W	QB	236-239
QB SPIN 1L - 4W	QB	236-239
QB SPIN 1L - 6W	QB	236-239
QB SPIN 2L - 2+2W	QB	236-239
QB SWIVEL 1L - 4W	QB	236-239
QB SWIVEL 1L - 6W	QB	236-239
QB TOWER 2L - 4+4W	QB	236-239
QB TOWER 2L - 6+6W	QB	236-239
QB TWINS 2L - 4+4W	QB	236-239
QB TWINS 2L - 6+6W	QB	236-239
R		
REBECCA 1,5W	REBECCA	262
REBECCA USB 1,5W	REBECCA	262
REGINA 4W	ADJUSTABLE	104
REGINA 6W	ADJUSTABLE	104
REGINA 9W	ADJUSTABLE	105
REGINA AG 4W	ADJ. - ANTIGLARE COLL.	106 - 145
REGINA AG 6W	ADJ. - ANTIGLARE COLL.	107 - 146
REGINA AG 9W	ADJ. - ANTIGLARE COLL.	108 - 147
ROBIN 2,5W	ROBIN - SPOTLIGHTS COLL.	256
S		
SANDY C 2W - IP40	CLUB SURFACE-MOUNT	193
SECRET LIGHT - OD 3W	SECRET LIGHT	186
SECRET LIGHT - OD 6W	SECRET LIGHT	187
SECRET LIGHT - OD 6W QC RGBW	SECRET LIGHT	185
SECRET LIGHT - OD 6W QN RGBW	SECRET LIGHT	185
SECRET LIGHT - SD 3W	SECRET LIGHT	186
SECRET LIGHT - SD 6W	SECRET LIGHT	187
SECRET LIGHT F/FL- OD 6W QC RGBW	SECRET LIGHT	183
SECRET LIGHT F/FL - OD 3W	SECRET LIGHT	182
SECRET LIGHT F/FL - OD 6W	SECRET LIGHT	183
SECRET LIGHT F/FL - OD 6W QN RGBW	SECRET LIGHT	183
SECRET LIGHT F/FL - SD 3W	SECRET LIGHT	182
SECRET LIGHT F/FL - SD 6W	SECRET LIGHT	183
SECRET LIGHT L 6W	SECRET LIGHT	189
SECRET LIGHT L 6W QC RGBW	SECRET LIGHT	189
SECRET LIGHT L 6W QC TW	SECRET LIGHT	189
SECRET LIGHT L 6W QN RGBW	SECRET LIGHT	189
SECRET LIGHT L 6W QN TW	SECRET LIGHT	189
SELENE C 2W - IP40	CLUB	59
SHARK 30	SHARK	269
SHARK 50	SHARK	269
SIMPLY 12V /24V	SIMPLY	209
SONIA 4W	ROUND	85
SONIA 9W	ROUND	85
STARRY SKY - KIT SSC 1	STARRY SKY	220
STARRY SKY - KIT SSC 2	STARRY SKY	220
STARRY SKY - KIT SSW 1	STARRY SKY	220
STARRY SKY - KIT SSW 2	STARRY SKY	220
STRIP LED 12V/24V	STRIP LED SYSTEMS	216
STRIP LED ACCESSORIES	STRIP LED SYSTEMS	219
STRIP LED HP 12V/24V	STRIP LED SYSTEMS	216
STRIP LED HP PLUS 12V/24V	STRIP LED SYSTEMS	217
STRIP LED HP TW 24V	STRIP LED SYSTEMS	217
STRIP LED RGBW 24V	STRIP LED SYSTEMS	219
STRIP LED SIDE 12V/24V	STRIP LED SYSTEMS	218
STRIP LED WR 24V	STRIP LED SYSTEMS	218
SUGAR HP - 1,5W	GLASS	115 - 287
SUGAR HP - 3W	GLASS	115 - 287
SUGAR LP - 1,5W	GLASS	115 - 287
SUGAR LP - 3W	GLASS	115 - 287
SYRIA VELVET 15 - 12V/24V	SYRIA VELVET	202
SYRIA VELVET 15 S - 12V/24V	SYRIA VELVET	202
SYRIA VELVET 28 - 12V/24V	SYRIA VELVET	203
SYRIA VELVET 28 S - 12V/24V	SYRIA VELVET	203
SYRIA VELVET 41 - 12V/24V	SYRIA VELVET	203
SYRIA VELVET 41 S - 12V/24V	SYRIA VELVET	203
T		
TAB CPA1	TAB	289
TAB CPA3	TAB	289
TAB CPR1	TAB	289
TAB CPR2	TAB	289
TAB SSR1	TAB	288
TAB SSR2	TAB	288
TAB SSR4	TAB	288
TATI' 2W	MIRO' & TATI'	194
TB TWINS 2L - 4+4W	TB	241-243
TB TWINS 2L - 6+6W	TB	241-243
TB316 TOWER 1L - 4W	TB	241-243
TB316 TOWER 1L - 6W	TB	241-243
TB316 TOWER 2L - 4+4W	TB	241-243
TB316 TOWER 2L - 6+6W	TB	241-243
TED C 2W - IP40/IP66	CLUB	56
TED C DUAL 2+2W - IP40/IP66	CLUB	56
TED CS 2W - IP40	CLUB	56
TED CT 2W - IP40/IP66	CLUB	56
TED N 2W - IP40/IP66	NICE	62
TED N DUAL 2+2 - IP40/IP66	NICE	62
TED NT 2W - IP40/IP66	NICE	62
TED V 4W - IP66	VIP	67
TED VN 4W - IP66	VIP NICE	67
TESS	TINA & TESS	275
THEKLA LUX 9W	ROUND	87
TILL	TILL	283
TIM C 2W - IP40	CLUB SURFACE-MOUNT	193
TIM CS 2W - IP40	CLUB SURFACE-MOUNT	193
TINA	TINA & TESS	275
TODD E - OD 2W	ELITE	52
TODD E - OD DUAL 2W+2W	ELITE	52
TODD E - SD 2W	ELITE	52
TODD E - SD DUAL 2W+2W	ELITE	52
TODD ET - OD 2W	ELITE	52
TODD ET - SD 2W	ELITE	52
TULIP 40 1,5W	FLORA	48
TULIP 40 3,5W	FLORA	49
TULIP 52 1,5W	FLORA	48
TULIP 52 3,5W	FLORA	49
V		
VANESSA 6W QC RGBW	SQUARE	94
VANESSA 6W QC TW	SQUARE	94
VANESSA 7W	SQUARE	94
VANESSA 12W	SQUARE	94
VANESSA 12W QC RGBW	SQUARE	94
VANESSA 12W QC TW	SQUARE	94
VENUS 72 V - 4W	VENUS	290
VENUS 88 6W	VENUS	291
VENUS 88 6W QC RGBW	VENUS	291
VENUS 88 6W QC TW	VENUS	291
VITO	VITO	282
X		
Y		
YOKO 1,5W	ADJUSTABLES	97
Z		
ZEUS HP 6W QC RGBW	GLASS	118
ZEUS HP 6W QC TW	GLASS	118
ZEUS HP 7W	GLASS	118
ZEUS HP 12W	GLASS	119
ZEUS HP 12W QC RGBW	GLASS	119
ZEUS HP 12W QC TW	GLASS	119
ZEUS LP 6W QC RGBW	GLASS	118
ZEUS LP 6W QC TW	GLASS	118
ZEUS LP 7W	GLASS	118
ZEUS LP 12W	GLASS	119
ZEUS LP 12W QC RGBW	GLASS	119
ZEUS LP 12W QC TW	GLASS	119

LAMPSHADES

DENISE	DENISE	323
DOMINIQUE 15-9 / 15-30 / 18-30	DOMINIQUE	320
DOMINIQUE 22-35	DOMINIQUE	321
DOMITILLA	DOMITILLA	319
DOMIZIANA	DOMIZIANA	318
IOLANDA	IOLANDA	316
ISABELLA 15-12 / 15-25 / 18-30	ISABELLA	315
ISOTTA	ISOTTA	322
MARTINE / MARTINE NS	MARTINE	325
SARAH / SARAH NS	SARAH	324
SHARON / SHARON NS 10/15/20	SHARON	317
SHEILA / SHEILA NS	SHEILA	314
THEODORA 250 Q	THEODORA	329
THEODORA 300 Q	THEODORA	329
THEODORA 250 R	THEODORA	331
THEODORA 300 R	THEODORA	331

ELECTRICAL ACCESSORIES

AC-DC LED DRIVER	336 - 339
AC-DC POWER SUPPLIES	340
DC-AC CONVERTER	341
DIMMERS	342
LIGHTING CONTROL STSTEMS	346-348

Quick®
MARINE LIGHTING











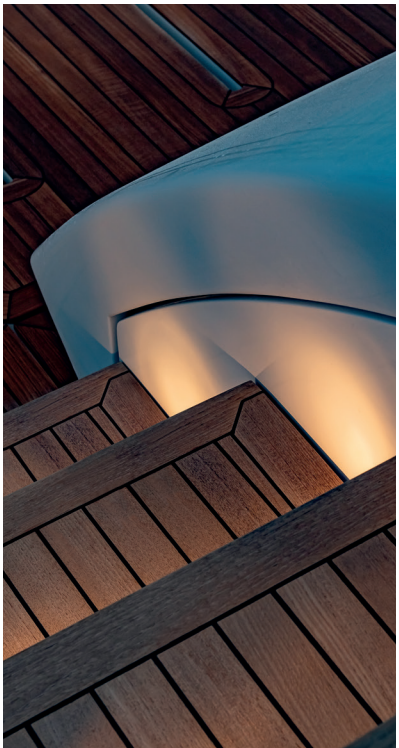



LED LIGHTING COLLECTION

Quick Marine Lighting è una gamma di apparecchi a LED di elevata qualità, che offre un'ampia scelta di soluzioni all'avanguardia, nelle quali è riconoscibile e tangibile il valore aggiunto del Made in Italy, dal design alla cura costruttiva di ogni dettaglio.
I prodotti Quick Marine Lighting sono progettati e costruiti in Italia da Quick S.p.A.

Quick Marine Lighting is a range of high quality LED fixtures, offering a wide range of cutting-edge solutions, in which the added value of "Made in Italy" is recognizable and tangible, from design to care for every detail. Quick Marine Lighting products are designed and built in Italy by the Quick S.p.A. Group.

MCY 80

Quick® MARINE LIGHTING


QUICK
Quick
Nautical Equipment
SIGMAR marine
Quick
MARINE LIGHTING
mc2
seacentric system
QNN
QUICK NAUTICAL
NETWORK

THE QUICK COMPANY

QUICK® SPA

Company with certified Quality system
ISO 9001:2015

1983 PM MARINA
1992 QUICK NAUTICAL EQUIPMENT
1992 BATTERY CHARGERS
1996 WINDLASSES
1998 NAUTIC BOILER
1999 SCOTTI LIGHTS
2003 CATT SRL
2005 THRUSTERS
2006 QUICK USA LLC
2007 SIGMAR MARINE
2007 QUICK MARINE LIGHTING
2016 MC² GYRO STABILIZERS
2019 QNN - QUICK NAUTICAL NETWORK

L'azienda Quick S.p.A. si è sviluppata ed estesa a livello internazionale grazie alla società PM fondata nel 1983. La ditta inizia nell'ambito del settore nautico con la vendita di accessori e facendo assistenza tecnica a bordo delle imbarcazioni.
L'esperienza acquisita nell'arco di dieci anni e una passione innata hanno portato la società ad acquisire nel 1992 una piccola azienda che produceva comandi per dispositivi di bordo. Dal 1992 ad oggi ha raggiunto 19.200 mq di stabilimento in un area di 59.000 mq, espandendo la produzione fino a 5 linee di prodotto con Quick Nautical Equipment e il brand Quick Marine Lighting nel settore dell'illuminazione.

The Quick S.p.A. company developed and expanded internationally thanks to PM, a company founded in 1983. The Company began operating in the nautical industry selling accessories and providing technical assistance aboard vessels.
Experience honed over the years and innate passion led the Company to acquire in 1992 a small firm that produced commands for on-board devices.
Since 1992, the Company has expanded its 19,200 m² production facility located in an area of 59,000 m², expanding production to 5 product lines with Quick Nautical Equipment and the Quick Marine Lighting brand in the lighting sector.







Quick® MARINE LIGHTING


C 400
HEIDENHAIN

MADE IN ITALY

Quick SpA vanta un Made in Italy d'eccellenza grazie alle risorse tecnologiche presenti nella struttura dell'azienda. Il parco macchine comprende diversi centri CNC di ultima generazione, torni, macchinari di precisione e sistemi integrati CAD-CAM.
L'azienda è costantemente impegnata nella ricerca e nello sviluppo di nuovi prodotti, per soddisfare le richieste del mercato e rispondere alle specifiche esigenze del Cliente. I prodotti possono essere personalizzati o progettati e costruiti su misura. Ogni richiesta è curata in collaborazione con il cliente e tecnicamente sviluppata negli studi tecnici dell'azienda da personale qualificato. Le risorse tecnologiche rendono possibile modellazione di prototipi, la creazione di stampi e lavorazioni meccaniche.

Quick S.p.A. leverages its available technological resources to boast Made in Italy excellence. Its machine pool includes several latest-generation CNC centers, lathes, precision machinery and integrated CAD-CAM systems.
The Company is constantly engaged in the research and development of new products to meet market demands and to address its customers' specific needs. Products can be customized or designed and built to measure.
Each request is developed in close collaboration with the customer and by qualified personnel in the Company's technical offices. Technological resources make prototype modeling possible, creating moulds and mechanical processing.

CATT

C.A.T.T. srl è entrata nel Gruppo Quick nel 2003 ed è uno dei settori più importanti dell'azienda, nel quale si producono gli stampi e le lavorazioni meccaniche di tutti i prodotti Quick.

C.A.T.T. srl became part of the Quick Group in 2003 and is one of the Company's most important sectors, since it produces moulds and mechanical processing of all Quick products.





Quick®
MARINE LIGHTING



THE QUALITY

L'ambiente marino insegna a costruire con materiali di altissima qualità prodotti che possano resistere a salsedine, umidità, gettate d'acqua, temperature estreme, sopra e sotto lo zero, anche se collocati in interno. Quick impiega prevalentemente ACCIAIO INOX AISI 316L e altri materiali solo se sottoposti a speciali trattamenti. La struttura dispone di sale attrezzate per eseguire ogni genere di test. Le apparecchiature rilevano le prestazioni dei prodotti e le capacità di resistenza in condizioni estreme.
Tecnologia LED di Alta Qualità Made in Italy.
I moduli LED sono selezionati per ottenere le migliori prestazioni ed elevato indice di resa cromatica (CRI ≥90/≥95). I test fotometrici, termici, elettrici e di conformità alle normative vigenti sono eseguiti secondo severi criteri, sui prototipi e sui prodotti finiti.
I prodotti Quick Marine Lighting sono dotati dei requisiti di sicurezza richiesti dalla Comunità Europea (CEE) secondo le Direttive Comunitarie di compatibilità elettromagnetica 2004/108/CE e sicurezza generale dei prodotti 2001/95/CE.
TUTTI I PRODOTTI QUICK MARINE LIGHTING
SONO GARANTITI 3 ANNI.

The marine environment teaches to use very high quality materials to build products which must resist salt, humidity, water splashes, extreme temperatures above and below zero, even if in the interior. Quick mainly uses 316L AISI stainless steel and other especially treated materials only. The facility includes rooms equipped to carry out any kind of test.
The devices detect product performance and resistance capacity in extreme conditions.
Made in Italy High Quality LED technology.
LED modules are selected to obtain the best performance and yield high color rendering index (CRI ≥90/≥95). Photometric, thermal, electrical and conformity tests are carried out according to strict criteria, both on prototypes and on finished products.
Quick Marine Lighting products are equipped with all safety features required by the European Community (EEC), pursuant to the EU Electromagnetic Compatibility Directive 2004/108/CE and the General Product Safety Directive 2001/95/CE.
ALL QUICK MARINE LIGHTING PRODUCTS
ARE GUARANTEED FOR 3 YEARS.





Quick®
MARINE LIGHTING



DESIGN

Lo stile Quick Marine Lighting si distingue nella cura dei dettagli e l'essenzialità delle forme.
I prodotti nascono negli studi di progettazione Quick seguendo le esigenze del mercato o del commitente che necessita di sviluppare un'idea con caratteristiche specifiche. La creazione di prodotti in collaborazione con designer e architetti è un'attività consueta in Quick data la pluriennale esperienza dell'azienda nell'equipaggiamento personalizzato di yacht di lusso. Quick è una struttura in continua espansione che si avvale di personale qualificato per offrire Qualità, Controllo e Servizio in ogni prodotto.

The Quick Marine Lighting style stands out for attention to detail and essentiality of forms.
Products are born in the Quick design offices in response to market needs and the demands of customers who want to develop an idea with specific features. The creation of products in collaboration with designers and architects is a customary activity at Quick, given the Company's long experience in manufacturing customized equipment for luxury yachts. Quick is a continuously expanding company that employs qualified personnel to offer Quality, Control and Service in every product.



Quick®
MARINE LIGHTING













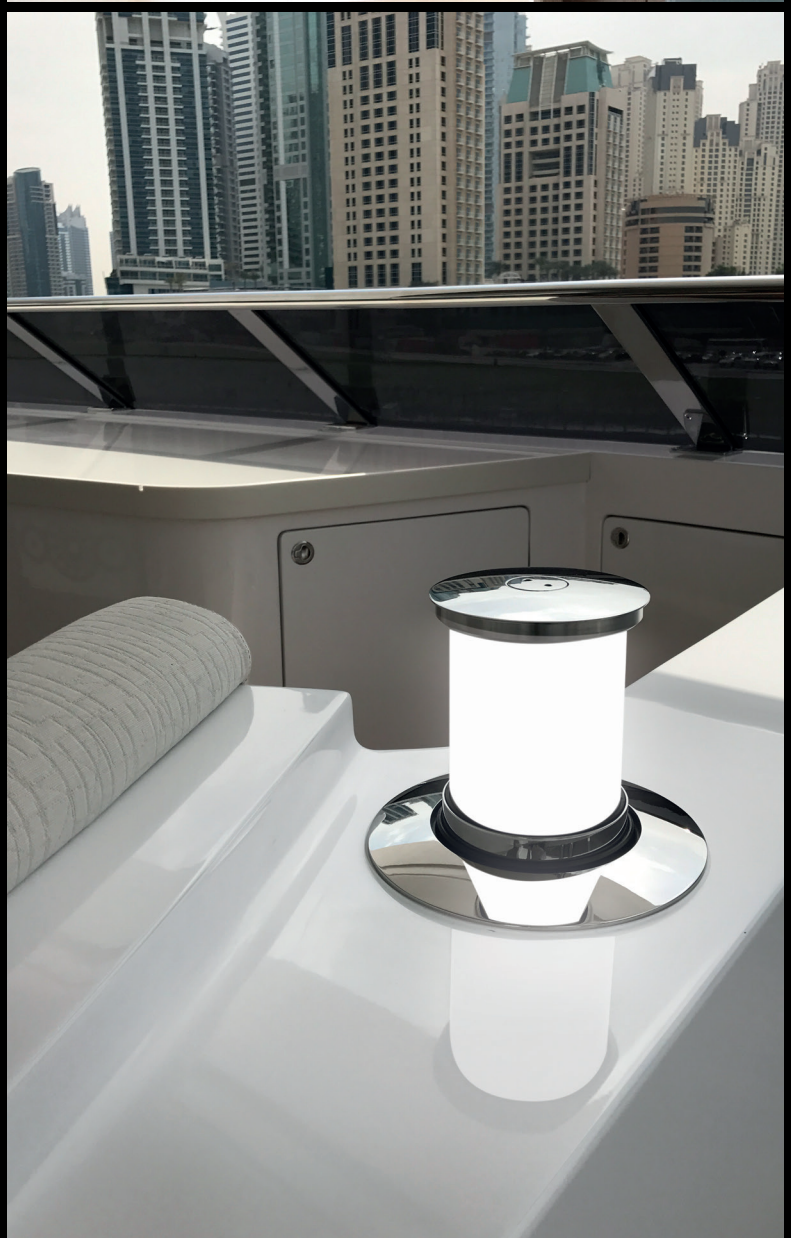





FINITURE & COLORI

Quick Marine Lighting offre la possibilità di creare prodotti esclusivi con finiture personalizzate. Nella gamma sono state selezionate delle varianti colori, applicabili su quasi tutti gli articoli. Oltre alle proposte Quick Marine Lighting si possono realizzare soluzioni su misura in collaborazione con i nostri designer.

FINISHES & COLOURS

Quick Marine Lighting offers the possibility to create exclusive products with personalized finishes. Its range includes colour variations, applicable on almost all items. In addition to the Quick Marine Lighting proposals, it is possible to create tailor-made solutions in collaboration with our designers.

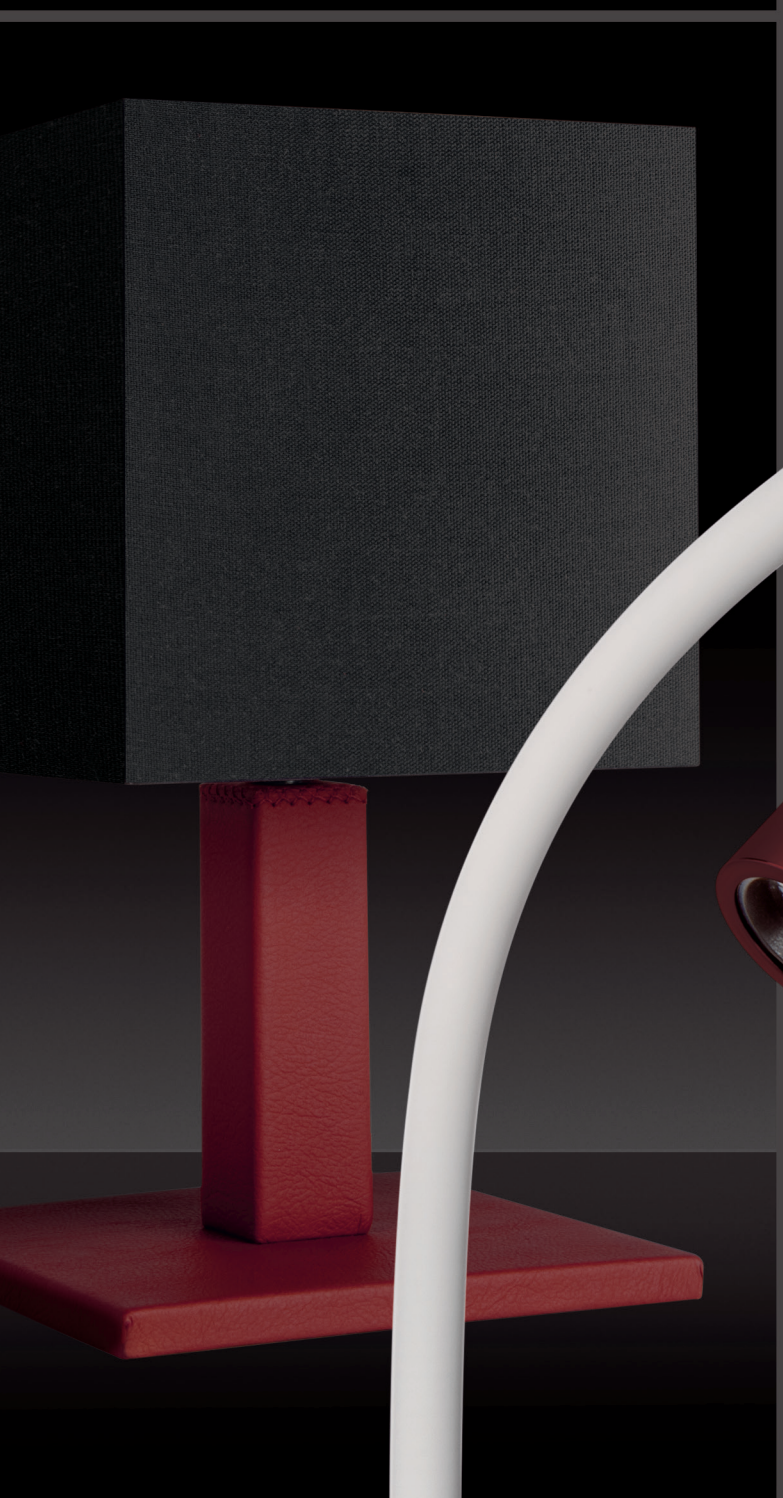




FINISHES & COLOURS

INFORMAZIONI TECNICHE / TECHNICAL INFORMATIONS

Informazioni utili per interpretare i dati illuminotecnici dei vari prodotti.
Useful information to understand the lighting data of the different products.

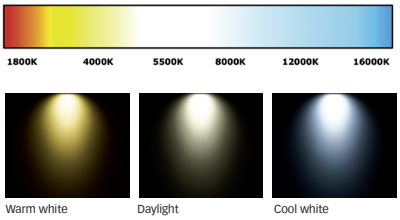

Temperatura colore: CCT, Correlated Color Temperature
La tonalità della luce è misurabile in gradi Kelvin (K).
Le temperature colore dei prodotti Quick Marine Lighting sono
Bianco caldo 2900 K - 3100 K (oppure più caldo 2600 K - 2800 K)
Bianco naturale 3800 K - 4100 K - Bianco freddo 5600 K e 6000 K (solo per alcuni prodotti)

CCT, Correlated Color Temperature
Tone of light which may be measured in Kelvin degrees (K).
The color temperatures of the products Quick Marine Lighting are
Warm white 2900 K - 3100 K (or warmer 2600 K - 2800 K)
Daylight white 3800 K - 4100 K - Cool white 5600 K e 6000 K (for some products only)



CRI Color rendering Index:
Capacità di una sorgente luminosa di riprodurre fedelmente i colori degli oggetti illuminati rispetto ad una luce naturale. CRI ≥90 Eccellente | CRI ≥80 Medio | CRI <80 Basso

CRI Color rendering Index:
Ability of a light source to reproduce the colours of the lighted objects faithfully in comparison with a natural light source. CRI ≥90 Excellent | CRI ≥80 Medium | CRI <80 Low

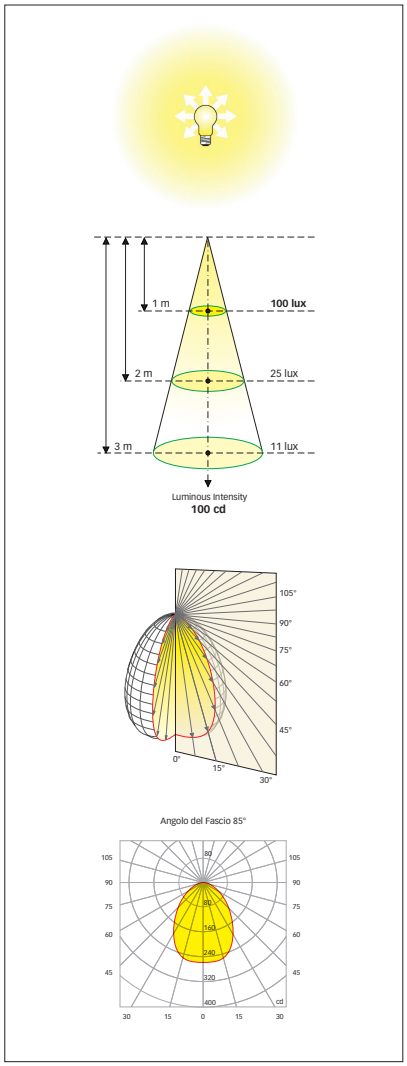

Flusso luminoso, unità di misura Lumen = lm
Il flusso luminoso è una grandezza fotometrica che indica la quantità di luce emessa da una sorgente, meglio definita come il prodotto tra la potenza irradiata e il coefficiente di visibilità.

Light flux, measure unit Lumen = lm
The light flux is a photometric size which indicates the quantity of light emitted from a source, better defined as the product between radiated power and the visibility coefficient.

Illuminamento, unità di misura Lux = lx
L'illuminamento è dato dal rapporto tra il flusso luminoso ricevuto da una superficie piana e l'area della stessa.
1 Lux = 1 lumen per metro quadrato.

Illumination, measurement unit Lux = lx
Illumination is given by the ratio between the light flow received by a level surface and its area.
1 Lux = 1 lumen per square meter

L'intensità luminosa, unità di misura = cd
L'intensità luminosa è l'emissione della luce in relazione alla direzione. Si rileva dal rapporto tra il flusso luminoso emesso in un cono infinitamente piccolo e la misura dell'angolo del cono.
La distribuzione dell'intensità luminosa nello spazio genera un volume detto solido fotometrico che intersecato con il piano longitudinale ed il piano parallelo dell'apparecchio crea le curve fotometriche che riproducono l'angolo di emissione del fascio di luce.

Light intensity, measurement unit = cd
Light intensity is the emission of light in relation to direction. It is detected by the ratio between the light flow emitted in an infinitely small cone and the measurement of the corner of the cone.
The distribution of light intensity in space generates a volume called photometric solid which, intersected with the longitudinal plane and the parallel plane of the device creates photometric curves which reproduce the emission corner of the light ray.

L'angolo di emissione del fascio di luce
L'angolo influisce sul risultato effettivo dell'intensità luminosa. Più ampio è l'angolo di emissione, minore è l'intensità di luce perchè essa risulta maggiormente distribuita. Viceversa, più stretto è l'angolo, maggiore è l'intensità di luce.

The emission angle of the ray of light
The angle influences the effective result of the light intensity. The wider the emission angle, the lower the light intensity, because it results to be more widely distributed. And vice-versa, the narrower the angle, the greater the light intensity.

SIMBOLOGIA / SIMBOLOGY

IP40 IP67	Grado di resistenza alla penetrazione dei corpi solidi e liquidi (IP+indice di resistenza) Tetto rosso: prodotto per applicazioni interne. Gocce: prodotto applicabile anche in esterno o in ambiente umido se installato a regola d'arte.	Degree of resistance to penetration of solid and liquid bodies (IP+resistance index) Red roof: product for interior application. Drops: product applicable also in exteriors or in humid environment if installed properly.
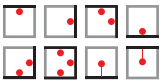	Tipo di installazione: soffitto, parete, soffitto/parete, pavimento, parete/pavimento soffitto/parete/pavimento, appoggio, sospensione.	Type of installation: ceiling, wall, ceiling/wall, floor, wall/floor ceiling/wall/floor, support, suspension.
	Orientabile	Adjustable
	Flessibile	Flexible
	Dimmerabile	Dimmable
	Pulsante touch	Touch switch
	Pulsante touch che regola l'intensità	Touch dimmer switch
	Bianco Freddo	Cool White
	Bianco naturale	Daylight
	Bianco Caldo	Warm White
	Blu	Blue
	Rosso	Red
	Bianco naturale - Blu	Daylight - Blue
	Bianco caldo - Blu	Warm White - Blue
	Bianco naturale - Rosso	Daylight - Red
	Bianco caldo - Rosso	Warm White - Red
	RGB + Bianco naturale	RGB + Daylight
	Luce bianca dinamica	Tunable White
	RGB	RGB
 	Indica che l'apparecchio è idoneo al montaggio solo su superfici "non infiammabili".	Indicates that the device is suitable for installation on "not inflammable" surfaces.
	Indica che l'apparecchio è protetto dalla scossa elettrica se l'alimentazione è a bassissima tensione di sicurezza (50V max). Non collegare mai a terra.	Indicates that the device is protected against electric shock if the power supply is at very low safety voltage (50V max). Do not earth.
	L'apparecchio ha isolamento doppio o rinforzato. Non collegare a terra.	The device has double or reinforced insulation. Do not earth.
	L'apparecchio ha l'isolamento funzionale in ogni parte ed è completo di conduttore di terra.	The device has functional insulation in each part and is equipped with earth conductor.

CATEGORIE / CATEGORIES



LED RECESSED DOWNLIGHTS 26

LED ANTIGLARE DOWNLIGHTS 124

LED RETRACTABLE LAMPS 180

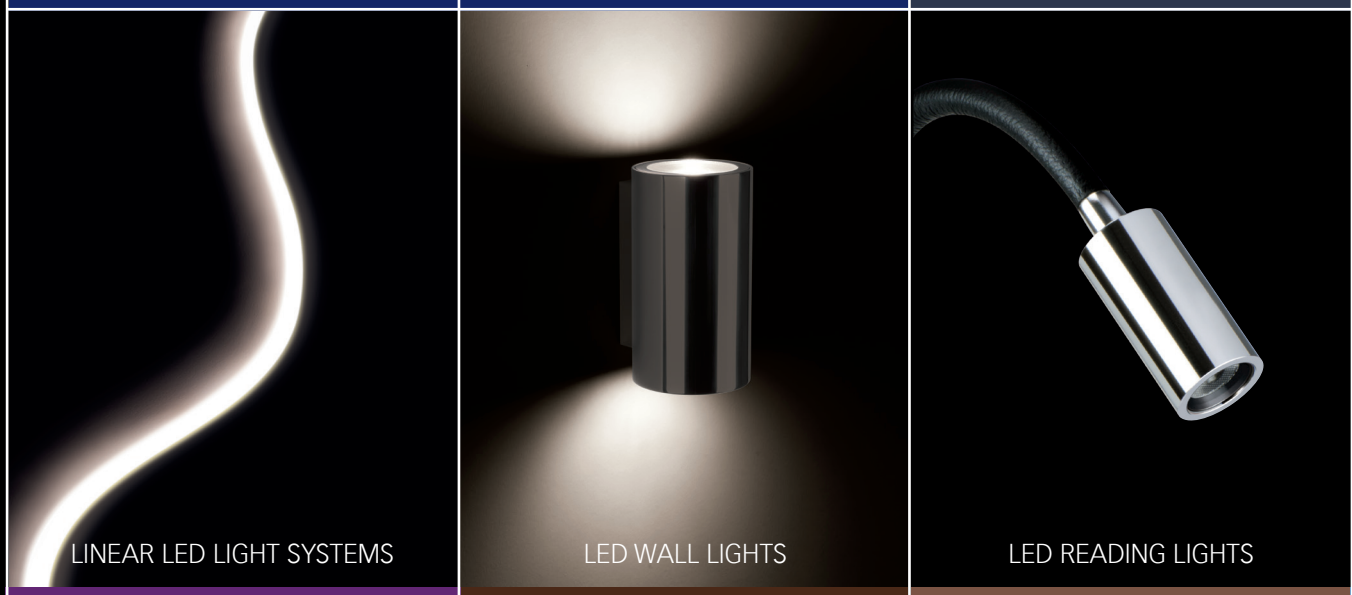

LINEAR LED LIGHT SYSTEMS 198

LED WALL LIGHTS 232

LED READING LIGHTS 250



LED UNDERWATER LIGHTS 292

LAMPSHADES 310

ELECTRONIC ACCESSORIES 332

INDICE PRODOTTI / PRODUCTS INDEX



P. 20-25



LED SURFACE MOUNT FIXTURES

190



LED COURTESY LIGHTS

270



LIGHTING CONTROL SYSTEMS

344

LED DOWNLIGHTS

ELY - 1,5W - 15°/40°

p.32
IP65 - Ø40 - R27 - CØ30

ELY - 3W - 15°/40°

p.33
IP65 - Ø40 - R36 - CØ30

ELY AG - 1,5W - 15°/40°

p.34
IP65 - Ø40 - R33 - CØ30

ELY AG - 3W - 15°/40°

p.35
IP65 - Ø40 - R42 - CØ30

ELY AG WT - 1,5W - 15°/40°

p.36
IP67 - Ø40 - R51 - CØ31

ELY SMOKEY - 1,5W - 40°

p.37
IP65 - Ø40 - R27 - CØ30

ELY SMOKEY - 3W - 40°

p.37
IP65 - Ø40 - R36 - CØ30

ELY SMOKEY WT - 1,5W - 40°

p.37
IP67 - Ø40 - R51 - CØ32

ERICA 1 - 2W

p.40
IP65 - 50x50 - R35 - CØ40

ERICA 2 - 4W

p.40
IP65 - 100x50 - R35 - CØ40

ERICA 3 - 6W

p.40
IP65 - 150x50 - R35 - CØ40

JO - 1,5W

p.43
IP65 - Ø42 - R19 - CØ25

JD - 1,5W

p.43
IP65 - 36x36 - R19 - CØ25

FLORA

DAISY 40 - 1,5W - 15°/30°

p.46
IP65 - Ø40 - R27 - CØ30

DAISY 52 - 1,5W - 15°/30°

p.46
IP65 - Ø52 - R27 - CØ30

DAISY 40 - 3,5W - 15°/30°

p.47
IP65 - Ø40 - R27 - CØ30

DAISY 52 - 3,5W - 15°/30°

p.47
IP65 - Ø52 - R27 - CØ30

TULIP 40 - 1,5W - 15°/30°

p.48
IP65 - Ø40 - R32 - CØ30

TULIP 52 - 1,5W - 15°/30°

p.48
IP65 - Ø52 - R32 - CØ30

TULIP 40 - 3,5W - 15°/30°

p.49
IP65 - Ø40 - R32 - CØ30

TULIP 52 - 3,5W - 15°/30°

p.49
IP65 - Ø52 - R32 - CØ30

ELITE

TODD E - SD/OD - 2W

p.52
IP65 - Ø72 - R19,5 - CØ54

TODD ET - SD/OD - 2W

p.52
IP65 - Ø72 - R19,5 - CØ54

TODD E DUAL - SD/OD - 2+2W

p.52
IP65 - Ø72 - R19,5 - CØ54

ELLIOT E - SD/OD - 2W

p.52
IP65 - S72x72 - R19,5 - C54x54

ELLIOT ET - SD/OD - 2W

p.52
IP65 - S72x72 - R19,5 - C54x54

ELLIOT E DUAL - SD/OD - 2+2W

p.52
IP65 - S72x72 - R19,5 - C54x54

BRANDON E - SD/OD - 2W

p.53
IP65 - S72x72 - R19,5 - CØ54

BRANDON ET - 2W

p.53
IP65 - S72x72 - R19,5 - CØ54

BRANDON E DUAL - SD/OD - 2+2W

p.53
IP65 - S72x72 - R19,5 - CØ54

CLUB

TED C - 2W

p.56
IP40/66 - Ø72 - R16/14 - CØ54

TED CS - 2W

p.56
IP40 - Ø72 - R16 - CØ54

TED CT - 2W

p.56
IP40/66 - Ø72 - R16/14 - CØ54

TED C DUAL - 2+2W

p.56
IP40/66 - Ø72 - R16/14 - CØ54

EDWIN C - 2W

p.57
IP40/66 - S72x72 - R16/14 - CØ54

EDWIN C DUAL - 2+2W

p.57
IP40/66 - S72x72 - R16/14 - CØ54

BRYAN C - 2W

p.58
IP40/66 - S72x72 - R16/14 - CØ54

BRYAN CS- 2W

p.58
IP40 - S72x72 - R16 - CØ54

BRYAN CT - 2W

p.58
IP40/66 - S72x72 - R16/14 - CØ54

BRYAN C DUAL - 2+2W

p.58
IP40/66 - S72x72 - R16/14 - CØ54

MIRIAM C - 2W

p.59
IP40 - Ø77 - R14 - CØ54

SELENE C - 2W

p.59
IP40 - Ø77 - R14 - CØ54

NICE

TED N - 2W

p.62
IP40/66 - Ø72 - R16/14 - CØ54

TED NT - 2W

p.62
IP40/66 - Ø72 - R16/14 - CØ54

TED N DUAL - 2+2W

p.62
IP40/66 - Ø72 - R16/14 - CØ54

EDWIN N - 2W

p.63
IP40/66 - S72x72 - R16/14 - CØ54

EDWIN N DUAL - 2+2W

p.63
IP40/66 - S72x72 - R16/14 - CØ54

BRYAN N - 2W

p.64
IP40/66 - S72x72 - R16/14 - CØ54

BRYAN NT - 2W

p.64
IP40/66 - S72x72 - R16/14 - CØ54

BRYAN N DUAL - 2+2W

p.64
IP40/66 - S72x72 - R16/14 - CØ54

VIP

Serie VIP - TED V - 4W

p.67
IP66 - Ø72 - R20,5 - CØ54

Serie VIP - EDWIN V - 4W

p.67
IP66 - S72x72 - R20,5 - CØ54

Serie VIP - BRYAN V - 4W

p.67
IP66 - S72x72 - R20,5 - CØ54

Serie VIP NICE - TED VN - 4W

p.67
IP66 - Ø72 - R20,5 - CØ54

Serie VIP NICE - EDWIN VN - 4W

p.67
IP66 - S72x72 - R20,5 - CØ54

Serie VIP NICE - BRYAN VN - 4W

p.67
IP66 - S72x72 - R20,5 - CØ54

XP

KAI XP - FP - SD - 4W

p.72
IP66 - Ø82 - R30 - CØ65

MARINA XP - FP - SD - 4W

p.72
IP66 - S79x79 - R30 - CØ65

BLAKE XP - FP - SD - 4W

p.72
IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

KAI XP - FP - SD - 6W

p.73
IP66 - Ø82 - R30 - CØ65

MARINA XP - FP - SD - 6W

p.73
IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

BLAKE XP - FP - SD - 6W

p.73
IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

KAI XP - FP - OD - 4W

p.74
IP66 - Ø82 - R30 - CØ65

MARINA XP - FP - OD - 4W

p.74
IP66 - S79x79 - R30 - CØ65

BLAKE XP - FP - OD - 4W

p.74
IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

KAI XP - FP - OD - 6W



p.75

IP66 - Ø82 - R30 - CØ65

MARINA XP - FP - OD - 6W



p.75

IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

BLAKE XP - FP - OD - 6W



p.75

IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

KAI XP - LP - 4W



p.76

IP66 - Ø82 - R30 - CØ65

MARINA XP - LP - 4W



p.76

IP66 - S79x79 - R30 - CØ65

BLAKE XP - LP - 4W



p.76

IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

KOR XP - LP - 4W



p.76

IP66 - Ø82 - R30/28 - CØ65

KAI XP - LP - 6W



p.77

IP66 - Ø82 - R30 - CØ65

MARINA XP - LP - 6W



p.77

IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

BLAKE XP - LP - 6W



p.77

IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

KOR XP - LP - 6W



p.77

IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

KAI XP - HP - 4W



p.78

IP66 - Ø82 - R30 - CØ65

MARINA XP - HP - 4W



p.78

IP66 - S79x79 - R30 - CØ65

BLAKE XP - HP - 4W



p.78

IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

KOR XP - HP - 4W



p.78

IP66 - Ø82 - R30/28 - CØ65

KAI XP - HP - 6W



p.79

IP66 - Ø82 - R30 - CØ65

MARINA XP - HP - 6W



p.79

IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

BLAKE XP - HP - 6W



p.79

IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

KOR XP - HP - 6W



p.79

IP66 - S79x79 - R30/28 - CØ65

KXP L2 / KXP L2R- FRAMES



p.80

KXP L2 - KXP L2R 100x192 mm
Kai - Kor accessories

ROUND

CHIARA - 4W



p.84

IP66 - Ø88 - R28 - CØ65

CHIARA - 6W



p.84

IP66 - Ø88 - R41 - CØ65

SONIA - 4W



p.85

IP66 - Ø105 - R34 - CØ79

SONIA - 9W



p.85

IP66 - Ø105 - R57,5 - CØ79

CRISTIAN - 7W



p.86

IP40 - Ø102 - R55 - CØ89

CRISTIAN - 12W



p.86

IP40 - Ø102 - R70,5 - CØ89

THEKLA LUX - 9W



p.87

IP66 - Ø155 - R25 - CØ114

KLEOS 180 - 12W



p.89

IP66 - Ø180 - R35 - CØ132

KLEOS 235 - 15W



p.89

IP66 - Ø235 - R42 - CØ185

SQUARE

KRISTINE - 7W



p.92

IP40 - S112x112 - R57 - C90X90

KRISTINE - 12W



p.92

IP40 - S112x112 - R70,1 - C90X90

DEMETRA - 7W



p.93

IP65 - S112x112 - R54 - C85X85

DEMETRA - 12W



p.93

IP65 - S112x112 - R70,1 - C85X85

VANESSA - 7W



Adjustable p.94

IP40 - S112x112 - R65 - C90X95

VANESSA - 12W



Adjustable p.94

IP40 - S112x112 - R80,2 - C90X95

ADJUSTABLE

YOKO - 1,5W



p.97

IP40 - Ø65 - R35 - CØ52

LUCILLE - 1,5W



p.97

IP40 - Ø65 - R33 - CØ52

NIKITA - 4W



p.98

IP40 - Ø85 - R42 - CØ70

NIKITA - 6W



p.98

IP40 - Ø85 - R56 - CØ70

NIKITA - 9W



p.99

IP40 - Ø85 - R75 - CØ70

NIKITA AG - 4W

30° / 45° / 65° p.100

IP40 - Ø85 - R42 - CØ70

NIKITA AG - 6W

30° / 45° / 65° p.101

IP40 - Ø85 - R56 - CØ70

NIKITA AG - 9W

30° / 45° / 65° p.102

IP40 - Ø85 - R75 - CØ70

NK1 NK2 NK3 - FRAMES

Adjustable p.103

S 100x100 - 100x192 - 100x284
Nikita accessories

REGINA - 4W

p.104

IP40 - S85x85 - R42 - CØ70

REGINA - 6W

p.104

IP40 - S85x85 - R56 - CØ70

REGINA - 9W

p.105

IP40 - S85x85 - R75 - CØ70

REGINA AG - 4W

30° / 45° / 65° p.106

IP40 - S85x85 - R42 - CØ70

REGINA AG - 6W

30° / 45° / 65° p.107

IP40 - S85x85 - R56 - CØ70

REGINA AG - 9W

30° / 45° / 65° p.108

IP40 - S85x85 - R75 - CØ70

GLASS

HONEY - LP/HP - 1,5W

VETRO / GLASS p.114

IP65 - Ø42 - R27- CØ30

HONEY - LP/HP - 3W

VETRO / GLASS p.114

IP65 - Ø42 - R35 - CØ30

SUGAR - LP/HP - 1,5W

VETRO / GLASS p.115

IP65 - S40x40 - R27- CØ30

SUGAR - LP/HP - 3W

VETRO / GLASS p.115

IP65 - S40x40 - R35- CØ30

APOLLO XP - LP/HP - 6W

VETRO / GLASS p.117

IP66 - Ø90 - R30 - CØ65

ZEUS - LP/HP - 7W

VETRO / GLASS p.118

IP40 - Ø102 - R55 - CØ89

ZEUS - LP/HP - 12W

VETRO / GLASS p.119

IP40 - Ø102 - R71 - CØ89

DAPHNE - LP/HP - 4W

VETRO / GLASS p.120

IP65 - S86x86 - R27- C60X66

DAPHNE XP - LP/HP - 6W

VETRO / GLASS p.121

IP66 - S87x87 - R30 - CØ65

DANAE - LP/HP - 7W

VETRO / GLASS p.122

IP40 - S112x112 - R58 - C90X90

DANAE - LP/HP - 12W

VETRO / GLASS p.123

IP40 - S112x112 - R58 - C90X90

ANTIGLARE COLLECTION

ELY AG - 1,5W - 15°/40°

p.126

IP65 - Ø40 - R33 - CØ30

ELY AG - 3W - 15°/40°

p.127

IP65 - Ø40 - R42 - CØ30

ELY AG WT - 1,5W - 15°/40°

p.128

IP67 - Ø40 - R51 - CØ31

AGK1 - 4W

30° / 45° / 65° p.132

IP40 - Ø78 - R31 - CØ65

AGK1 - 6W

30° / 45° / 65° p.133

IP40 - Ø78 - R41 - CØ65

ANTIGLARE COLLECTION

ELY AG - 1,5W - 15°/40°

p.126
IP65 - Ø40 - R33 - CØ30

ELY AG - 3W - 15°/40°

p.127
IP65 - Ø40 - R42 - CØ30

ELY AG WT - 1,5W - 15°/40°

p.128
IP67 - Ø40 - R51 - CØ31

AG1K - 4W

30° / 45° / 65° p.132
IP40 - Ø78 - R31 - CØ65

AG1K - 6W

30° / 45° / 65° p.133
IP40 - Ø78 - R41 - CØ65

AG2K - 4W

30° / 45° / 65° p.134
IP40 - Ø78 - R41 - CØ65

AG2K - 6W

30° / 45° / 65° p.135
IP40 - Ø78 - R31 - CØ65

JAZZ H10 - 4W

30° / 45° / 65° p.138
IP40 - Ø78 - R41 - CØ65

JAZZ H10 - 6W

30° / 45° / 65° p.139
IP40 - Ø78 - R41 - CØ65

NIKITA AG - 4W

30° / 45° / 65° p.141
IP40 - Ø85 - R42 - CØ70

NIKITA AG - 6W

30° / 45° / 65° p.142
IP40 - Ø85 - R56 - CØ70

NIKITA AG - 9W

30° / 45° / 65° p.143
IP40 - Ø85 - R75 - CØ70

NK1 NK2 NK3 - FRAMES

Adjustable p.144
S 100x100 - 100x192 - 100x284
Nikita accessories

REGINA AG - 4W

30° / 45° / 65° p.145
IP40 - S85x85 - R42 - CØ70

REGINA AG - 6W

30° / 45° / 65° p.146
IP40 - S85x85 - R56 - CØ70

REGINA AG - 9W

30° / 45° / 65° p.147
IP40 - S85x85 - R75 - CØ70

AG WHOLLY

AG1K WHOLLY - 4W

30° / 45° / 65° p.150
IP65 - Ø78 - R31 - CØ65

AG1K WHOLLY - 6W

30° / 45° / 65° p.151
IP65 - Ø78 - R31 - CØ65

AG1B WHOLLY - 4W

30° / 45° / 65° p.152
IP65 - Ø78 - R31 - CØ65

AG1B WHOLLY - 6W

30° / 45° / 65° p.153
IP65 - Ø78 - R31 - CØ65

AG1M WHOLLY - 4W

30° / 45° / 65° p.154
IP65 - Ø78 - R31 - CØ65

AG1M WHOLLY - 6W

30° / 45° / 65° p.155
IP65 - Ø78 - R31 - CØ65

AG1D WHOLLY - 4W

30° / 45° / 65° p.156
IP65 - Ø78 - R31 - CØ65

AG1D WHOLLY - 6W

30° / 45° / 65° p.157
IP65 - Ø78 - R41 - CØ65

AG2K WHOLLY - 4W

30° / 45° / 65° p.158
IP65 - Ø78 - R41 - CØ65

AG2K WHOLLY - 6W

30° / 45° / 65° p.159
IP65 - Ø78 - R41 - CØ65

AG2B WHOLLY - 4W

30° / 45° / 65° p.160
IP65 - Ø78 - R41 - CØ65

AG2B WHOLLY - 6W

30° / 45° / 65° p.161
IP65 - Ø78 - R41 - CØ65

AG2B WHOLLY - 4W

30° / 45° / 65° p.162
IP65 - Ø78 - R41 - CØ65

AG2B WHOLLY - 6W

30° / 45° / 65° p.163
IP65 - Ø78 - R41 - CØ65

AG2D WHOLLY - 4W

30° / 45° / 65° p.164
IP65 - Ø78 - R41 - CØ65

AG2D WHOLLY - 6W

30° / 45° / 65° p.165
IP65 - Ø78 - R41 - CØ65

PALLADIO

PALLADIO R70 - 7W

p.168
IP66 - Ø70 - R81 - CØ57

PALLADIO Q70 - 7W

p.168
IP66 - S70x70 - R81 - CØ57

PALLADIO R90 - 10W

p.169
IP66 - Ø90 - R80 - CØ76

PALLADIO Q90 - 10W

p.169
IP66 - S90x90 - R80 - CØ76

PALLADIO R105 - 13W

p.170
IP66 - Ø105 - R77 - CØ90

PALLADIO Q105 - 13W

p.170
IP66 - S105x105 - R77 - CØ90

PALLADIO VR70 - 7W

p.171
IP66 - Ø70 - R81 - CØ57

PALLADIO VR90 - 10W

p.172
IP66 - Ø90 - R80 - CØ76

PALLADIO VR105 - 13W

p.173
IP66 - Ø105 - R77 - CØ90

LED AC DOWNLIGHTS

KOLE AC - 15W

p.176
IP66 - Ø126 - R80 - CØ100

KOLE AC FLAT - 15W

p.176
IP66 - Ø124 - R84 - CØ100

MATHILDA AC FLAT - 15W

p.177
IP66 - S117x117 - R84 - CØ100

BYRON AC FLAT - 15W

p.177
IP66 - S117x117 - R84 - CØ100

KOLE AC PL 15W

p.178
IP66 - Ø124 - R80 - CØ100

MATHILDA AC PL 15W

p.178
IP66 - S117x117 - R80 - CØ100

BYRON AC PL 15W

p.179
IP66 - S117x117 - R80 - CØ100

LED RETRACTABLE LAMPS

SECRET LIGHT FL SD/OD 3W

p.182
IP66 - Ø88 - R217,5 - CØ67

SECRET LIGHT FL SD/OD 6W

p.183
IP66 - Ø88 - R217,5 - CØ67

SECRET LIGHT SD/OD 3W

p.186
IP66 - Ø88 - R217,5 - CØ67

SECRET LIGHT SD/OD 6W

p.187
IP66 - Ø88 - R217,5 - CØ67

SECRET LIGHT L OD 6W

p.189
IP66 - Ø199 - R235 - CØ148

LED SURFACE MOUNT FIXTURES

BARBIE C - 2W

p.193
IP66 - Ø72,5 - T20,5

BARBIE C DUAL - 2+2W

p.193
IP66 - Ø72,5 - T20,5

Serie CLUB - TIM C - 2W

p.193
IP40 - Ø90 - T22

Serie CLUB - TIM CS - 2W

p.193
IP40 - Ø90 - T22

Serie CLUB - MINDY C - 2W

p.193
IP40 - Ø90 - T25

Serie CLUB - MINDY CS - 2W

p.193
IP40 - Ø90 - T25

Serie CLUB - SANDY C - 2W

p.193
IP40 - Ø90 - T25

MIRÒ - 2W

p.194
IP40 - Ø64 - T14,5

TATÌ - 2W

p.194
IP40 - S61x61 - T14,5

ACTION - 5W

p.196
IP66- S140x116 - T13

ACTION - 10W

p.196
IP66- S140x116 - T13

ACTION - 10W+4W

p.197
IP66- S140x116 - T13

ACTION TOUCH BUS 10W

Bicolor 10+4 watt p.197
IP66- S140x116 - T13

LINEAR LED LIGHT SYSTEMS

SYRIA VELVET 15 / NS - 2W

Adjustable p.202
IP40 - L150

SYRIA VELVET 28 / NS - 4W

Adjustable p.203
IP40 - L280

SYRIA VELVET 41 / NS - 6W

Adjustable p.203
IP40 - L410

LINDA 21 / 31 - 1,5W / 3W

Adjustable p.205
IP40 - L208 / L310

DRESS-UP - 4,8 W/m

Wall to wall p.207
IP40 - 4,8 W/m - 12/24V

DRESS-UP TOP - 4,8 W/m

Ceiling p.207
IP40 - 4,8 W/m - 12/24V

LED LIGHT BARS

SIMPLY - 14,4W/m

p.209
IP40 - 14,4 W/m - 12/24V

INFINITY - 8W/m

p.211
IP40 - 8W/m - 12/24V

MAXIBAR - 18W/m / DUAL

p.214
IP66 IP40 - 18W/m - 24V

STRIP LED

STRIP LED

p.216
IP65 - 4,8 W/m @ 12/24V

STRIP LED HP

p.216
IP65 - 12 W/m @ 12V/24V

STRIP LED HP PLUS

p.217
IP65 - 10 W/m @ 12/24V

STRIP LED HP TW

p.215
IP65 - 10 W/m @ 12/24V

STRIP LED SIDE

p.218
IP65 - 4,5 W/m @ 12/24V

STRIP LED WR

p.218
IP65 - 2,6 W/m @ 24V

STRIP LED RGBW

p.219
IP65 - 11 W/m @ 24V

STRIP LED

p.219
Optional Accessories

STARRY SKY

STARRY SKY - SSW1
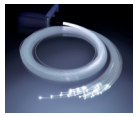
p.220
60 fibre / fiber

STARRY SKY - SSW2
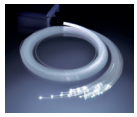
p.220
60+60 fibre / fiber

STARRY SKY - SSC1
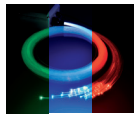
p.220
60 fibre / fiber

STARRY SKY - SSC2
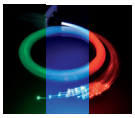
p.220
60+60 fibre / fiber

LED FLEXIBLE BARS

ONDALED TOP
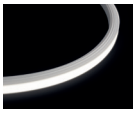
Flexible p.226
IP67 - 10 W/m -11W/m - 12/24V

ONDALED TOP 10

Flexible p.228
IP67 - 8 W/m - 12/24V

ONDALED SIDE

Flexible p.230
IP67 - 8 W/m - 11W/m - 12/24V

LED WALL LIGHTS

QB

QB FIXED 1L - 4W / 6W

p.236
IP40 - Fixed

QB FIXED 2L - 2+2W

p.236
IP40 - Fixed

QB SPIN - 1L - 4W / 6W

p.236
IP40 - Adjustable

QB SPIN 2L - 2+2W

p.236
IP40 - Adjustable

QB COMPASS -1L - 4W / 6W

p.236
IP40 - Adjustable

QB COMPASS 2L - 2+2W

p.236
IP40 - Adjustable

QB SWIVEL - 1L - 4W / 6W

p.236
IP40 - Adjustable

QB TOWER 2L - 4+4 W

p.236
IP40 - Fixed

QB TOWER 2L - 6+6 W

p.236
IP40 - Fixed

QB TWINS 2L - 4+4 W

p.236
IP40 - Fixed

QB TWINS 2L - 6+6 W

p.236
IP40 - Fixed

TB

TB316 TOWER 1L - 4 W

p.241
IP65 - Fixed

TB316 TOWER 1L - 6 W

p.241
IP65 - Fixed

TB316 TOWER 2L - 4+4 W

p.241
IP65 - Fixed

TB316 TOWER 2L - 6+6 W

p.241
IP65 - Fixed

TB TWINS 2L - 4+4 W

p.241
IP40 - Fixed

TB TWINS 2L - 6+6 W

p.241
IP40 - Fixed

PLATO'

PLATO' 30 - 11W

p.244-249
IP40 - 300x80x43

PLATO' 60 - 22W

p.244-249
IP40 - 300x80x43

LED READING LIGHTS

OLIVIA - 2,5W

p.256
IP40 - Adjustable

JACOB - 2,5W

p.256
IP40 - Adjustable

ROBIN - 2,5W

p.256
IP40 - Adjustable

NICOLE - 1,5W

p.257
IP40 - Adjustable

JOYCE - 3W

p.257
IP40 - Adjustable

MAYA

MAYA 30 / 60 - 1,5W / DUAL

p.259
IP40 - Flexible

REBECCA

REBECCA - 1,5W

p.262
IP40 - Flexible

AUDREY

AUDREY - 1,5W / DUAL

p.263
IP40 - Flexible

AUDREY WALL - 1,5W / DUAL

p.264
IP40 - Flexible

AUDREY WALL PL - 1,5W DUAL

p.265
IP40 - Flexible

CALIFFA

CALIFFA - 1,5W

p.266
IP40 - Flexible

CALIFFA WALL - 1,5W

p.267
IP40 - Flexible

SHARK

SHARK 30 - 1,5W

p.269
IP40 - Flexible

SHARK 50 - 1,5W

p.269
IP40 - Flexible

LED COURTESY LIGHTS

TINA - 0,24 / 0,48 W

RECESSED p.275
IP65 - Ø20 - R13 - CØ12

TESS -0,24/0,48W

RECESSED p.275
IP65 - S16X16 - R13 - CØ12

PATRICIA - 0,24 / 0,48 W

RECESSED p.276
IP65 - Ø40 - R21 - CØ19

IRENE - 0,24 / 0,48 W

RECESSED p.276
IP65 - Ø45 - R21 - CØ19

INES - 0,24 / 0,48 W

RECESSED p.276
IP65 - Ø45 - R21 - CØ19

ILENIA - 0,24 / 0,48 W

RECESSED p.276
IP65 - S38X38 - R21 - CØ19

HARRIET - 1,5W

RECESSED p.277
IP65 - Ø44 - R3 - CØ25

HALLIE - 1,5W

RECESSED p.277
IP65 - S43X43 - R3 - CØ25

MARGOT 1L - 0,24 / 0,48 W

RECESSED p.278
IP65 - Ø39 - R24 - CØ22

MARGOT 2L - 0,48 / 0,96 W

RECESSED p.278
IP65 - Ø39 - R24 - CØ22

GWENDA 1L - 0,24 / 0,48 W

RECESSED p.278
IP65 - S38X38 - R24 - CØ22

GWENDA 2L - 0,48 / 0,96 W

RECESSED p.278
IP65 - S38X38 - R24 - CØ22

GRACE 1L - 1,5W

RECESSED p.279
IP65 - Ø44 - R3 - CØ25

GRACE 2L - 1,5W

RECESSED p.279
IP65 - Ø44 - R3 - CØ25

GLADIS 1L - 1,5W

RECESSED p.279
IP65 - S43X43 - R3 - CØ25

GLADIS 2L - 1,5W

RECESSED p.279
IP65 - S43X43 - R3 - CØ25

LIDA - 1,5W

RECESSED p.280
IP65 - S36X36 - R19 - CØ25

GAIA - 3,5W

RECESSED p.281
IP65 - Ø36 - R39,5 - CØ32

VITO - 1,5W

RECESSED p.282
IP66 - Ø26 - R13 - CØ49,5

TILL - 0,25 / 0,5 W

RECESSED p.283
IP40 - S60x21 - R22 - C14X46

EYELID 0,25 / 0,5 W

SURFACE MOUNT p.284
IP65 - S46X33 - T8,5

EDEL - 1W

SURFACE MOUNT p.285
IP65 - S77,5X38 - T6

HONEY - LP/HP - 1,5W

VETRO / GLASS p.286
IP65 - Ø42 - R27- CØ30

HONEY - LP/HP - 3W

VETRO / GLASS p.286
IP65 - Ø42 - R35 - CØ30

SUGAR - LP/HP - 1,5W

VETRO / GLASS p.287
IP65 - S40x40 - R27- CØ30

SUGAR - LP/HP - 3W

VETRO / GLASS p.287
IP65 - S40x40 - R35- CØ30

TAB Series - SSR1

SURFACE MOUNT p.288
IP66 - S68x14 - T8

TAB Series - SSR2

SURFACE MOUNT p.288
IP66 - S68x14 - T8

TAB Series - SSR4

SURFACE MOUNT p.288
IP66 - S68x14 - T8

TAB Series - CPR1

SURFACE MOUNT p.289
IP66 - 69x15 - T8,5

TAB Series - CPR2

SURFACE MOUNT p.289
IP66- 69x15 - T8,5

TAB Series CPA1

SURFACE MOUNT p.289
IP66 - S69x15 - T8,5

TAB Series CPA3

SURFACE MOUNT p.289
IP66 - S69x15 - T8,5

VENUS 72 V - 4W

RECESSED p.290
IP66 - Ø72 - R20,5 - CØ54

VENUS 88 - 6W

RECESSED p.291
IP66 - Ø88 - R41 - CØ65

LED UNDERWATER LIGHTS

DELTA

CLG DLT 30 QN/QC - 30W

Delta Series p.296
IP68 - Ø108 - R68 - CØ20

CLG DLT 30 QN/QC - RGBW

Delta Series p.296
IP68 - Ø108 - R68 - CØ20

CLG DLT 45 QN/QC - 45W

Delta Series p.296
IP68 - Ø108 - R68 - CØ20

CLG DLT 45 QN/QC - RGBW

Delta Series p.296
IP68 - Ø108 - R68 - CØ20

CLG DLT 60 QN/QC - 60W

Delta Series p.298
IP68 - Ø149 - R68 - CØ20

CLG DLT 60 QN/QC - RGBW

Delta Series p.298
IP68 - Ø149 - R68 - CØ20

CLG DLT 80 QN/QC - 80W

Delta Series p.298
IP68 - Ø149 - R68 - CØ20

CLG DLT 80 QN/QC - RGBW

Delta Series p.298
IP68 - Ø149 - R68 - CØ20

EVOLUTION

CLG EVO 30 QN/QC - 30W

Evolution Series p.300
IP68 - Ø108 - R68 - CØ20

CLG EVO 30 QN/QC - RGBW

Evolution Series p.300
IP68 - Ø108 - R68 - CØ20

CLG EVO 45 QN/QC - 45W

Evolution Series p.300
IP68 - Ø108 - R68 - CØ20

CLG EVO 45 QN/QC - RGBW

Evolution Series p.300
IP68 - Ø108 - R68 - CØ20

CLG EVO 60 QN/QC - 60W

Evolution Series p.302
IP68 - Ø149 - R68 - CØ20

CLG EVO 60 QN/QC - RGBW

Evolution Series p.302
IP68 - Ø145 - R127 - CØ22

CLG EVO 80 QN/QC - 80W

Evolution Series p.302
IP68 - Ø149 - R68 - CØ20

CLG EVO 80 QN/QC - RGBW

Evolution Series p.302
IP68 - Ø149 - R68 - CØ20

THI

CLG THI 30 QN/QC - 30W

THI Series p.304
IP68 - Ø124,5 - R161- CØ89

CLG THI 30 QN/QC - RGBW

THI Series p.304
IP68 - Ø124,5 - R161- CØ89

CLG THI 45 QN - 45W

THI Series p.304
IP68 - Ø124,5 - R161- CØ89

CLG THI 45 QN - RGBW

THI Series p.304
IP68 - Ø124,5 - R161- CØ89

CLG THI 60 QN/QC - 60W

THI Series p.306
IP68 - Ø124,5 - R161- CØ89

CLG THI 60 QN/QC - RGBW

THI Series p.306
IP68 - Ø124,5 - R161- CØ89

CLG THI 80 QN - 80W

THI Series p.308
IP68 - Ø124,5 - R161- CØ89

CLG THI 80 QN - RGBW

THI Series p.308
IP68 - Ø124,5 - R161- CØ89

LAMPSHADES

SHEILA / SHEILA NS

p.314
Lampshade base **Ø**150
Fisso / Fixed

ISABELLA 15-12

p.315
Lampshade base **Ø**150
Braccio 120 / Arm 120

ISABELLA 15-25

Snodato / Jointed p.315
Lampshade base **Ø**150
Braccio 250 max / Arm 250 max

ISABELLA 18-30

Snodato / Jointed p.315
Lampshade base **Ø**180
Braccio 300 max / Arm 300 max

IOLANDA 30-30

Snodato / Jointed p.316
Lampshade base **Ø**300
Braccio 300 max / Arm 300 max

SHARON 10 / NS

p.317
Lampshade base: **S**100

SHARON 15 / NS

p.317
Lampshade base: **S**150

SHARON 20 / NS

p.317
Lampshade base: **S**20 cm

DOMIZIANA 15-30

Snodato / Jointed p.318
Lampshade base: **S**150
Braccio 300 max / Arm 300 max

DOMITILLA 12-25

Snodato / Jointed p.319
Lampshade base: **S**120
Braccio 300max / Arm 300 max

DOMINIQUE 15-9

Snodato / Jointed p.320
Lampshade base: **S**150

DOMINIQUE 15-30

Snodato / Jointed p.320
Lampshade base: **S**150
Braccio 300 max / Arm 300 max

DOMINIQUE 18-30

p.320
Lampshade base: **S**180
Braccio 300 max / Arm 300 max

DOMINIQUE 22-35

p.321
Lampshade base: **S**220
Braccio 350 max / Arm 350 max

ISOTTA 30-30

Snodato / Jointed p.322
Lampshade base: **L**300 - **H**570
Braccio 300 max / Arm 300 max

DENISE 24-30

Snodato / Jointed p.323
Lampshade base: **L**240 - **H**570 cm
Braccio 300 max / Arm 300 max

SARAH / NS

p.324
Lampshade base: **S**150
H245 cm

MARTINE / HP/ NS

p.325
Lampshade base: **S**150
H260/ **H**375

THEODORA 250 Q

p.329
Lampshade base: **L** 250x80
H495

THEODORA 300 Q

p.329
Lampshade base: **L** 250x80
H546

THEODORA 250 R

p.331
Lampshade base: **Ø**360
H495

THEODORA 300 R

p.331
Lampshade base: **Ø**360
H546

ELECTRONIC ACCESSORIES
AC-DC LED DRIVERS

PSCV 4W - 24 V

LED DRIVER p.336
Costant Voltage output 4W

PSCV 10W - 24 V

LED DRIVER p.336
Costant Voltage output 10W

PSCV 15W - 24 V

LED DRIVER p.337
Costant Voltage output 15W

PSCV 30W - 24 V

LED DRIVER p.337
Costant Voltage output 30W

PSCV 60W - 24 V

LED DRIVER p.338
Costant Voltage output 60W

PSCV 150W - 24 V

LED DRIVER p.339
Costant Voltage output 150W

ELECTRONIC ACCESSORIES
AC-DC POWER SUPPLIES

PS 45

p.340
45 Watt

PS 60

p.340
60 Watt

PS 240

p.340
240 Watt

ELECTRONIC ACCESSORIES
DC-DC CONVERTERS

CONVERTER 24V-24V 50W

p.341
50 Watt

CONVERTER 24V-24V 100W

p.341
100 Watt

CONVERTER 24V-24V 150W

p.341
150 Watt

ELECTRONIC ACCESSORIES
DIMMERS

ZDIM 100

DIMMER p.342
100 Watt - 1CH

LDIM BUS 2CH

DIMMER p.342
200 Watt - 2 CH

LDIM BUS RGBW

DIMMER p.342
600 Watt - 4 CH (RGBW)

HDIM 300 PLUS

DIMMER p.342
300 Watt - Master
300 Watt - Slave

ELECTRONIC ACCESSORIES
LIGHTING CONTROL SYSTEMS

QCC - Color Control System

p.346

QNN - Quick Nautical Network

p.348

LED RECESSED
DOWNLIGHTS

La gamma Quick Marine Lighting comprende un'ampia gamma di faretti e luci di cortesia a LED di elevata qualità.
Tra i materiali impiegati primeggia l'acciaio inox AISI 316 proposto in versione lucidata a specchio, satinato o trattato in PVD, ma la gamma offre alternative molto valide e di tendenza come per esempio il vetro temperato o il materiale composito che permette di realizzare la cornice o il corpo del prodotto nel colore desiderato.
Le ultime novità comprendono diversi modelli con cornici piatte (XP Flat), cornici a tubo (Palladio Visor), con caratteristiche antiabbagliamento (Serie AG), l'impiego del materiale composito come proposto per la serie Wholly.

The Quick Marine Lighting range includes a wide selection of high quality LED downlights and courtesy lights.
The materials used include mirror polished, satin, or PVD treated AISI 316 stainless steel, but the range also offers very valid and trendy alternatives such as tempered glass or composite materials that allow the frame or body of the product to be made in the desired colour.
The latest additions include several models with flat frames (XP Flat), tube frames (Palladio Visor), with anti-glare features (AG Series), and the use of composite material as offered for the Wholly series.



AG SERIES



ELITE SERIES



XP LP SERIES



GLASS SERIES



XP LP SERIES





FLORA SERIES

LED RECESSED DOWNLIGHTS

Leopard 43 Catamarans

ELY
Series



1,5W / 3W | 15°/ 40° | IP65 / IP67
Versioni antiglare e con palpebra oscurante.
Antiglare and with darkening lid versions.

30

ERICA
Series



1W / 2W / 3W | 35° | IP65
Versioni con singolo, doppio e triplo spot.
Single, double and triple spot versions.

40

JD&JO
Series



1,5W | 15° | IP65
Versioni con cornice quadrata o tonda.
Square or round frame versions.

42

FLORA
Series



1,5W / 3,5W | 15°/ 30° | IP65
Cornici a corolla con diametro 40 o 52 mm.
Corolla frames with a diameter of 40 or 52 mm.

44

ELITE
Series



2W / 2+2W | 100° | IP65
Diffusore opalino (OD) o satinato (SD).
Versioni touch bicolor e Dual Light.
Opal (OD) or satin (SD) diffuser.
Touch bicolor and Dual Light versions.

50

CLUB
Series



2W / 2+2W | 100° - 90° | IP40 - IP66
Versioni switch, touch, bicolor e Dual Light.
Switch, touch, bicolor and Dual Light versions.

54

NICE
Series



2W / 2+2W | 100° - 90° | IP40 - IP66
Materiale composito.
Versioni touch bicolor e Dual Light.
Composite material.
Touch bicolor and Dual Light versions.

60

VIP
Series



4W | 85° - 95° | IP66
Disponibile la versione bicolor
Bicolor version available.

65

VIP NICE
Series



4W | 85° - 95° | IP66
Materiale composito
Disponibile versione bicolor
Composite material
Bicolor version available.

65

XP FP
Series



4W / 6W | 95°/ 80° | IP65
PROFILO PIATTO / FLAT PROFILE
Diffusore opalino (OD) o satinato (SD).
Disponibili le versioni bicolor, RGBW e TW
Opaline (OD) or Satin (SD) diffuser.
Bicolour, RGBW and TW versions available.

68

XP LP/HP
Series



4W / 6W | 95°/ 80° | IP65
PROFILO BASSO e ALTO / LOW AND HIGH PROFILE
Disponibili le versioni bicolor, RGBW e TW.
Bicolour, RGBW and TW versions available.

68

ROUND
Series



Ampia scelta di faretti con cornice tonda, in diverse dimensioni. Disponibili le versioni RGBW e TW.
Wide range of spotlights with round frame, in various sizes. RGBW and TW versions available.

82

SQUARE
Series



7W / 12W | 80° - 85° | IP40 - IP65
Disponibili le versioni RGBW e TW.
RGBW and TW versions available.

90

ADJUSTABLE
Series



Ampia scelta di faretti orientabili, quadrati o tondi.
Disponibili anche in versione antiglare.
Wide range of square or round adjustable spotlights.
Also available in the antiglare version.

96

GLASS
Series



Ampia scelta di faretti in vetro, quadrati o tondi, in diverse dimensioni. Disponibili le versioni RGBW e TW.
Wide range of glass square or round spotlights in various sizes. RGBW and TW versions available.

110

ANTIGLARE
Collection



Ampia scelta di faretti antiglare, in diverse soluzioni di design e formato. Disponibili le versioni RGBW e TW.
Wide range of antiglare spotlights in various design solutions and formats. RGBW and TW versions available.

124

PALLADIO
Antiglare Series



7W / 10W / 13W | 25° - 55° | IP66
Serie di faretti antiglare, quadrati e tondi.
Proposti in due soluzioni di design.
Series of square and round antiglare spotlights.
Offered in two design solutions.

166

AC
Antiglare Series



15W | 55° - 85° | IP66
Serie di faretti per impianti a 110/220 Vac, tondi e quadrati.
In acciaio inox o materiale composito.
Series of square and round spotlights for 110/220 Vac systems.
In stainless steel or composite material.

174

ELY series

I prodotti della serie ELY sono mini faretti con LED integrato installabili a soffitto o parete. La cornice circolare, piatta ed essenziale accomuna tutti i modelli che si differenziano sostanzialmente nell'ottica, nella potenza e nell'angolo del fascio di luce. Le diverse caratteristiche della serie ELY permettono di scegliere il modello ideale secondo il tipo di applicazione.

The products in the ELY series are mini downlights with built-in LED that can be installed in the wall or ceiling. The flat and essential circular frame unites all of the models, which differ in the optics, power, and angle of the light beam. The various features of the ELY series allow the ideal model to be chosen according to the type of application.

ELY
Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

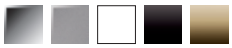

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

VERSIONI / VERSIONS

ELY - 1,5W/3W - 15°/40° - IP65
Con vetro satinato / With Satined glass



MODELLI / MODELS

ELY 1,5W - 15°- IP65
ELY 1,5W - 40°- IP65
ELY 3W - 15°- IP65
ELY 3W - 40°- IP65

ELY AG - 1,5W/3W - 15°/40° - IP65
Basso abbagliamento / Lowglare



MODELLI / MODELS

ELY AG 1,5W - 15°- IP65
ELY AG 1,5W - 40°- IP65
ELY AG 3W - 15°- IP65
ELY AG 3W - 40°- IP65

ELY AG WT - 1,5W - 15°/40° - IP67
Basso abbagliamento / Lowglare



MODELLI / MODELS

ELY AG WT 1,5W - 15°- IP67
ELY AG WT 1,5W - 40°- IP67

ELY SMOKEY

I modelli SMOKEY sono dotati di lenti per meta' oscurate e quindi adatti per essere utilizzati come luci di cortesia.

The smokey models have half-shaded lenses and are suitable for use as courtesy lights.



ELY SMOKEY - 1,5W/3W - 40° - IP65
Con palpebra oscurante / With darkening eyelid



MODELLI / MODELS

ELY SMOKEY 1,5W - 40°- IP65
ELY SMOKEY 3W - 40°- IP65

ELY SMOKEY WT - 1,5W - 40° - IP67
Con palpebra oscurante / With darkening eyelid



MODELLI / MODELS

ELY SMOKEY WT 1,5W - 40° - IP67



ELY 1,5W

ELY Series

ELY 1,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	27 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

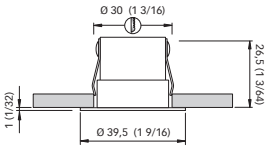

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ELY 1,5W - 40° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	27 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

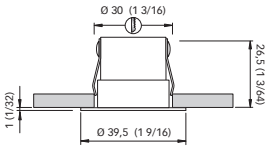

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**ELY 1,5W - Angolo/beam 15°**	**ELY 1,5W - Angolo/beam 40°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	115 lm			105 lm			112 lm			95 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,30 m**	**0,61 m**	**0,91 m**	**0,31 m**	**0,63 m**	**0,94 m**	**0,67 m**	**1,33 m**	**2,00 m**	**0,67 m**	**1,34 m**	**2,01 m**
Illuminamento / Illuminance	**866,5 lux**	**216,6 lux**	**96,3 lux**	**683,9 lux**	**171,0 lux**	**76,0 lux**	**188,1 lux**	**47,0 lux**	**20,9 lux**	**159,4 lux**	**39,9 lux**	**17,7 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**			**40°**			**40°**		
	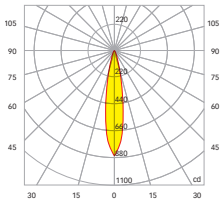			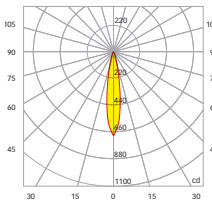			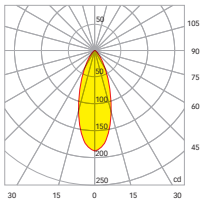			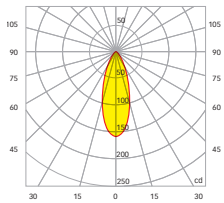		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ELY 3W

ELY Series

ELY 3W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	36 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

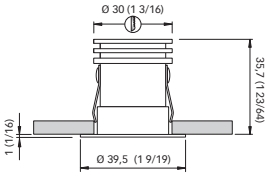

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ELY 3W - 40° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	36 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

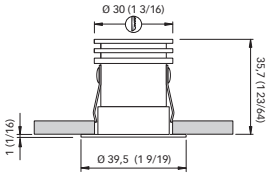

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**ELY 3W - Angolo/beam 15°**	**ELY 3W - Angolo/beam 40°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**3 W**	**3 W**
Assorbimento / Absorption	0,25 A @ 12 V / 0,12 A @ 24 V	0,25 A @ 12 V / 0,12 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	185 lm			170 lm			176 lm			150 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,30 m**	**0,61 m**	**0,91 m**	**0,28 m**	**0,57 m**	**0,85 m**	**0,67 m**	**1,34 m**	**2,01 m**	**0,67 m**	**1,35 m**	**2,02 m**
Illuminamento / Illuminance	**1293,8 lux**	**323,5 lux**	**143,8 lux**	**1329,6 lux**	**332,4 lux**	**147,7 lux**	**293,4 lux**	**73,4 lux**	**32,6 lux**	**249,8 lux**	**62,5 lux**	**27,8 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**			**40°**			**40°**		
	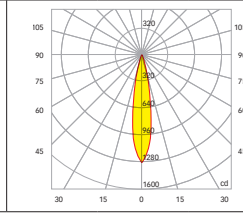			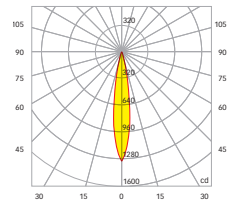			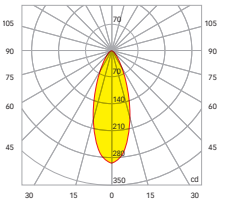			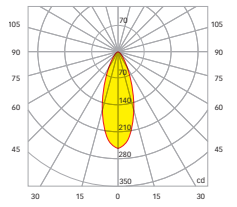		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ELY AG 1,5W

ELY Series

ANTIGLARE COLLECTION

ELY AG 1,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	33 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

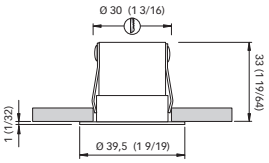

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ELY AG 1,5W - 40° - IP65

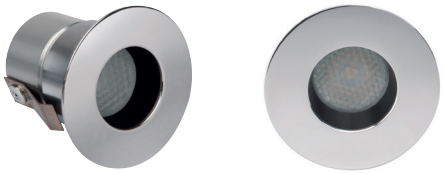

IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	33 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

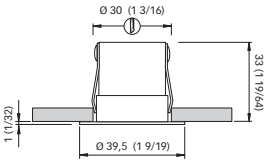

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**ELY AG 1,5W - Angolo/beam 15°**	**ELY AG 1,5W - Angolo/beam 40°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	115 lm			105 lm			105 lm			75 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,30 m**	**0,61 m**	**0,91 m**	**0,28 m**	**0,56 m**	**0,84 m**	**0,53 m**	**1,07 m**	**1,60 m**	**0,64 m**	**1,28 m**	**1,92 m**
Illuminamento / Illuminance	**841,3 lux**	**210,3 lux**	**93,5 lux**	**906,8 lux**	**226,7 lux**	**100,8 lux**	**315,9 lux**	**79,0 lux**	**35,1 lux**	**158,6 lux**	**39,7 lux**	**17,6 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**			**40°**			**40°**		
	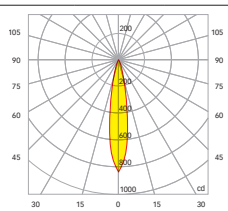			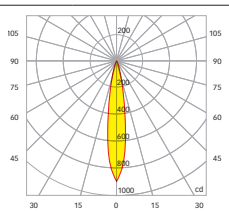			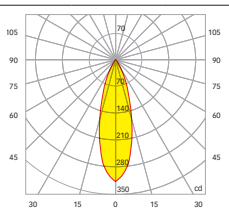			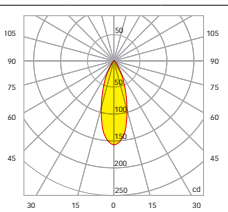		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ELY AG 3W

ELY Series

ANTIGLARE COLLECTION

ELY AG 3W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	42 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

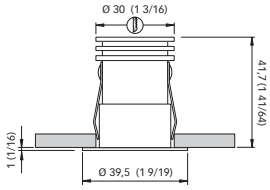

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ELY AG 3W - 40° - IP65

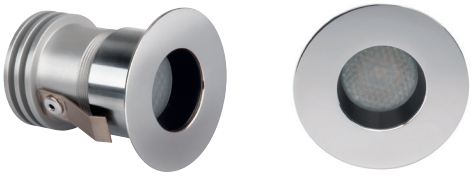

IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	42 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

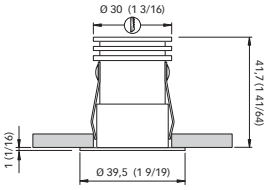

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**ELY AG 3W - Angolo/beam 15°**						**ELY AG 3W - Angolo/beam 40°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**3 W**						**3 W**					
Assorbimento / Absorption	0,25 A @ 12 V / 0,125 A @ 24 V						0,25 A @ 12 V / 0,125 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	181 lm			160 lm			140 lm			120 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,30 m**	**0,61 m**	**0,91 m**	**0,27 m**	**0,55 m**	**0,82 m**	**0,64 m**	**1,27 m**	**1,91 m**	**0,64 m**	**1,28 m**	**1,92 m**
Illuminamento / Illuminance	**1312,6 lux**	**328,1 lux**	**145,8 lux**	**1387,2 lux**	**346,8 lux**	**154,1 lux**	**295,7 lux**	**73,9 lux**	**32,9 lux**	**247,4 lux**	**61,9 lux**	**27,5 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**			**40°**			**40°**		
	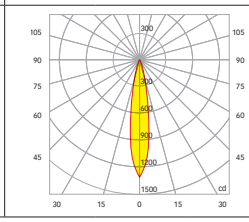			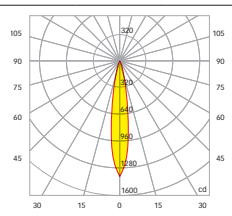			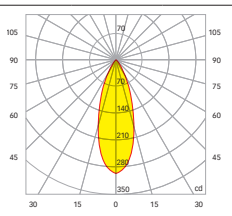			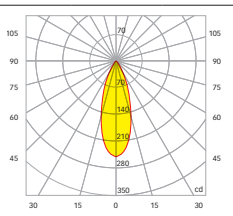		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ELY AG WT 1,5W

ELY Series

ANTIGLARE COLLECTION

ELY AG WT 1,5W - 15° - IP67



IP67

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	51 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	32 mm

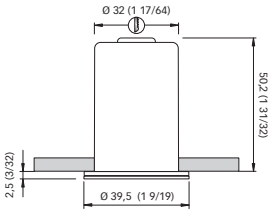

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ELY AG WT 1,5W - 40° - IP67



IP67

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	51 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	32 mm

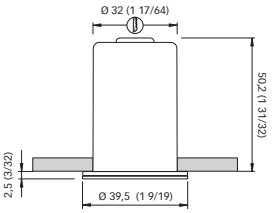

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**ELY AG 1,5 W - Angolo/beam 15°**	**ELY AG 1,5W - Angolo/beam 40°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	115 lm			105 lm			105 lm			75 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,30 m**	**0,61 m**	**0,91 m**	**0,28 m**	**0,56 m**	**0,84 m**	**0,53 m**	**1,07 m**	**1,60 m**	**0,64 m**	**1,28 m**	**1,92 m**
Illuminamento / Illuminance	**841,3 lux**	**210,3 lux**	**93,5 lux**	**906,8 lux**	**226,7 lux**	**100,8 lux**	**315,9 lux**	**79,0 lux**	**35,1 lux**	**158,6 lux**	**39,7 lux**	**17,6 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**			**40°**			**40°**		
	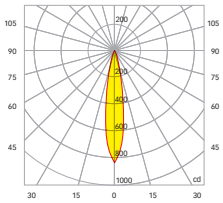			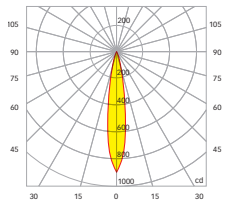			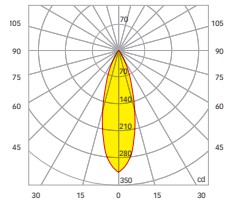			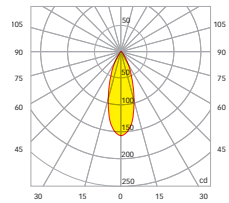		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP67

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ELY SMOKEY / WT - 1,5W/3W

ELY Series

COUTERSY LIGHTS

ELY SMOKEY 1,5W - 40° - IP65





IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	27 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

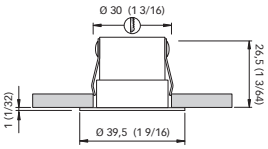

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ELY SMOKEY 3W - 40° - IP65





IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	36 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

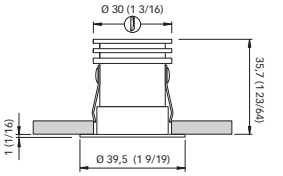

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ELY SMOKEY WT 1,5W - 40° - IP67





IP67

Montaggio a spinta / Push mounting

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	51 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	32 mm

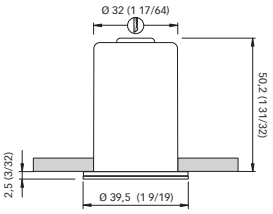

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**ELY SMOKEY 1,5W - Angolo/beam 40°**	**ELY SMOKEY 3W - Angolo/beam 40°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	**3 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	0,25 A @ 12 V / 0,12 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)
CRI (color rendering index)	≥ **90**	≥ **90**	≥ **90**	≥ **90**

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65 / IP67

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ERICA series

La serie ERICA è una linea di mini faretti con LED integrato installabili a soffitto.
La cornice è piatta e squadrata. I modelli sono proposti con singolo, doppio o triplo spot.
I diffusori a filo cornice, di forma rotonda rende il prodotto particolarmente elegante.
La serie ERICA è versatile e adatta per qualsiasi tipo d'ambiente.

The ERICA series is a line of ceiling-mounted mini downlights with built-in LED.
The frame is square and flat. The models come with single, double, or triple spot. The round, flush-fitting diffusers make the product particularly elegant.
The ERICA series is versatile and suitable for any type of environment.



ERICA 3 - Gold PVD
Acciaio inox AISI 316 / AISI 316 Stainless steel


SUNSEEKER

ERICA
Series

CARATTERISTICHE GENERALI / GENERAL FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

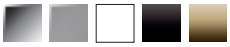

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

MODELLI / MODELS

ERICA1 2W - 35°
ERICA2 4W - 35°
ERICA3 6W - 35°



ERICA 1 - 2W - 35° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	50X50 mm
Recesso / Recess	35 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	40 mm

ERICA 2 - 4W - 35° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	50X100 mm
Recesso / Recess	35 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	40 mm

ERICA 3 - 6W - 35° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	50X150 mm
Recesso / Recess	35 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	40 mm

Modelli / Models	**ERICA 1**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**2 W**					
Assorbimento / Absorption	0,17 A @ 12 V / 0,08 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	144 lm			134 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,83 m**	**1,65 m**	**2,48 m**	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**
Illuminamento / Illuminance	**177,9 lux**	**44,5 lux**	**19,8 lux**	**171,4 lux**	**42,9 lux**	**19,0 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**		
	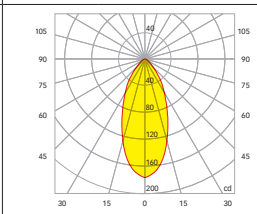			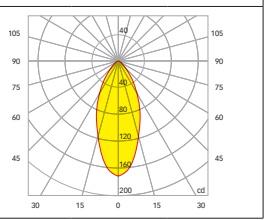		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ERICA
Series

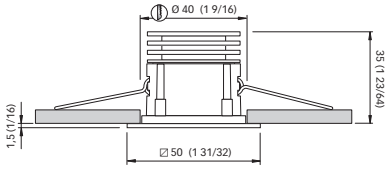

ERICA 1 - 2W - 35° - IP65

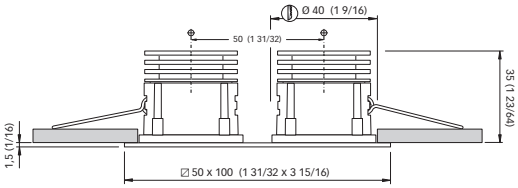

ERICA 2 - 4W - 35° - IP65

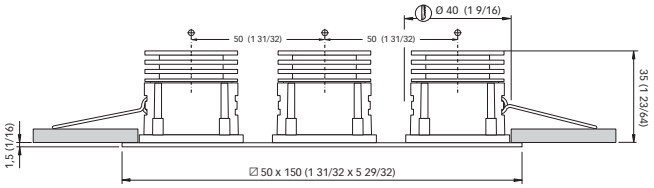

ERICA 3 - 6W - 35° - IP65

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**ERICA 2**	**ERICA 3**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,50 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	289 lm			268 lm			433 lm			403 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,83 m**	**1,65 m**	**2,48 m**	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**	**0,83 m**	**1,65 m**	**2,48 m**	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**
Illuminamento / Illuminance	**355,8 lux**	**88,9 lux**	**39,5 lux**	**342,8 lux**	**85,7 lux**	**38,1 lux**	**533,6 lux**	**133,4 lux**	**59,3 lux**	**514,2 lux**	**128,6 lux**	**57,1 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**45°**			**45°**		
	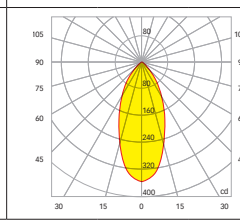			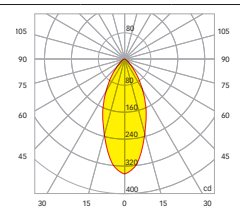			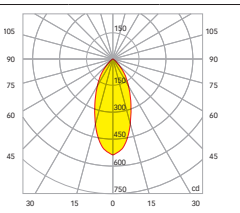			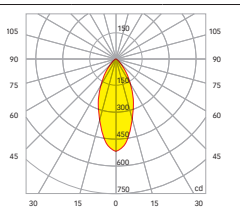		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

JO&JD



JD & JO

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

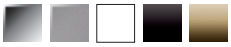

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

MODELLI / MODELS

JO 1,5W - 15°
JD 1,5W - 15°

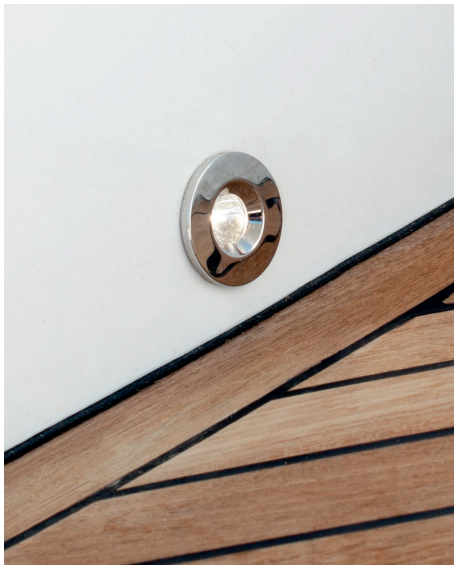

JO 1,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	42 mm
Recesso / Recess	19 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	25 mm

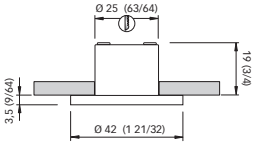

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

JD 1,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a viti / Screw installation

Cornice / Bezel	36X36 mm
Recesso / Recess	19 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	25 mm

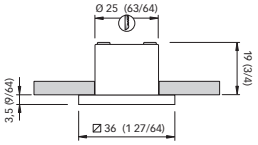

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**JO / JD**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**1,5 W**					
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	133 lm			121 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,28 m**	**0,57 m**	**0,85 m**	**0,29 m**	**0,57 m**	**0,86 m**
Illuminamento / Illuminance	**943,6 lux**	**235,9 lux**	**104,8 lux**	**874,0 lux**	**218,5 lux**	**97,1 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**		
	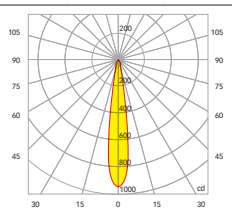			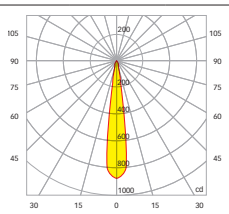		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)



FLORA series

La serie FLORA è una linea di mini faretti con LED integrato installabili a soffitto. Sono caratterizzati da cornici a corolla in alluminio verniciato.
La serie è disponibile attualmente in due modelli, DAISY e TULIP, 1,5W o 3,5W e con angolo del fascio 15° o 30°. Le finiture standard sono proposte nei colori bianco oppure nero. Su richiesta è possibile realizzarli nel colore desiderato.

The FLORA series is a line of ceiling-mounted mini downlights with built-in LED. They feature painted aluminium corolla frames.
The series is currently available in the DAISY and TULIP models, 1.5W or 3.5W, with 15° or 30° light beam angle. The standard finishes are black or white. They can also be made in another colour upon request.

FLORA
Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Alluminio verniciato / Painted aluminium

Finiture / Finishes

Bianco 9010 / White 9010
Nero / Black

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

VERSIONI / VERSIONS

DAISY models

DAISY 40 - 1,5W/3,5W - 15°/30° - IP65
BIANCO/WHITE



MODELLI / MODELS

DAISY 40 1,5W - 15°- IP65 - BIANCO/WHITE
DAISY 40 1,5W - 30°- IP65 - BIANCO/WHITE
DAISY 40 3,5W - 15°- IP65 - BIANCO/WHITE
DAISY 40 3,5W - 30°- IP65 - BIANCO/WHITE

DAISY 40 - 1,5W/3,5W - 15°/30° - IP65
NERO/BLACK



MODELLI / MODELS

DAISY 40 1,5W - 15°- IP65 - NERO/BLACK
DAISY 40 1,5W - 30°- IP65 - NERO/BLACK
DAISY 40 3,5W - 15°- IP65 - NERO/BLACK
DAISY 40 3,5W - 30°- IP65 - NERO/BLACK

DAISY 52 - 1,5W/3,5W - 15°/30° - IP65
BIANCO/WHITE



MODELLI / MODELS

DAISY 52 1,5W - 15°- IP65 - BIANCO/WHITE
DAISY 52 1,5W - 30°- IP65 - BIANCO/WHITE
DAISY 52 3,5W - 15°- IP65 - BIANCO/WHITE
DAISY 52 3,5W - 30°- IP65 - BIANCO/WHITE

DAISY 52- 1,5W/3,5W - 15°/30° - IP65
NERO/BLACK



MODELLI / MODELS

DAISY 52 1,5W - 15°- IP65 - NERO/BLACK
DAISY 52 1,5W - 30°- IP65 - NERO/BLACK
DAISY 52 3,5W - 15°- IP65 - NERO/BLACK
DAISY 52 3,5W - 30°- IP65 - NERO/BLACK

TULIP models

TULIP 40 - 1,5W/3,5W - 15°/30° - IP65
BIANCO/WHITE



MODELLI / MODELS

TULIP 40 1,5W - 15°- IP65 - BIANCO/WHITE
TULIP 40 1,5W - 30°- IP65 - BIANCO/WHITE
TULIP 40 3,5W - 15°- IP65 - BIANCO/WHITE
TULIP 40 3,5W - 30°- IP65 - BIANCO/WHITE

TULIP 40 - 1,5W/3,5W - 15°/30° - IP65
NERO/BLACK



MODELLI / MODELS

TULIP 40 1,5W - 15°- IP65 - NERO/BLACK
TULIP 40 1,5W - 30°- IP65 - NERO/BLACK
TULIP 40 3,5W - 15°- IP65 - NERO/BLACK
TULIP 40 3,5W - 30°- IP65 - NERO/BLACK

TULIP 52 - 1,5W/3,5W - 15°/30° - IP65
BIANCO/WHITE



MODELLI / MODELS

TULIP 52 1,5W - 15°- IP65 - BIANCO/WHITE
TULIP 52 1,5W - 30°- IP65 - BIANCO/WHITE
TULIP 52 3,5W - 15°- IP65 - BIANCO/WHITE
TULIP 52 3,5W - 30°- IP65 - BIANCO/WHITE

DAISY 52 - 1,5W/3,5W - 15°/30° - IP65
NERO/BLACK



MODELLI / MODELS

TULIP 52 1,5W - 15°- IP65 - NERO/BLACK
TULIP 52 1,5W - 30°- IP65 - NERO/BLACK
TULIP 52 3,5W - 15°- IP65 - NERO/BLACK
TULIP 52 3,5W - 30°- IP65 - NERO/BLACK

FLORA
Series

DAISY 40/52 - 1,5W - IP65 - BLACK / WHITE

DAISY 40 1,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	27 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

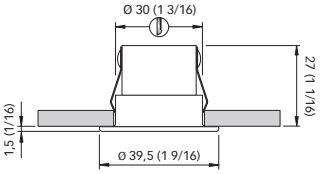

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DAISY 40 1,5W - 30° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	27 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

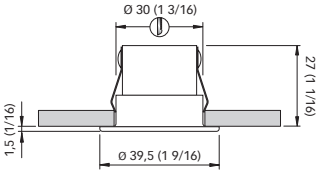

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DAISY 52 1,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	52 mm
Recesso / Recess	27 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

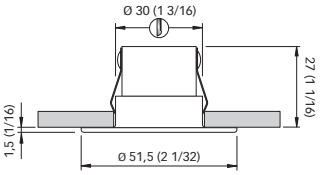

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DAISY 52 1,5W - 30° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	52 mm
Recesso / Recess	27 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

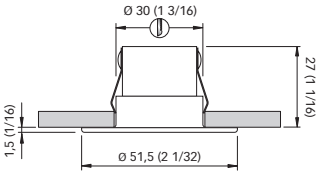

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**DAISY 40 1,5W - DAISY 52 1,5W - Angolo/beam 15°**	**DAISY 40 1,5W - DAISY 52 1,5W - Angolo/beam 30°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	100 lm			95 lm			95 lm			85 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,32 m**	**0,62 m**	**0,92 m**	**0,32 m**	**0,64 m**	**0,95 m**	**0,56 m**	**1,12 m**	**1,67 m**	**0,57 m**	**1,14 m**	**1,71 m**
Illuminamento / Illuminance	**662,6 lux**	**165,6 lux**	**73,6 lux**	**557,7 lux**	**139,4 lux**	**62,0 lux**	**250,2 lux**	**62,6 lux**	**27,8 lux**	**221,2 lux**	**55,3 lux**	**24,6 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**			**30°**			**30°**		
	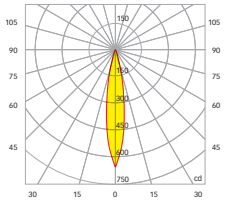			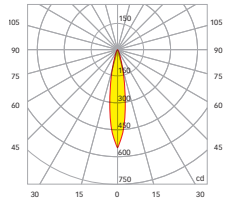			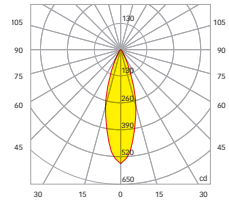			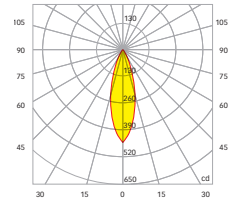		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

FLORA
Series

DAISY 40/52 - 3,5W - IP65 - BLACK / WHITE

DAISY 40 - 3,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	27 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

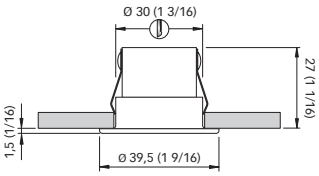

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DAISY 40 - 3,5W - 30° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	27 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

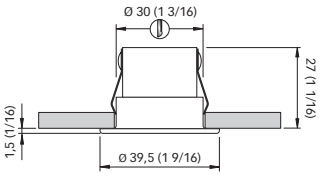

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DAISY 52 - 3,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	52 mm
Recesso / Recess	27 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

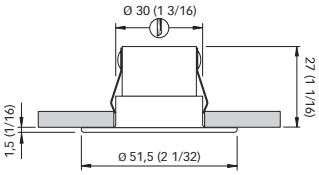

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DAISY 52 - 3,5W - 30° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	52 mm
Recesso / Recess	27 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

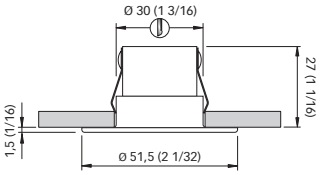

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**DAISY 40 3,5W - DAISY 52 3,5W - Angolo/beam 15°**	**DAISY 40 3,5W - DAISY 52 3,5W - Angolo/beam 30°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**3,5 W**	**3,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,29 A @ 12 V / 0,14 A @ 24 V	0,29 A @ 12 V / 0,14 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	225 lm			195 lm			210 lm			180 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,32 m**	**0,63 m**	**0,95 m**	**0,32 m**	**0,63 m**	**0,95 m**	**0,54 m**	**1,08 m**	**1,63 m**	**0,54 m**	**1,08 m**	**1,63 m**
Illuminamento / Illuminance	**1557,4 lux**	**389,4 lux**	**173,0 lux**	**1255,4 lux**	**313,9 lux**	**139,5 lux**	**552,2 lux**	**138,1 lux**	**61,4 lux**	**450,3 lux**	**112,6 lux**	**50,0 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**			**30°**			**30°**		
	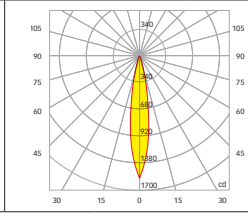			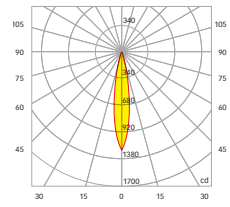			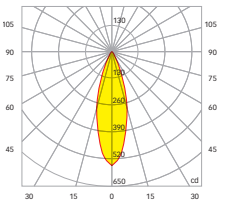			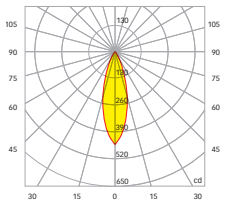		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

FLORA
Series

TULIP 40/52 - 1,5W - IP65 - BLACK / WHITE

TULIP 40 1,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	32 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

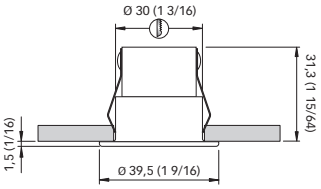

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TULIP 40 1,5W - 30° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	32 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

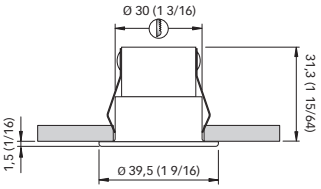

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TULIP 52 1,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	52 mm
Recesso / Recess	32 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

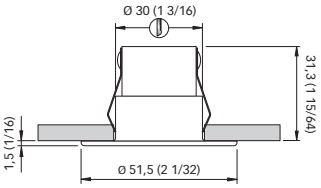

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TULIP 52 1,5W - 30° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	52 mm
Recesso / Recess	32 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

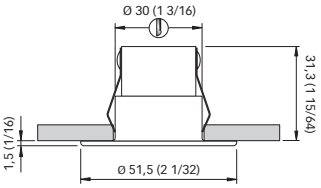

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**TULIP 40 1,5W - DAISY 52 1,5W - Angolo/beam 15°**	**TULIP 40 1,5W - DAISY 52 1,5W - Angolo/beam 30°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	100 lm			95 lm			95 lm			85 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,32 m**	**0,62 m**	**0,92 m**	**0,32 m**	**0,64 m**	**0,95 m**	**0,56 m**	**1,12 m**	**1,67 m**	**0,57 m**	**1,14 m**	**1,71 m**
Illuminamento / Illuminance	**662,6 lux**	**165,6 lux**	**73,6 lux**	**557,7 lux**	**139,4 lux**	**62,0 lux**	**250,2 lux**	**62,6 lux**	**27,8 lux**	**221,2 lux**	**55,3 lux**	**24,6 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**			**30°**			**30°**		
	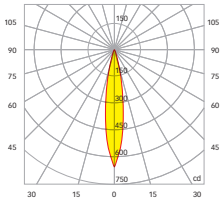			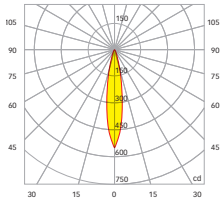			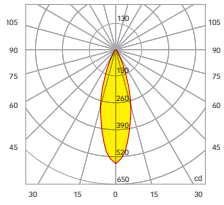			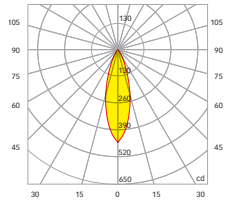		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

FLORA
Series

TULIP 40/52 - 3,5W - IP65 - BLACK / WHITE

TULIP 40 - 3,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	32 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

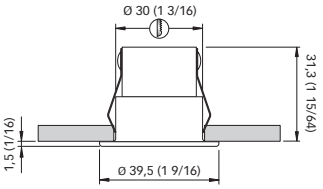

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TULIP 40 - 3,5W - 30° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	32 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

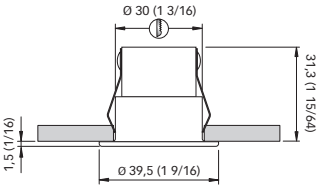

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TULIP 52 - 3,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	52 mm
Recesso / Recess	32 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

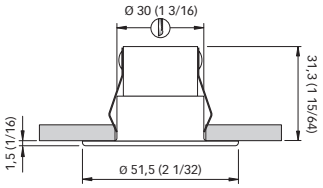

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TULIP 52 - 3,5W - 30° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	52 mm
Recesso / Recess	32 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

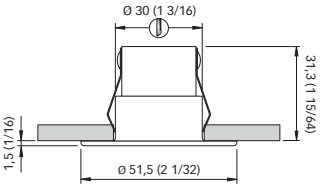

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**TULIP 40 3,5W - DAISY 52 3,5W - Angolo/beam 15°**	**TULIP 40 3,5W - DAISY 52 3,5W - Angolo/beam 30°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**3,5 W**	**3,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,29 A @ 12 V / 0,14 A @ 24 V	0,29 A @ 12 V / 0,14 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	225 lm			195 lm			210 lm			180 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,32 m**	**0,63 m**	**0,95 m**	**0,32 m**	**0,63 m**	**0,95 m**	**0,54 m**	**1,08 m**	**1,63 m**	**0,54 m**	**1,08 m**	**1,63 m**
Illuminamento / Illuminance	**1557,4 lux**	**389,4 lux**	**173,0 lux**	**1255,4 lux**	**313,9 lux**	**139,5 lux**	**552,2 lux**	**138,1 lux**	**61,4 lux**	**450,3 lux**	**112,6 lux**	**50,0 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**			**30°**			**30°**		
	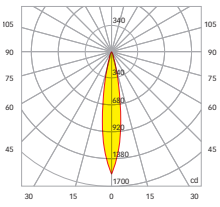			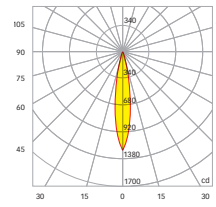			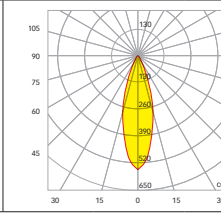			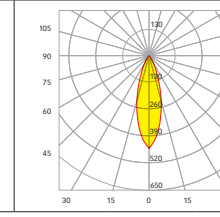		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ELITE series





La serie ELITE comprende diversi modelli di faretti con cornice piatta, diffusore a filo cornice (opalino o satinato) ed il recesso molto basso. Sono installabili in interno e in esterno avendo un ottimo grado di protezione (IP65). Disponibili le versioni **TOUCH** e **DUAL**.

The ELITE series includes various spotlight models with flat frame, flush-fitting diffuser (opaline or satin) and very low recess. They can be installed indoors or outdoors as they have an excellent protection rating (IP65). Available in **TOUCH** and **DUAL** versions.

ELITE DUAL E BICOLOR STANDARD



2W white light 2W coloured light Courtesy light

I modelli ELITE DUAL sono in grado di illuminare un ambiente sia con luce bianca che con luce colorata grazie ai rispettivi Led di uguale potenza, 2W+2W.
I modelli bicolore standard dispongono di un Led 2W con luce bianca e un Led colorato di circa 0,5 Watt, ideale come luce di cortesia.

The ELITE DUAL models are able to light up an environment with both white and coloured light thanks to the equally powered LEDS of 2W+2W.
The standard bicolour models have one 2W LED with white light and one coloured LED of about 0.5 Watt, ideal as a courtesy light.

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color
Monocolore Rosso / Red single color

Monocolore Blu / Blue single color 1W

Bicolore / Bicolor 2W+0,5W
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

ELITE DUAL 2W+2W
Bianco-Blu / White-Blue
Bianco-Rossa / White-Red

Diffusore / Diffuser
Satinato / Satin
Opalino / Opal



TODD E - Lucidato / Polished
Diffusore satinato / Satin diffuser



ELLIOT E - Lucidato / Polished
Diffusore satinato / Satin diffuser



BRANDON E - Lucidato / Polished
Diffusore opalino / Opal diffuser

ELITE
Series

VERSIONI DELLA SERIE ELITE / ELITE VERSIONS

ELITE (E) 2W - IP65

Dimmerabile / dimmable

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color
Monocolore Rosso / Red single color



Bicolore 2W + luce di cortesia
2W Bicolors + courtesy light
Bianco caldo + Blu / Warm white + Blue
Bianco caldo + Rosso / Warm white + Red
Bianco naturale + Blu / Daylight + Blue
Bianco naturale + Rosso / Daylight + Red

MODELLI / MODELS

TODD E SD 2W - 100°
TODD E OD 2W - 115°
ELLIOT E SD 2W - 100°
ELLIOT E OD 2W - 115°
BRANDON E SD 2W - 100°
BRANDON E OD 2W - 115°

ELITE TOUCH (ET) 2W - IP65

Modello con pulsante touch
Model with touch switch



Dimmerabile / dimmable
Pulsante touch on/off e regolatore intensità
On/off and dimmer touch switch

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color
Monocolore Rosso / Red single color

MODELLI / MODELS

TODD ET SD 2W - 100°
TODD ET OD 2W - 115°
ELLIOT ET SD 2W - 100°
ELLIOT ET OD 2W - 115°
BRANDON ET SD 2W - 100°
BRANDON ET OD 2W - 115°

ELITE (E) DUAL 2W+2W - IP65

Modello bicolore 2W+2W
Bicolor model 2W+2W
Dimmerabile / dimmable



Doppia luce / Double light

Luce bianca 2W + luce colorata 2W
2W white light + 2W colored light
Bianco caldo + Blu / Warm white + Blue
Bianco caldo + Rosso / Warm white + Red
Bianco naturale + Blu / Daylight + Blue
Bianco naturale + Rosso / Daylight + Red

MODELLI / MODELS

TODD E DUAL SD 2W+2W - 100°
TODD E DUAL OD 2W+2W - 115°
ELLIOT E DUAL SD 2W+2W - 100°
ELLIOT E DUAL OD 2W+2W - 115°
BRANDON E DUAL SD 2W+2W - 100°
BRANDON E DUAL OD 2W+2W - 115°

Modelli / Models	**ELITE series** - Diffusore satinato / Satin diffuser (SD)						**ELITE series** - Diffusore opalino / Opal diffuser (OD)					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**2 W**						**2 W**					
Assorbimento / Absorption	0,16 A @ 12 V / 0,08 A @ 24 V						0,16 A @ 12 V / 0,08 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **80**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	160 lm			130 lm			130 lm			108 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,25 m**	**4,49 m**	**6,74 m**	**2,25 m**	**4,49 m**	**6,74 m**	**3,10 m**	**6,21 m**	**9,31 m**	**3,10 m**	**6,19 m**	**9,29 m**
Illuminamento / Illuminance	**68,0 lux**	**17,0 lux**	**7,6 lux**	**55,0 lux**	**13,8 lux**	**6,1 lux**	**44,0 lux**	**11,0 lux**	**4,9 lux**	**36,6 lux**	**9,1 lux**	**4,1 lux**
Angolo / Beam	**100°**			**100°**			**115°**			**115°**		
	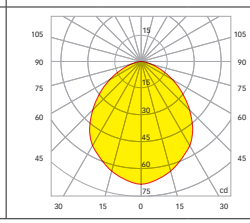			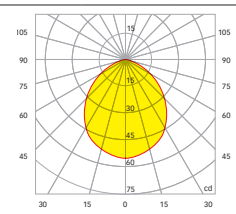			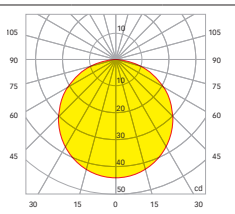			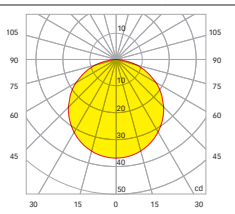		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ELITE

Modelli / Models

TODD E SD - 2W - 100° - IP65
Con diffusore satinato / With satin diffuser



TODD E OD - 2W - 115° - IP65
Con diffusore opalino / With opal diffuser



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	19,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

TODD ET SD - 2W - 100° - IP65 - TOUCH
Con diffusore satinato / With satin diffuser



TODD ET OD - 2W - 115° - IP65 - TOUCH
Con diffusore opalino / With opal diffuser



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	19,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

TODD E DUAL SD - 2W+2W - 100° - IP65
Con diffusore satinato / With satin diffuser



TODD E DUAL OD - 2W+2W - 115° - IP65
Con diffusore opalino / With opal diffuser



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	19,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

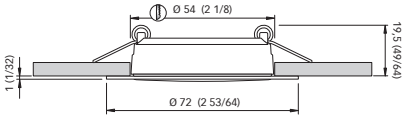

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ELLIOT E SD - 2W - 100° - IP65
Con diffusore satinato / With satin diffuser



ELLIOT E OD - 2W - 115° - IP65
Con diffusore opalino / With opal diffuser



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	19,5 mm
Foratura / Cutout	54x54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

ELLIOT ET SD - 2W - 100° - IP65 - TOUCH
Con diffusore satinato / With satin diffuser



ELLIOT ET OD - 2W - 115° - IP65 - TOUCH
Con diffusore opalino / With opal diffuser



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	19,5 mm
Foratura / Cutout	54x54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

ELLIOT E DUAL SD - 2W+2W - 100° - IP65
Con diffusore satinato / With satin diffuser



ELLIOT E DUAL OD - 2W+2W - 115° - IP65
Con diffusore opalino / With opal diffuser



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	19,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54x54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

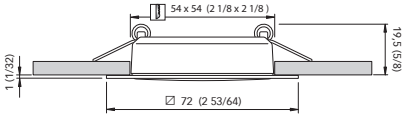

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ELITE

Modelli / Models

BRANDON E SD - 2W - 100° - IP65
Con diffusore satinato / With satin diffuser



BRANDON E OD - 2W - 115° - IP65
Con diffusore opalino / With opal diffuser



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	19,5 mm
Foratura / Cutout	54x54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

BRANDON ET SD - 2W - 100° - IP65 - TOUCH
Con diffusore satinato / With satin diffuser



BRANDON ET OD - 2W - 115° - IP65 - TOUCH
Con diffusore opalino / With opal diffuser



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	19,5 mm
Foratura / Cutout	54x54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

BRANDON E DUAL SD - 2W+2W - 100° - IP65
Con diffusore satinato / With satin diffuser

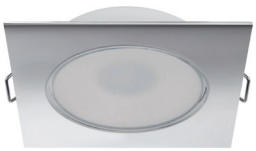

BRANDON E DUAL OD - 2W+2W - 115° - IP65
Con diffusore opalino / With opal diffuser



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	19,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54x54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

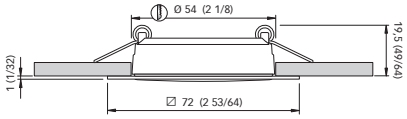

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello Elliot con finitura nera / Elliot model with black finish



CLUB series





I faretti della serie CLUB hanno un recesso molto basso e sono adatti per ogni tipo di applicazione, a soffitto o a parete. La serie comprende modelli IP40 per interni, con molle per il montaggio, e modelli IP66 per esterni, con fissaggio a viti.
Disponibili le versioni **SWITCH**, **TOUCH** e **DUAL**.

The CLUB series includes various spotlight models with flat frame, flush-fitting diffuser (opaline or satin) and very low recess. They can be installed indoors or outdoors as they have an excellent protection rating (IP65).
Available in **SWITCH**, **TOUCH** and **DUAL**versions.

CLUB DUAL E BICOLOR STANDARD



2W white light 2W coloured light Courtesy light

I modelli CLUB DUAL sono in grado di illuminare un ambiente sia con luce bianca che con luce colorata grazie ai rispettivi Led di uguale potenza, 2W+2W.
I modelli bicolore standard dispongono di un Led 2W con luce bianca e un Led colorato di circa 0,5 Watt, ideale come luce di cortesia.

The CLUB DUAL models are able to light up an environment with both white and coloured light thanks to the equally powered LEDS of 2W+2W.
The standard bicolour models have one 2W LED with white light and one coloured LED of about 0.5 Watt, ideal as a courtesy light.

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color
Monocolore Rosso / Red single color

Monocolore Blu / Blue single color 1W

Bicolore / Bicolor 2W+0,5W
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

CLUB DUAL 2W+2W
Bianco-Blu / White-Blue
Bianco-Rossa / White-Red



TED C IP40 - Lucidato / Polished



EDWIN C IP40 - Lucidato / Polished

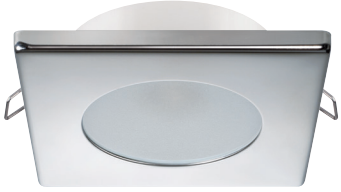

BRYAN C IP66 - Lucidato / Polished

CLUB
Series

VERSIONI DELLA SERIE CLUB / CLUB VERSIONS

CLUB (C) 2W - IP40/IP66

Dimmerabile / dimmable

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color
Monocolore Rosso / Red single color



Bicolore 2W + luce di cortesia
2W Bicolors + courtesy light
Bianco caldo + Blu / Warm white + Blue
Bianco caldo + Rosso / Warm white + Red
Bianco naturale + Blu / Daylight + Blue
Bianco naturale + Rosso / Daylight + Red

MODELLI / MODELS

TED C 2W - IP40 - 100°
TED C 2W - IP66 - 100°
EDWIN C 2W - IP40 - 90°
EDWIN C 2W - IP66 - 90°
BRYAN C 2W - IP40 - 100°
BRYAN C 2W - IP66 - 100°

CLUB TOUCH (CT) 2W - IP40/IP66

Modello con pulsante touch
Model with touch switch



Dimmerabile / dimmable
Pulsante touch on/off e regolatore intensità
On/off and dimmer touch switch

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color
Monocolore Rosso / Red single color

MODELLI / MODELS

TED CT 2W - IP40 - 100°
TED CT 2W - IP66 - 100°
EDWIN CT 2W - IP40 - 90°
EDWIN CT 2W - IP66 - 90°
BRYAN CT 2W - IP40 - 100°
BRYAN CT 2W - IP66 - 100°

CLUB (CS) 2W - IP40

Modello con interruttore
Model with switch



Dimmerabile / dimmable

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color
Monocolore Rosso / Red single color

MODELLI / MODELS

TED CS 2W - IP40 - 100°
EDWIN CS 2W - IP40 - 90°
BRYAN CS 2W - IP40 - 100°

CLUB (C) DUAL 2W+2W - IP40/IP66

Modello bicolore 2W+2W
Bicolor model 2W+2W
Dimmerabile / dimmable



Doppia luce / Double light
Luce bianca 2W + luce colorata 2W
2W white light + 2W colored light
Bianco caldo + Blu / Warm white + Blue
Bianco caldo + Rosso / Warm white + Red
Bianco naturale + Blu / Daylight + Blue
Bianco naturale + Rosso / Daylight + Red

MODELLI / MODELS

TED C DUAL 2W+2W - IP40 - 100°
TED C DUAL 2W+2W - IP66 - 100°
EDWIN C DUAL 2W+2W - IP40 - 90°
EDWIN C DUAL 2W+2W - IP66 - 90°
BRYAN C DUAL 2W+2W - IP40 - 100°
BRYAN C DUAL 2W+2W - IP66 - 100°

Modelli / Models	**CLUB SERIES - TED / BRYAN models**	**CLUB SERIES - EDWIN model**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**2 W**	**2 W**
Assorbimento / Absorption	0,16 A @ 12 V / 0,08 A @ 24 V	0,16 A @ 12 V / 0,08 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	160 lm			130 lm			145 lm			120 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,25 m**	**4,49 m**	**6,74 m**	**2,25 m**	**4,49 m**	**6,74 m**	**2,08 m**	**4,15 m**	**6,23 m**	**2,08 m**	**4,15 m**	**6,23 m**
Illuminamento / Illuminance	**68,0 lux**	**17,0 lux**	**7,6 lux**	**55,0 lux**	**13,8 lux**	**6,1 lux**	**66,2 lux**	**16,5 lux**	**7,4 lux**	**54,7 lux**	**13,7 lux**	**6,1 lux**
Angolo / Beam	**100°**			**100°**			**90°**			**90°**		
	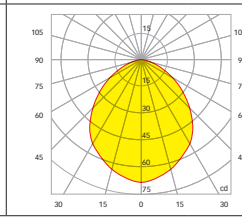			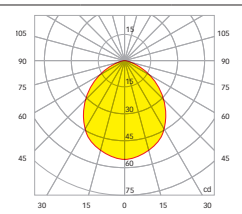			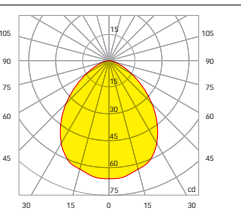			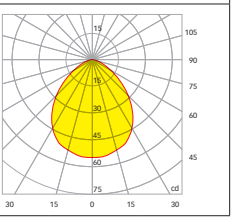		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40 / IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

CLUB
Modelli / Models

TED CLUB IP40

TED C IP40 - 2W - 100°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

TED C DUAL IP40 - 2W+2W - 100°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

TED CS IP40 - 2W - 100°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

TED CT IP40 - 2W - 100° - TOUCH



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

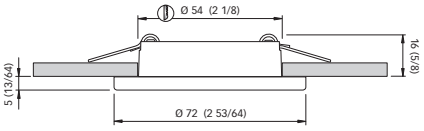

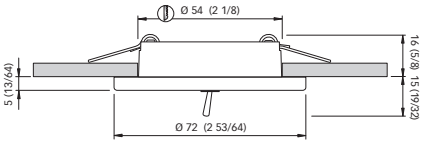

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TED CLUB IP66

TED C IP66 - 2W - 100°



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

TED CT IP66 - 2W - 100° - TOUCH



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

TED C DUAL IP66 - 2W+2W - 100°



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

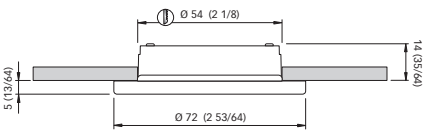

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

CLUB

Modelli / Models

EDWIN CLUB IP40

EDWIN C IP40 - 2W - 90°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

EDWIN C DUAL IP40 - 2W+2W - 90°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

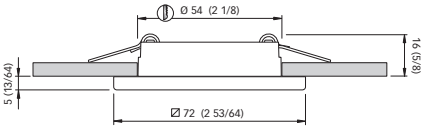

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

EDWIN CLUB IP66

EDWIN C IP66 - 2W - 90°



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

EDWIN C DUAL IP66 - 2W+2W - 90°



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

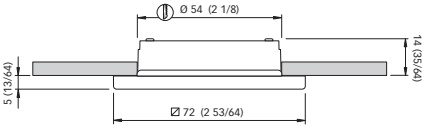

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

CLUB

Modelli / Models

BRYAN CLUB IP40

BRYAN C IP40 - 2W - 100°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

BRYAN C DUAL IP40 - 2W+2W - 100°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

BRYAN CS IP40 - 2W - 100°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

BRYAN CT IP40 - 2W - 100° - TOUCH



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

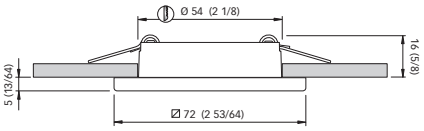

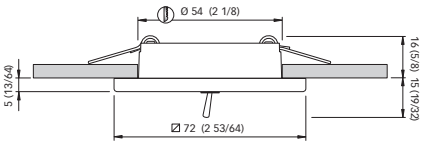

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

BRYAN CLUB IP66

BRYAN C IP66 - 2W - 100°



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

BRYAN CT IP66 - 2W - 100° - TOUCH



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

BRYAN C DUAL IP66 - 2W+2W - 100°



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

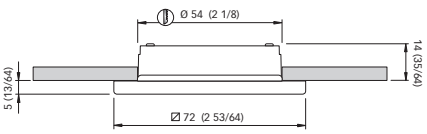

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)



Modello Bryan serie Club / Club series Bryan model

MIRIAM CLUB IP40 / SELENE CLUB IP40

MIRIAM C IP40 - 2W - 100°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	77 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

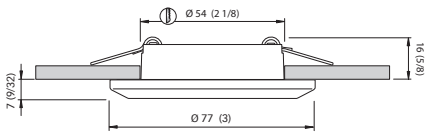

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

SELENE C IP40 - 2W - 100°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	77 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

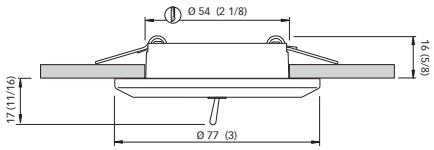

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

NICE series

I faretti della serie NICE, sono realizzati con cornici stampate in materiale composito, quindi realizzabili in qualsiasi colore e finitura ad effetto. I NICE appartengono alla macrofamiglia dei faretti a bassissimo incasso come i prodotti delle serie Elite, Club e Vip. La serie NICE include i modelli IP40 per interni e i modelli IP66 per esterni. Disponibili anche le versioni **TOUCH** e **DUAL**.

The NICE series spotlights have moulded frames made of composite material and therefore can be offered in any colour and finish. NICE belongs to the macro-family of very low recessed spotlights like the Elite, Club, and Vip series products. The NICE series includes IP40 models for indoors and IP66 models for outdoors. Also available in **TOUCH** and **DUAL** versions.





Versione IP40 per interni e IP66 per esterni.
Versione IP40 per interni e IP66 per esterni.

NICE DUAL E BICOLOR STANDARD



2W white light | 2W coloured light | Courtesy light

I modelli NICE DUAL sono in grado di illuminare un ambiente sia con luce bianca che con luce colorata grazie ai rispettivi Led di uguale potenza, 2W+2W.
I modelli bicolore standard dispongono di un Led 2W con luce bianca e un Led colorato di circa 0,5 Watt, ideale come luce di cortesia.

The NICE DUAL models are able to light up an environment with both white and coloured light thanks to the equally powered LEDS of 2W+2W.
The standard bicolour models have one 2W LED with white light and one coloured LED of about 0.5 Watt, ideal as a courtesy light.

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Materiale composito / Composite material

Finiture / Finishes

Bianco (escluso versioni Touch)
White (Touch versions escluded)
Titanio metallizzato / Metalized titanium

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color
Monocolore Rosso / Red single color

Monocolore Blu / Blue single color 1W

Bicolore / Bicolor 2W+0,5W
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

NICE DUAL 2W+2W
Bianco-Blu / White-Blue
Bianco-Rossa / White-Red

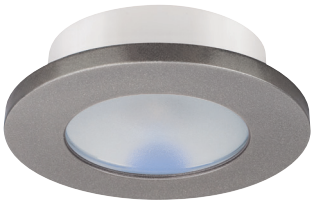

TED NT - Titanio metallizzato / Metalized titanium
Con pulsante touch / With touch switch



EDWIN N - Titanio metallizzato / Metalized titanium



BRYAN N - Bianco / White

NICE
Series

VERSIONI DELLA SERIE NICE / NICE VERSIONS

NICE (N) 2W - IP40/IP66

Dimmerabile / dimmable

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color
Monocolore Rosso / Red single color



Bicolore 2W + luce di cortesia
2W Bicolors + courtesy light
Bianco caldo + Blu / Warm white + Blue
Bianco caldo + Rosso / Warm white + Red
Bianco naturale + Blu / Daylight + Blue
Bianco naturale + Rosso / Daylight + Red

MODELLI / MODELS

TED N 2W - IP40 -100°
TED N 2W - IP66 - 100°
EDWIN N 2W - IP40 - 90°
EDWIN N 2W - IP66 - 90°
BRYAN N 2W - IP40 - 100°
BRYAN N 2W - IP66 - 100°

NICE TOUCH (NT) 2W - IP40/IP66

Modello con pulsante touch
Model with touch switch



Dimmerabile / dimmable
Pulsante touch on/off e regolatore intensità
On/off and dimmer touch switch

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color
Monocolore Rosso / Red single color

MODELLI / MODELS

TED NT 2W - IP40 -100°
TED NT 2W - IP66 - 100°
EDWIN NT 2W - IP40 - 90°
EDWIN NT 2W - IP66 - 90°
BRYAN NT 2W - IP40 - 100°
BRYAN NT 2W - IP66 - 100°

NICE (N) DUAL 2W+2W - IP40/IP66

Modello bicolore 2W+2W
Bicolor model 2W+2W
Dimmerabile / dimmable



Doppia luce / Double light

Luce bianca 2W + luce colorata 2W
2W white light + 2W colored light
Bianco caldo + Blu / Warm white + Blue
Bianco caldo + Rosso / Warm white + Red
Bianco naturale + Blu / Daylight + Blue
Bianco naturale + Rosso / Daylight + Red

MODELLI / MODELS

TED N DUAL 2W+2W - IP40 -100°
TED N DUAL 2W+2W - IP66 - 100°
EDWIN N DUAL 2W+2W - IP40 - 90°
EDWIN N DUAL 2W+2W - IP66 - 90°
BRYAN N DUAL 2W+2W - IP40 - 100°
BRYAN N DUAL 2W+2W - IP66 - 100°

Modelli / Models	**NICE SERIES - TED / BRYAN models**						**NICE SERIES - EDWIN model**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**2 W**						**2 W**					
Assorbimento / Absorption	0,16 A @ 12 V / 0,08 A @ 24 V						0,16 A @ 12 V / 0,08 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	160 lm			130 lm			145 lm			120 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,25 m**	**4,49 m**	**6,74 m**	**2,25 m**	**4,49 m**	**6,74 m**	**2,08 m**	**4,15 m**	**6,23 m**	**2,08 m**	**4,15 m**	**6,23 m**
Illuminamento / Illuminance	**68,0 lux**	**17,0 lux**	**7,6 lux**	**55,0 lux**	**13,8 lux**	**6,1 lux**	**66,2 lux**	**16,5 lux**	**7,4 lux**	**54,7 lux**	**13,7 lux**	**6,1 lux**
Angolo / Beam	**100°**			**100°**			**90°**			**90°**		
	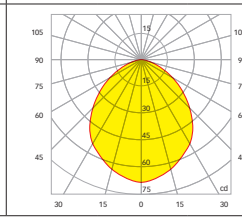			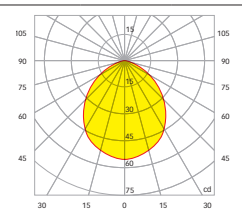			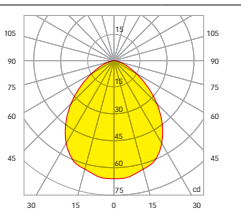			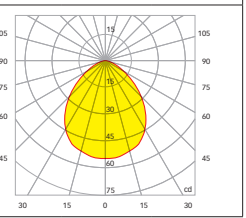		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40 / IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

NICE

Modelli / Models

TED NICE IP40

TED N IP40 - 2W - 100°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

TED NT IP40 - 2W - 100° - TOUCH



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

NON DISPONIBILE CON FINITURA BIANCA
NOT AVAILABLE WITH WHITE FINISH

TED N DUAL IP40 - 2W+2W - 100°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

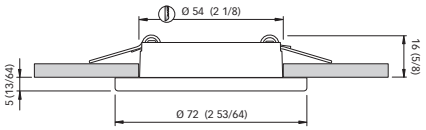

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TED NICE IP66

TED N IP66 - 2W - 100°



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

TED NT IP66 - 2W - 100° - TOUCH



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

NON DISPONIBILE CON FINITURA BIANCA
NOT AVAILABLE WITH WHITE FINISH

TED N DUAL IP66 - 2W+2W - 100°



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

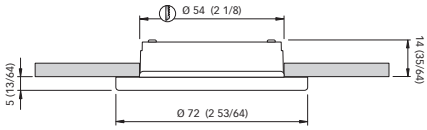

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

NICE

Modelli / Models

EDWIN NICE IP40

EDWIN N IP40 - 2W - 90°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

EDWIN N DUAL IP40 - 2W+2W - 90°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

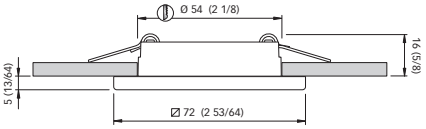

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

EDWIN NICE IP66

EDWIN N IP66 - 2W - 90°



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

EDWIN N DUAL IP66 - 2W+2W - 90°



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

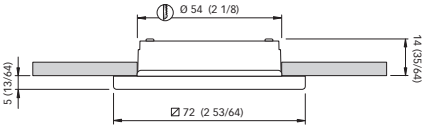

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

NICE
Modelli / Models

BRYAN NICE IP40

BRYAN N IP40 - 2W - 100°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

BRYAN NT IP40 - 2W - 100° - TOUCH



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

NON DISPONIBILE CON FINITURA BIANCA
NOT AVAILABLE WITH WHITE FINISH

BRYAN N DUAL IP40 - 2W+2W - 100°



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	16 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

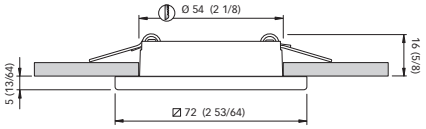

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

BRYAN NICE IP66

BRYAN N IP66 - 2W - 100°



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

BRYAN NT IP66 - 2W - 100° - TOUCH



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

NON DISPONIBILE CON FINITURA BIANCA
NOT AVAILABLE WITH WHITE FINISH

BRYAN N DUAL IP66 - 2W+2W - 100°



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	14 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

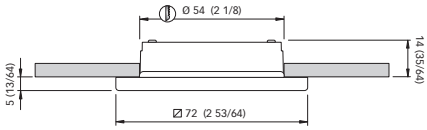

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

VIP series

I faretti della serie VIP e VIP NICE sono prodotti che offrono diversi vantaggi e ottime prestazioni d'illuminazione:
4 watt di potenza, grado di protezione IP66, assortimento di finiture e un incasso di appena 20 mm, in alluminio anodizzato. La differenza tra due linee di prodotto è sostanzialmente nella scelta del materiale: la serie VIP è in acciaio inox AISI 316, mentre la serie VIP NICE è in materiale composito.

The VIP and VIP NICE series downlights offer various advantages and excellent lighting performance: 4 Watts of power, IP66 protection rating, assortment of finishes, and a recess of only 20 mm in anodized aluminium.
The difference between the two product lines is essentially in the choice of material. The VIP series is made of AISI 316 stainless steel while the VIP NICE series uses composite material.



VIP/ VIP NICE
Series

OTTIME PRESTAZIONI, MINIMO INGOMBRO

I faretti della serie VIP e VIP NICE sono prodotti che offrono diversi vantaggi e ottime prestazioni d'illuminazione:
4 watt di potenza, grado di protezione IP66, assortimento di finiture e un incasso di appena 20 mm, in alluminio anodizzato.
La differenza tra due linee di prodotto è sostanzialmente nella scelta del materiale: la serie VIP è in acciaio inox AISI 316, mentre la serie VIP NICE è in materiale composito.

EXCELLENT PERFORMANCE, SMALL FOOTPRINT

The VIP and VIP NICE series downlights offer various advantages and excellent lighting performance:
4 Watts of power, IP66 protection rating, assortment of finishes, and a recess of only 20 mm in anodized aluminium.
The difference between the two product lines is essentially in the choice of material.
The VIP series is made of AISI 316 stainless steel while the VIP NICE series uses composite material.

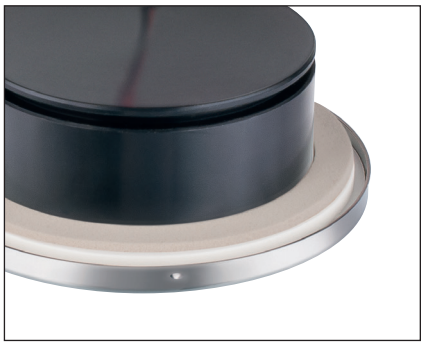

VIP NICE SERIES

I faretti VIP NICE sono la versione in materiale composito della serie VIP. I maggiori benefici riguardo questo tipo di materiale si possono trarre dalla versatilità delle finiture; sono infatti realizzabili in qualsiasi colore o effetto speciale. Il fattore estetico è evidenziato da linee abbastanza squadrate, la cui essenzialità è in perfetta sintonia con ambienti di stile contemporaneo.

VIP NICE SERIES

VIP NICE downlights are the VIP series version made of composite material. The greatest benefit of this type of material is the versatility of the finishes. They can be produced in any colour or special effect. The aesthetic factor is highlighted by rather square lines, whose essentiality is in perfect harmony with contemporary style environments.

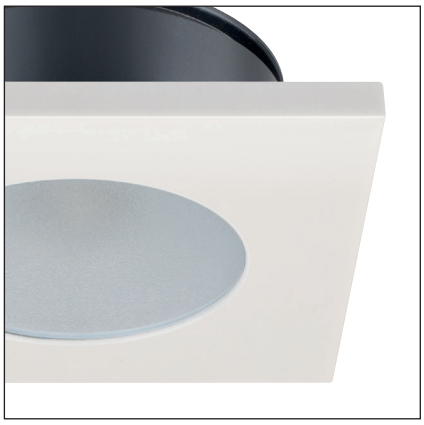

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling

Dimmerabile / dimmable

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu **(2W)** / Blue single color **(2W)**
Monocolore Rosso **(2W)** / Red single color **(2W)**



Bicolore / Bicolor
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

VIP SERIES

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

VIP NICE SERIES

Materiale / Material
Materiale composito / Composite material

Finiture / Finishes



Bianco / White
Titanio metallizzato / Metalized titanium



Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

VIP SERIES

MODELLI / MODELS

TED V 4W - IP66 - 95°
EDWIN V 4W - IP66 - 85°
RYAN V 4W - IP66 - 95°

Alcuni esempi di finiture / Some examples of finishes



TED V - Gold PVD



EDWIN V - Satinato / Satin



BRYAN V - Black PVD

VIP NICE SERIES

MODELLI / MODELS

TED VN 4W - IP66 - 100°
EDWIN VN 4W - IP66 - 100°
BRYAN VN 4W - IP66 - 100°



TED VN - Titanio metallizzato / Metalized titanium



EDWIN VN - Titanio metallizzato / Metalized titanium



BRYAN VN - Titanio metallizzato / Metalized titanium

VIP/ VIP NICE
Series

MODELLI / MODELS

TED V - 4W - 95° - IP66



TED VN - 4W - 95° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	20,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

EDWIN V - 4W - 85° - IP66



EDWIN VN - 4W - 85° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	20,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

BRYAN V - 4W - 95° - IP66



BRYAN VN- 4W - 95° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	20,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

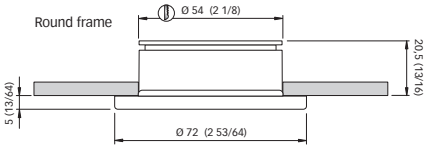

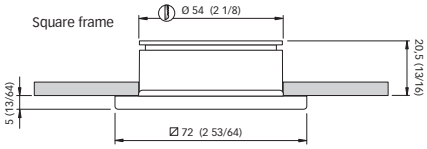

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**TED V/VN - BRYAN V/VN**			**EDWIN V/VN**								
Sorgente luminosa / Light source	**LED**			**LED**								
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc			9 - 32 Vdc								
Potenza / Power consumption	**4 W**			**4 W**								
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V			0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V								
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity			Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity								
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes											
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	370 lm			350 lm			275 lm			255 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,19 m**	**4,37 m**	**6,56 m**	**2,19 m**	**4,37 m**	**6,56 m**	**1,81 m**	**3,62 m**	**5,43 m**	**1,81 m**	**3,62 m**	**5,43 m**
Illuminamento / Illuminance	**160,7 lux**	**40,2 lux**	**17,9 lux**	**150,5 lux**	**37,6 lux**	**16,7 lux**	**146,7 lux**	**36,7 lux**	**16,3 lux**	**136,5 lux**	**34,1 lux**	**15,2 lux**
Angolo / Beam	**95°**			**95°**			**85°**			**85°**		
	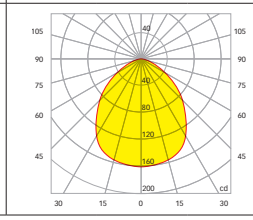			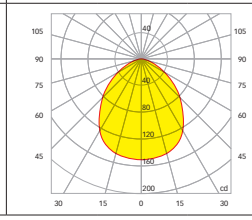			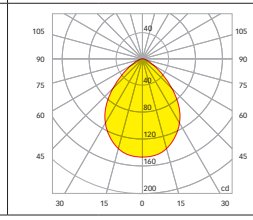			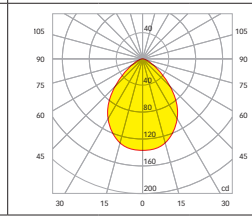		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)



KAI XP LP - Gold PVD



MARINA XP LP - Black PVD



MARINA XP LP - Satinato / Satin



BLAKE XP LP - Lucidato / Polished



XP series

I prodotti della serie XP sono caratterizzati da una struttura compatta che li rende particolarmente protetti da polvere e umidità (IP66/IP65). Le cornici sono in acciaio inox AISI 316 e il dissipatore è in alluminio anodizzato. I modelli sono disponibili con cornice tonda (KAI-KOR) o cornice quadrata (MARINA-BLAKE) e nelle versioni con profilo piatto, basso e alto.

The XP series products feature a compact structure that protects against dust and humidity (IP66/IP65). Frames are in AISI 316 stainless steel and the heat sink is in anodized aluminium. The models are available with round (KAI-KOR) or square frame (MARINA-BLAKE) and in versions with flat, low and high profile.

XP
Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

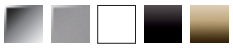

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Diffusore / Diffuser
Satinato / Satin
Opalino / Opal

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu **(2W)** / Blue single color **(2W)**
Monocolore Rosso **(2W)** / Red single color **(2W)**

Bicolore / Bicolor
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

RGBW - TW (Bianco dinamico / Tunable white)
Compatibili sistemi QCC e QNN Quick (pag. 346 - 348)
Compatible with QCC and QNN Quick systems (page 346 - 348)

Le cornici sono in acciaio inox AISI 316 e il dissipatore è in alluminio anodizzato.
Frames are in AISI 316 stainless steel and the heat sink is in anodized aluminium.





I modelli LP e HP sono protetti IP66
The LP and HP models are IP66 protected

QCC - COLOR CONTROL SYSTEM / QNN - QUICK NAUTICAL NETWORK



Le versioni RGBW e TW luce bianca dinamica sono controllabili con i Sistemi Quick QCC e QNN.
Con il sistema QCC è possibile controllare l'illuminazione dei vari ambienti mediante i pannelli remoti QCC LCS TS e i dispositivi per la gestione del sistema. Con il sistema QNN l'illuminazione è gestibile da quasi tutti i chartplotter già presenti in plancia di comando. Il QNN Gateway, in comunicazione con il chartplotter, permette di controllare tutti i sistemi Quick installati a bordo.

The RGBW and TW dynamic white light versions can be controlled with the Quick QCC and QNN systems.
The QCC system can control the lighting of the various environments using the remote QCC LCS TS panels and the devices for managing the system. With the QNN system, the lighting can be managed from virtually all the chart plotters already present in the dashboard. The QNN Gateway, which communicates with the chart plotter, can control all of the Quick systems installed on board.

Maggiori informazioni alle pagine 346 - 348
Read more on pages 346 - 348

QCC



QNN QUICK NAUTICAL NETWORK



XP
Series

VERSIONI DELLA SERIE XP / XP VERSIONS

XP FP - SD/OD - 4W/6W- IP65

CORNICE PROFILO PIATTO
Spessore 1,5 mm - Fissaggio a molle
FLAT PROFILE FRAME
Thickness 1,5 mm - Spring installation

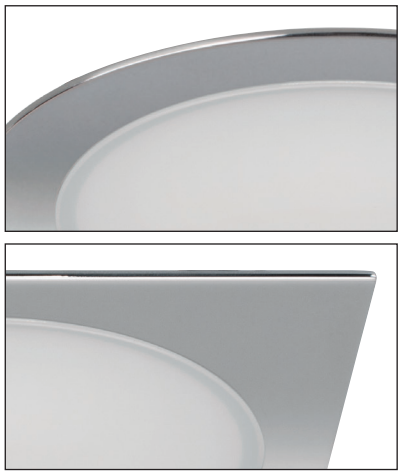



MODELLI DIFFUSORE SATINATO
SATIN DIFFUSER MODELS

KAI XP FP SD 4W - 95° - IP65
KAI XP FP SD 6W - 95° - IP65
KAI XP FP SD 6W QC RGBW - 95° - IP65
KAI XP FP SD 6W QC TW - 95° - IP65

MARINA XP FP SD 4W - 80° - IP65
MARINA XP FP SD 6W - 80° - IP65
MARINA XP FP SD 6W QC RGBW - 80° - IP65
MARINA XP FP SD 6W QC TW - 80° - IP65

BLAKE XP FP SD 4W - 95° - IP65
BLAKE XP FP SD 6W - 95° - IP65
BLAKE XP FP SD 6W QC RGBW - 95° - IP65
BLAKE XP FP SD 6W QC TW - 95° - IP65



MODELLI DIFFUSORE OPALINO
OPAL DIFFUSER MODELS

KAI XP FP OD 4W - 105° - IP65
KAI XP FP OD 6W - 105° - IP65
KAI XP FP OD 6W QC RGBW - 105° - IP65
KAI XP FP OD 6W QC TW - 105° - IP65

MARINA XP FP OD 4W - 95° - IP65
MARINA XP FP OD 6W - 95° - IP65
MARINA XP FP OD 6W QC RGBW - 95° - IP65
MARINA XP FP OD 6W QC TW - 95° - IP65

BLAKE XP FP OD 4W - 105° - IP65
BLAKE XP FP OD 6W - 105° - IP65
BLAKE XP FP OD 6W QC RGBW - 105° - IP65
BLAKE XP FP OD 6W QC TW - 105° - IP65

XP LP 4W/6W - IP66

CORNICE PROFILO BASSO
Spessore 2 mm - Fissaggio a molle
LOW PROFILE FRAME
Thickness 2 mm - Spring installation

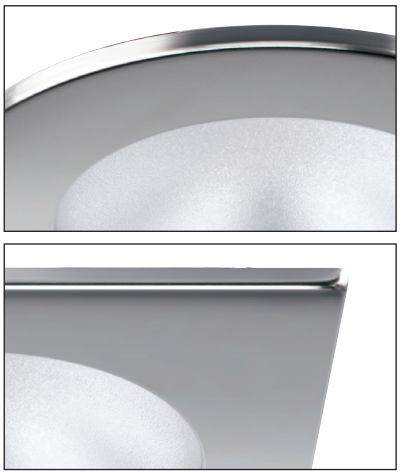



MODELLI DIFFUSORE SATINATO
SATIN DIFFUSER MODELS

KAI XP LP 4W - 95° - IP66
KAI XP LP 6W - 95° - IP66
KAI XP LP 6W QC RGBW - 95° - IP66
KAI XP LP 6W QC TW - 95° - IP66

KOR XP LP 4W - 95° - IP66
KOR XP LP 6W - 95° - IP66
KOR XP LP 6W QC RGBW - 95° - IP66
KOR XP LP 6W QC TW - 95° - IP66

MARINA XP LP 4W - 80° - IP66
MARINA XP LP 6W - 80° - IP66
MARINA XP LP 6W QC RGBW - 80° - IP66
MARINA XP LP 6W QC TW - 80° - IP66

BLAKE XP LP 4W - 95° - IP66
BLAKE XP LP 6W - 95° - IP66
BLAKE XP LP 6W QC RGBW - 95° - IP66
BLAKE XP LP 6W QC TW - 95° - IP66

XP HP 4W/6W - IP66

CORNICE PROFILO ALTO
Spessore 4 mm - Fissaggio con viti
HIGH PROFILE FRAME
Thickness 4 mm - Screw installation

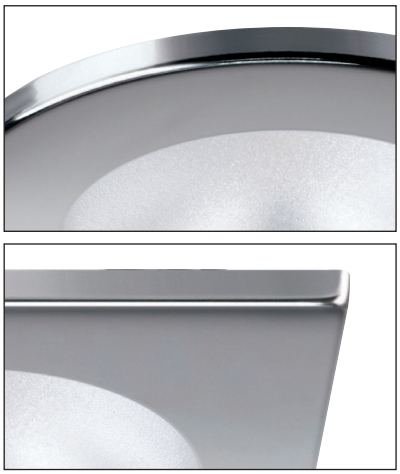



MODELLI DIFFUSORE SATINATO
SATIN DIFFUSER MODELS

KAI XP HP 4W - 95° - IP66
KAI XP HP 6W - 95° - IP66
KAI XP HP 6W QC RGBW - 95° - IP66
KAI XP HP 6W QC TW - 95° - IP66

KOR XP HP 4W - 95° - IP66
KOR XP HP 6W - 95° - IP66
KOR XP HP 6W QC RGBW - 95° - IP66
KOR XP HP 6W QC TW - 95° - IP66

MARINA XP HP 4W - 80° - IP66
MARINA XP HP 6W - 80° - IP66
MARINA XP HP 6W QC RGBW - 80° - IP66
MARINA XP HP 6W QC TW - 80° - IP66

BLAKE XP HP 4W - 95° - IP66
BLAKE XP HP 6W - 95° - IP66
BLAKE XP HP 6W QC RGBW - 95° - IP66
BLAKE XP HP 6W QC TW - 95° - IP66

XP FP SD 4W

XP FP Series

MODELLI PROFILO PIATTO / FLAT PROFILE MODELS

KAI XP FP SD 4W - 95° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	82 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

MARINA XP FP SD 4W - 80° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

BLAKE XP FP SD 4W - 95° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

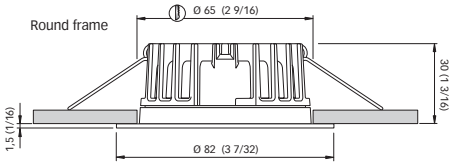

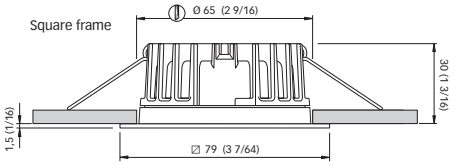

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**KAI - KOR - BLAKE XP FP SD - 4 WATT**	**MARINA XP FP SD - 4 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	400 lm			362 lm			345 lm			313 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,22 m**	**4,45 m**	**6,67 m**	**2,22 m**	**4,45 m**	**6,67 m**	**1,68 m**	**3,37 m**	**5,05 m**	**1,68 m**	**3,37 m**	**5,05 m**
Illuminamento / Illuminance	**171,7 lux**	**42,9 lux**	**19,1 lux**	**155,0 lux**	**38,8 lux**	**17,2 lux**	**199,7 lux**	**49,9 lux**	**22,2 lux**	**181,8 lux**	**45,5 lux**	**20,2 lux**
Angolo / Beam	**95°**			**95°**			**80°**			**80°**		
	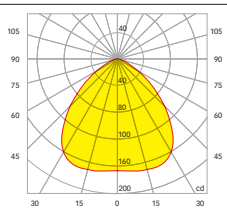			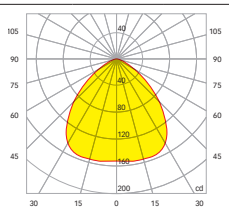			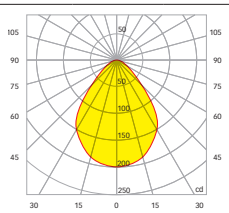			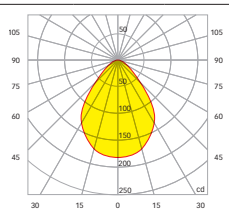		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

XP FP SD 6W

XP FP Series

MODELLI PROFILO PIATTO / FLAT PROFILE MODELS

KAI XP FP SD 6W - 95° - IP65
KAI XP FP SD 6W QC RGBW - 95° - IP65
KAI XP FP SD 6W QC TW - 95° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	82 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

MARINA XP FP SD 6W - 80° - IP65
MARINA XP FP SD 6W QC RGBW - 80° - IP65
MARINA XP FP SD 6W QC TW - 80° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

BLAKE XP FP SD 6W - 95° - IP65
BLAKE XP FP SD 6W QC RGBW - 95° - IP65
BLAKE XP FP SD 6W QC TW - 95° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

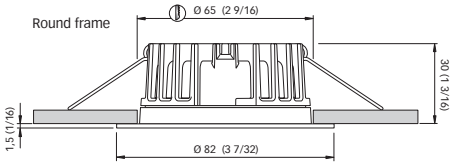

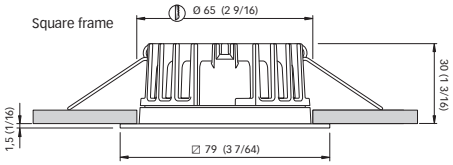

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**KAI - KOR - BLAKE XP FP SD - 6 WATT**	**MARINA XP FP SD - 6 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**6 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	500 lm			460 lm			435 lm			393 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,22 m**	**4,43 m**	**6,65 m**	**2,22 m**	**4,43 m**	**6,65 m**	**1,69 m**	**3,37 m**	**5,06 m**	**1,69 m**	**3,37 m**	**5,06 m**
Illuminamento / Illuminance	**214,4 lux**	**53,6 lux**	**23,8 lux**	**196,4 lux**	**49,1 lux**	**21,8 lux**	**253,3 lux**	**63,3 lux**	**28,1 lux**	**228,5 lux**	**57,1 lux**	**25,4 lux**
Angolo / Beam	**95°**			**95°**			**80°**			**80°**		
	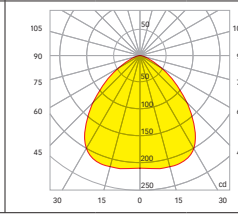			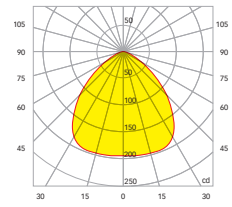			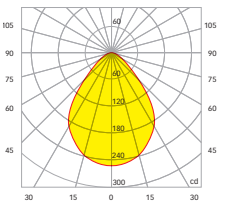			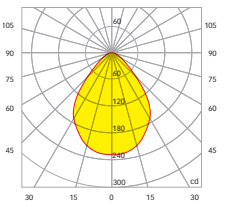		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

XP FP OD 4W

XP FP Series

MODELLI PROFILO PIATTO / FLAT PROFILE MODELS

KAI XP FP OD 4W - 105° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	82 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

MARINA XP FP OD 4W - 95° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

BLAKE XP FP OD 4W - 105° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

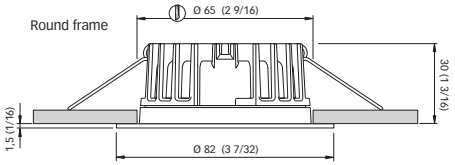

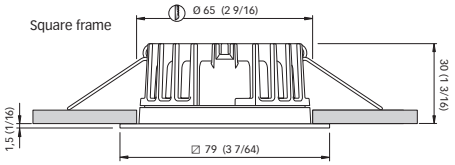

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**KAI - KOR - BLAKE XP FP OD - 4 WATT**	**MARINA XP FP OD - 4 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	320 lm			288 lm			293 lm			262 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,63 m**	**5,26 m**	**7,88 m**	**2,63 m**	**5,26 m**	**7,88 m**	**2,10 m**	**4,19 m**	**6,29 m**	**2,10 m**	**4,19 m**	**6,29 m**
Illuminamento / Illuminance	**115,2 lux**	**28,8 lux**	**12,8 lux**	**105,0 lux**	**26,3 lux**	**11,7 lux**	**120,3 lux**	**30,1 lux**	**13,4 lux**	**109,8 lux**	**27,5 lux**	**12,2 lux**
Angolo / Beam	**105°**			**105°**			**95°**			**95°**		
	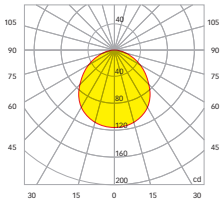			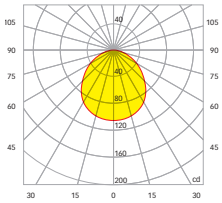			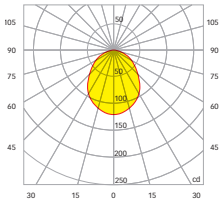			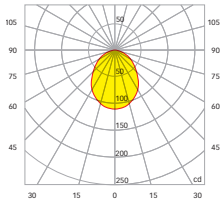		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

XP FP OD 6W

XP FP Series

MODELLI PROFILO PIATTO / FLAT PROFILE MODELS

KAI XP FP OD 6W - 105° - IP65
KAI XP FP OD 6W QC RGBW - 105° - IP65
KAI XP FP OD 6W QC TW - 105° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	82 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

MARINA XP FP OD 6W - 95° - IP65
MARINA XP FP OD 6W QC RGBW - 95° - IP65
MARINA XP FP OD 6W QC TW - 95° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

BLAKE XP FP OD 6W - 105° - IP65
BLAKE XP FP OD 6W QC RGBW - 105° - IP65
BLAKE XP FP OD 6W QC TW - 105° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

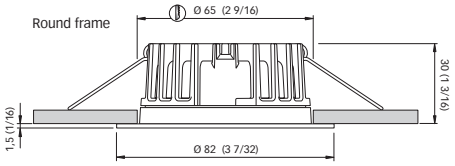

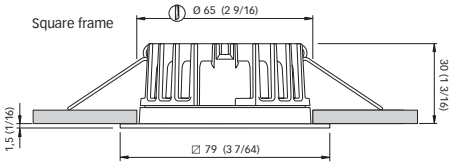

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**KAI - KOR - BLAKE XP FP OD - 6 WATT**	**MARINA XP FP OD - 6 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**6 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	395 lm			368 lm			362 lm			338 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,61 m**	**5,22 m**	**7,83 m**	**2,61 m**	**5,22 m**	**7,83 m**	**2,10 m**	**4,20 m**	**6,30 m**	**2,10 m**	**4,20 m**	**6,30 m**
Illuminamento / Illuminance	**143,8 lux**	**35,9 lux**	**16,0 lux**	**135,1 lux**	**33,8 lux**	**15,0 lux**	**150,9 lux**	**37,7 lux**	**16,8 lux**	**141,7 lux**	**35,4 lux**	**15,7 lux**
Angolo / Beam	**105°**			**105°**			**95°**			**95°**		
	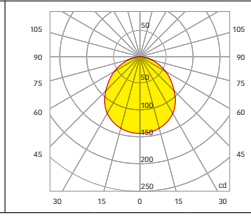			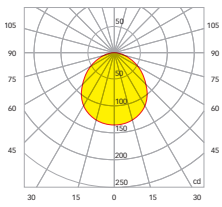			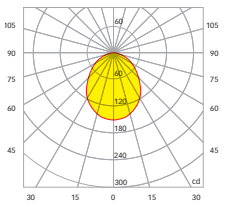			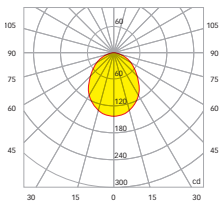		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

XP LP 4W

XP LP Series

MODELLI PROFILO BASSO / LOW PROFILE MODELS

KAI XP LP 4W - 95° - IP66



KOR XP LP 4W - 95° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	82 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

MARINA XP LP 4W - 80° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

BLAKE XP LP 4W - 95° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

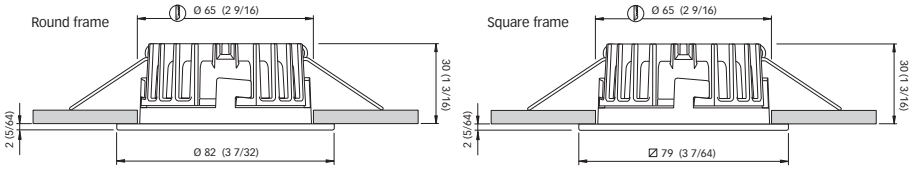

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**KAI - KOR - BLAKE XP LP - 4 WATT**	**MARINA XP LP - 4 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	400 lm			362 lm			345 lm			313 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,22 m**	**4,45 m**	**6,67 m**	**2,22 m**	**4,45 m**	**6,67 m**	**1,68 m**	**3,37 m**	**5,05 m**	**1,68 m**	**3,37 m**	**5,05 m**
Illuminamento / Illuminance	**171,7 lux**	**42,9 lux**	**19,1 lux**	**155,0 lux**	**38,8 lux**	**17,2 lux**	**199,7 lux**	**49,9 lux**	**22,2 lux**	**181,8 lux**	**45,5 lux**	**20,2 lux**
Angolo / Beam	**95°**			**95°**			**80°**			**80°**		
	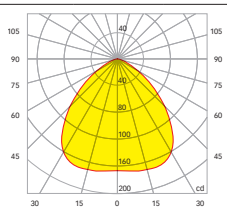			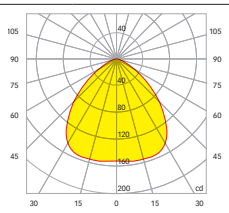			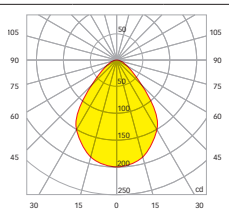			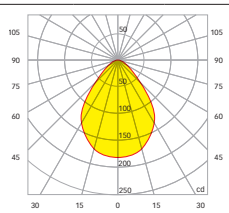		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

XP LP 6W

XP LP Series

MODELLI PROFILO BASSO / LOW PROFILE MODELS

KAI XP LP 6W - 95° - IP66
KAI XP LP 6W QC RGBW - 95° - IP66
KAI XP LP 6W QC TW - 95° - IP66



KOR XP LP 6W - 95° - IP66
KOR XP LP 6W QC RGBW - 95° - IP66
KOR XP LP 6W QC TW - 95° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	82 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

MARINA XP LP 6W - 80° - IP66
MARINA XP LP 6W QC RGBW - 80° - IP66
MARINA XP LP 6W QC TW - 80° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

BLAKE XP LP 6W - 95° - IP66
BLAKE XP LP 6W QC RGBW - 95° - IP66
BLAKE XP LP 6W QC TW - 95° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

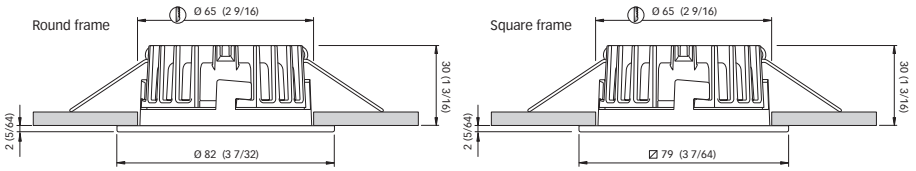

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**KAI - KOR - BLAKE XP LP - 6 WATT**	**MARINA XP LP - 6 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**6 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	500 lm			460 lm			435 lm			393 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,22 m**	**4,43 m**	**6,65 m**	**2,22 m**	**4,43 m**	**6,65 m**	**1,69 m**	**3,37 m**	**5,06 m**	**1,69 m**	**3,37 m**	**5,06 m**
Illuminamento / Illuminance	**214,4 lux**	**53,6 lux**	**23,8 lux**	**196,4 lux**	**49,1 lux**	**21,8 lux**	**253,3 lux**	**63,3 lux**	**28,1 lux**	**228,5 lux**	**57,1 lux**	**25,4 lux**
Angolo / Beam	**95°**			**95°**			**80°**			**80°**		
	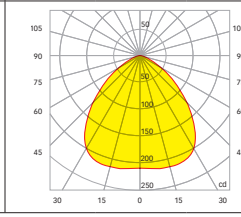			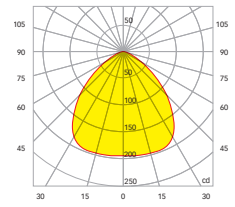			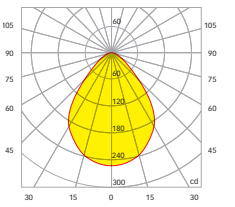			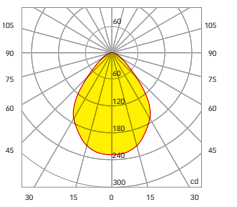		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

XP HP 4W

XP HP Series

MODELLI PROFILO ALTO / HIGH PROFILE MODELS

KAI XP HP 4W - 95° - IP66



KOR XP HP 4W - 95° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	82 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

MARINA XP HP 4W - 80° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

BLAKE XP HP 4W - 95° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

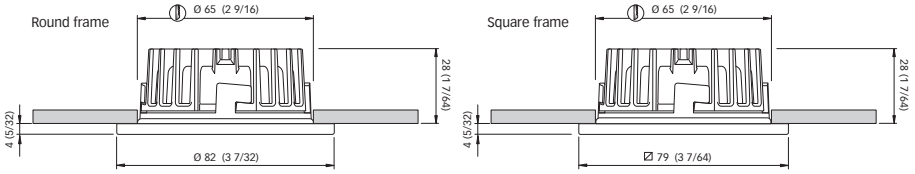

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**KAI - KOR - BLAKE XP HP - 4 WATT**	**MARINA XP HP - 4 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	400 lm			362 lm			345 lm			313 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,22 m**	**4,45 m**	**6,67 m**	**2,22 m**	**4,45 m**	**6,67 m**	**1,68 m**	**3,37 m**	**5,05 m**	**1,68 m**	**3,37 m**	**5,05 m**
Illuminamento / Illuminance	**171,7 lux**	**42,9 lux**	**19,1 lux**	**155,0 lux**	**38,8 lux**	**17,2 lux**	**199,7 lux**	**49,9 lux**	**22,2 lux**	**181,8 lux**	**45,5 lux**	**20,2 lux**
Angolo / Beam	**95°**			**95°**			**80°**			**80°**		
	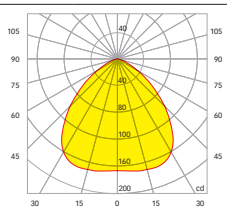			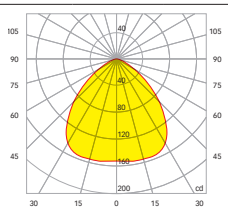			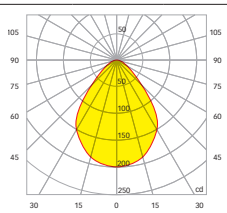			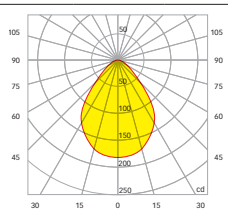		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

XP HP 6W

Series

MODELLI PROFILO ALTO / HIGH PROFILE MODELS

KAI XP HP 6W - 95° - IP66
KAI XP HP 6W QC RGBW - 95° - IP66
KAI XP HP 6W QC TW - 95° - IP66



KOR XP HP 6W - 95° - IP66
KOR XP HP 6W QC RGBW - 95° - IP66
KOR XP HP 6W QC TW - 95° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	82 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

MARINA XP HP 6W - 80° - IP66
MARINA XP HP 6W QC RGBW - 80° - IP66
MARINA XP HP 6W QC TW - 80° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

BLAKE XP HP 6W - 95° - IP66
BLAKE XP HP 6W QC RGBW - 95° - IP66
BLAKE XP HP 6W QC TW - 95° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	79x79 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

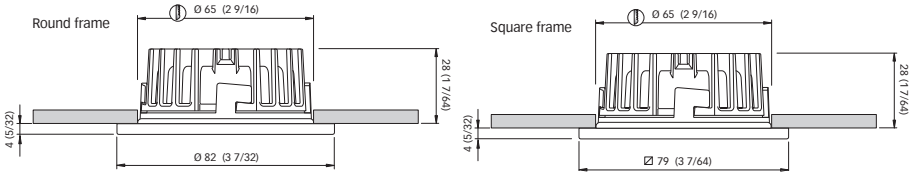

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**KAI - KOR - BLAKE XP HP - 6 WATT**	**MARINA XP HP - 6 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**6 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	500 lm			460 lm			435 lm			393 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,22 m**	**4,43 m**	**6,65 m**	**2,22 m**	**4,43 m**	**6,65 m**	**1,69 m**	**3,37 m**	**5,06 m**	**1,69 m**	**3,37 m**	**5,06 m**
Illuminamento / Illuminance	**214,4 lux**	**53,6 lux**	**23,8 lux**	**196,4 lux**	**49,1 lux**	**21,8 lux**	**253,3 lux**	**63,3 lux**	**28,1 lux**	**228,5 lux**	**57,1 lux**	**25,4 lux**
Angolo / Beam	**95°**			**95°**			**80°**			**80°**		
	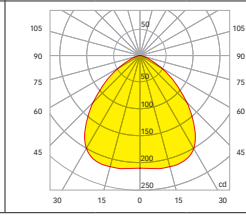			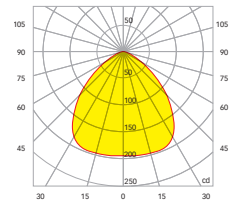			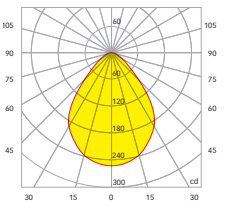			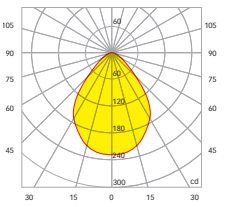		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

XP LP
Series

ACCESSORI / ACCESSORIES

Cornici / Frames

KXP L2

Cornice squadrata per faretti con profilo basso KAIXP LP e KOR XP LP
Square frame for KAIXP LP and KOR XP LP low profile spotlights.



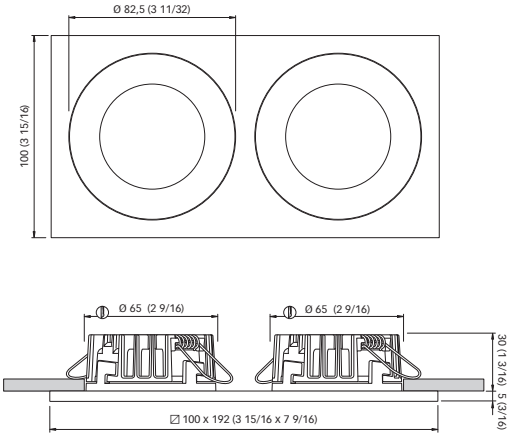

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

KXP L2R

Cornice ovale per faretti con profilo basso KAIXP LP e KOR XP LP
Oval frame for KAIXP LP and KOR XP LP low profile spotlights.



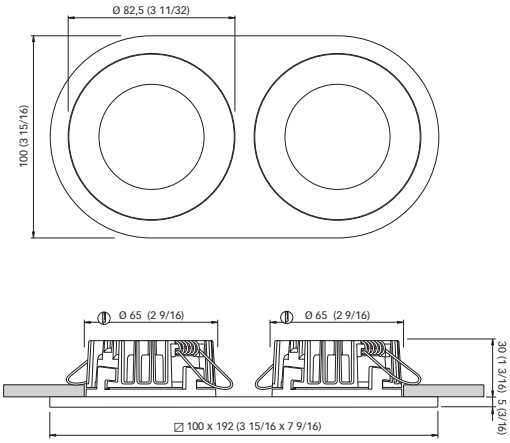

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Le cornici KXP sono state create per adattarsi ai faretti Kai LP e Kor LP.
I faretti Kai LP e Kor LP non sono inclusi nella confezione.
The KXP frames has been created to fit the Kai LP and Kor LP downlights.
Kai LP and Kor LP downlights are not included in the packaging.







ROUND series

La serie di faretti da incasso con cornice tonda comprende un'ampia scelta di modelli con diametro da 88 mm a 235 mm e disponibili per ogni tipo di esigenza di illuminazione e applicazione. Come tutti i prodotti Quick Marine Lighting possono essere prodotti in diverse finiture, anche su richiesta specifica.

The series of recessed downlights with round frame includes a wide choice of models with a diameter ranging from 88 mm to 235 mm, and is available for all types of lighting and application needs. Like all Quick Marine Lighting products, they can be produced in different finishes, including customized options.



OCEAN ALEXANDER



CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

Bicolore / Bicolor
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

RGBW - TW (Bianco dinamico / Tunable white)
Compatibili sistemi QCC e QNN Quick (pag. 346 e 348)
Compatible with QCC and QNN Quick systems (page 346 and 348)

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

MODELLI/MODELS
CHIARA 4W - 35° - IP66
CHIARA 6W - 35° - IP66
CHIARA 6W QC RGBW - 35° - IP66
CHIARA 6W QC TW - 35° - IP66
SONIA 4W - 40° - IP66
SONIA 9W - 40° - IP66
CRISTIAN 7W - 85° - IP40
CRISTIAN 6W QC RGBW - 85° - IP40
CRISTIAN 6W QC TW - 85° - IP40
CRISTIAN 12W - 85° - IP40
CRISTIAN 12W QC RGBW - 85° - IP40
CRISTIAN 12W QC TW - 85° - IP40
THEKLA LUX 9W - 95° - IP66
KLEOS 180 - 12W - 95° - IP66
KLEOS 235 - 15W - 95° - IP66

ROUND
series

CHIARA 4W - 35° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	88 mm
Recesso / Recess	28 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm



BICOLOR: 4W + Courtesy light

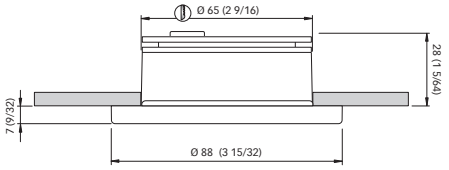

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

CHIARA 6W - 35° - IP66
CHIARA 6W QC RGBW - 35° - IP66
CHIARA 6W QC TW - 35° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	88 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm



BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

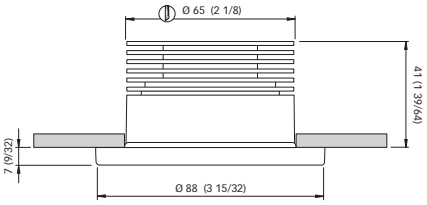

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**CHIARA 4 WATT**	**CHIARA 6 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	390 lm			350 lm			505 lm			465 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,62 m**	**1,23 m**	**1,85 m**	**0,62 m**	**1,23 m**	**1,85 m**	**0,61 m**	**1,22 m**	**1,83 m**	**0,61 m**	**1,22 m**	**1,83 m**
Illuminamento / Illuminance	**483,8 lux**	**120,9 lux**	**53,8 lux**	**437,7 lux**	**109,4 lux**	**48,6 lux**	**627,9 lux**	**157,0 lux**	**69,8 lux**	**588,0 lux**	**147,0 lux**	**65,3 lux**
Angolo / Beam	**35°**			**35°**			**35°**			**35°**		
	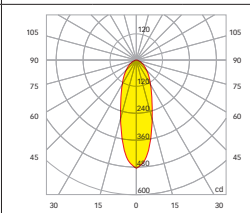			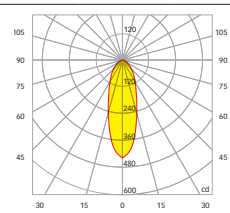			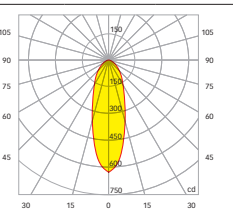			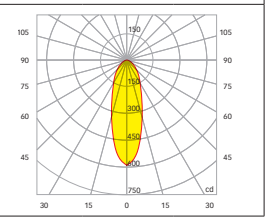		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ROUND
series

SONIA 4W - 40° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	105 mm
Recesso / Recess	34 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	79 mm



BICOLOR: 4W + Courtesy light

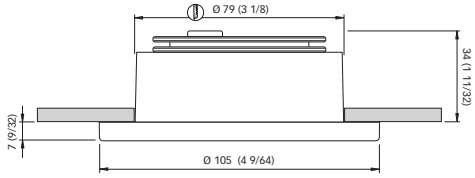

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

SONIA 9W - 40° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	105 mm
Recesso / Recess	57,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	79 mm



BICOLOR: 9W + Courtesy light

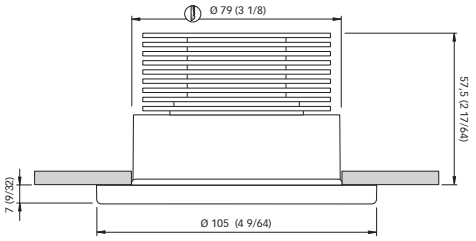

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**SONIA 4 WATT**			**SONIA 9 WATT**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**			**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc			9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**			**9 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V			0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity			Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes			Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	375 lm			315 lm			732 lm			612 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,74 m**	**1,48 m**	**2,22 m**	**0,74 m**	**1,48 m**	**2,22 m**	**0,68 m**	**1,36 m**	**2,03 m**	**0,68 m**	**1,37 m**	**2,05 m**
Illuminamento / Illuminance	**405,4 lux**	**101,3 lux**	**45,0 lux**	**343,1 lux**	**85,8 lux**	**38,1 lux**	**887,6 lux**	**221,9 lux**	**98,6 lux**	**736,3 lux**	**184,1 lux**	**81,8 lux**
Angolo / Beam	**40°**			**40°**			**40°**			**40°**		
	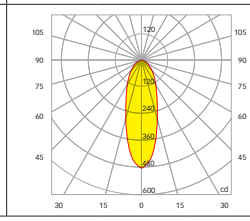			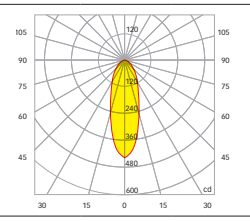			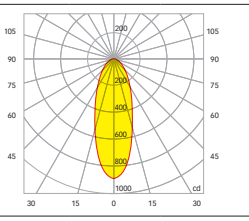			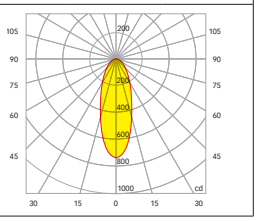		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ROUND
series

CRISTIAN 7W - 85° - IP40
CRISTIAN 6W QC RGBW - 85° - IP40
CRISTIAN 6W QC TW - 85° - IP40



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	102 mm
Recesso / Recess	55 mm
Ø foratura / Ø Cutout	89 mm

BICOLOR: 7W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

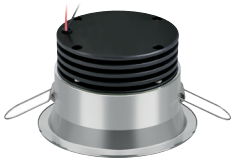

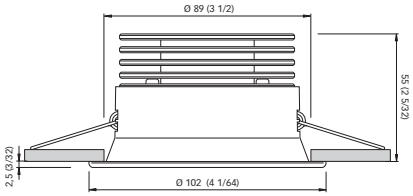

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

CRISTIAN 12W - 85° - IP40
CRISTIAN 12W QC RGBW - 85° - IP40
CRISTIAN 12W QC TW - 85° - IP40



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	102 mm
Recesso / Recess	70,5 mm
Ø foratura / Ø Cutout	89 mm

BICOLOR: 12W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System



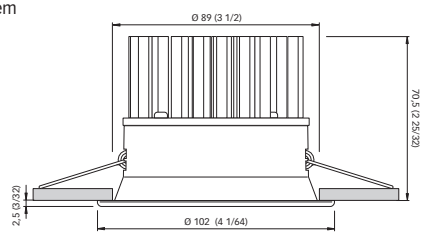

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**CRISTIAN 7 WATT**	**CRISTIAN 12 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**7 W**	**12 W**
Assorbimento / Absorption	0,6 A @ 12 V / 0,3 A @ 24 V	1A @ 12V / 0,5A @ 24V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **80**			≥ **90**			≥ **80**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	665 lm			535 lm			1057 lm			794 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,81 m**	**3,61 m**	**5,42 m**	**1,81 m**	**3,61 m**	**5,42 m**	**1,90 m**	**3,80 m**	**5,70 m**	**1,79 m**	**3,58 m**	**5,37 m**
Illuminamento / Illuminance	**321,4 lux**	**80,3 lux**	**35,7 lux**	**258,7 lux**	**64,7 lux**	**28,7 lux**	**498,4 lux**	**124,6 lux**	**55,4 lux**	**388,5 lux**	**97,1 lux**	**43,2 lux**
Angolo / Beam	**85°**			**85°**			**85°**			**85°**		
	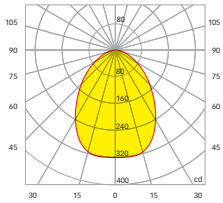			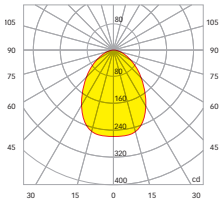			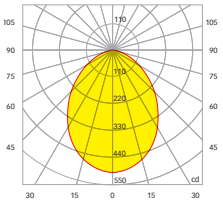			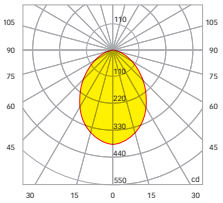		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 356 (QNN)

ROUND
series

THEKLA LUX 9W - 95° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation
Fissaggio a molle / Spring installation*

Ø Cornice / Ø Bezel	155 mm
Recesso / Recess	25 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	114 mm

BICOLOR: 9W + 4W Courtesy light

* Il modello con fissaggio a molle è disponibile solo su richiesta.
* The spring-mounted model is available only on request.



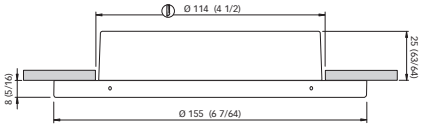

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**THEKLA LUX - 9 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**9 W**
Assorbimento / Absorption	0,75 A @ 12V / 0,38 A @ 24V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	605 lm			595 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,15 m**	**4,31 m**	**6,46 m**	**2,15 m**	**4,31 m**	**6,46 m**
Illuminamento / Illuminance	**257,8 lux**	**64,5 lux**	**28,6 lux**	**250 lux**	**62,5 lux**	**27,8 lux**
Angolo / Beam	**95°**			**95°**		
	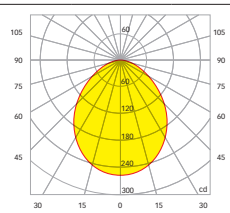			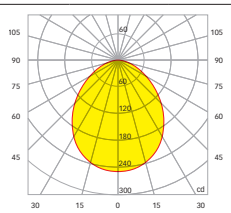		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 356 (QNN)



KLEOS series

KLEOS è un faretto da incasso che non presenta interruzioni tra il diffusore e l'ampia cornice in acciaio inox (AISI 316). L'effetto di continuità della superficie conferisce all'oggetto un'eleganza raffinata e contemporanea.
KLEOS è proposto in due formati, Ø 180 mm e 235 mm.

KLEOS is a built-in spotlight that has no interruptions between the diffuser and the large stainless steel (AISI 316) frame. The surface continuity effect gives the object refined and contemporary elegance. KLEOS is available in two sizes: Ø 180 mm and 235 mm.

KLEOS
Series

KLEOS 180 - 12W - 95° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation
Fissaggio a molle / Spring installation*

Ø Cornice / Ø Bezel	180 mm
Recesso / Recess	35 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	132 mm



BICOLOR: 12W + 4W Courtesy light (solo su richiesta/ on request only)

* Il modello con fissaggio a molle è disponibile solo su richiesta.
* The spring-mounted model is available only on request.

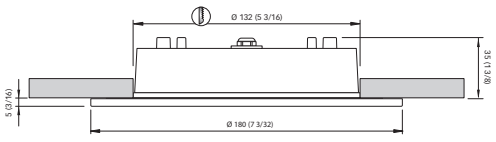

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

KLEOS 235 - 15W - 95° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation
Fissaggio a molle / Spring installation*

Ø Cornice / Ø Bezel	235 mm
Recesso / Recess	42 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	185 mm



BICOLOR: 15W + 4W Courtesy light (solo su richiesta/ on request only)

* Il modello con fissaggio a molle è disponibile solo su richiesta.
* The spring-mounted model is available only on request.

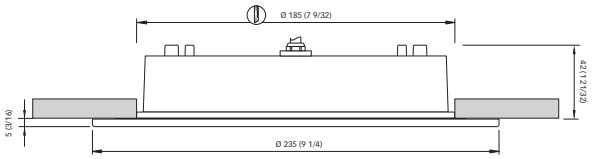

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**KLEOS 180 - 12 WATT**	**KLEOS 235 - 15 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	20 - 30 Vdc	20 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**12 W**	**15 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 24V	0,63 A @ 24V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	810 lm			795 lm			1010 lm			995 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,15 m**	**4,31 m**	**6,46 m**	**2,15 m**	**4,31 m**	**6,46 m**	**2,15 m**	**4,31 m**	**6,46 m**	**2,15 m**	**4,31 m**	**6,46 m**
Illuminamento / Illuminance	**343,8 lux**	**85,9 lux**	**38,2 lux**	**333,3 lux**	**83,3 lux**	**37 lux**	**429,7 lux**	**107,4 lux**	**47,7 lux**	**416,6 lux**	**104,2 lux**	**46,3 lux**
Angolo / Beam	**95°**			**95°**			**95°**			**95°**		
	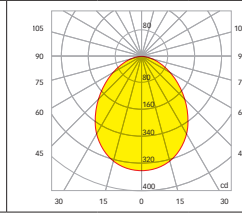			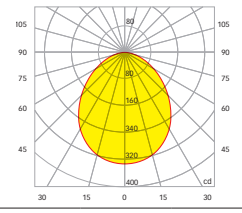			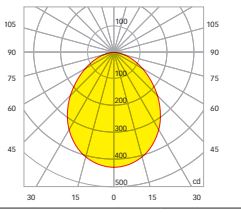			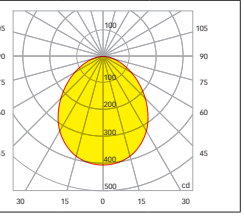		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)



SQUARE series

KRISTINE, DEMETRA e VANESSA di tipo orientabile sono tre versioni dello stesso progetto. Tutti i modelli di questa serie hanno la cornice di forma quadrata in acciaio inox AISI 316 e sono disponibili nelle versioni 7 watt e 12 watt. I modelli KRISTINE e VANESSA sono faretti da incasso per applicazioni interne, mentre il modello DEMETRA è installabile in esterno essendo dotato di grado di protezione IP65 (resistente all'umidità).

The adjustable KRISTINE, DEMETRA and VANESSA models are three versions of the same product. All models in this series have a square-shaped AISI 316 stainless steel frame and are available in 7 watt and 12 watt versions. The KRISTINE and VANESSA models are recessed downlights for indoor, while the DEMETRA model can be installed outdoors, since it relies on an IP65 protection rating (humidity resistant).





CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

Bicolore / Bicolor
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

RGBW - TW (Bianco dinamico / Tunable white)
Compatibili sistemi QCC e QNN Quick (pag. 346 e 348)
Compatible with QCC and QNN Quick systems (page 346 and 348)

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

MODELLI/MODELS
KRISTINE 7W - 80° - IP40
KRISTINE 6W QC RGBW - 80° - IP40
KRISTINE 6W QC TW - 80° - IP40
KRISTINE 12W - 90° - IP40
KRISTINE 12W QC RGBW - 90° - IP40
KRISTINE 12W QC TW - 90° - IP40
DEMETRA 7W - 80° - IP65
DEMETRA 6W QC RGBW - 80° - IP65
DEMETRA 6W QC TW - 80° - IP65
DEMETRA 12W - 90° - IP65
DEMETRA 12W QC RGBW - 90° - IP65
DEMETRA 12W QC TW - 90° - IP65
VANESSA 7W - 80° - IP40
VANESSA 6W QC RGBW - 80° - IP40
VANESSA 6W QC TW - 80° - IP40
VANESSA 12W - 90° - IP40
VANESSA 12W QC RGBW - 90° - IP40
VANESSA 12W QC TW - 90° - IP40

SQUARE
series

KRISTINE 7W - 80° - IP40
KRISTINE 6W QC RGBW - 80° - IP40
KRISTINE 6W QC TW - 80° - IP40



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	112x112 mm
Recesso / Recess	57 mm
Foratura / Cutout	90X90 mm

BICOLOR: 7W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

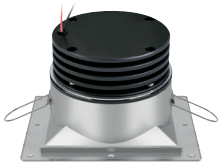

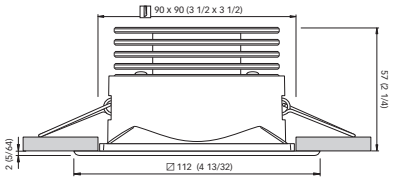

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

KRISTINE 12W - 90° - IP40
KRISTINE 12W QC RGBW - 90° - IP40
KRISTINE 12W QC TW - 90° - IP40



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	112x112 mm
Recesso / Recess	70,1 mm
Foratura / Cutout	90X90 mm

BICOLOR: 12W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System



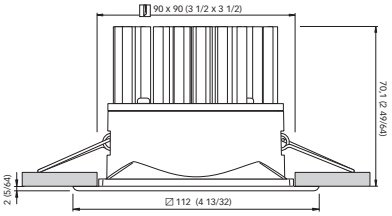

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**KRISTINE 7 WATT**	**KRISTINE 12 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**7 W**	**12 W**
Assorbimento / Absorption	0,6 A @ 12 V / 0,3 A @ 24 V	1A @ 12V / 0,5A @ 24V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **80**			≥ **90**			≥ **80**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	679 lm			498 lm			1019 lm			777 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,75 m**	**3,50 m**	**5,26 m**	**1,70 m**	**3,40 m**	**5,10 m**	**2,06 m**	**4,11 m**	**6,17 m**	**2,06 m**	**4,11 m**	**6,17 m**
Illuminamento / Illuminance	**340,1 lux**	**85,0 lux**	**37,8 lux**	**262,4 lux**	**65,6 lux**	**29,2 lux**	**445,4 lux**	**111,4 lux**	**49,5 lux**	**345,6 lux**	**86,4 lux**	**38,4 lux**
Angolo / Beam	**80°**			**80°**			**90°**			**90°**		
	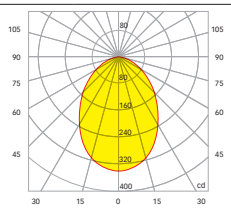			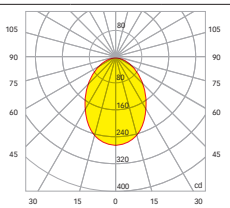			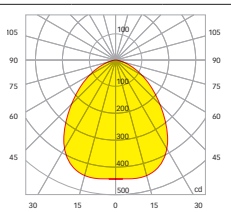			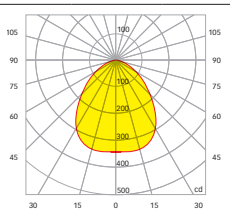		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

SQUARE
series

DEMETRA 7W - 80° - IP65
DEMETRA 6W QC RGBW - 80° - IP65
DEMETRA 6W QC TW - 80° - IP65



IP65

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	112x112 mm
Recesso / Recess	54 mm
Foratura / Cutout	85X85 mm

BICOLOR: 7W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

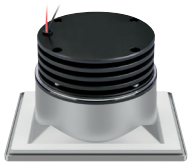

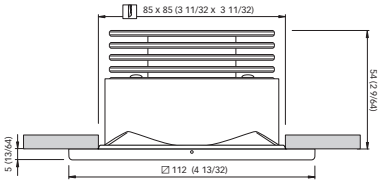

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DEMETRA 12W - 90° - IP65
DEMETRA 12W QC RGBW - 90° - IP65
DEMETRA 12W QC TW - 90° - IP65



IP65

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	112x112 mm
Recesso / Recess	70,1 mm
Foratura / Cutout	85X85 mm

BICOLOR: 12W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System



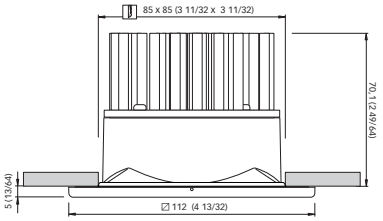

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**DEMETRA 7 WATT**						**DEMETRA 12 WATT**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**7 W**						**12 W**					
Assorbimento / Absorption	0,6 A @ 12 V / 0,3 A @ 24 V						1A @ 12V / 0,5A @ 24V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **80**			≥ **90**			≥ **80**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	679 lm			498 lm			1019 lm			777 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,75 m**	**3,50 m**	**5,26 m**	**1,70 m**	**3,40 m**	**5,10 m**	**2,06 m**	**4,11 m**	**6,17 m**	**2,06 m**	**4,11 m**	**6,17 m**
Illuminamento / Illuminance	**340,1 lux**	**85,0 lux**	**37,8 lux**	**262,4 lux**	**65,6 lux**	**29,2 lux**	**445,4 lux**	**111,4 lux**	**49,5 lux**	**345,6 lux**	**86,4 lux**	**38,4 lux**
Angolo / Beam	**80°**			**80°**			**90°**			**90°**		
	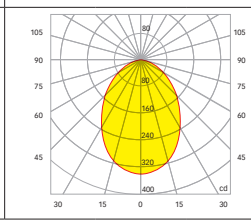			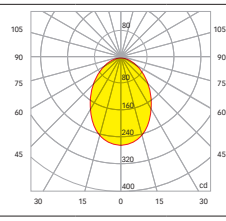			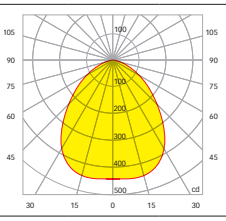			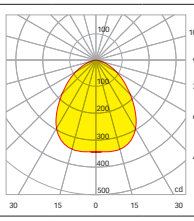		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

SQUARE
series

VANESSA 7W - 80° - IP40 - ADJUSTABLE
VANESSA 6W QC RGBW - 80° - IP40 - ADJUSTABLE
VANESSA 6W QC TW - 80° - IP40 - ADJUSTABLE



IP40 Adjustable

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	112x112 mm
Recesso / Recess	64,5 mm
Foratura / Cutout	90X95 mm

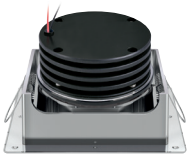

BICOLOR: 7W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

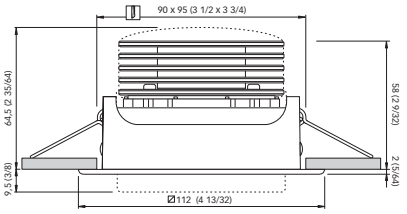

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

VANESSA 12W - 90° - IP40 - ADJUSTABLE
VANESSA 12W QC RGBW - 90° - IP40 - ADJUSTABLE
VANESSA 12W QC TW - 90° - IP40 - ADJUSTABLE



IP40 Adjustable

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	112x112 mm
Recesso / Recess	80,2 mm
Foratura / Cutout	90X95 mm



BICOLOR: 12W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

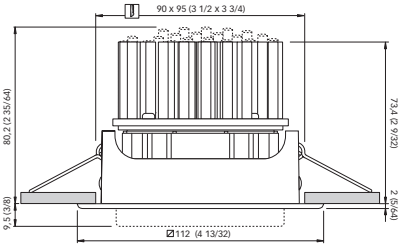

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**VANESSA 7 WATT**	**VANESSA 12 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**7 W**	**12 W**
Assorbimento / Absorption	0,6 A @ 12 V / 0,3 A @ 24 V	1A @ 12V / 0,5A @ 24V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **80**			≥ **90**			≥ **80**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	679 lm			498 lm			1019 lm			777 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,75 m**	**3,50 m**	**5,26 m**	**1,70 m**	**3,40 m**	**5,10 m**	**2,06 m**	**4,11 m**	**6,17 m**	**2,06 m**	**4,11 m**	**6,17 m**
Illuminamento / Illuminance	**340,1 lux**	**85,0 lux**	**37,8 lux**	**262,4 lux**	**65,6 lux**	**29,2 lux**	**445,4 lux**	**111,4 lux**	**49,5 lux**	**345,6 lux**	**86,4 lux**	**38,4 lux**
Angolo / Beam	**80°**			**80°**			**90°**			**90°**		
	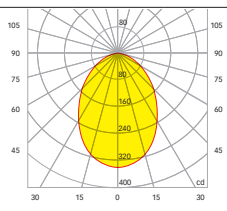			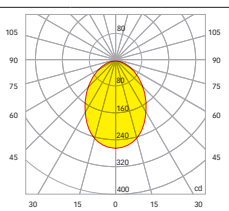			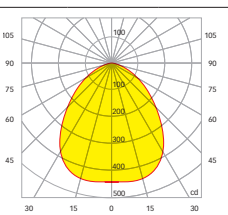			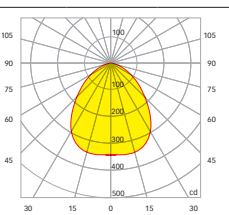		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40 CE

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ADJUSTABLE SQUARED
VANESSA model



ADJUSTABLES
series



La selezione dei faretti orientabili comprende diversi modelli, da 1,5W fino a 9W, in vari formati e finiture.
La tecnologia LED, aggiornata e allineata con il resto della gamma, offre maggiori prestazioni e una qualità illuminotecnica altamente competitiva. Alcuni modelli della serie includono le versioni antiglare, presenti anche nella sezione "Antiglare Collection" a pagina 124.

The selection of adjustable spotlights includes various models from 1.5W up to 9W in various formats and finishes. The LED technology, which is updated and aligned with the rest of the range, offers greater performance and highly competitive lighting quality. Some models in the series include the antiglare versions, also present in the "Antiglare Collection" section on page 124.

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color **(Mod. AG 2W)**
Monocolore Rosso / Red single color **(Mod. AG 2W)**

Bicolore / Bicolor
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

MODELLI/MODELS
YOKO 1,5W - 40° - IP40
LUCILLE 1,5W - 40° - IP40
NIKITA 4W - 35° - IP40
NIKITA 6W - 35° - IP40
NIKITA 9W - 45° - IP40
NIKITA AG 4W - 30° - IP40
NIKITA AG 4W - 45° - IP40
NIKITA AG 4W - 65° - IP40
NIKITA AG 6W - 30° - IP40
NIKITA AG 6W - 45° - IP40
NIKITA AG 6W - 65° - IP40
NIKITA AG 9W - 30° - IP40
NIKITA AG 9W - 45° - IP40
NIKITA AG 9W - 65° - IP40
REGINA 4W - 35° - IP40
REGINA 6W - 35° - IP40
REGINA 9W - 45° - IP40
REGINA AG 4W - 30° - IP40
REGINA AG 4W - 45° - IP40
REGINA AG 4W - 65° - IP40
REGINA AG 6W - 30° - IP40
REGINA AG 6W - 45° - IP40
REGINA AG 6W - 65° - IP40
REGINA AG 9W - 30° - IP40
REGINA AG 9W - 45° - IP40
REGINA AG 9W - 65° - IP40

ADJUSTABLES
series

YOKO & LUCILLE - 1,5W - IP40

YOKO 1,5W - 40° - IP40 - ADJUSTABLE



Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	65 mm
Recesso / Recess	35 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	52 mm

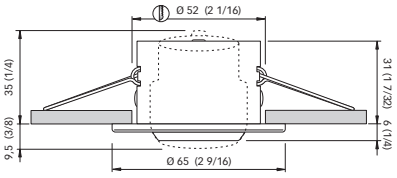

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

LUCILLE 1,5W - 40° - IP40 - ADJUSTABLE



Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	65 mm
Recesso / Recess	35 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	52 mm

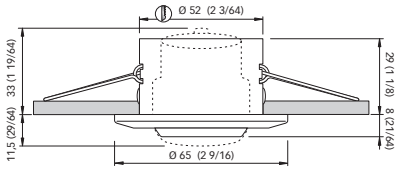

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

	YOKO / LUCILLE
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V
Polarità / Polarity sensitive	No

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	61 lm			56 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,70 m**	**1,39 m**	**2,09 m**	**0,69 m**	**1,37 m**	**2,06 m**
Illuminamento / Illuminance	**85,2 lux**	**21,3 lux**	**9,5 lux**	**79,0 lux**	**19,7 lux**	**8,8 lux**
Angolo / Beam	**40°**			**40°**		
	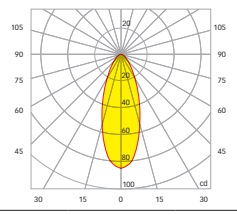			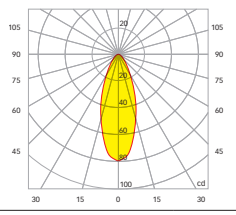		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

NIKITA

Adjustable Series

NIKITA 4W - 35° - IP40





Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85 mm
Recesso / Recess	42 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light



Cornici a pag. 103
Frames at page 103

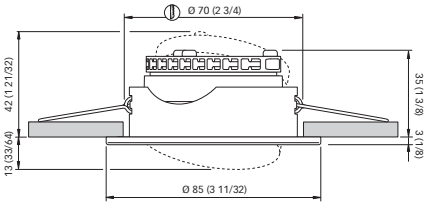

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

NIKITA 6W - 35° - IP40





Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85 mm
Recesso / Recess	55,2 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light



Cornici a pag. 103
Frames at page 103

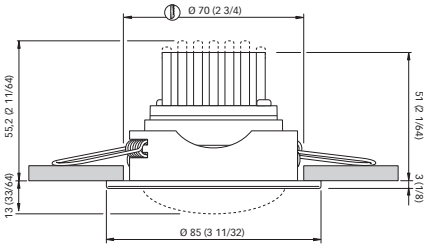

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**NIKITA 4 WATT**	**NIKITA 6 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	390 lm			330 lm			480 lm			455 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,64 m**	**1,29 m**	**1,93 m**	**0,64 m**	**1,29 m**	**1,93 m**	**0,64 m**	**1,28 m**	**1,92 m**	**0,64 m**	**1,28 m**	**1,92 m**
Illuminamento / Illuminance	**516,1 lux**	**129,0 lux**	**57,3 lux**	**426,0 lux**	**106,5 lux**	**47,3 lux**	**623,8 lux**	**156,0 lux**	**69,3 lux**	**590,1 lux**	**147,5 lux**	**65,6 lux**
Angolo / Beam	**35°**			**35°**			**35°**			**35°**		
	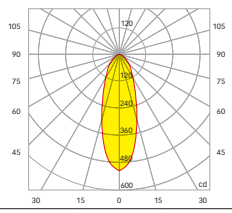			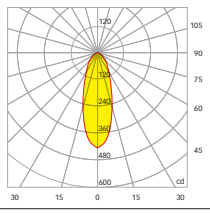			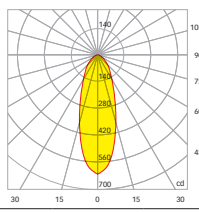			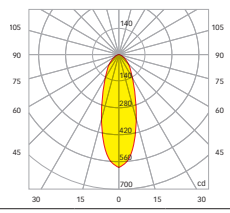		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

NIKITA

Adjustable Series

NIKITA 9W - 35° - IP40





Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85 mm
Recesso / Recess	74,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 9W + Courtesy light



Cornici a pag. 103
Frames at page 103

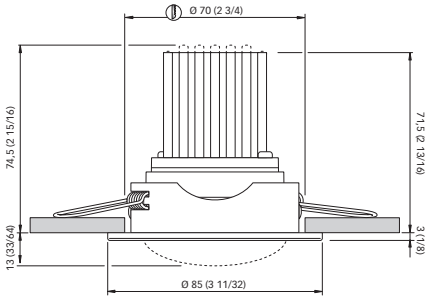

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**NIKITA 9 WATT**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**9 W**					
Assorbimento / Absorption	0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	620 lm			515 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,66 m**	**1,32 m**	**1,98 m**	**0,66 m**	**1,32 m**	**1,98 m**
Illuminamento / Illuminance	**786,6 lux**	**196,7 lux**	**87,4 lux**	**652,2 lux**	**163,0 lux**	**72,5 lux**
Angolo / Beam	**35°**			**35°**		
	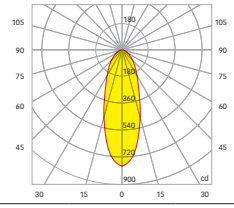			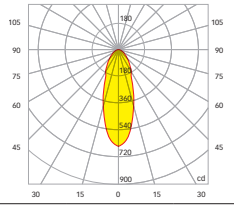		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

NIKITA AG

Adjustable Series

ANTIGLARE COLLECTION

NIKITA AG 4W - 30° - IP40
NIKITA AG 4W - 45° - IP40
NIKITA AG 4W - 65° - IP40



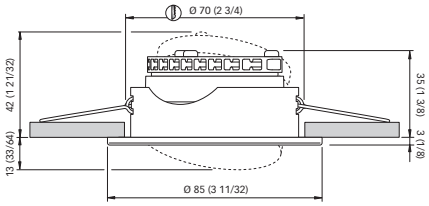

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85 mm
Recesso / Recess	42 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only



Cornici a pag. 103 / Frames at page 103

Modelli / Models	**NIKITA AG 4W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	362 lm			313 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**
Illuminamento / Illuminance	**935,8 lux**	**234,0 lux**	**104,0 lux**	**849,2 Lux**	**212,3 lux**	**94,4 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	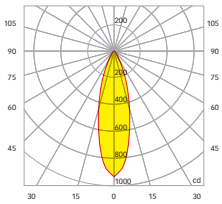			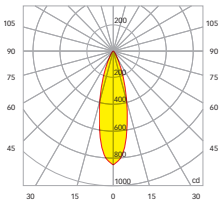		

Modelli / Models	**NIKITA AG 4W - Angolo/beam 45°**						**NIKITA AG 4W - Angolo/beam 65°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**						**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V						0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	355 lm			335 lm			315 lm			275 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,80 m**	**1,60 m**	**2,39 m**	**0,80 m**	**1,60 m**	**2,39 m**	**1,19 m**	**2,39 m**	**3,58 m**	**1,19 m**	**2,39 m**	**3,58 m**
Illuminamento / Illuminance	**568,4 lux**	**142,1 lux**	**63,2 lux**	**520,1 Lux**	**130,0 lux**	**57,8 lux**	**253,7 lux**	**63,4 lux**	**28,2 lux**	**231,0 lux**	**57,8 lux**	**25,7 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	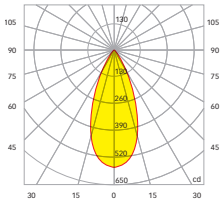			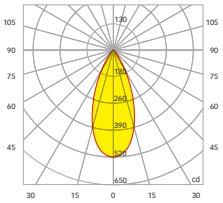			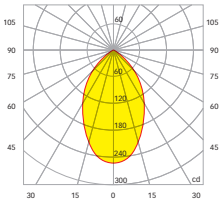			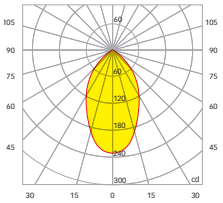		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

NIKITA AG

Adjustable Series

ANTIGLARE COLLECTION

NIKITA AG 6W - 30° - IP40
NIKITA AG 6W - 45° - IP40
NIKITA AG 6W - 65° - IP40



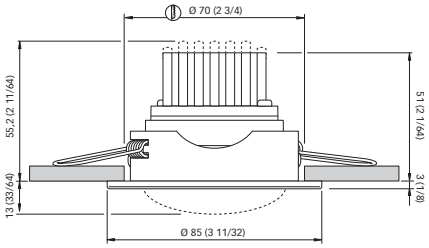

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85 mm
Recesso / Recess	55,2 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only



Cornici a pag. 103 / Frames at page 103

Modelli / Models	**NIKITA AG 6W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	467 lm			398 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**
Illuminamento / Illuminance	**1180,4 lux**	**295,1 lux**	**131,2 lux**	**1061,8 lux**	**265,5 lux**	**118,0 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	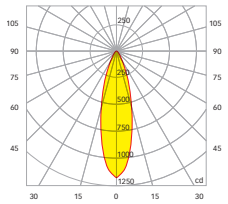			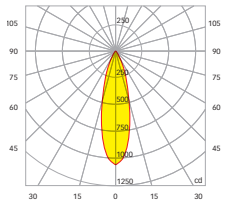		

Modelli / Models	**NIKITA AG 6W - Angolo/beam 45°**	**NIKITA AG 6W - Angolo/beam 65°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**6 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	455 lm			425 lm			395 lm			355 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,79 m**	**1,59 m**	**2,38 m**	**0,79 m**	**1,59 m**	**2,38 m**	**1,22 m**	**2,44 m**	**3,66 m**	**1,22 m**	**2,44 m**	**3,66 m**
Illuminamento / Illuminance	**708,9 lux**	**177,2 lux**	**78,8 lux**	**668,8 lux**	**167,2 lux**	**74,3 lux**	**319,4 lux**	**79,8 lux**	**35,5 lux**	**295,5 lux**	**73,9 lux**	**32,8 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	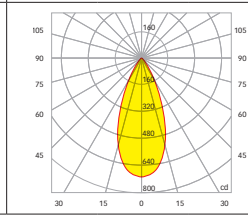			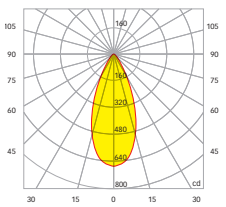			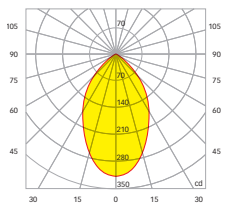			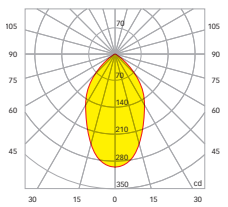		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

NIKITA AG

Adjustable Series

ANTIGLARE COLLECTION

NIKITA AG 9W - 30° - IP40
NIKITA AG 9W - 45° - IP40
NIKITA AG 9W - 65° - IP40



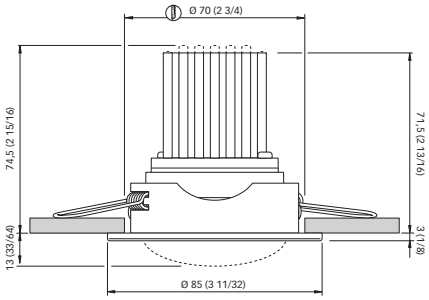

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85 mm
Recesso / Recess	74,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 9W + Courtesy light



Cornici a pag. 103 / Frames at page 103

Modelli / Models	NIKITA AG 9W - Angolo/beam 30°					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**9 W**					
Assorbimento / Absorption	0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	597 lm			505 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,52 m**	**1,03 m**	**1,55 m**	**0,52 m**	**1,03 m**	**1,55 m**
Illuminamento / Illuminance	**1480,4 lux**	**370,1 lux**	**164,5 lux**	**1278,4 lux**	**319,6 lux**	**142,0 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	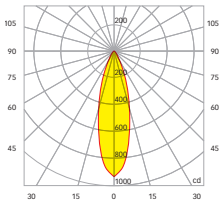			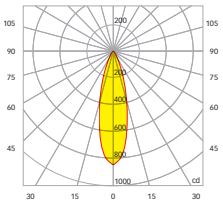		

Modelli / Models	NIKITA AG 9W - Angolo/beam 45°						NIKITA AG 9W - Angolo/beam 65°					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**9 W**						**9 W**					
Assorbimento / Absorption	0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V						0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	560 lm			465 lm			527 lm			460 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,76 m**	**1,53 m**	**2,29 m**	**0,76 m**	**1,53 m**	**2,29 m**	**1,24 m**	**2,47 m**	**3,71 m**	**1,24 m**	**2,47 m**	**3,71 m**
Illuminamento / Illuminance	**826,0 lux**	**206,5 lux**	**91,8 lux**	**790,7 lux**	**197,7 lux**	**87,9 lux**	**411,6 lux**	**102,9 lux**	**45,7 lux**	**376,3 lux**	**94,1 lux**	**41,8 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	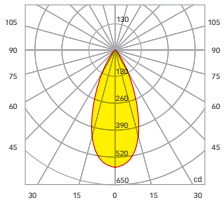			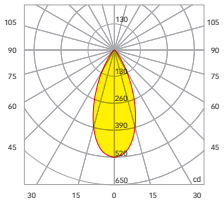			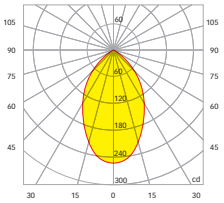			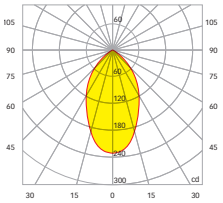		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

NIKITA / NIKITA AG

Adjustable Series

ACCESSORI / ACCESSORIES

Cornici / Frames

Le cornici NK sono state create per adattarsi ai faretti Nikita/Nikita Antiglare. I faretti Nikita/Nikita Antiglare non sono inclusi nella confezione.
The NK frames has been created to fit the Nikita/Nikita Antiglare downlights. Nikita/Nikita Antiglare downlights are not included in the packaging.

Cornice NK L1 / Frame NK L1





Cornice NK L2 / Frame NK L2





Cornice NK L3 / Frame NK L3





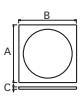

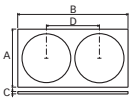

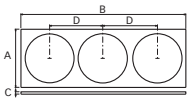

	NK L1	NK L2	NK L3
A	100 (3 15/16)	100 (3 15/16)	100 (3 15/16)
B	100 (3 15/16)	192 (7 9/16)	284 (11 3/16)
C	4 (5/32)	4 (5/32)	4 (5/32)
D	-	92,25 (3 5/8)	92,25 (3 5/8)

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

REGINA
Adjustable Series

REGINA 4W - 35° - IP40



Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	85x85 mm
Recesso / Recess	42 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

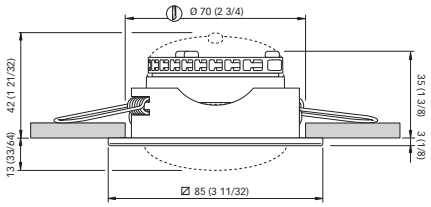

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

REGINA 6W - 35° - IP40



Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	85x85 mm
Recesso / Recess	56 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

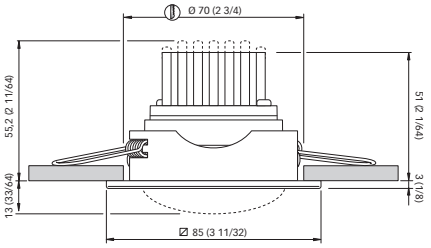

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**REGINA 4 WATT**	**REGINA 6 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	390 lm			330 lm			480 lm			455 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,64 m**	**1,29 m**	**1,93 m**	**0,64 m**	**1,29 m**	**1,93 m**	**0,64 m**	**1,28 m**	**1,92 m**	**0,64 m**	**1,28 m**	**1,92 m**
Illuminamento / Illuminance	**516,1 lux**	**129,0 lux**	**57,3 lux**	**426,0 lux**	**106,5 lux**	**47,3 lux**	**623,8 lux**	**156,0 lux**	**69,3 lux**	**590,1 lux**	**147,5 lux**	**65,6 lux**
Angolo / Beam	**35°**			**35°**			**35°**			**35°**		
	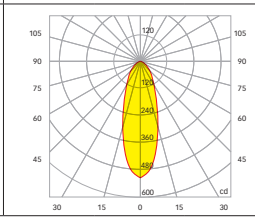			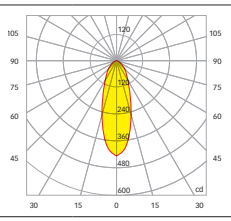			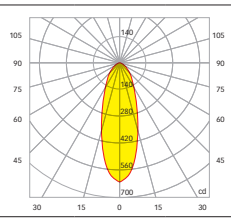			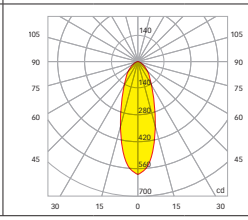		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

REGINA
Adjustable Series

NIKITA 9W - 35° - IP40





Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	85x85 mm
Recesso / Recess	75 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 9W + Courtesy light

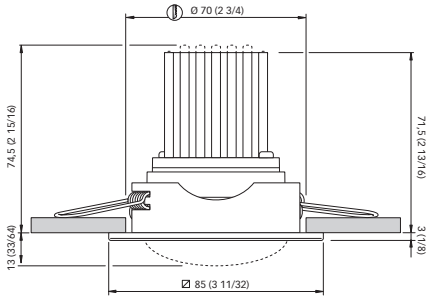

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**REGINA 9 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**9 W**
Assorbimento / Absorption	0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 80**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	620 lm			515 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,66 m**	**1,32 m**	**1,98 m**	**0,66 m**	**1,32 m**	**1,98 m**
Illuminamento / Illuminance	**786,6 lux**	**196,7 lux**	**87,4 lux**	**652,2 lux**	**163,0 lux**	**72,5 lux**
Angolo / Beam	**35°**			**35°**		
	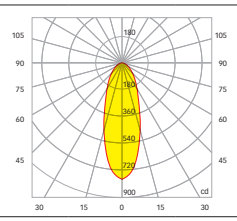			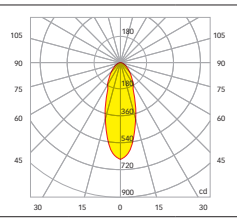		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

REGINA AG

Adjustable Series

ANTIGLARE COLLECTION

REGINA AG 4W - 30° - IP40
REGINA AG 4W - 45° - IP40
REGINA AG 4W - 65° - IP40



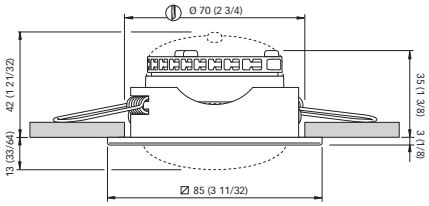

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85x85 mm
Recesso / Recess	42 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

Modelli / Models	**REGINA AG 4W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	362 lm			313 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**
Illuminamento / Illuminance	**935,8 lux**	**234,0 lux**	**104,0 lux**	**849,2 Lux**	**212,3 lux**	**94,4 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	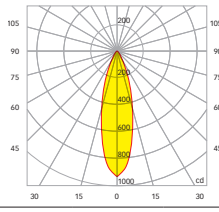			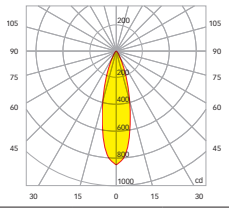		

Modelli / Models	**REGINA AG 4W - Angolo/beam 45°**						**REGINA AG 4W - Angolo/beam 65°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**						**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V						0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	355 lm			335 lm			315 lm			275 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,80 m**	**1,60 m**	**2,39 m**	**0,80 m**	**1,60 m**	**2,39 m**	**1,19 m**	**2,39 m**	**3,58 m**	**1,19 m**	**2,39 m**	**3,58 m**
Illuminamento / Illuminance	**568,4 lux**	**142,1 lux**	**63,2 lux**	**520,1 Lux**	**130,0 lux**	**57,8 lux**	**253,7 lux**	**63,4 lux**	**28,2 lux**	**231,0 lux**	**57,8 lux**	**25,7 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	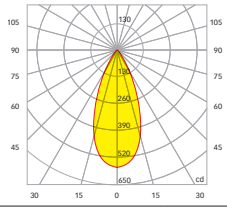			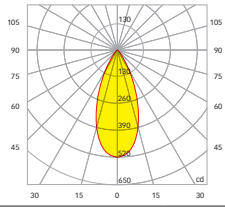			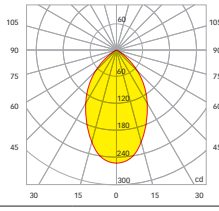			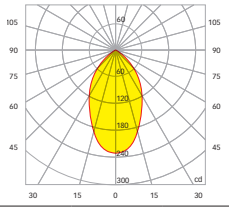		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

REGINA AG

Adjustable Series

ANTIGLARE COLLECTION

REGINA AG 6W - 30° - IP40
REGINA AG 6W - 45° - IP40
REGINA AG 6W - 65° - IP40





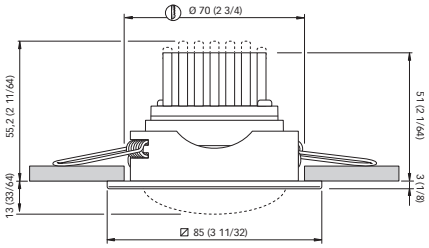

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85x85 mm
Recesso / Recess	55,2 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

Modelli / Models	**REGINA AG 6W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	467 lm			398 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**
Illuminamento / Illuminance	**1180,4 lux**	**295,1 lux**	**131,2 lux**	**1061,8 lux**	**265,5 lux**	**118,0 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	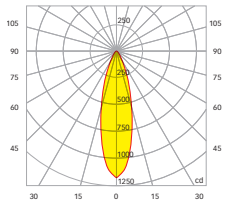			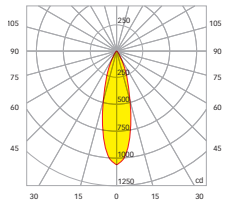		

Modelli / Models	**REGINA AG 6W - Angolo/beam 45°**						**REGINA AG 6W - Angolo/beam 65°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**						**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V						0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	455 lm			425 lm			395 lm			355 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,79 m**	**1,59 m**	**2,38 m**	**0,79 m**	**1,59 m**	**2,38 m**	**1,22 m**	**2,44 m**	**3,66 m**	**1,22 m**	**2,44 m**	**3,66 m**
Illuminamento / Illuminance	**708,9 lux**	**177,2 lux**	**78,8 lux**	**668,8 lux**	**167,2 lux**	**74,3 lux**	**319,4 lux**	**79,8 lux**	**35,5 lux**	**295,5 lux**	**73,9 lux**	**32,8 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	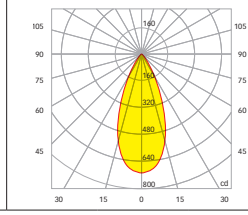			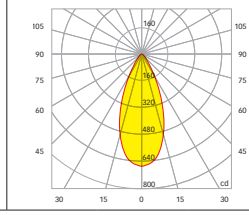			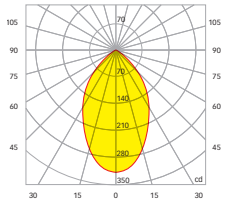			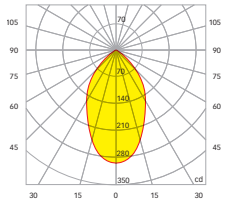		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

REGINA AG

Adjustable Series

ANTIGLARE COLLECTION

REGINA AG 9W - 30° - IP40
REGINA AG 9W - 45° - IP40
REGINA AG 9W - 65° - IP40



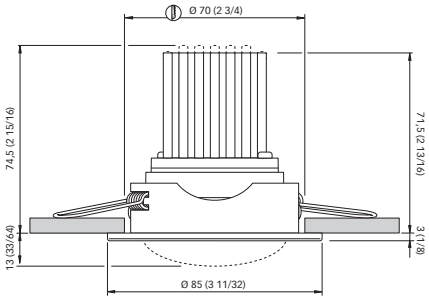

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85x85 mm
Recesso / Recess	74,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 9W + Courtesy light

Modelli / Models	**REGINA AG 9W - Angolo/beam 30°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**9 W**
Assorbimento / Absorption	0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	597 lm			505 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,52 m**	**1,03 m**	**1,55 m**	**0,52 m**	**1,03 m**	**1,55 m**
Illuminamento / Illuminance	**1480,4 lux**	**370,1 lux**	**164,5 lux**	**1278,4 lux**	**319,6 lux**	**142,0 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	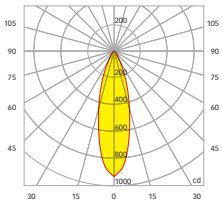			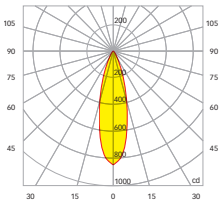		

Modelli / Models	**REGINA AG 9W - Angolo/beam 45°**	**REGINA AG 9W - Angolo/beam 65°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**9 W**	**9 W**
Assorbimento / Absorption	0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V	0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	560 lm			465 lm			527 lm			460 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,76 m**	**1,53 m**	**2,29 m**	**0,76 m**	**1,53 m**	**2,29 m**	**1,24 m**	**2,47 m**	**3,71 m**	**1,24 m**	**2,47 m**	**3,71 m**
Illuminamento / Illuminance	**826,0 lux**	**206,5 lux**	**91,8 lux**	**790,7 lux**	**197,7 lux**	**87,9 lux**	**411,6 lux**	**102,9 lux**	**45,7 lux**	**376,3 lux**	**94,1 lux**	**41,8 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	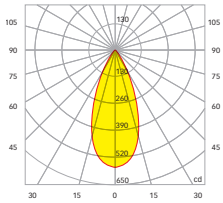			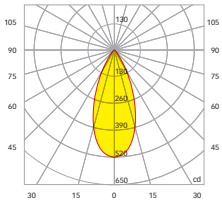			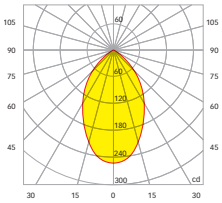			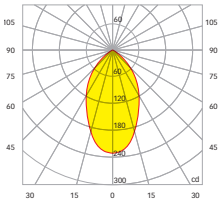		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

REGINA

Adjustable - Antiglare Collection

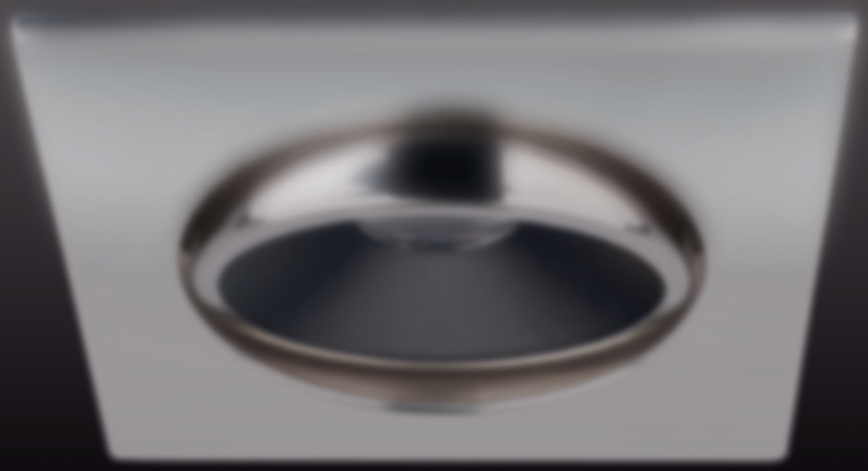







GLASS series

La serie GLASS è una gamma di faretti realizzata con finiture interamente in vetro temperato.
I modelli offrono una'ampia scelta di soluzioni essendo proposti in diverse dimensioni, tondi, quadrati, in due alternative di spessore del vetro e in vari colore luce, compreso il sistema RGBW (QCC Quick).
Con la serie GLASS è possibile illuminare da soffitto o parete e con i modelli Honey e Sugar l'installazione è adatta anche per scalini e camminamenti.

The GLASS series is a range of downlights made entirely of tempered glass.
The models offer a wide choice of solutions, since they are available in different sizes (round, square), with two different glass thickness options and in various light colours, including the RGBW system (QCC Quick).
With the GLASS series, it is possible to illuminate from ceiling or wall. With the Honey and Sugar models the installation is also suitable for stairs and walkways.



CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Vetro temperato. Dissipatore in alluminio
Temperated glass. Aluminum heat sink.

Finiture / Finishes
Vetro satinato con cornice stampata.
Satin glass with printed frame.

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color **(Daphne 2W /Apollo 2W)**
Monocolore Rosso / Red single color **(Daphne 2W /Apollo 2W)**

Bicolore / Bicolor
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

RGBW - TW (Bianco dinamico / Tunable white)
Compatibili con sistemi QCC e QNN Quick (pag. 346/348)
Compatible with QCC and QNN Quick systems (page 346/348)

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

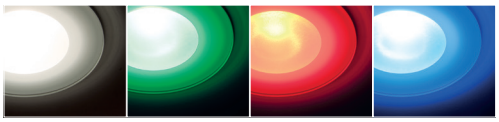

Sistema RGBW: effetto dei colori su vetro
RGBW system: color effect on glass

MODELLI/MODELS

HONEY LP 1,5W - 50° - IP65
HONEY LP 3W - 50° - IP65
HONEY HP 1,5W - 50° - IP65
HONEY HP 3W - 50° - IP65

SUGAR LP 1,5W - 80° - IP65
SUGAR LP 3W - 80° - IP65
SUGAR HP 1,5W - 80° - IP65
SUGAR HP 3W - 80° - IP65

APOLLO XP LP 6W - 65° - IP66
APOLLO XP LP 6W QC RGBW - 65° - IP66
APOLLO XP LP 6W QC TW - 65° - IP66
APOLLO XP HP 6W - 65° - IP66
APOLLO XP HP 6W QC RGBW - 65° - IP66
APOLLO XP HP 6W QC TW - 65° - IP66

DAPHNE XP LP 6W - 60° - IP66
DAPHNE XP LP 6W QC RGBW - 60° - IP66
DAPHNE XP LP 6W QC TW - 60° - IP66
DAPHNE XP HP 6W - 60° - IP66
DAPHNE XP HP 6W QC RGBW - 60° - IP66
DAPHNE XP HP 6W QC TW - 60° - IP66
DAPHNE LP 4W - 100° - IP66
DAPHNE HP 4W - 100° - IP66

ZEUS LP 7W - 85° - IP40
ZEUS LP 6W QC RGBW - 85° - IP40
ZEUS LP 6W QC TW - 85° - IP40
ZEUS LP 12W - 90° - IP40
ZEUS LP 12W QC RGBW - 90° - IP40
ZEUS LP 12W QC TW - 90° - IP40
ZEUS HP 7W - 85° - IP40
ZEUS HP 6W QC RGBW - 85° - IP40
ZEUS HP 6W QC TW - 85° - IP40
ZEUS HP 12W - 90° - IP40
ZEUS HP 12W QC RGBW - 90° - IP40
ZEUS HP 12W QC TW - 90° - IP40

DANAE LP 7W - 85° - IP40
DANAE LP 6W QC RGBW - 85° - IP40
DANAE LP 6W QC TW - 85° - IP40
DANAE LP 12W - 85° - IP40
DANAE LP 12W QC RGBW - 85° - IP40
DANAE LP 12W QC TW - 85° - IP40
DANAE HP 7W - 85° - IP40
DANAE HP 6W QC RGBW - 85° - IP40
DANAE HP 6W QC TW - 85° - IP40
DANAE HP 12W - 85° - IP40
DANAE HP 12W QC RGBW - 85° - IP40
DANAE HP 12W QC TW - 85° - IP40

GLASS
Series

VERSIONI DELLA SERIE GLASS / GLASS VERSIONS

HONEY LP/HP - 1,5/3W - IP65

DOWNLIGHTS / COURTESY LIGHTS Ø 42 mm



HONEY LP - Spessore 5 mm / Thickness 5 mm

MODELLI LP / LP MODELS

HONEY LP 1,5W - 50° - IP65
HONEY LP 3W - 50° - IP65



HONEY HP - Spessore 9 mm / Thickness 9 mm

MODELLI HP / HP MODELS

HONEY HP 1,5W - 50° - IP65
HONEY HP 3W - 50° - IP65

SUGAR LP/HP - 1,5/3W - IP65

DOWNLIGHTS / COURTESY LIGHTS 40x40 mm

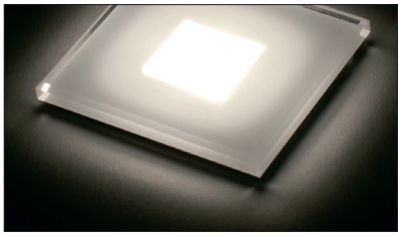

SUGAR LP - Spessore 5 mm / Thickness 5 mm

MODELLI LP / LP MODELS

SUGAR LP 1,5W - 80° - IP65
SUGAR LP 3W - 80° - IP65



SUGAR HP - Spessore 9 mm / Thickness 9 mm

MODELLI HP / HP MODELS

SUGAR HP 1,5W - 80° - IP65
SUGAR HP 3W - 80° - IP65

APOLLO XP LP/HP - 6W - IP66

DOWNLIGHTS Ø 90 mm



APOLLO XP LP - Spessore 5 mm / Thickness 5 mm

MODELLI LP / LP MODELS

APOLLO XP LP 6W - 65° - IP66
APOLLO XP LP 6W QC RGBW - 65° - IP66
APOLLO XP LP 6W QC TW - 65° - IP66



APOLLO XP HP - Spessore 9 mm / Thickness 9 mm

MODELLI HP / HP MODELS

APOLLO XP HP 6W - 65° - IP66
APOLLO XP HP 6W QC RGBW - 65° - IP66
APOLLO XP HP 6W QC TW - 65° - IP66

GLASS
Series

VERSIONI DELLA SERIE GLASS / GLASS VERSIONS

DAPHNE XP LP/HP - 4/6W - IP66

DOWNLIGHTS 87x87 mm



DAPHNE XP LP - Spessore 5 mm / Thickness 5 mm

MODELLI LP / LP MODELS

DAPHNE XP LP 6W - 60° - IP66
DAPHNE XP LP 6W QC RGBW - 60° - IP66
DAPHNE XP LP 6W QC TW - 60° - IP66



DAPHNE XP HP - Spessore 9 mm / Thickness 9 mm

MODELLI HP / HP MODELS

DAPHNE XP HP 6W - 60° - IP66
DAPHNE XP HP 6W QC RGBW - 60° - IP66
DAPHNE XP HP 6W QC TW - 60° - IP66

DAPHNE LP/HP - 4W - IP65

DOWNLIGHTS / COURTESY LIGHTS 87x87 mm



DAPHNE LP - Spessore 5 mm / Thickness 5 mm

MODELLI LP / LP MODELS

DAPHNE LP 4W - 100° - IP65



DAPHNE HP - Spessore 9 mm / Thickness 9 mm

MODELLI HP / HP MODELS

DAPHNE HP 4W - 100° - IP65

ZEUS LP/HP - 7/12W - IP40

DOWNLIGHTS Ø 102 mm



ZEUS LP - Spessore 5 mm / Thickness 5 mm

MODELLI LP / LP MODELS

ZEUS LP 7W - 85° - IP40
ZEUS LP 6W QC RGBW - 85° - IP40
ZEUS LP 6W QC TW - 85° - IP40

ZEUS LP 12W - 90° - IP40
ZEUS LP 12W QC RGBW - 90° - IP40
ZEUS LP 12W QC TW - 90° - IP40



ZEUS HP - Spessore 9 mm / Thickness 9 mm

MODELLI LP / LP MODELS

ZEUS HP 7W - 85° - IP40
ZEUS HP 6W QC RGBW - 85° - IP40
ZEUS HP 6W QC TW - 85° - IP40

ZEUS HP 12W - 90° - IP40
ZEUS HP 12W QC RGBW - 90° - IP40
ZEUS HP 12W QC TW - 90° - IP40

DANAE LP/HP - 7/12W - IP40

DOWNLIGHTS 112x112 mm



DANAE LP - Spessore 5 mm / Thickness 5 mm

MODELLI LP / LP MODELS

DANAE LP 7W - 85° - IP40
DANAE LP 6W QC RGBW - 85° - IP40
DANAE LP 6W QC TW - 85° - IP40

DANAE LP 12W - 85° - IP40
DANAE LP 12W QC RGBW - 85° - IP40
DANAE LP 12W QC TW - 85° - IP40



DANAE HP - Spessore 9 mm / Thickness 9 mm

MODELLI LP / LP MODELS

DANAE HP 7W - 85° - IP40
DANAE HP 6W QC RGBW - 85° - IP40
DANAE HP 6W QC TW - 85° - IP40

DANAE HP 12W - 85° - IP40
DANAE HP 12W QC RGBW - 85° - IP40
DANAE HP 12W QC TW - 85° - IP40

GLASS
Series

HONEY LP/HP - 1,5/3W - IP65

HONEY LP - 1,5W - 50° - IP65
HONEY LP - 3W - 50° - IP65





IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	5 mm
Ø Cornice / Ø Bezel	42 mm
3 Watt Recesso / Recess	34,5 mm
1,5 Watt Recesso / Recess	26,8 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

HONEY LP 1,5W

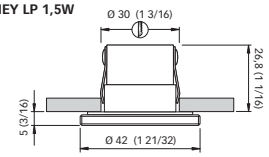

HONEY LP 3W

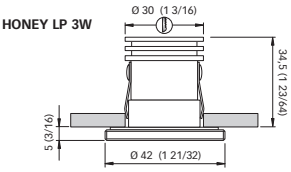

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

HONEY HP - 1,5W - 50° - IP65
HONEY HP - 3W - 50° - IP65





IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	9 mm
Ø Cornice / Ø Bezel	42 mm
3 Watt Recesso / Recess	34,5 mm
1,5 Watt Recesso / Recess	26,8 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

HONEY HP 1,5W

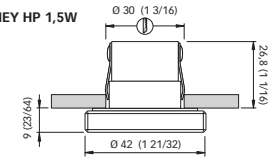

HONEY HP 3W

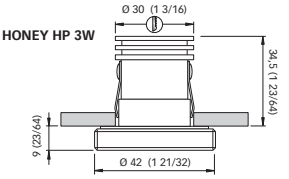

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**HONEY LP/HP - 1,5 WATT**	**HONEY LP/HP - 3 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	**3 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	0,25 A @ 12 V / 0,125 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	90 lm			78 lm			167 lm			150 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,91 m**	**1,82 m**	**2,72 m**	**0,88 m**	**1,75 m**	**2,63 m**	**0,91 m**	**1,82 m**	**2,73 m**	**0,90 m**	**1,80 m**	**2,70 m**
Illuminamento / Illuminance	**90,7 lux**	**22,7 lux**	**10,1 lux**	**82,0 lux**	**20,5 lux**	**9,1 lux**	**167,7 lux**	**41,9 lux**	**18,6 lux**	**152,3 lux**	**38,1 lux**	**16,9 lux**
Angolo / Beam	**50°**			**50°**			**50°**			**50°**		
	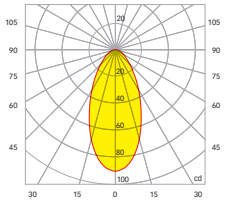			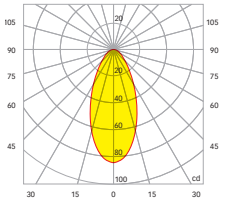			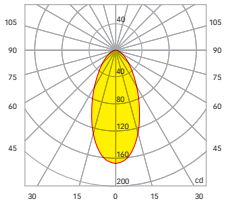			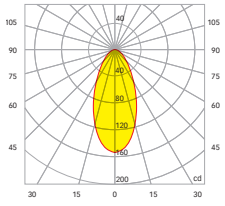		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

GLASS
Series

SUGAR LP/HP - 1,5/3W - IP65

SUGAR LP - 1,5W - 80° - IP65
SUGAR LP - 3W - 80° - IP65

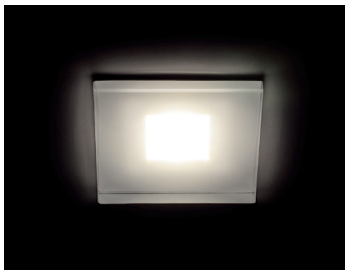



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	5 mm
Cornice / Bezel	40X40 mm
3 Watt Recesso / Recess	34,5 mm
1,5 Watt Recesso / Recess	26,8 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

○ ○

SUGAR HP - 1,5W - 80° - IP65
SUGAR HP - 3W - 80° - IP65

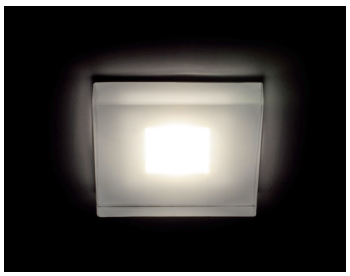



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	9 mm
Cornice / Bezel	40X40 mm
3 Watt Recesso / Recess	34,5 mm
1,5 Watt Recesso / Recess	26,8 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

○ ○

SUGAR LP 1,5W

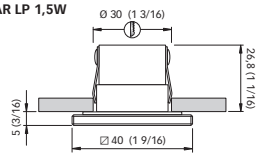

SUGAR LP 3W

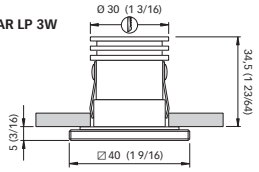

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

SUGAR HP 1,5W

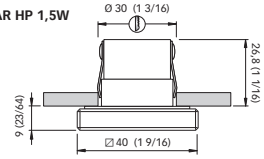

SUAGR HP 3W

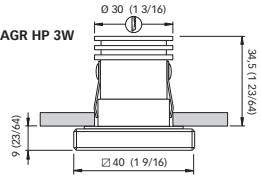

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**SUGAR LP/HP - 1,5 WATT**	**SUGAR LP/HP - 3 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	**3 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	0,25 A @ 12 V / 0,125 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	90 lm			78 lm			167 lm			150 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,91 m**	**1,82 m**	**2,72 m**	**0,88 m**	**1,75 m**	**2,63 m**	**0,91 m**	**1,82 m**	**2,73 m**	**0,90 m**	**1,80 m**	**2,70 m**
Illuminamento / Illuminance	**90,7 lux**	**22,7 lux**	**10,1 lux**	**82,0 lux**	**20,5 lux**	**9,1 lux**	**167,7 lux**	**41,9 lux**	**18,6 lux**	**152,3 lux**	**38,1 lux**	**16,9 lux**
Angolo / Beam	**50°**			**50°**			**50°**			**50°**		
	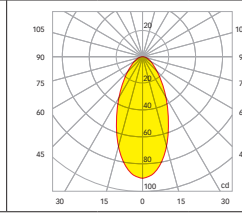			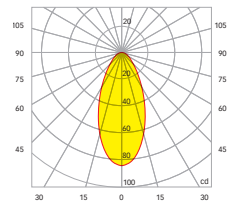			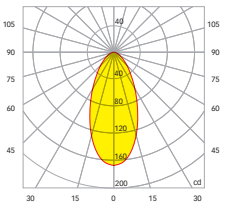			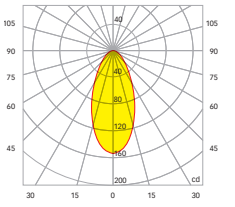		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)



GLASS

Series

APOLLO LP/HP - 6W - IP66

APOLLO XP LP 6W - 65° - IP66
APOLLO XP LP 6W QC RGBW - 65° - IP66
APOLLO XP LP 6W QC TW - 65° - IP66





IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	5,5 mm
Ø Cornice / Ø Bezel	90 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only



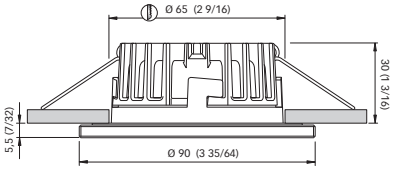

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

APOLLO XP HP 6W - 65° - IP66
APOLLO XP HP 6W QC RGBW - 65° - IP66
APOLLO XP HP 6W QC TW - 65° - IP66





IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	9,5 mm
Ø Cornice / Ø Bezel	90 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only



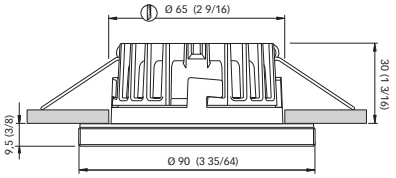

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**APOLLO XP LP/HP - 6 WATT**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	465 lm			405 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,31 m**	**2,62 m**	**3,93 m**	**1,31 m**	**2,62 m**	**3,93 m**
Illuminamento / Illuminance	**301,2 lux**	**75,3 lux**	**33,5 lux**	**256,4 lux**	**64,1 lux**	**28,5 lux**
Angolo / Beam	**65°**			**65°**		
	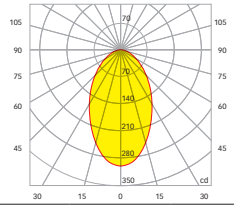			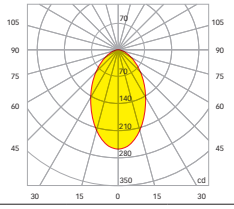		

*Disponibile su richiesta / Available on request

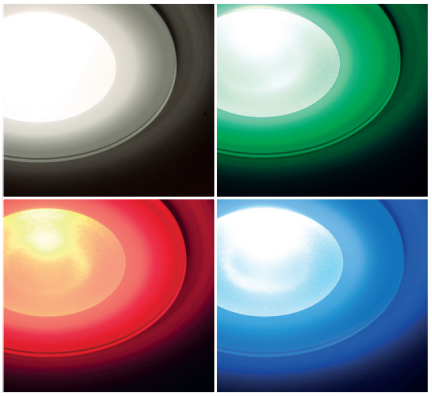

Sistema RGBW: effetto dei colori su vetro
RGBW system: color effect on glass

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

GLASS
Series

ZEUS LP/HP - 7W - IP40

ZEUS LP 7W - 85° - IP40
ZEUS LP 6W QC RGBW - 85° - IP40
ZEUS LP 6W QC TW - 85° - IP40



IP40

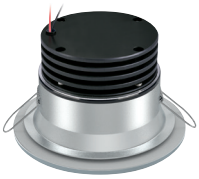

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	5,5 mm
Ø Cornice / Ø Bezel	102 mm
Recesso / Recess	55 mm
Ø foratura / Ø Cutout	89 mm

BICOLOR: 7W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

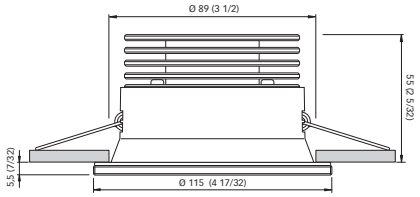

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ZEUS HP 7W - 85° - IP40
ZEUS HP 6W QC RGBW - 85° - IP40
ZEUS HP 6W QC TW - 85° - IP40



IP40

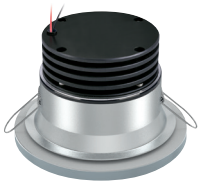

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	9,5 mm
Ø Cornice / Ø Bezel	102 mm
Recesso / Recess	55 mm
Ø foratura / Ø Cutout	89 mm

BICOLOR: 7W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

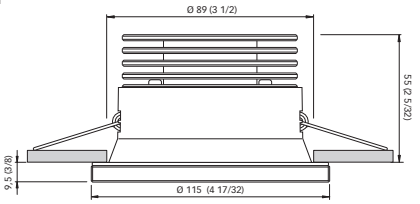

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)



ZEUS LP



ZEUS HP

Modelli / Models	**ZEUS LP/HP 7 WATT**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	10 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**7 W**					
Assorbimento / Absorption	0,6 A @ 12 V / 0,3 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **80**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	610 lm			485 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,75 m**	**3,51 m**	**5,26 m**	**1,75 m**	**3,51 m**	**5,26 m**
Illuminamento / Illuminance	**298,8 lux**	**74,7 lux**	**33,2 lux**	**235,9 lux**	**59,0 lux**	**26,2 lux**
Angolo / Beam	**85°**			**85°**		
	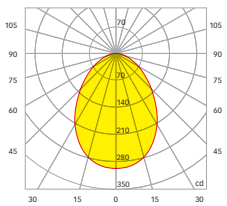			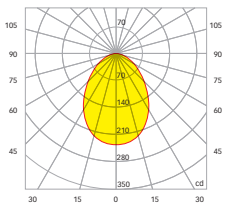		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

GLASS
Series

ZEUS LP/HP - 12W - IP40

ZEUS LP 12W - 90° - IP40
ZEUS LP 12W QC RGBW - 90° - IP40
ZEUS LP 12W QC TW - 90° - IP40



IP40



Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	5,5 mm
Ø Cornice / Ø Bezel	102 mm
Recesso / Recess	70,5 mm
Foratura / Cutout	89 mm

BICOLOR: 12W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

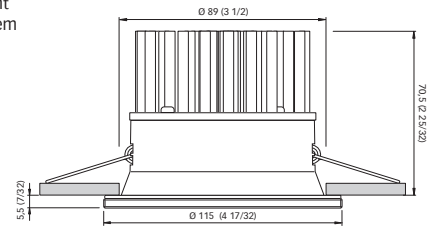

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ZEUS HP 12W - 90° - IP40
ZEUS HP 12W QC RGBW - 90° - IP40
ZEUS HP 12W QC TW - 90° - IP40



IP40



Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	9,5 mm
Ø Cornice / Ø Bezel	102 mm
Recesso / Recess	70,5 mm
Foratura / Cutout	89 mm

BICOLOR: 12W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

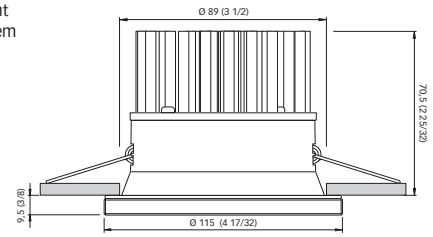

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)



ZEUS LP



ZEUS HP

Modelli / Models	**ZEUS LP/HP 12 WATT**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	10 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**12 W**					
Assorbimento / Absorption	1A @ 12V / 0,5A @ 24V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **80**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	895 lm			675 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,98 m**	**3,96 m**	**5,94 m**	**1,98 m**	**3,96 m**	**5,94 m**
Illuminamento / Illuminance	**396,3 lux**	**99,1 lux**	**44 lux**	**298 lux**	**74,5 lux**	**33,1 lux**
Angolo / Beam	**90°**			**90°**		
	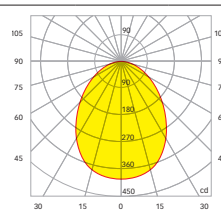			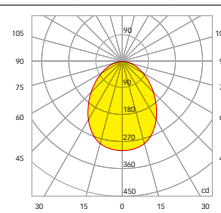		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

GLASS
Series

DAPHNE LP/HP - 4W - IP65

DAPHNE XP LP 4W - 100° - IP65

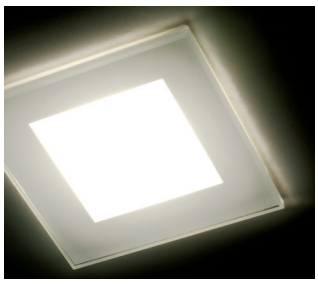



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	5,5 mm
Ø Cornice / Ø Bezel	90 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm



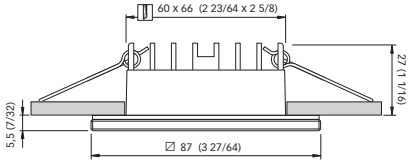

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DAPHNE XP HP 4W - 100° - IP65

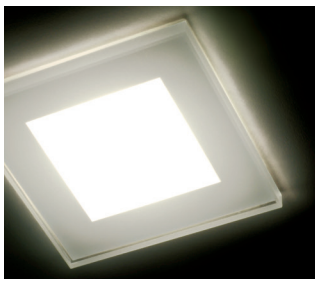



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	9,5 mm
Ø Cornice / Ø Bezel	90 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

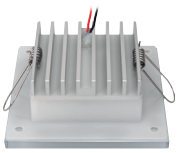

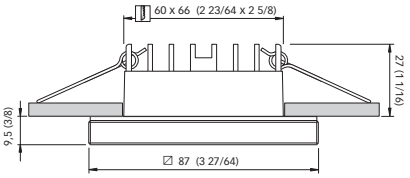

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**DAPHNE LP/HP - 4 WATT**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	185 lm			175 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,32 m**	**4,64 m**	**6,96 m**	**2,32 m**	**4,64 m**	**6,96 m**
Illuminamento / Illuminance	**73,0 lux**	**18,3 lux**	**8,1 lux**	**69,4 lux**	**17,3 lux**	**7,7 lux**
Angolo / Beam	**100°**			**100°**		
	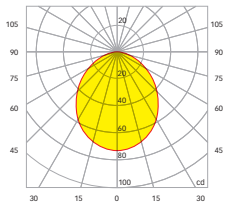			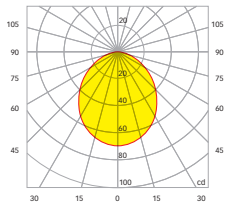		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

GLASS
Series

DAPHNE LP/HP - 6W - IP66

DAPHNE XP LP 6W - 60° - IP66
DAPHNE XP LP 6W QC RGBW - 60° - IP66
DAPHNE XP LP 6W QC TW - 60° - IP66





IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	5,5 mm
Cornice / Bezel	87X87 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only



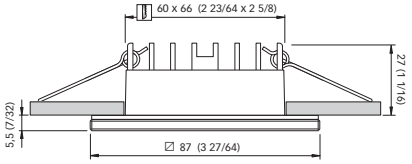

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DAPHNE XP HP 6W - 60° - IP66
DAPHNE XP HP 6W QC RGBW - 60° - IP66
DAPHNE XP HP 6W QC TW - 60° - IP66





IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	9,5 mm
Cornice / Bezel	87X87 mm
Recesso / Recess	30 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

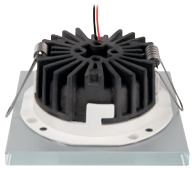

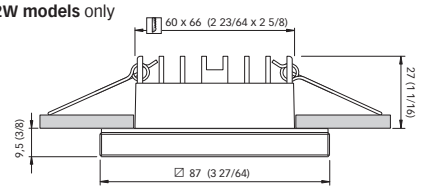

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**DAPHNE XP LP/HP - 6 WATT**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	415 lm			375 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,19 m**	**2,39 m**	**3,58 m**	**1,19 m**	**2,39 m**	**3,58 m**
Illuminamento / Illuminance	**273,5 lux**	**68,4 lux**	**30,4 lux**	**256,0 lux**	**64,0 lux**	**28,4 lux**
Angolo / Beam	**60°**			**60°**		
	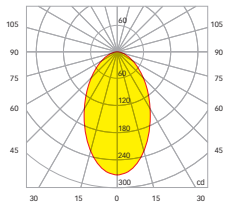			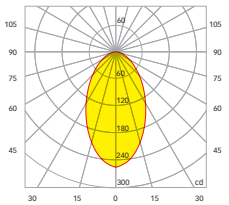		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

GLASS
Series

DANAE LP/HP - 7W - IP40

DANAE LP 7W - 85° - IP40
DANAE LP 6W QC RGBW - 85° - IP40
DANAE LP 6W QC TW - 85° - IP40



IP40



Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	5,5 mm
Cornice / Bezel	112X112 mm
Recesso / Recess	57,5 mm
Foratura / Cutout	90X90 mm

BICOLOR: 7W + Courtesy light

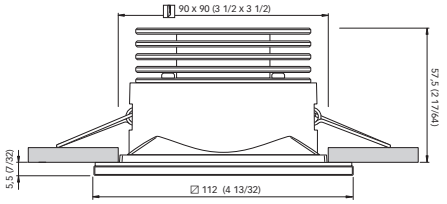

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DANAE HP 7W - 85° - IP40
DANAE HP 6W QC RGBW - 85° - IP40
DANAE HP 6W QC TW - 85° - IP40



IP40



Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	9,5 mm
Cornice / Bezel	112X112 mm
Recesso / Recess	57,5 mm
Foratura / Cutout	90X90 mm

BICOLOR: 7W + Courtesy light

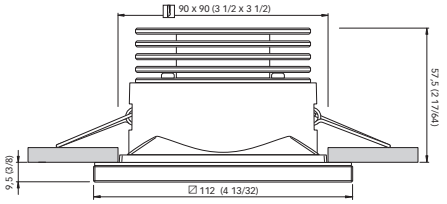

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

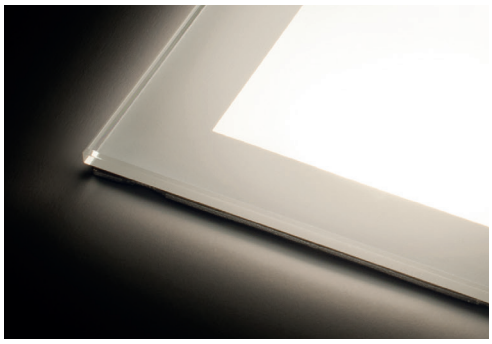

DANAE LP

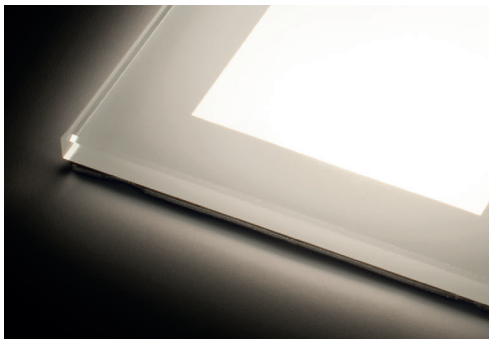

DANAE HP

Modelli / Models	**DANAE LP/HP 7 WATT**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	10 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**7 W**					
Assorbimento / Absorption	0,6 A @ 12 V / 0,3 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **80**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	555 lm			445 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,83 m**	**3,66 m**	**5,49 m**	**1,83 m**	**3,66 m**	**5,49 m**
Illuminamento / Illuminance	**262,4 lux**	**65,6 lux**	**29,2 lux**	**210,5 lux**	**52,6 lux**	**23,4 lux**
Angolo / Beam	**85°**			**85°**		
	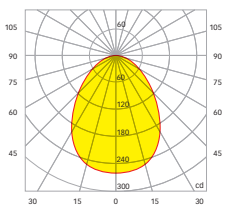			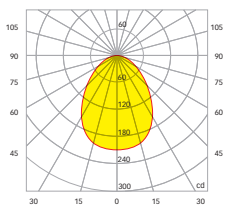		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

GLASS
Series

DANAE LP/HP - 12W - IP40

DANAE LP 12W - 85° - IP40
DANAE LP 12W QC RGBW - 85° - IP40
DANAE LP 12W QC TW - 85° - IP40



IP40



Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	5,5 mm
Cornice / Bezel	112X112 mm
Recesso / Recess	86,5 mm
Foratura / Cutout	90X90 mm

BICOLOR: 12W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

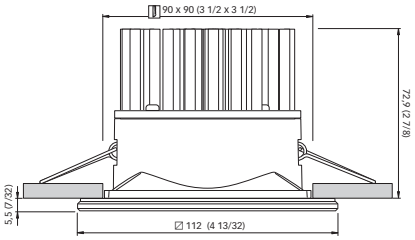

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DANAE HP 12W - 85° - IP40
DANAE HP 12W QC RGBW - 85° - IP40
DANAE HP 12W QC TW - 85° - IP40



IP40



Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	5,5 mm
Cornice / Bezel	112X112 mm
Recesso / Recess	86,5 mm
Foratura / Cutout	90X90 mm

BICOLOR: 12W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

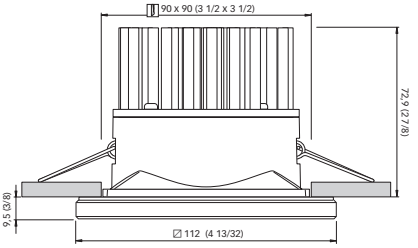

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

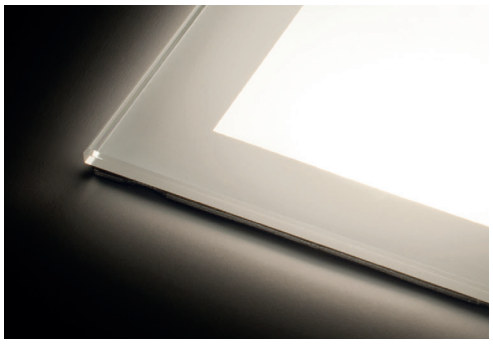

DANAE LP

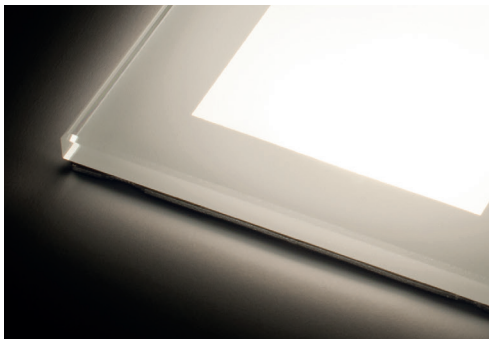

DANAE HP

Modelli / Models	**DANAE LP/HP 12 WATT**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	10 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**12 W**					
Assorbimento / Absorption	1A @ 12V / 0,5A @ 24V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **80**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	796 lm			610 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,86 m**	**3,72 m**	**5,58 m**	**1,84 m**	**3,67 m**	**5,51 m**
Illuminamento / Illuminance	**372,5 lux**	**93,1 lux**	**41,4 lux**	**287,9 lux**	**72,0 lux**	**32,0 lux**
Angolo / Beam	**85°**			**85°**		
	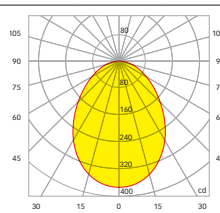			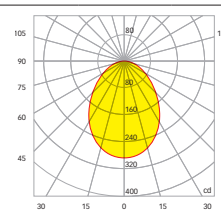		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ANTIGLARE
COLLECTION

Antiglare Collection comprende diverse linee di faretti, tutti studiati per illuminare in modo efficace senza abbagliare. La serie AG, in acciaio inox (AISI 316) e AG Wholly, in materiale composito, sono disponibili anche con ottica leggermente arretrata per installazioni che richiedono un incasso molto basso.
La serie AG Wholly comprende una vasta gamma di soluzioni in materiale composito bianco o nero, ma sono realizzabili in qualsiasi altro colore su richiesta, compatibilmente con i quantitativi minimi di produzione.
Nella Collezione Antiglare sono inclusi i modelli della serie Adjustable (pag.96) e della serie Ely (pag.34-36)

The Antiglare Collection includes various lines of spotlights designed to illuminate effectively without glare.
The AG series in stainless steel (AISI 316) and AG Wholly in composite material are also available with slightly recessed optics for applications requiring a very low installation height.
The AG Wholly series includes a wide range of solutions in black or white composite material but can also be made in any colour upon request if compatible with minimum production quantities.
The Antiglare Collection includes models in the Adjustable series (page 96) and Ely series (page 34-36).



AG SERIES

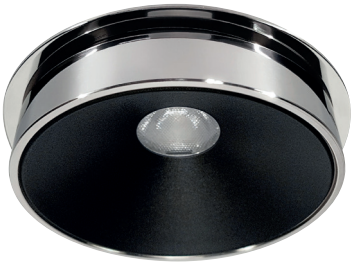

JAZZ



NIKITA AG SERIES



ELY AG SERIES



AG WHOLLY SERIES

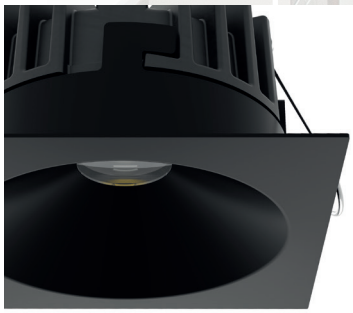

AG WHOLLY SERIES

ANTIGLARE COLLECTION

VOYAGE 590

ELY AG 1,5W

Ely Series

ANTIGLARE COLLECTION

ELY AG 1,5W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	33 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

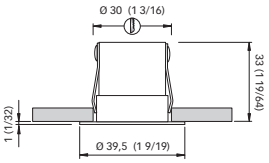

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ELY AG 1,5W - 40° - IP65

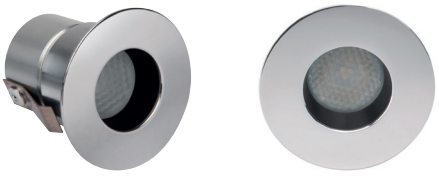

IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	33 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

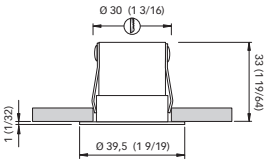

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**ELY AG 1,5W - Angolo/beam 15°**	**ELY AG 1,5W - Angolo/beam 40°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	115 lm			105 lm			105 lm			75 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,30 m**	**0,61 m**	**0,91 m**	**0,28 m**	**0,56 m**	**0,84 m**	**0,53 m**	**1,07 m**	**1,60 m**	**0,64 m**	**1,28 m**	**1,92 m**
Illuminamento / Illuminance	**841,3 lux**	**210,3 lux**	**93,5 lux**	**906,8 lux**	**226,7 lux**	**100,8 lux**	**315,9 lux**	**79,0 lux**	**35,1 lux**	**158,6 lux**	**39,7 lux**	**17,6 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**			**40°**			**40°**		
	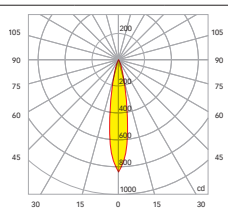			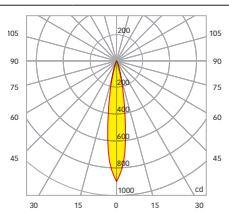			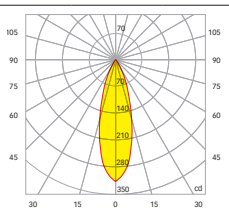			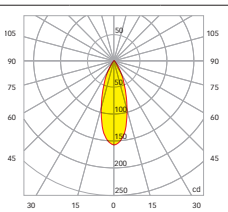		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ELY AG 3W

Ely Series

ANTIGLARE COLLECTION

ELY 3W - 15° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	42 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

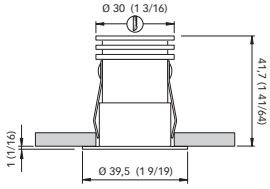

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ELY 3W - 40° - IP65

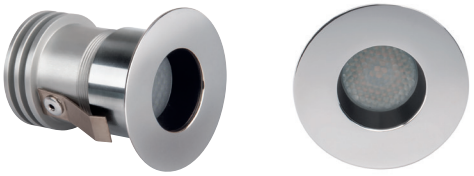

IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	42 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

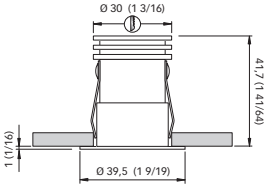

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**ELY AG 3W - Angolo/beam 15°**			**ELY AG 3W - Angolo/beam 40°**								
Sorgente luminosa / Light source	**LED**			**LED**								
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc			9 - 32 Vdc								
Potenza / Power consumption	**3 W**			**3 W**								
Assorbimento / Absorption	0,25 A @ 12 V / 0,125 A @ 24 V			0,25 A @ 12 V / 0,125 A @ 24 V								
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity			Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity								
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes			Sì / Yes								
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	181 lm			160 lm			140 lm			120 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,30 m**	**0,61 m**	**0,91 m**	**0,27 m**	**0,55 m**	**0,82 m**	**0,64 m**	**1,27 m**	**1,91 m**	**0,64 m**	**1,28 m**	**1,92 m**
Illuminamento / Illuminance	**1312,6 lux**	**328,1 lux**	**145,8 lux**	**1387,2 lux**	**346,8 lux**	**154,1 lux**	**295,7 lux**	**73,9 lux**	**32,9 lux**	**247,4 lux**	**61,9 lux**	**27,5 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**			**40°**			**40°**		
	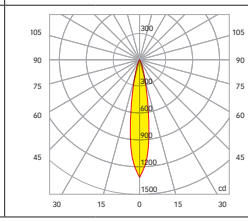			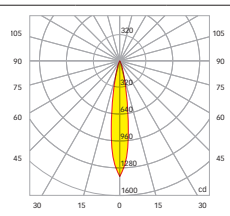			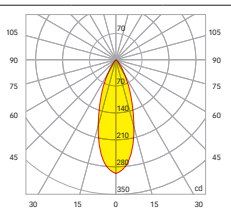			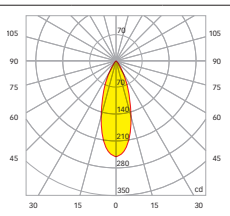		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ELY AG WT 1,5W

Ely Series

ANTIGLARE COLLECTION

ELY AG WT 1,5W - 15° - IP67



IP67

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	51 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	32 mm

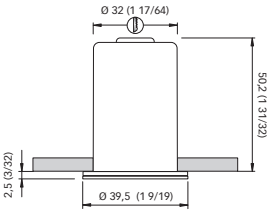

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ELY AG WT 1,5W - 40° - IP67



IP67

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	51 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	32 mm

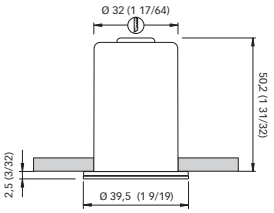

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**ELY AG 1,5 W - Angolo/beam 15°**	**ELY AG 1,5W - Angolo/beam 40°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	115 lm			105 lm			105 lm			75 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,30 m**	**0,61 m**	**0,91 m**	**0,28 m**	**0,56 m**	**0,84 m**	**0,53 m**	**1,07 m**	**1,60 m**	**0,64 m**	**1,28 m**	**1,92 m**
Illuminamento / Illuminance	**841,3 lux**	**210,3 lux**	**93,5 lux**	**906,8 lux**	**226,7 lux**	**100,8 lux**	**315,9 lux**	**79,0 lux**	**35,1 lux**	**158,6 lux**	**39,7 lux**	**17,6 lux**
Angolo / Beam	**15°**			**15°**			**40°**			**40°**		
	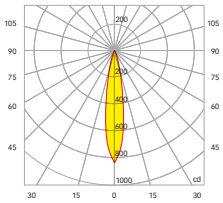			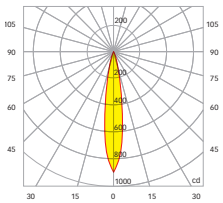			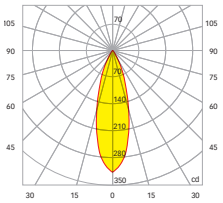			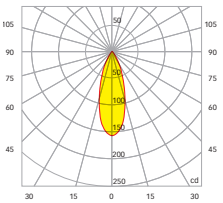		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP67

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ELY AG

ANTIGLARE COLLECTION



AG series

ANTIGLARE COLLECTION



Le versioni AG1 e AG2 distinguono la serie AG in due grandi famiglie, che si differenziano nella profondità dell'ottica e di conseguenza nella quota del recesso. La serie AG2 è dotata di maggiore efficacia antiabbagliamento, mentre la serie AG1 è più vantaggiosa per installazioni che necessitano di un incasso molto basso.
Il sistema dell'ottica secondaria è costituito da lenti speciali che permettono di scegliere tra diversi fasci luminosi (30°-45°-65°).

The AG1 and AG2 versions group the AG series into two large families, which differ in the depth of the optics and consequently in the height of the recess. The AG2 series is equipped with greater antiglare efficiency while the AG1 series works better for applications that require a very low installation height. The secondary optics system is made up of special lenses for choosing between various light beams (30°-45°-65°).



AG1 Series



AG2 Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling

Dimmerabile / dimmable
Antiabbagliamento / Antiglare

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu **(2W)** / Blue single color **(2W)**
Monocolore Rosso **(2W)** / Red single color **(2W)**

Bicolore / Bicolor
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

MODELLI/MODELS

AG1 - 4W - 30° - IP65
AG1 - 4W - 45° - IP65
AG1 - 4W - 65° - IP65
AG1 - 6W - 30° - IP65
AG1 - 6W - 45° - IP65
AG1 - 6W - 65° - IP65

AG2 - 4W - 30° - IP65
AG2 - 4W - 45° - IP65
AG2 - 4W - 65° - IP65
AG2 - 6W - 30° - IP65
AG2 - 6W - 45° - IP65
AG2 - 6W - 65° - IP65

JAZZ series

ANTIGLARE COLLECTION

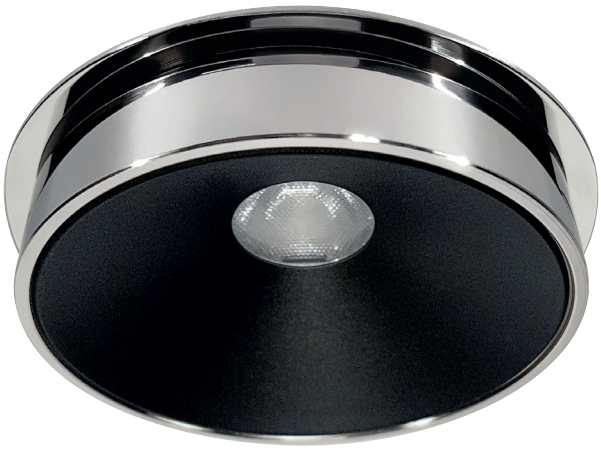

Il modello JAZZ è un'evoluzione creativa della serie AG2.
Il corpo del faretto acquisisce volume in modo originale ed elegante, discostandosi nettamente dai faretti tradizionali.
Il sistema dell'ottica secondaria è lo stesso della serie AG, quindi permette di scegliere tra diversi fasci luminosi (30°-45°-65°) ed è antiabbagliamento.

The JAZZ model is a creative evolution of the AG2 series.
The body of the downlight acquires volume in an original and elegant manner, clearly deviating from traditional spotlights.
The secondary optics system is the same as the AG series, so it allows a choice of different light beams (30°-45°-65°) and is antiglare.



CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling

Dimmerabile / dimmable
Antiabbagliamento / Antiglare

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu **(2W)** / Blue single color **(2W)**
Monocolore Rosso **(2W)** / Red single color **(2W)**

Bicolore / Bicolor
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

MODELLI/MODELS
JAZZ - 4W - 30° - IP65
JAZZ - 4W - 45° - IP65
JAZZ - 4W - 65° - IP65
JAZZ - 6W - 30° - IP65
JAZZ - 6W - 45° - IP65
JAZZ - 6W - 65° - IP65

AG1K 4W

AG Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG1K 4W - 30° - IP65
AG1K 4W - 45° - IP65
AG1K 4W - 65° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	78 mm
Recesso / Recess	30,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

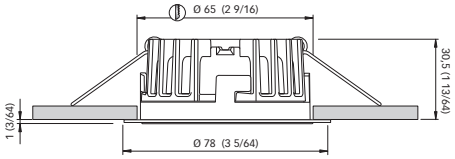

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG1K 4W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	350 lm			320 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**
Illuminamento / Illuminance	**941,8 lux**	**235,4 lux**	**104,6 lux**	**849,0 lux**	**212,2 lux**	**94,3 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	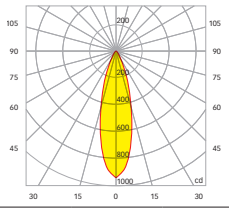			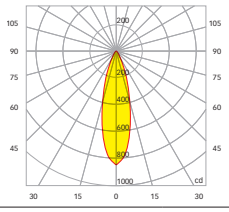		

Modelli / Models	**AG1K 4W - Angolo/beam 45°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	353 lm			322 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,80 m**	**1,61 m**	**2,41 m**	**0,80 m**	**1,61 m**	**2,41 m**
Illuminamento / Illuminance	**564,3 lux**	**141,1 lux**	**62,7 lux**	**512,0 lux**	**128,0 lux**	**56,9 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**		
	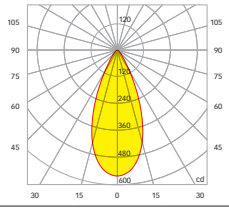			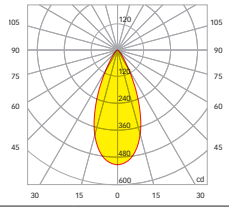		

Modelli / Models	**AG1K 4W - Angolo/beam 65°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	315 lm			290 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**
Illuminamento / Illuminance	**255,5 lux**	**63,9 lux**	**28,4 lux**	**229,6 lux**	**57,4 lux**	**25,5 lux**
Angolo / Beam	**65°**			**65°**		
	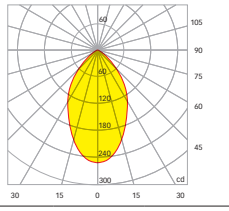			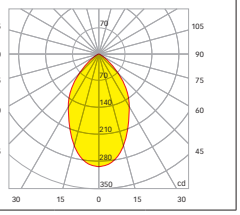		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG1K 6W

AG Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG1K 6W - 30° - IP65
AG1K 6W - 45° - IP65
AG1K 6W - 65° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	78 mm
Recesso / Recess	30,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

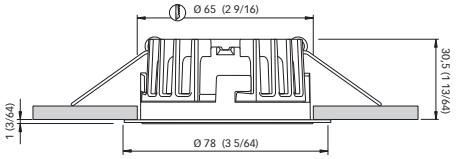

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG1K 6W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	450lm			410 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**
Illuminamento / Illuminance	**1207,4 lux**	**301,9 lux**	**134,2 lux**	**1088,4 lux**	**272,1 lux**	**120,9 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	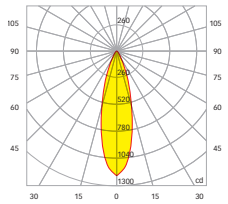			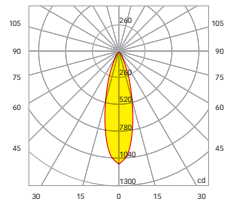		

Modelli / Models	**AG1K 6W - Angolo/beam 45°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	453 lm			413 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,80 m**	**1,61 m**	**2,41 m**	**0,80 m**	**1,61 m**	**2,41 m**
Illuminamento / Illuminance	**723,4 lux**	**180,9 lux**	**80,4 lux**	**656,4 lux**	**164,1 lux**	**72,9 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**		
	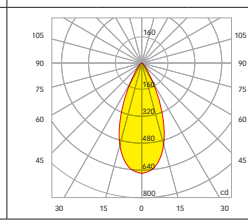			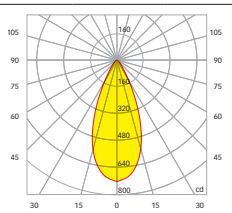		

Modelli / Models	**AG1K 6W - Angolo/beam 65°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	405 lm			370 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**
Illuminamento / Illuminance	**327,5 lux**	**81,9 lux**	**36,4 lux**	**294,3 lux**	**73,6 lux**	**32,7 lux**
Angolo / Beam	**65°**			**65°**		
	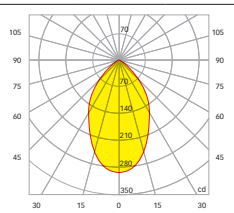			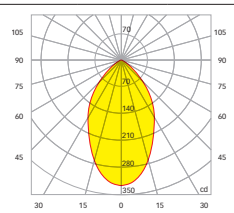		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG2K 4W

AG Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG2K 4W - 30° - IP65
AG2K 4W - 45° - IP65
AG2K 4W - 65° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	78 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

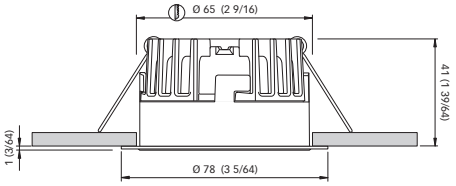

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG2K 4W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	345 lm			307 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**
Illuminamento / Illuminance	**943,8 lux**	**236,0 lux**	**104,9 lux**	**837,6 lux**	**209,4 lux**	**93,1 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	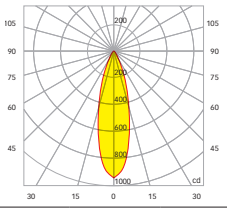			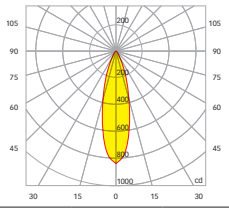		

Modelli / Models	**AG2K 4W - Angolo/beam 45°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	350 lm			315 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**
Illuminamento / Illuminance	**563,7 lux**	**140,9 lux**	**62,6 lux**	**504,6 lux**	**126,2 lux**	**56,1 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**		
	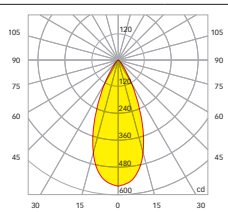			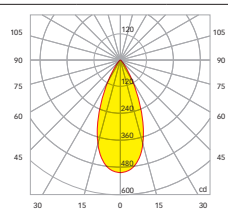		

Modelli / Models	**AG2K 4W - Angolo/beam 65°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	305 lm			275 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,24 m**	**2,48 m**	**3,71 m**	**1,24 m**	**2,48 m**	**3,71 m**
Illuminamento / Illuminance	**250,3 lux**	**62,6 lux**	**27,8 lux**	**226,7 lux**	**56,7 lux**	**25,2 lux**
Angolo / Beam	**65°**			**65°**		
	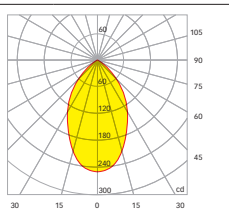			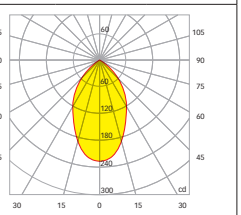		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG2K 6W

AG Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG2K 6W - 30° - IP65
AG2K 6W - 45° - IP65
AG2K 6W - 65° - IP65



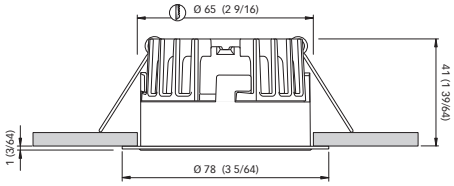

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	78 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

Modelli / Models	**AG2K 6W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	430 lm			377 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,51 m**	**1,01 m**	**1,52 m**	**0,51 m**	**1,01 m**	**1,52 m**
Illuminamento / Illuminance	**1183,4 lux**	**295,9 lux**	**131,5 lux**	**958,2 lux**	**239,6 lux**	**106,5**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	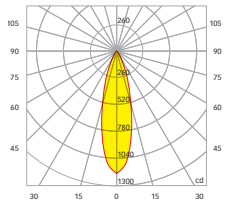			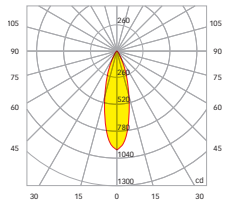		

Modelli / Models	**AG2K 6W - Angolo/beam 45°**						**AG2K 6W - Angolo/beam 65°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**						**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V						0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	443 lm			405 lm			395 lm			367 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,81 m**	**1,61 m**	**2,42 m**	**0,81 m**	**1,61 m**	**2,42 m**	**1,25 m**	**2,50 m**	**3,75 m**	**1,25 m**	**2,50 m**	**3,75 m**
Illuminamento / Illuminance	**715,7 lux**	**178,9 lux**	**79,5 lux**	**650,6 lux**	**162,7 lux**	**72,3 lux**	**320,1 lux**	**80,0 lux**	**35,6 lux**	**300,9 lux**	**75,2 lux**	**33,4 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	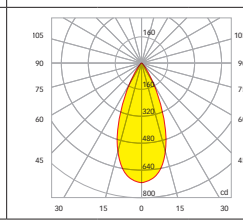			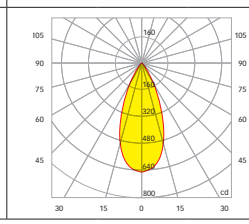			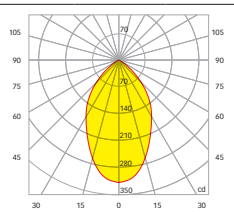			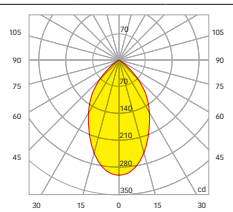		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)





JAZZ H10 4W

Jazz Series

ANTIGLARE COLLECTION

JAZZ H10 4W - 30° - IP65
JAZZ H10 4W - 45° - IP65
JAZZ H10 4W - 65° - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	78 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

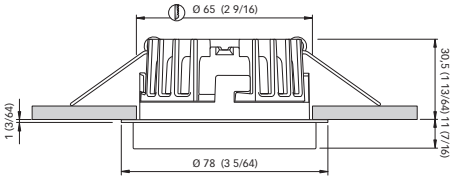

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**JAZZ H10 4W - Angolo/beam 30°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	345 lm			307 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**
Illuminamento / Illuminance	**943,8 lux**	**236,0 lux**	**104,9 lux**	**837,6 lux**	**209,4 lux**	**93,1 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	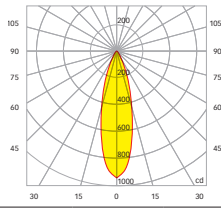			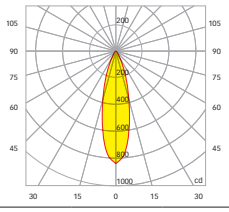		

Modelli / Models	**JAZZ H10 4W - Angolo/beam 45°**	**JAZZ H10 4W - Angolo/beam 65°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	350 lm			315 lm			305 lm			275 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**	**1,24 m**	**2,48 m**	**3,71 m**	**1,24 m**	**2,48 m**	**3,71 m**
Illuminamento / Illuminance	**563,7 lux**	**140,9 lux**	**62,6 lux**	**504,6 lux**	**126,2 lux**	**56,1 lux**	**250,3 lux**	**62,6 lux**	**27,8 lux**	**226,7 lux**	**56,7 lux**	**25,2 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	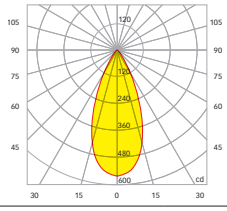			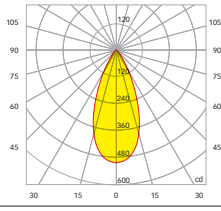			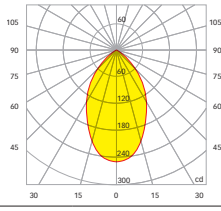			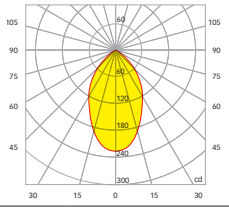		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

JAZZ H10 6W

Jazz Series

ANTIGLARE COLLECTION

JAZZ H10 6W - 30° - IP65
JAZZ H10 6W - 45° - IP65
JAZZ H10 6W - 65° - IP65



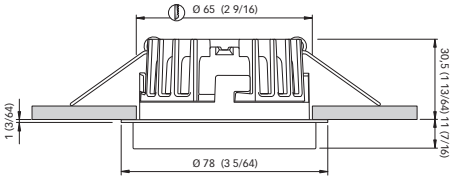

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	78 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

Modelli / Models	**JAZZ H10 6W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	430 lm			377 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,51 m**	**1,01 m**	**1,52 m**	**0,51 m**	**1,01 m**	**1,52 m**
Illuminamento / Illuminance	**1183,4 lux**	**295,9 lux**	**131,5 lux**	**958,2 lux**	**239,6 lux**	**106,5**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	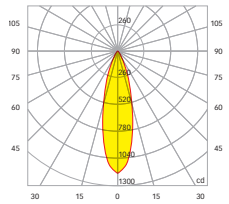			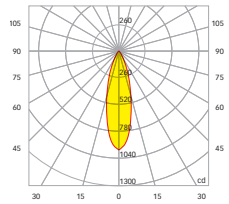		

Modelli / Models	**JAZZ H10 6W - Angolo/beam 45°**						**JAZZ H10 6W - Angolo/beam 65°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**						**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V						0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	443 lm			405 lm			395 lm			367 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,81 m**	**1,61 m**	**2,42 m**	**0,81 m**	**1,61 m**	**2,42 m**	**1,25 m**	**2,50 m**	**3,75 m**	**1,25 m**	**2,50 m**	**3,75 m**
Illuminamento / Illuminance	**715,7 lux**	**178,9 lux**	**79,5 lux**	**650,6 lux**	**162,7 lux**	**72,3 lux**	**320,1 lux**	**80,0 lux**	**35,6 lux**	**300,9 lux**	**75,2 lux**	**33,4 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	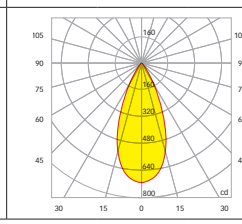			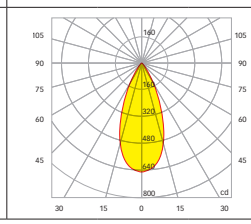			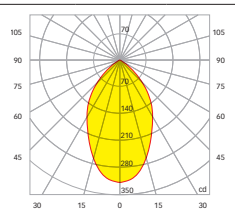			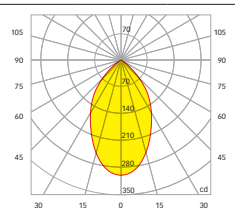		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)



VOYAGE 590

NIKITA AG

Adjustable Series

ANTIGLARE COLLECTION

NIKITA AG 4W - 30° - IP40
NIKITA AG 4W - 45° - IP40
NIKITA AG 4W - 65° - IP40



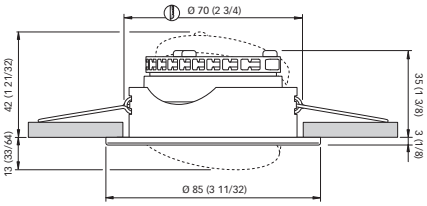

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85 mm
Recesso / Recess	42 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only



Cornici a pag. 144 / Frames at page 144

Modelli / Models	**NIKITA AG 4W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	362 lm			313 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**
Illuminamento / Illuminance	**935,8 lux**	**234,0 lux**	**104,0 lux**	**849,2 Lux**	**212,3 lux**	**94,4 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	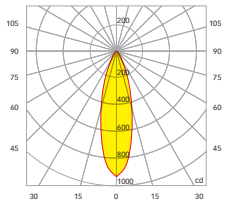			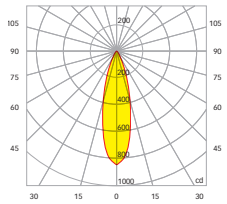		

Modelli / Models	**NIKITA AG 4W - Angolo/beam 45°**						**NIKITA AG 4W - Angolo/beam 65°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**						**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V						0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	355 lm			335 lm			315 lm			275 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,80 m**	**1,60 m**	**2,39 m**	**0,80 m**	**1,60 m**	**2,39 m**	**1,19 m**	**2,39 m**	**3,58 m**	**1,19 m**	**2,39 m**	**3,58 m**
Illuminamento / Illuminance	**568,4 lux**	**142,1 lux**	**63,2 lux**	**520,1 Lux**	**130,0 lux**	**57,8 lux**	**253,7 lux**	**63,4 lux**	**28,2 lux**	**231,0 lux**	**57,8 lux**	**25,7 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	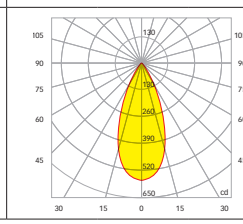			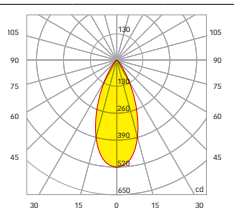			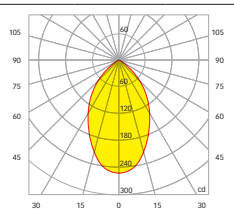			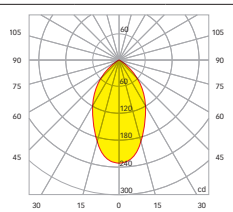		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

NIKITA AG

Adjustable Series

ANTIGLARE COLLECTION

NIKITA AG 6W - 30° - IP40
NIKITA AG 6W - 45° - IP40
NIKITA AG 6W - 65° - IP40



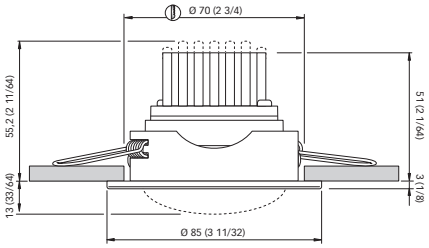

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85 mm
Recesso / Recess	55,2 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only



Cornici a pag. 144 / Frames at page 144

Modelli / Models	**NIKITA AG 6W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	467 lm			398 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**
Illuminamento / Illuminance	**1180,4 lux**	**295,1 lux**	**131,2 lux**	**1061,8 lux**	**265,5 lux**	**118,0 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	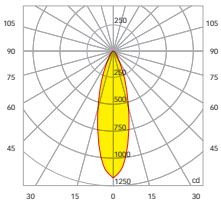			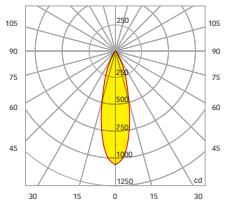		

Modelli / Models	**NIKITA AG 6W - Angolo/beam 45°**						**NIKITA AG 6W - Angolo/beam 65°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**						**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V						0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	455 lm			425 lm			395 lm			355 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,79 m**	**1,59 m**	**2,38 m**	**0,79 m**	**1,59 m**	**2,38 m**	**1,22 m**	**2,44 m**	**3,66 m**	**1,22 m**	**2,44 m**	**3,66 m**
Illuminamento / Illuminance	**708,9 lux**	**177,2 lux**	**78,8 lux**	**668,8 lux**	**167,2 lux**	**74,3 lux**	**319,4 lux**	**79,8 lux**	**35,5 lux**	**295,5 lux**	**73,9 lux**	**32,8 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	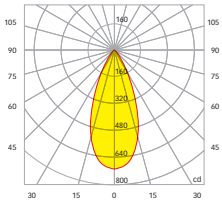			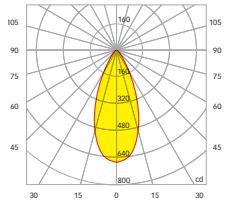			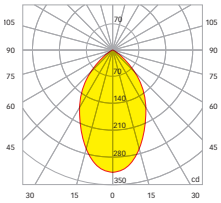			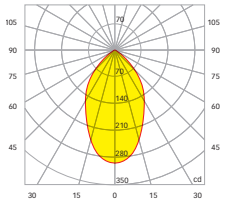		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

NIKITA AG

Adjustable Series

ANTIGLARE COLLECTION

NIKITA AG 9W - 30° - IP40
NIKITA AG 9W - 45° - IP40
NIKITA AG 9W - 65° - IP40



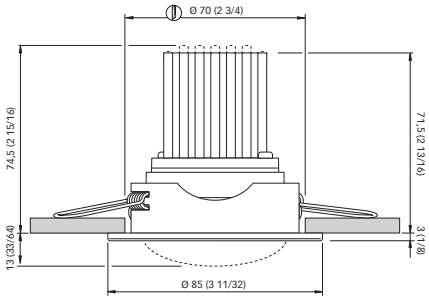

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85 mm
Recesso / Recess	74,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 9W + Courtesy light



Cornici a pag. 144 / Frames at page 144

Modelli / Models	**NIKITA AG 9W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**9 W**					
Assorbimento / Absorption	0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	597 lm			505 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,52 m**	**1,03 m**	**1,55 m**	**0,52 m**	**1,03 m**	**1,55 m**
Illuminamento / Illuminance	**1480,4 lux**	**370,1 lux**	**164,5 lux**	**1278,4 lux**	**319,6 lux**	**142,0 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	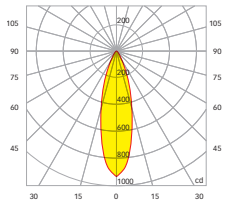			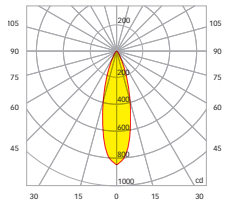		

Modelli / Models	**NIKITA AG 9W - Angolo/beam 45°**						**NIKITA AG 9W - Angolo/beam 65°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**9 W**						**9 W**					
Assorbimento / Absorption	0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V						0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	560 lm			465 lm			527 lm			460 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,76 m**	**1,53 m**	**2,29 m**	**0,76 m**	**1,53 m**	**2,29 m**	**1,24 m**	**2,47 m**	**3,71 m**	**1,24 m**	**2,47 m**	**3,71 m**
Illuminamento / Illuminance	**826,0 lux**	**206,5 lux**	**91,8 lux**	**790,7 lux**	**197,7 lux**	**87,9 lux**	**411,6 lux**	**102,9 lux**	**45,7 lux**	**376,3 lux**	**94,1 lux**	**41,8 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	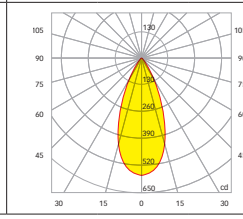			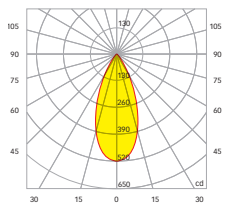			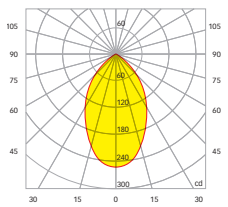			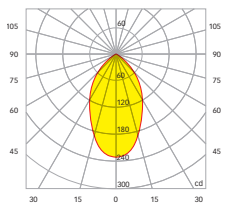		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

NIKITA AG

Adjustable Series

ACCESSORI / ACCESSORIES

Cornici / Frames

Le cornici NK sono state create per adattarsi ai faretti Nikita/Nikita Antiglare. I faretti Nikita/Nikita Antiglare non sono inclusi nella confezione.
The NK frames has been created to fit the Nikita/Nikita Antiglare downlights. Nikita/Nikita Antiglare downlights are not included in the packaging.

Cornice NK L1 / Frame NK L1



Cornice NK L2 / Frame NK L2



Cornice NK L3 / Frame NK L3



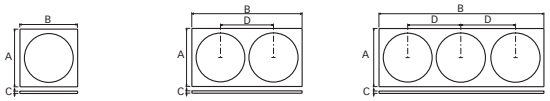

	NK L1	NK L2	NK L3
A	100 (3 15/16)	100 (3 15/16)	100 (3 15/16)
B	100 (3 15/16)	192 (7 9/16)	284 (11 3/16)
C	4 (5/32)	4 (5/32)	4 (5/32)
D	-	92,25 (3 5/8)	92,25 (3 5/8)

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

REGINA AG

Adjustable Series

ANTIGLARE COLLECTION

REGINA AG 4W - 30° - IP40
REGINA AG 4W - 45° - IP40
REGINA AG 4W - 65° - IP40



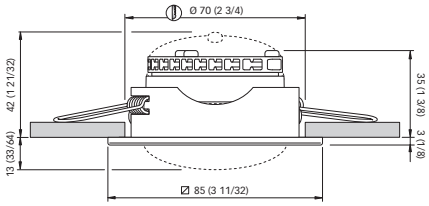

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	85x85 mm
Recesso / Recess	42 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

Modelli / Models	**REGINA AG 4W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	362 lm			313 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**
Illuminamento / Illuminance	**935,8 lux**	**234,0 lux**	**104,0 lux**	**849,2 Lux**	**212,3 lux**	**94,4 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	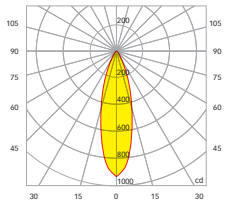			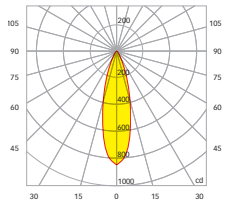		

Modelli / Models	**REGINA AG 4W - Angolo/beam 45°**						**REGINA AG 4W - Angolo/beam 65°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**						**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V						0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	355 lm			335 lm			315 lm			275 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,80 m**	**1,60 m**	**2,39 m**	**0,80 m**	**1,60 m**	**2,39 m**	**1,19 m**	**2,39 m**	**3,58 m**	**1,19 m**	**2,39 m**	**3,58 m**
Illuminamento / Illuminance	**568,4 lux**	**142,1 lux**	**63,2 lux**	**520,1 Lux**	**130,0 lux**	**57,8 lux**	**253,7 lux**	**63,4 lux**	**28,2 lux**	**231,0 lux**	**57,8 lux**	**25,7 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	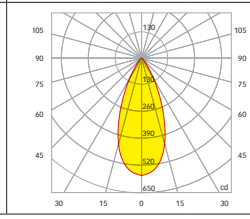			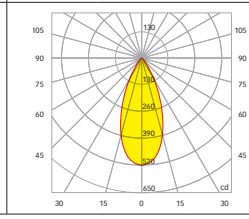			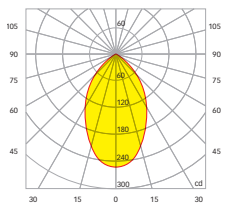			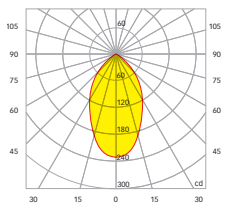		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

REGINA AG

Adjustable Series

ANTIGLARE COLLECTION

REGINA AG 6W - 30° - IP40
REGINA AG 6W - 45° - IP40
REGINA AG 6W - 65° - IP40



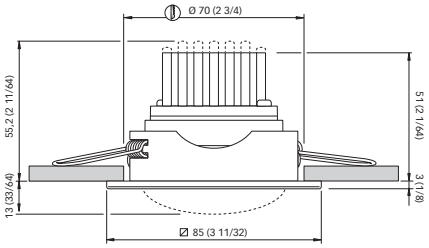

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85x85 mm
Recesso / Recess	55,2 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

Modelli / Models	**REGINA AG 6W - Angolo/beam 30°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	467 lm			398 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**	**0,50 m**	**1,01 m**	**1,51 m**
Illuminamento / Illuminance	**1180,4 lux**	**295,1 lux**	**131,2 lux**	**1061,8 lux**	**265,5 lux**	**118,0 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	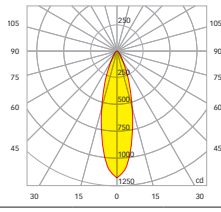			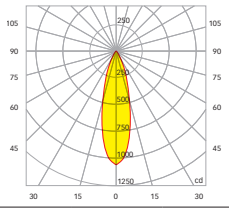		

Modelli / Models	**REGINA AG 6W - Angolo/beam 45°**	**REGINA AG 6W - Angolo/beam 65°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**6 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	455 lm			425 lm			395 lm			355 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,79 m**	**1,59 m**	**2,38 m**	**0,79 m**	**1,59 m**	**2,38 m**	**1,22 m**	**2,44 m**	**3,66 m**	**1,22 m**	**2,44 m**	**3,66 m**
Illuminamento / Illuminance	**708,9 lux**	**177,2 lux**	**78,8 lux**	**668,8 lux**	**167,2 lux**	**74,3 lux**	**319,4 lux**	**79,8 lux**	**35,5 lux**	**295,5 lux**	**73,9 lux**	**32,8 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	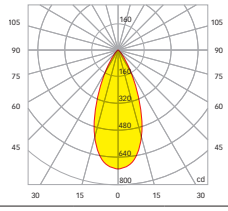			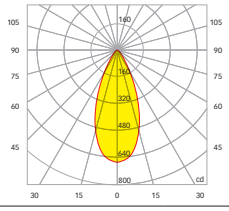			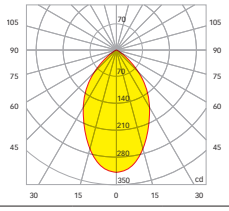			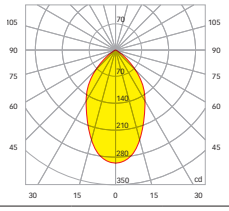		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

REGINA AG

Adjustable Series

ANTIGLARE COLLECTION

REGINA AG 9W - 30° - IP40
REGINA AG 9W - 45° - IP40
REGINA AG 9W - 65° - IP40



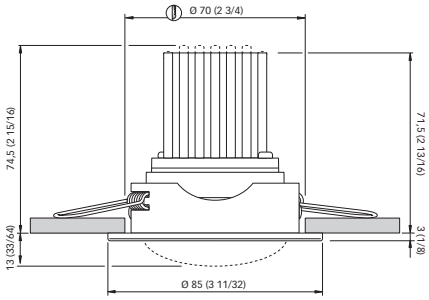

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Adjustable IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	85x85 mm
Recesso / Recess	74,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	70 mm

BICOLOR: 9W + Courtesy light

Modelli / Models	**REGINA AG 9W - Angolo/beam 30°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**9 W**
Assorbimento / Absorption	0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	597 lm			505 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,52 m**	**1,03 m**	**1,55 m**	**0,52 m**	**1,03 m**	**1,55 m**
Illuminamento / Illuminance	**1480,4 lux**	**370,1 lux**	**164,5 lux**	**1278,4 lux**	**319,6 lux**	**142,0 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	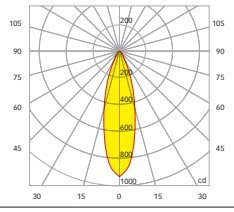			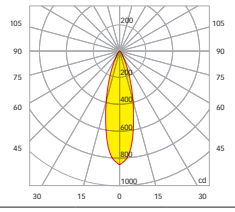		

Modelli / Models	**REGINA AG 9W - Angolo/beam 45°**	**REGINA AG 9W - Angolo/beam 65°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**9 W**	**9 W**
Assorbimento / Absorption	0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V	0,75 A @ 12 V / 0,38 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	560 lm			465 lm			527 lm			460 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,76 m**	**1,53 m**	**2,29 m**	**0,76 m**	**1,53 m**	**2,29 m**	**1,24 m**	**2,47 m**	**3,71 m**	**1,24 m**	**2,47 m**	**3,71 m**
Illuminamento / Illuminance	**826,0 lux**	**206,5 lux**	**91,8 lux**	**790,7 lux**	**197,7 lux**	**87,9 lux**	**411,6 lux**	**102,9 lux**	**45,7 lux**	**376,3 lux**	**94,1 lux**	**41,8 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	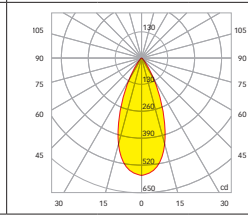			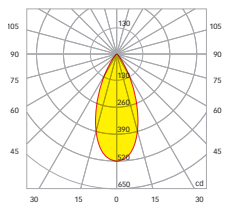			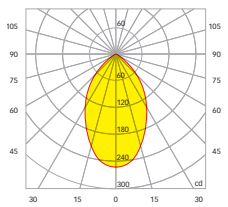			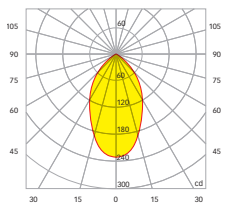		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

EXCLUSIVE SERIES

AG WHOLLY series

ANTIGLARE COLLECTION

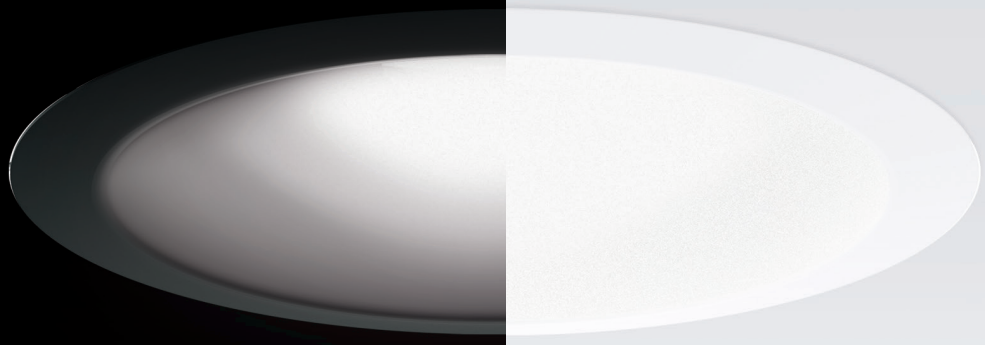

I faretti con LED integrato della serie AG WHOLLY sono proposti in diverse forme, stampate interamente in materiale composito e dotate di una struttura studiata per non abbagliare.
Il sistema dell'ottica secondaria è costituito da lenti speciali che permettono di scegliere tra diversi fasci luminosi (30°-45°-65°).
Le versioni AG1 e AG2 distinguono la serie AG WHOLLY in due grandi famiglie, che si differenziano nella profondità dell'ottica e di conseguenza nella quota del recesso. La serie AG2 è dotata di maggiore efficacia antiabbagliamento, mentre la serie AG1 è più vantaggiosa per installazioni che necessitano di un incasso molto basso.

The downlights with built-in LED in the AG WHOLLY series are offered in various shapes, moulded entirely of composite material and with a structure designed to combat glare.
The secondary optics system is made up of special lenses for choosing between various light beams (30°-45°-65°).
The AG1 and AG2 versions group the AG WHOLLY series into two large families, which differ in the depth of the optics and consequently in the height of the recess. The AG2 series is equipped with greater antiglare efficiency while the AG1 series works better for applications that require a very low installation height.

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Materiale composito / Composite material

Finiture / Finishes

Bianco 9010 / White 9010
Nero / Black

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu **(2W)** / Blue single color **(2W)**
Monocolore Rosso **(2W)** / Red single color **(2W)**

Bicolore / Bicolor
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

AG WHOLLY
Series

VERSIONI DELLA SERIE AG WHOLLY / AG WHOLLY SERIES VERSIONS

AG1 WHOLLY - WHITE
RECESSO/RECESS 30,5 mm



MODELLI AG1K / AG1K MODELS
AG1K WHOLLY - 4W - 30°- WHITE - IP65
AG1K WHOLLY - 4W - 45°- WHITE - IP65
AG1K WHOLLY - 4W - 65°- WHITE - IP65
AG1K WHOLLY - 6W - 30°- WHITE - IP65
AG1K WHOLLY - 6W - 45°- WHITE - IP65
AG1K WHOLLY - 6W - 65°- WHITE - IP65



MODELLI AG1B / AG1B MODELS
AG1B WHOLLY - 4W - 30°- WHITE - IP65
AG1B WHOLLY - 4W - 45°- WHITE - IP65
AG1B WHOLLY - 4W - 65°- WHITE - IP65
AG1B WHOLLY - 6W - 30°- WHITE - IP65
AG1B WHOLLY - 6W - 45°- WHITE - IP65
AG1B WHOLLY - 6W - 65°- WHITE - IP65



MODELLI AG1M / AG1M MODELS
AG1M WHOLLY - 4W - 30°- WHITE - IP65
AG1M WHOLLY - 4W - 45°- WHITE - IP65
AG1M WHOLLY - 4W - 65°- WHITE - IP65
AG1M WHOLLY - 6W - 30°- WHITE - IP65
AG1M WHOLLY - 6W - 45°- WHITE - IP65
AG1M WHOLLY - 6W - 65°- WHITE - IP65



MODELLI AG1D / AG1D MODELS
AG1D WHOLLY - 4W - 30°- WHITE - IP65
AG1D WHOLLY - 4W - 45°- WHITE - IP65
AG1D WHOLLY - 4W - 65°- WHITE - IP65
AG1D WHOLLY - 6W - 30°- WHITE - IP65
AG1D WHOLLY - 6W - 45°- WHITE - IP65
AG1D WHOLLY - 6W - 65°- WHITE - IP65

AG1 WHOLLY - BLACK
RECESSO/RECESS 30,5 mm



MODELLI AG1K / AG1K MODELS
AG1K WHOLLY - 4W - 30°- BLACK - IP65
AG1K WHOLLY - 4W - 45°- BLACK - IP65
AG1K WHOLLY - 4W - 65°- BLACK - IP65
AG1K WHOLLY - 6W - 30°- BLACK - IP65
AG1K WHOLLY - 6W - 45°- BLACK - IP65
AG1K WHOLLY - 6W - 65°- BLACK - IP65

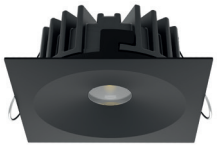

MODELLI AG1B / AG1B MODELS
AG1B WHOLLY - 4W - 30°- BLACK - IP65
AG1B WHOLLY - 4W - 45°- BLACK - IP65
AG1B WHOLLY - 4W - 65°- BLACK - IP65
AG1B WHOLLY - 6W - 30°- BLACK - IP65
AG1B WHOLLY - 6W - 45°- BLACK - IP65
AG1B WHOLLY - 6W - 65°- BLACK - IP65



MODELLI AG1M / AG1M MODELS
AG1M WHOLLY - 4W - 30°- BLACK - IP65
AG1M WHOLLY - 4W - 45°- BLACK - IP65
AG1M WHOLLY - 4W - 65°- BLACK - IP65
AG1M WHOLLY - 6W - 30°- BLACK - IP65
AG1M WHOLLY - 6W - 45°- BLACK - IP65
AG1M WHOLLY - 6W - 65°- BLACK - IP65



MODELLI AG1D / AG1D MODELS
AG1D WHOLLY - 4W - 30°- BLACK - IP65
AG1D WHOLLY - 4W - 45°- BLACK - IP65
AG1D WHOLLY - 4W - 65°- BLACK - IP65
AG1D WHOLLY - 6W - 30°- BLACK - IP65
AG1D WHOLLY - 6W - 45°- BLACK - IP65
AG1D WHOLLY - 6W - 65°- BLACK - IP65

AG2 WHOLLY - WHITE
RECESSO/RECESS 41 mm



MODELLI AG2K / AG2K MODELS
AG2K WHOLLY - 4W - 30°- WHITE - IP65
AG2K WHOLLY - 4W - 45°- WHITE - IP65
AG2K WHOLLY - 4W - 65°- WHITE - IP65
AG2K WHOLLY - 6W - 30°- WHITE - IP65
AG2K WHOLLY - 6W - 45°- WHITE - IP65
AG2K WHOLLY - 6W - 65°- WHITE - IP65



MODELLI AG2B / AG2B MODELS
AG2B WHOLLY - 4W - 30°- WHITE - IP65
AG2B WHOLLY - 4W - 45°- WHITE - IP65
AG2B WHOLLY - 4W - 65°- WHITE - IP65
AG2B WHOLLY - 6W - 30°- WHITE - IP65
AG2B WHOLLY - 6W - 45°- WHITE - IP65
AG2B WHOLLY - 6W - 65°- WHITE - IP65



MODELLI AG2M / AG2M MODELS
AG2M WHOLLY - 4W - 30°- WHITE - IP65
AG2M WHOLLY - 4W - 45°- WHITE - IP65
AG2M WHOLLY - 4W - 65°- WHITE - IP65
AG2M WHOLLY - 6W - 30°- WHITE - IP65
AG2M WHOLLY - 6W - 45°- WHITE - IP65
AG2M WHOLLY - 6W - 65°- WHITE - IP65



MODELLI AG2D / AG2D MODELS
AG2D WHOLLY - 4W - 30°- WHITE - IP65
AG2D WHOLLY - 4W - 45°- WHITE - IP65
AG2D WHOLLY - 4W - 65°- WHITE - IP65
AG2D WHOLLY - 6W - 30°- WHITE - IP65
AG2D WHOLLY - 6W - 45°- WHITE - IP65
AG2D WHOLLY - 6W - 65°- WHITE - IP65

AG2 WHOLLY - BLACK
RECESSO/RECESS 41 mm



MODELLI AG2K / AG2K MODELS
AG2K WHOLLY - 4W - 30°- BLACK - IP65
AG2K WHOLLY - 4W - 45°- BLACK - IP65
AG2K WHOLLY - 4W - 65°- BLACK - IP65
AG2K WHOLLY - 6W - 30°- BLACK - IP65
AG2K WHOLLY - 6W - 45°- BLACK - IP65
AG2K WHOLLY - 6W - 65°- BLACK - IP65

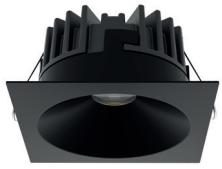

MODELLI AG2B / AG2B MODELS
AG2B WHOLLY - 4W - 30°- BLACK - IP65
AG2B WHOLLY - 4W - 45°- BLACK - IP65
AG2B WHOLLY - 4W - 65°- BLACK - IP65
AG2B WHOLLY - 6W - 30°- BLACK - IP65
AG2B WHOLLY - 6W - 45°- BLACK - IP65
AG2B WHOLLY - 6W - 65°- BLACK - IP65



MODELLI AG2M / AG2M MODELS
AG2M WHOLLY - 4W - 30°- BLACK - IP65
AG2M WHOLLY - 4W - 45°- BLACK - IP65
AG2M WHOLLY - 4W - 65°- BLACK - IP65
AG2M WHOLLY - 6W - 30°- BLACK - IP65
AG2M WHOLLY - 6W - 45°- BLACK - IP65
AG2M WHOLLY - 6W - 65°- BLACK - IP65



MODELLI AG2D / AG2D MODELS
AG2D WHOLLY - 4W - 30°- BLACK - IP65
AG2D WHOLLY - 4W - 45°- BLACK - IP65
AG2D WHOLLY - 4W - 65°- BLACK - IP65
AG2D WHOLLY - 6W - 30°- BLACK - IP65
AG2D WHOLLY - 6W - 45°- BLACK - IP65
AG2D WHOLLY - 6W - 65°- BLACK - IP65

AG1K WHOLLY 4W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG1K WHOLLY 4W - 30° - WHITE - IP65
AG1K WHOLLY 4W - 45° - WHITE - IP65
AG1K WHOLLY 4W - 65° - WHITE - IP65



AG1K WHOLLY 4W - 30° - BLACK - IP65
AG1K WHOLLY 4W - 45° - BLACK - IP65
AG1K WHOLLY 4W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	78 mm
Recesso / Recess	30,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

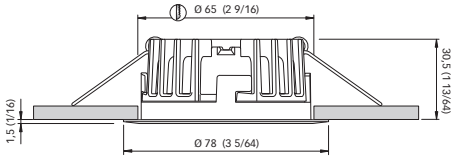

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG1K WHOLLY 4W - Angolo/beam 30° - WHITE/BLACK**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	350 lm			320 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**
Illuminamento / Illuminance	**941,8 lux**	**235,4 lux**	**104,6 lux**	**849,0 lux**	**212,2 lux**	**94,3 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	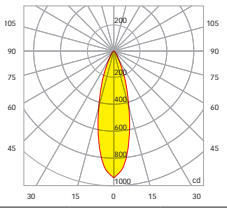			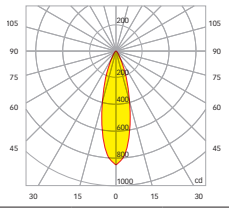		

Modelli / Models	**AG1K WHOLLY 4W - Angolo/beam 45° - WHITE/BLACK**	**AG1K WHOLLY 4W - Angolo/beam 65° - WHITE/BLACK**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	353 lm			322 lm			315 lm			290 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,80 m**	**1,61 m**	**2,41 m**	**0,80 m**	**1,61 m**	**2,41 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**
Illuminamento / Illuminance	**564,3 lux**	**141,1 lux**	**62,7 lux**	**512,0 lux**	**128,0 lux**	**56,9 lux**	**255,5 lux**	**63,9 lux**	**28,4 lux**	**229,6 lux**	**57,4 lux**	**25,5 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	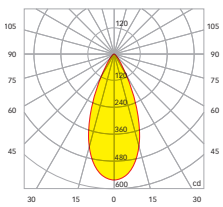			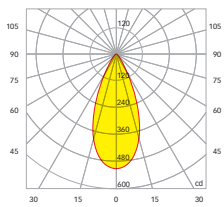			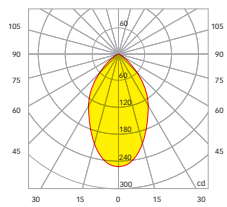			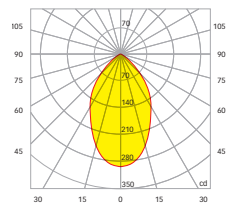		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG1K WHOLLY 6W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG1K WHOLLY 6W - 30° - WHITE - IP65
AG1K WHOLLY 6W - 45° - WHITE - IP65
AG1K WHOLLY 6W - 65° - WHITE - IP65



AG1K WHOLLY 6W - 30° - BLACK - IP65
AG1K WHOLLY 6W - 45° - BLACK - IP65
AG1K WHOLLY 6W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	78 mm
Recesso / Recess	30,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

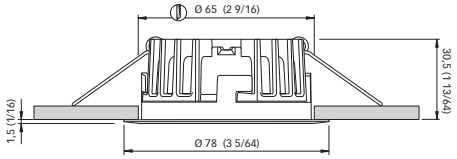

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG1K WHOLLY 6W - Angolo/beam 30° - WHITE/BLACK**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	450lm			410 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**
Illuminamento / Illuminance	**1207,4 lux**	**301,9 lux**	**134,2 lux**	**1088,4 lux**	**272,1 lux**	**120,9 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	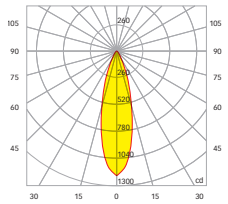			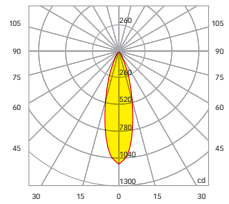		

Modelli / Models	**AG1K WHOLLY 6W - Angolo/beam 45° - WHITE/BLACK**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	453 lm			413 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,80 m**	**1,61 m**	**2,41 m**	**0,80 m**	**1,61 m**	**2,41 m**
Illuminamento / Illuminance	**723,4 lux**	**180,9 lux**	**80,4 lux**	**656,4 lux**	**164,1 lux**	**72,9 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**		
	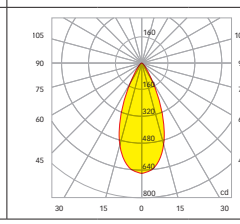			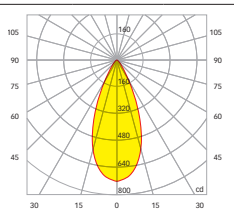		

Modelli / Models	**AG1K WHOLLY 6W - Angolo/beam 65° - WHITE/BLACK**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	405 lm			370 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**
Illuminamento / Illuminance	**327,5 lux**	**81,9 lux**	**36,4 lux**	**294,3 lux**	**73,6 lux**	**32,7 lux**
Angolo / Beam	**65°**			**65°**		
	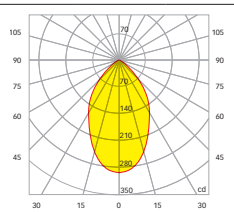			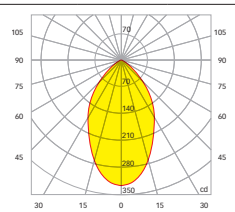		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG1B WHOLLY 4W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG1B WHOLLY 4W - 30° - WHITE - IP65
AG1B WHOLLY 4W - 45° - WHITE - IP65
AG1B WHOLLY 4W - 65° - WHITE - IP65



AG1B WHOLLY 4W - 30° - BLACK - IP65
AG1B WHOLLY 4W - 45° - BLACK - IP65
AG1B WHOLLY 4W - 65° - BLACK - IP65

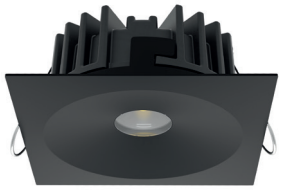

IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78x78 mm
Recesso / Recess	30,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

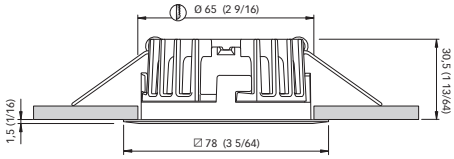

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG1B WHOLLY 4W - Angolo/beam 30° - WHITE/BLACK**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	350 lm			320 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**
Illuminamento / Illuminance	**941,8 lux**	**235,4 lux**	**104,6 lux**	**849,0 lux**	**212,2 lux**	**94,3 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	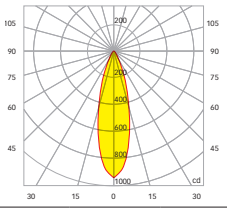			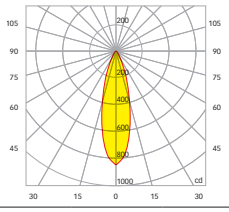		

Modelli / Models	**AG1B WHOLLY 4W - Angolo/beam 45° - WHITE/BLACK**	**AG1B WHOLLY 4W - Angolo/beam 65° - WHITE/BLACK**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	353 lm			322 lm			315 lm			290 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,80 m**	**1,61 m**	**2,41 m**	**0,80 m**	**1,61 m**	**2,41 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**
Illuminamento / Illuminance	**564,3 lux**	**141,1 lux**	**62,7 lux**	**512,0 lux**	**128,0 lux**	**56,9 lux**	**255,5 lux**	**63,9 lux**	**28,4 lux**	**229,6 lux**	**57,4 lux**	**25,5 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	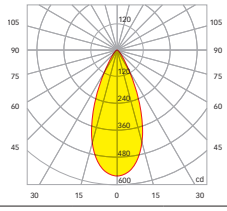			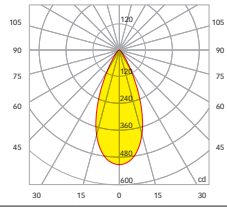			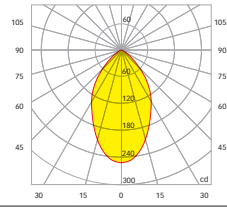			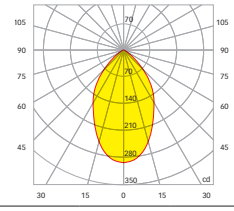		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG1B WHOLLY 6W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG1B WHOLLY 6W - 30° - WHITE - IP65
AG1B WHOLLY 6W - 45° - WHITE - IP65
AG1B WHOLLY 6W - 65° - WHITE - IP65



AG1B WHOLLY 6W - 30° - BLACK - IP65
AG1B WHOLLY 6W - 45° - BLACK - IP65
AG1B WHOLLY 6W - 65° - BLACK - IP65

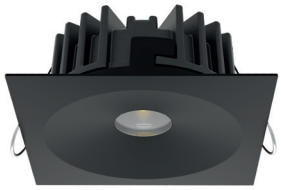

IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78x78 mm
Recesso / Recess	30,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

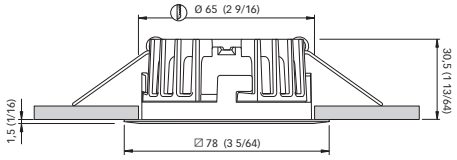

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG1B WHOLLY 6W - Angolo/beam 30° - WHITE/BLACK**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	450lm			410 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**
Illuminamento / Illuminance	**1207,4 lux**	**301,9 lux**	**134,2 lux**	**1088,4 lux**	**272,1 lux**	**120,9 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	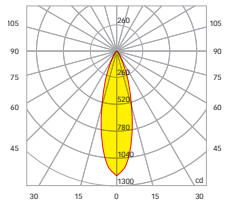			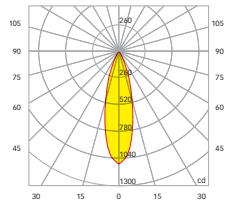		

Modelli / Models	**AG1B WHOLLY 4W - Angolo/beam 45° - WHITE/BLACK**						**AG1B WHOLLY 4W - Angolo/beam 65° - WHITE/BLACK**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**						**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V						0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	353 lm			322 lm			315 lm			290 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,80 m**	**1,61 m**	**2,41 m**	**0,80 m**	**1,61 m**	**2,41 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**
Illuminamento / Illuminance	**564,3 lux**	**141,1 lux**	**62,7 lux**	**512,0 lux**	**128,0 lux**	**56,9 lux**	**255,5 lux**	**63,9 lux**	**28,4 lux**	**229,6 lux**	**57,4 lux**	**25,5 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	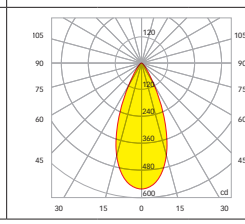			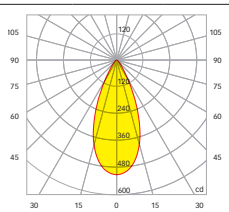			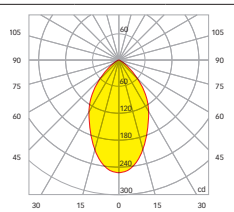			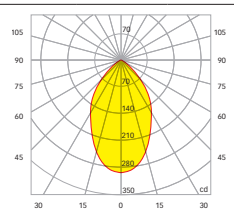		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG1M WHOLLY 4W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG1M WHOLLY 4W - 30° - WHITE - IP65
AG1M WHOLLY 4W - 45° - WHITE - IP65
AG1M WHOLLY 4W - 65° - WHITE - IP65



AG1M WHOLLY 4W - 30° - BLACK - IP65
AG1M WHOLLY 4W - 45° - BLACK - IP65
AG1M WHOLLY 4W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78x78 mm
Recesso / Recess	30,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

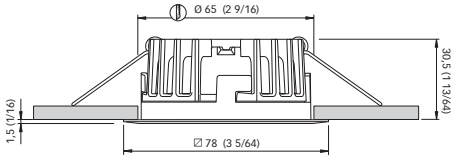

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG1M WHOLLY 4W - Angolo/beam 30° - WHITE/BLACK**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	345 lm			315 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,49 m**	**0,99 m**	**1,48 m**	**0,49 m**	**0,99 m**	**1,48 m**
Illuminamento / Illuminance	**911,0 lux**	**277,8 lux**	**101,2 lux**	**848,3 lux**	**212,1 lux**	**94,3 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	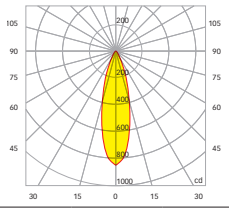			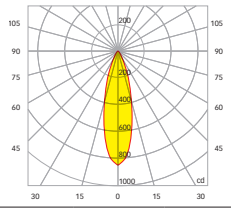		

Modelli / Models	**AG1M WHOLLY 4W - Angolo/beam 45° - WHITE/BLACK**	**AG1M WHOLLY 4W - Angolo/beam 65° - WHITE/BLACK**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	353 lm			322 lm			315 lm			290 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,79 m**	**1,58 m**	**2,38 m**	**0,79 m**	**1,58 m**	**2,38 m**	**1,29 m**	**2,57 m**	**3,86 m**	**1,29 m**	**2,57 m**	**3,86 m**
Illuminamento / Illuminance	**561,6 lux**	**140,4 lux**	**62,4 lux**	**522,4 lux**	**130,6 lux**	**58,0 lux**	**251,1 lux**	**62,8 lux**	**27,9 lux**	**228,2 lux**	**57,0 lux**	**25,4 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	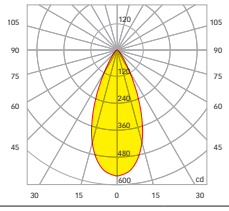			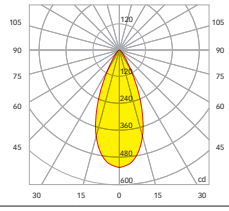			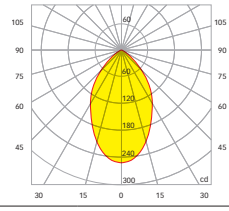			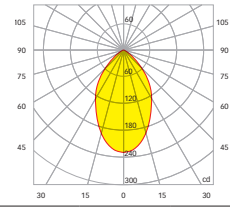		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG1M WHOLLY 6W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG1M WHOLLY 6W - 30° - WHITE - IP65
AG1M WHOLLY 6W - 45° - WHITE - IP65
AG1M WHOLLY 6W - 65° - WHITE - IP65



AG1M WHOLLY 6W - 30° - BLACK - IP65
AG1M WHOLLY 6W - 45° - BLACK - IP65
AG1M WHOLLY 6W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78x78 mm
Recesso / Recess	30,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

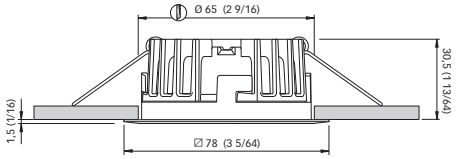

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG1M WHOLLY 6W - Angolo/beam 30° - WHITE/BLACK**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	440 lm			405 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,49 m**	**0,99 m**	**1,48 m**	**0,49 m**	**0,99 m**	**1,48 m**
Illuminamento / Illuminance	**1168,0 lux**	**292,0 lux**	**129,8 lux**	**1087,6 lux**	**271,9 lux**	**120,8 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	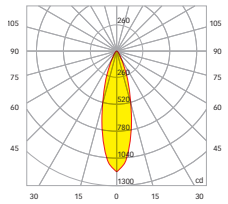			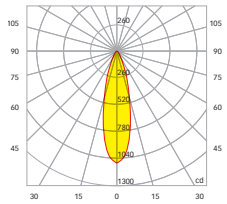		

Modelli / Models	**AG1M WHOLLY 6W - Angolo/beam 45° - WHITE/BLACK**						**AG1M WHOLLY 6W - Angolo/beam 65° - WHITE/BLACK**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**						**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V						0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	452 lm			412 lm			403 lm			373 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,79 m**	**1,58 m**	**2,38 m**	**0,79 m**	**1,58 m**	**2,38 m**	**1,29 m**	**2,57 m**	**3,86 m**	**1,29 m**	**2,57 m**	**3,86 m**
Illuminamento / Illuminance	**720,0 lux**	**180,0 lux**	**80,0 lux**	**669,8 lux**	**167,4 lux**	**74,4 lux**	**321,9 lux**	**80,5 lux**	**35,8 lux**	**292,5 lux**	**73,1 lux**	**32,5 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	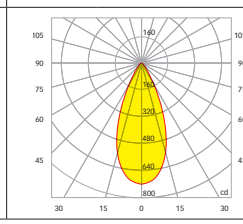			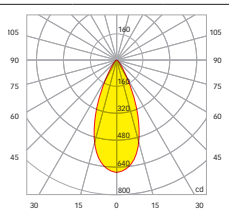			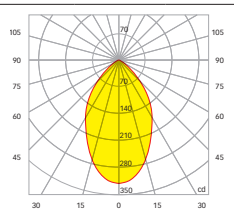			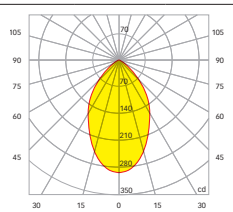		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG1D WHOLLY 4W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG1D WHOLLY 4W - 30° - WHITE - IP65
AG1D WHOLLY 4W - 45° - WHITE - IP65
AG1D WHOLLY 4W - 65° - WHITE - IP65



AG1D WHOLLY 4W - 30° - BLACK - IP65
AG1D WHOLLY 4W - 45° - BLACK - IP65
AG1D WHOLLY 4W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78 mm
Recesso / Recess	30,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

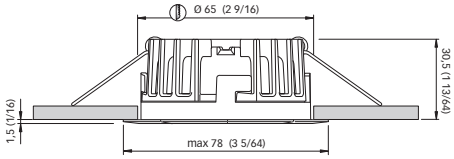

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG1D WHOLLY 4W - Angolo/beam 30° - WHITE/BLACK**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	348 lm			320 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**
Illuminamento / Illuminance	**933,0 lux**	**233,3 lux**	**103,7 lux**	**849,7 lux**	**212,4 lux**	**94,4 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	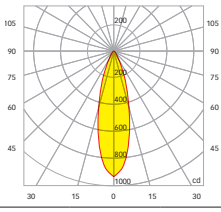			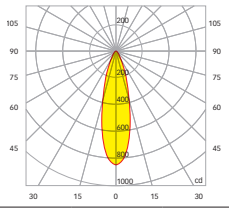		

Modelli / Models	**AG1D WHOLLY 4W - Angolo/beam 45° - WHITE/BLACK**	**AG1D WHOLLY 4W - Angolo/beam 65° - WHITE/BLACK**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	363 lm			325 lm			315 lm			290 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**	**1,31 m**	**2,62 m**	**3,93 m**	**1,31 m**	**2,62 m**	**3,93 m**
Illuminamento / Illuminance	**559,0 lux**	**139,7 lux**	**62,1 lux**	**503,7 lux**	**125,9 lux**	**56,0 lux**	**251,9 lux**	**63,0 lux**	**28,0 lux**	**221,3 lux**	**55,3 lux**	**24,6 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	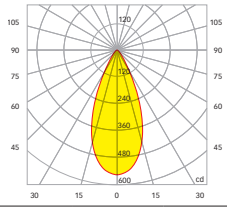			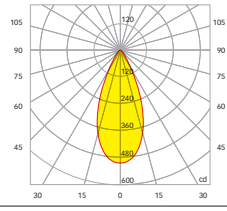			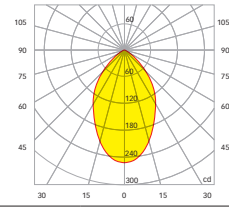			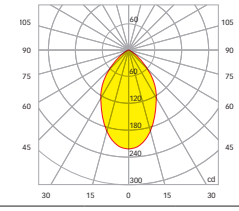		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG1D WHOLLY 6W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG1D WHOLLY 6W - 30° - WHITE - IP65
AG1D WHOLLY 6W - 45° - WHITE - IP65
AG1D WHOLLY 6W - 65° - WHITE - IP65



AG1D WHOLLY 6W - 30° - BLACK - IP65
AG1D WHOLLY 6W - 45° - BLACK - IP65
AG1D WHOLLY 6W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78 mm
Recesso / Recess	30,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

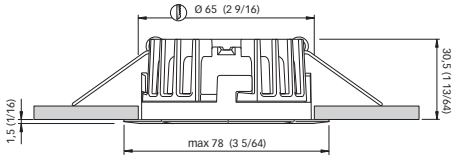

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG1D WHOLLY 6W - Angolo/beam 30° - WHITE/BLACK**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	447 lm			410 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**	**0,50 m**	**0,99 m**	**1,49 m**
Illuminamento / Illuminance	**1196,2 lux**	**299,1 lux**	**132,9 lux**	**1089,4 lux**	**272,4 lux**	**121,0 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	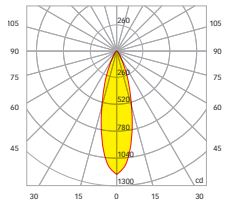			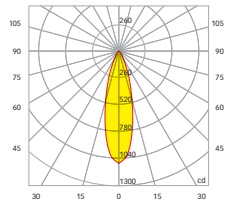		

Modelli / Models	**AG1D WHOLLY 6W - Angolo/beam 45° - WHITE/BLACK**						**AG1D WHOLLY 6W - Angolo/beam 65° - WHITE/BLACK**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**						**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V						0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	465 lm			415 lm			415 lm			365 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**	**1,31 m**	**2,62 m**	**3,93 m**	**1,31 m**	**2,62 m**	**3,93 m**
Illuminamento / Illuminance	**716,6 lux**	**179,2 lux**	**79,6 lux**	**645,8 lux**	**161,5 lux**	**71,8 lux**	**323,0 lux**	**80,7 lux**	**35,9 lux**	**283,8 lux**	**70,9 lux**	**31,5 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	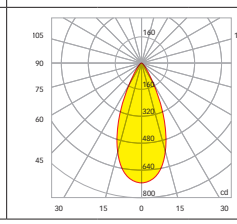			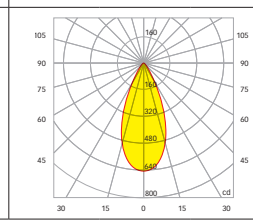			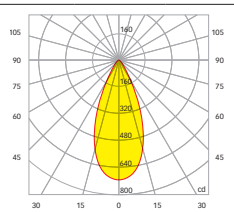			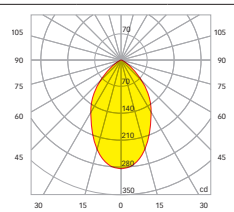		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG2K WHOLLY 4W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG2K WHOLLY 4W - 30° - WHITE - IP65
AG2K WHOLLY 4W - 45° - WHITE - IP65
AG2K WHOLLY 4W - 65° - WHITE - IP65



AG2K WHOLLY 4W - 30° - BLACK - IP65
AG2K WHOLLY 4W - 45° - BLACK - IP65
AG2K WHOLLY 4W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

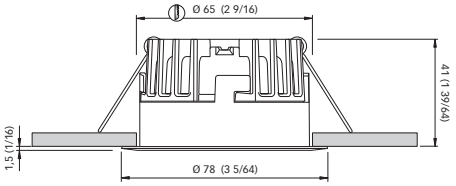

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG2K WHOLLY 4W - Angolo/beam 30° - WHITE**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	355 lm			315 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**
Illuminamento / Illuminance	**949,0 lux**	**237,3 lux**	**105,4 lux**	**850,0 lux**	**212,5 lux**	**94,4 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	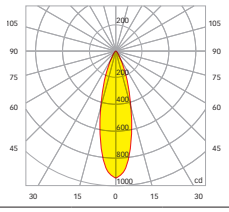			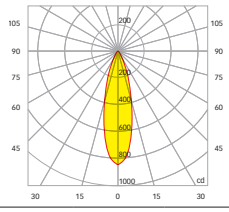		

Modelli / Models	**AG2K WHOLLY 4W - Angolo/beam 45° - WHITE**	**AG2K WHOLLY 4W - Angolo/beam 65° - WHITE**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	357 lm			320 lm			312 lm			280 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**
Illuminamento / Illuminance	**561,1 lux**	**140,3 lux**	**62,3 lux**	**507,5 lux**	**126,9 lux**	**56,4 lux**	**255,5 lux**	**63,9 lux**	**28,4 lux**	**229,6 lux**	**57,4 lux**	**25,5 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	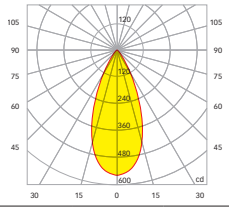			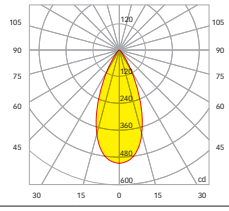			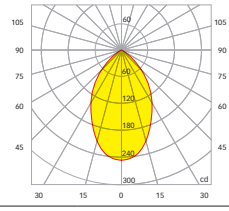			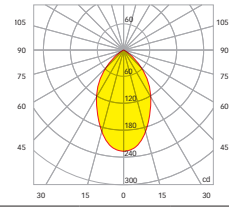		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG2K WHOLLY 6W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG2K WHOLLY 6W - 30° - WHITE - IP65
AG2K WHOLLY 6W - 45° - WHITE - IP65
AG2K WHOLLY 6W - 65° - WHITE - IP65



AG2K WHOLLY 6W - 30° - BLACK - IP65
AG2K WHOLLY 6W - 45° - BLACK - IP65
AG2K WHOLLY 6W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

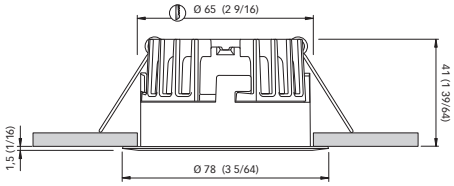

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG2K WHOLLY 6W - Angolo/beam 30° - WHITE**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	440 lm			400 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,51m**	**1,03 m**	**1,54 m**	**0,51m**	**1,03 m**	**1,54 m**
Illuminamento / Illuminance	**1195,0 lux**	**298,8 lux**	**132,8 lux**	**1010,2 lux**	**252,6 lux**	**112,2 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	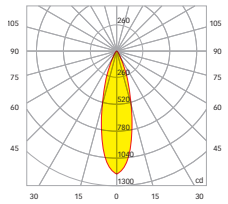			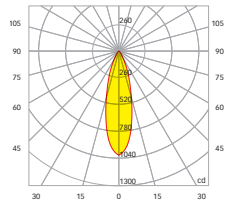		

Modelli / Models	**AG2K WHOLLY 6W - Angolo/beam 45° - WHITE**	**AG2K WHOLLY 6W - Angolo/beam 65° - WHITE**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**6 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	452 lm			410 lm			400 lm			365 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,82 m**	**1,63 m**	**2,45 m**	**0,82 m**	**1,63 m**	**2,45 m**	**1,29 m**	**2,59 m**	**3,88 m**	**1,29 m**	**2,59 m**	**3,88 m**
Illuminamento / Illuminance	**718,3 lux**	**179,6 lux**	**79,8 lux**	**643,2 lux**	**160,8 lux**	**71,5 lux**	**317,6 lux**	**79,4 lux**	**35,3 lux**	**289,7 lux**	**72,4 lux**	**32,2 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	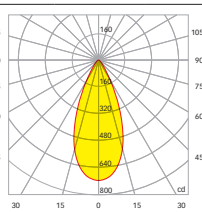			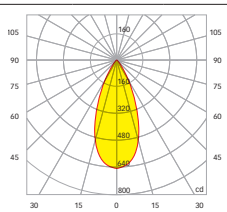			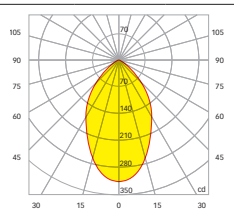			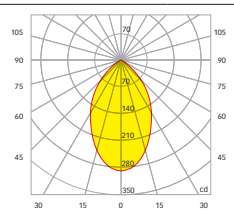		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG2B WHOLLY 4W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG2B WHOLLY 4W - 30° - WHITE - IP65
AG2B WHOLLY 4W - 45° - WHITE - IP65
AG2B WHOLLY 4W - 65° - WHITE - IP65



AG2B WHOLLY 4W - 30° - BLACK - IP65
AG2B WHOLLY 4W - 45° - BLACK - IP65
AG2B WHOLLY 4W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78x78 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

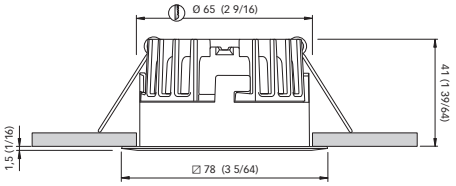

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG2B WHOLLY 4W - Angolo/beam 30° - WHITE**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	355 lm			315 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**
Illuminamento / Illuminance	**949,0 lux**	**237,3 lux**	**105,4 lux**	**850,0 lux**	**212,5 lux**	**94,4 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	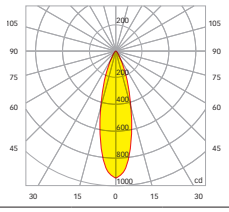			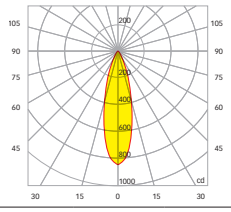		

Modelli / Models	**AG2B WHOLLY 4W - Angolo/beam 45° - WHITE**	**AG2B WHOLLY 4W - Angolo/beam 65° - WHITE**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	357 lm			320 lm			312 lm			280 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,43 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**	**1,27 m**	**2,53 m**	**3,80 m**
Illuminamento / Illuminance	**561,1 lux**	**140,3 lux**	**62,3 lux**	**507,5 lux**	**126,9 lux**	**56,4 lux**	**255,5 lux**	**63,9 lux**	**28,4 lux**	**229,6 lux**	**57,4 lux**	**25,5 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	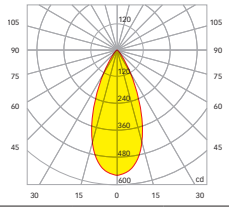			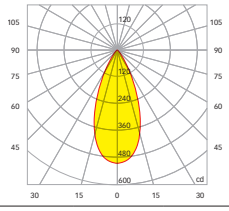			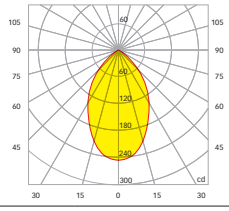			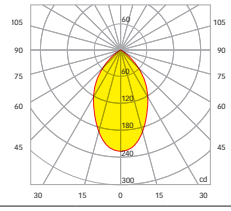		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG2B WHOLLY 6W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG2B WHOLLY 6W - 30° - WHITE - IP65
AG2B WHOLLY 6W - 45° - WHITE - IP65
AG2B WHOLLY 6W - 65° - WHITE - IP65



AG2B WHOLLY 6W - 30° - BLACK - IP65
AG2B WHOLLY 6W - 45° - BLACK - IP65
AG2B WHOLLY 6W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78x78 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

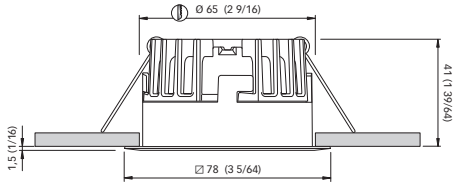

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG2B WHOLLY 6W - Angolo/beam 30° - WHITE**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	440 lm			400 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,51m**	**1,03 m**	**1,54 m**	**0,51m**	**1,03 m**	**1,54 m**
Illuminamento / Illuminance	**1195,0 lux**	**298,8 lux**	**132,8 lux**	**1010,2 lux**	**252,6 lux**	**112,2 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	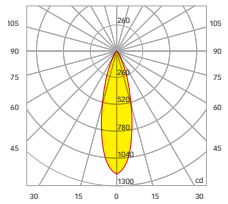			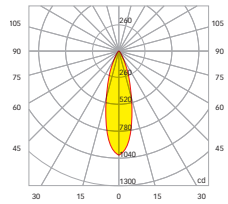		

Modelli / Models	**AG2B WHOLLY 6W - Angolo/beam 45° - WHITE**	**AG2B WHOLLY 6W - Angolo/beam 65° - WHITE**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**6 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	452 lm			410 lm			400 lm			365 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,82 m**	**1,63 m**	**2,45 m**	**0,82 m**	**1,63 m**	**2,45 m**	**1,29 m**	**2,59 m**	**3,88 m**	**1,29 m**	**2,59 m**	**3,88 m**
Illuminamento / Illuminance	**718,3 lux**	**179,6 lux**	**79,8 lux**	**643,2 lux**	**160,8 lux**	**71,5 lux**	**317,6 lux**	**79,4 lux**	**35,3 lux**	**289,7 lux**	**72,4 lux**	**32,2 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	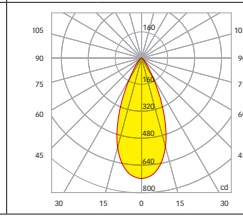			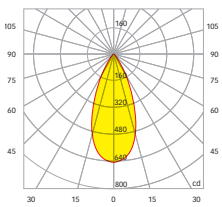			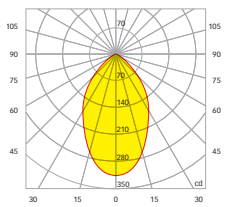			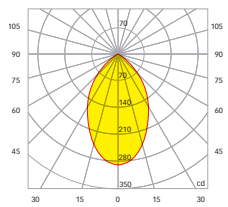		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG2M WHOLLY 4W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG2M WHOLLY 4W - 30° - WHITE - IP65
AG2M WHOLLY 4W - 45° - WHITE - IP65
AG2M WHOLLY 4W - 65° - WHITE - IP65



AG2M WHOLLY 4W - 30° - BLACK - IP65
AG2M WHOLLY 4W - 45° - BLACK - IP65
AG2M WHOLLY 4W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78x78 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

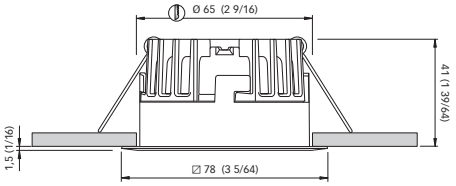

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG2M WHOLLY 4W - Angolo/beam 30° - WHITE**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	350 lm			312 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,51 m**	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,51 m**
Illuminamento / Illuminance	**962,0 lux**	**240,5 lux**	**106,9 lux**	**849,8 lux**	**212,5 lux**	**94,4 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	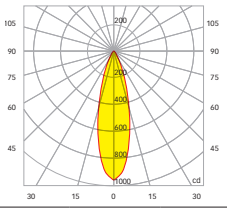			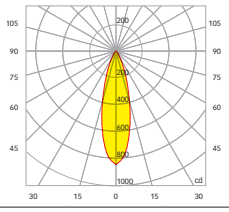		

Modelli / Models	**AG2M WHOLLY 4W - Angolo/beam 45° - WHITE**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	353 lm			330 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,84 m**	**1,68 m**	**2,52 m**	**0,84 m**	**1,68 m**	**2,52 m**
Illuminamento / Illuminance	**564,8 lux**	**141,2 lux**	**62,8 lux**	**503,0 lux**	**125,7 lux**	**55,9 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**		
	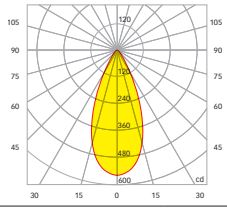			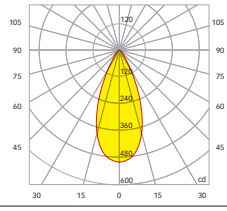		

Modelli / Models	**AG2M WHOLLY 4W - Angolo/beam 65° - WHITE**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	312 lm			280 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,25 m**	**2,51 m**	**3,76 m**	**1,25 m**	**2,51 m**	**3,76 m**
Illuminamento / Illuminance	**252,2 lux**	**63,1 lux**	**28,0 lux**	**230,9 lux**	**57,7 lux**	**25,7 lux**
Angolo / Beam	**65°**			**65°**		
	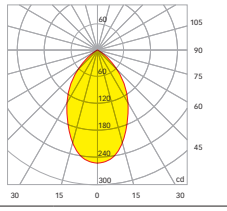			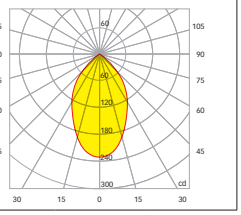		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG2M WHOLLY 6W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG2M WHOLLY 6W - 30° - WHITE - IP65
AG2M WHOLLY 6W - 45° - WHITE - IP65
AG2M WHOLLY 6W - 65° - WHITE - IP65



AG2M WHOLLY 6W - 30° - BLACK - IP65
AG2M WHOLLY 6W - 45° - BLACK - IP65
AG2M WHOLLY 6W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78x78 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

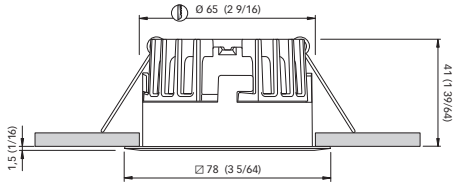

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG2M WHOLLY 6W - Angolo/beam 30° - WHITE**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	435 lm			395 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,51 m**	**1,03 m**	**1,54 m**	**0,51 m**	**1,03 m**	**1,54 m**
Illuminamento / Illuminance	**1201,8 lux**	**300,5 lux**	**133,5 lux**	**1013,0 lux**	**253,3 lux**	**112,6 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	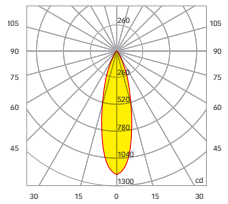			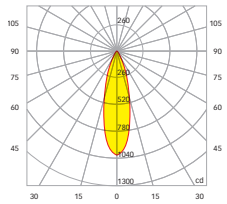		

Modelli / Models	**AG2M WHOLLY 6W - Angolo/beam 45° - WHITE**						**AG2M WHOLLY 6W - Angolo/beam 65° - WHITE**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**						**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V						0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	445 lm			405 lm			390 lm			350 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,81 m**	**1,63 m**	**2,44 m**	**0,81 m**	**1,63 m**	**2,44 m**	**1,24 m**	**2,47 m**	**3,71 m**	**1,24 m**	**2,47 m**	**3,71 m**
Illuminamento / Illuminance	**717,8 lux**	**179,4 lux**	**79,8 lux**	**646,4 lux**	**161,6 lux**	**71,8 lux**	**319,3 lux**	**79,8 lux**	**35,5 lux**	**296,0 lux**	**74,0 lux**	**32,9 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	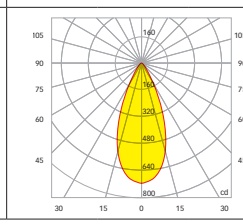			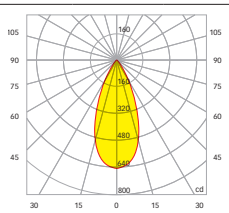			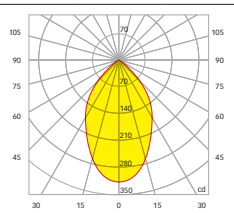			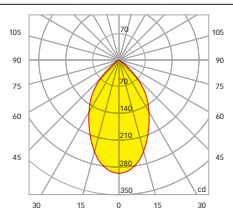		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG2D WHOLLY 4W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG2D WHOLLY 4W - 30° - WHITE - IP65
AG2D WHOLLY 4W - 45° - WHITE - IP65
AG2D WHOLLY 4W - 65° - WHITE - IP65



AG2D WHOLLY 4W - 30° - BLACK - IP65
AG2D WHOLLY 4W - 45° - BLACK - IP65
AG2D WHOLLY 4W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78x78 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

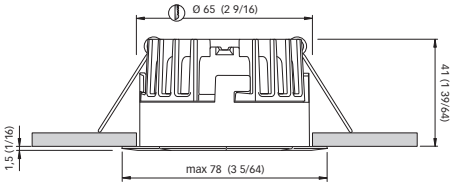

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG2D WHOLLY 4W - Angolo/beam 30° - WHITE**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**4 W**					
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	355 lm			310 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**
Illuminamento / Illuminance	**950,4 lux**	**237,6 lux**	**105,6 lux**	**847,0 lux**	**211,8 lux**	**94,1 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	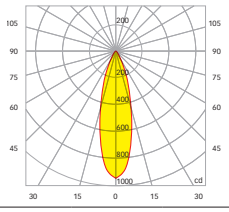			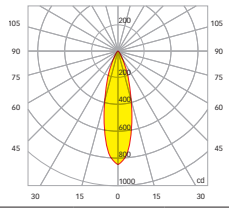		

Modelli / Models	**AG2D WHOLLY 4W - Angolo/beam 45° - WHITE**	**AG2D WHOLLY 4W - Angolo/beam 65° - WHITE**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	355 lm			318 lm			313 lm			282 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,44 m**	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,44 m**	**1,26 m**	**2,51 m**	**3,77 m**	**1,26 m**	**2,51 m**	**3,77 m**
Illuminamento / Illuminance	**562,3 lux**	**140,6 lux**	**62,5 lux**	**501,6 lux**	**125,4 lux**	**55,7 lux**	**246,0 lux**	**61,5 lux**	**27,3 lux**	**227,5 lux**	**56,9 lux**	**25,3 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	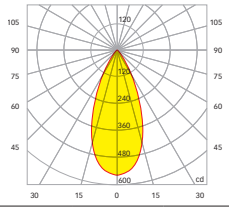			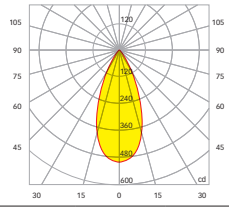			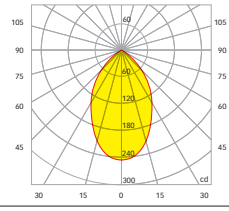			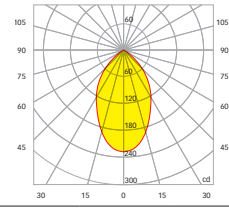		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AG2D WHOLLY 6W

AG Wholly Series

ANTIGLARE COLLECTION

AG2D WHOLLY 6W - 30° - WHITE - IP65
AG2D WHOLLY 6W - 45° - WHITE - IP65
AG2D WHOLLY 6W - 65° - WHITE - IP65



AG2D WHOLLY 6W - 30° - BLACK - IP65
AG2D WHOLLY 6W - 45° - BLACK - IP65
AG2D WHOLLY 6W - 65° - BLACK - IP65



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	78x78 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

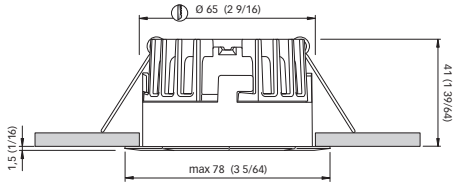

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**AG2D WHOLLY 6W - Angolo/beam 30° - WHITE**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	443 lm			395 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,51 m**	**1,02 m**	**1,53 m**	**0,51 m**	**1,02 m**	**1,53 m**
Illuminamento / Illuminance	**1197,8 lux**	**299,5 lux**	**133,1 lux**	**1005,0 lux**	**251,3 lux**	**111,7 lux**
Angolo / Beam	**30°**			**30°**		
	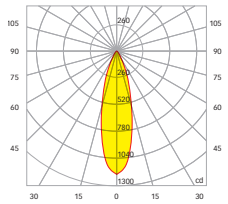			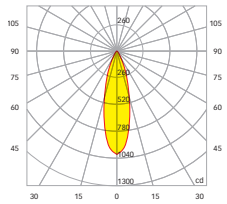		

Modelli / Models	**AG2D WHOLLY 6W - Angolo/beam 45° - WHITE**						**AG2D WHOLLY 6W - Angolo/beam 65° - WHITE**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc						9 - 32 Vdc					
Potenza / Power consumption	**6 W**						**6 W**					
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V						0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	463 lm			413 lm			398 lm			362 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,44 m**	**0,81 m**	**1,62 m**	**2,44 m**	**1,24 m**	**2,48 m**	**3,72 m**	**1,24 m**	**2,48 m**	**3,72 m**
Illuminamento / Illuminance	**722,5 lux**	**180, lux**	**80,3 lux**	**645,6 lux**	**161,4 lux**	**71,7 lux**	**318,5 lux**	**79,6 lux**	**35,4 lux**	**295,8 lux**	**74,0 lux**	**32,9 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**			**65°**			**65°**		
	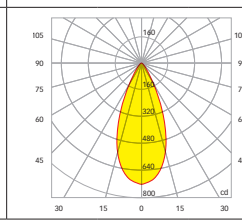			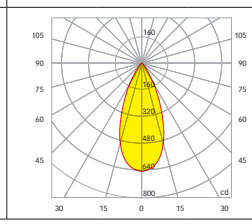			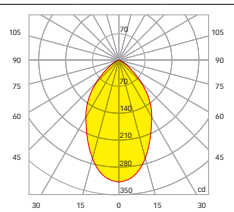			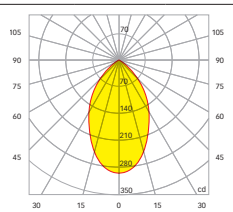		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

PALLADIO series

LED RECESSED ANTIGLARE DOWNLIGHTS

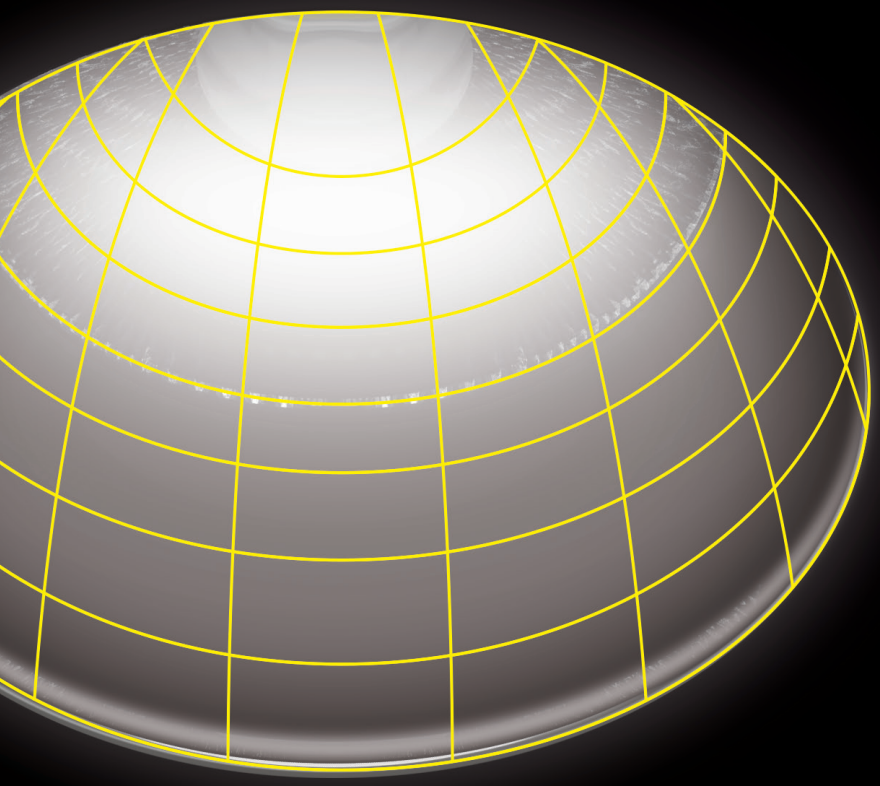



PALLADIO R



PALLADIO VISOR



PALLADIO Q

La serie Palladio è una linea di faretti da incasso antiglare, particolarmente performante, elegante e adatta anche per installazioni in esterno (IP66). Palladio è proposta in diversi modelli che si distinguono tra quadrati o tondi, più o meno potenti, con angoli di distribuzione da 25° o 55° e nella nuova soluzione VISOR che si presenta con una cornice a cilindro, che oltre ad aumentare l'efficacia antiabbagliamento, rende il prodotto decorativo e di tendenza.

The Palladio series is a line of highly performing, elegant, antiglare built-in downlights also suitable for installation outdoors (IP66).
Palladio comes in various models which are either square or round, more or less powerful, with 25° or 55° distribution angles and in the new VISOR solution that offers a cylindrical frame, which not only increases the antiglare efficiency, but also makes the product more decorative and stylish.

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

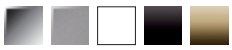

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

MODELLI PALLADIO / PALLADIO MODELS

PALLADIO R70 - 7W - 25° - IP66
PALLADIO R70 - 7W - 55° - IP66
PALLADIO R90 - 10W - 25° - IP66
PALLADIO R90 - 10W - 55° - IP66
PALLADIO R105 - 13W - 25° - IP66
PALLADIO R105 - 13W - 55° - IP66

PALLADIO Q70 - 7W - 25° - IP66
PALLADIO Q70 - 7W - 55° - IP66
PALLADIO Q90 - 10W - 25° - IP66
PALLADIO Q90 - 10W - 55° - IP66
PALLADIO Q105 - 13W - 25° - IP66
PALLADIO Q105 - 13W - 55° - IP66

MODELLI PALLADIO VISOR / PALLADIO VISOR MODELS

PALLADIO VR70 - 7W - 25° - IP66
PALLADIO VR70 - 7W - 55° - IP66
PALLADIO VR90 - 10W - 25° - IP66
PALLADIO VR90 - 10W - 55° - IP66
PALLADIO VR105 - 13W - 25° - IP66
PALLADIO VR105 - 13W - 55° - IP66

PALLADIO R70 /Q70

Palladio Series

PALLADIO R70 - 7W - 25° - IP66
PALLADIO R70 - 7W - 55° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	70 mm
Recesso / Recess	81 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	57 mm

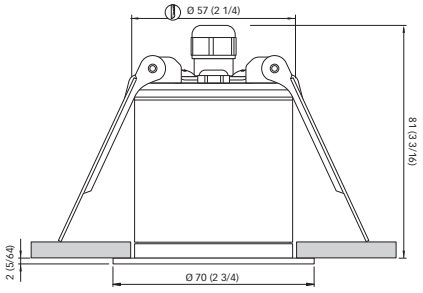

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

PALLADIO Q70 - 7W - 25° - IP66
PALLADIO Q70 - 7W - 55° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	70x70 mm
Recesso / Recess	81 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	57 mm

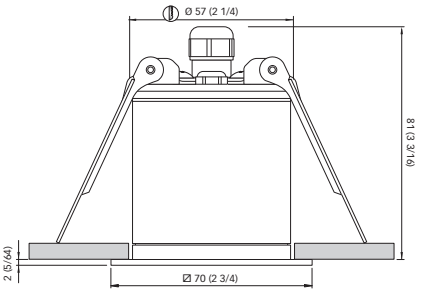

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**PALLADIO R70 / Q70 - 7W - 25°**	**PALLADIO R70 / Q70 - 7W - 55°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	20 - 30 Vdc	20 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**7 W**	**7 W**
Assorbimento / Absorption	0,29 A @ 24 V	0,29 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **95**			≥ **95**			≥ **95**			≥ **95**		
Flusso luminoso / Luminous flux	550 lm			510 lm			640 lm			595 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,47 m**	**0,94 m**	**1,41 m**	**0,47 m**	**0,94 m**	**1,41 m**	**1,03 m**	**2,05 m**	**3,08 m**	**1,03 m**	**2,05 m**	**3,08 m**
Illuminamento / Illuminance	**2074,4 lux**	**518,6 lux**	**230,5 lux**	**1929,7 lux**	**482,4 lux**	**214,4 lux**	**781 lux**	**195,2 lux**	**86,8 lux**	**726,5 lux**	**181,6 lux**	**80,7 lux**
Angolo / Beam	**25°**			**25°**			**55°**			**55°**		
	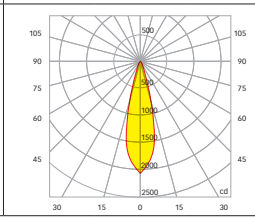			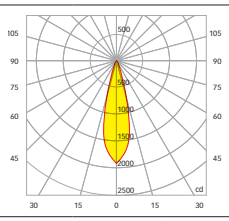			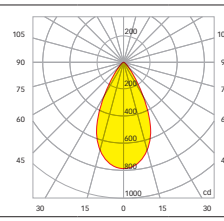			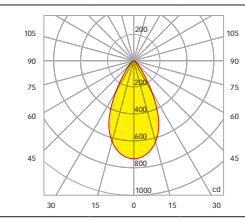		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

PALLADIO R90 /Q90

Palladio Series

PALLADIO R90 - 10W - 25° - IP66
PALLADIO R90 - 10W - 55° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	90 mm
Recesso / Recess	80 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	76 mm

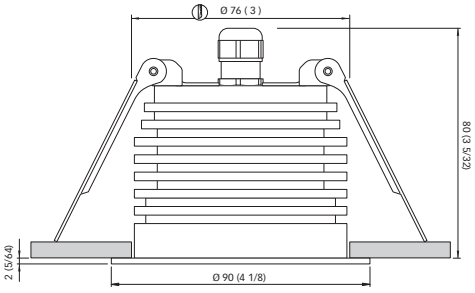

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

PALLADIO Q90 - 10W - 25° - IP66
PALLADIO Q90 - 10W - 55° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	90x90 mm
Recesso / Recess	80 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	76 mm

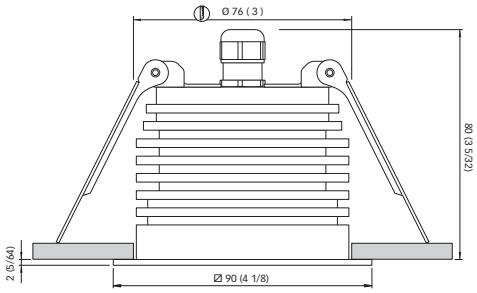

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**PALLADIO R90 / Q90 - 10W - 25°**	**PALLADIO R90 / Q90 - 10W - 55°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	20 - 30 Vdc	20 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**10 W**	**10 W**
Assorbimento / Absorption	0,42 A @ 24 V	0,42 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	**≥ 95**			**≥ 95**			**≥ 95**			**≥ 95**		
Flusso luminoso / Luminous flux	700 lm			650 lm			810 lm			755 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,47 m**	**0,94 m**	**1,41 m**	**0,47 m**	**0,94 m**	**1,41 m**	**1,03 m**	**2,05 m**	**3,08 m**	**1,03 m**	**2,05 m**	**3,08 m**
Illuminamento / Illuminance	**2640,2 lux**	**660,1 lux**	**293,4 lux**	**2456 lux**	**614 lux**	**272,9 lux**	**993,9 lux**	**248,5 lux**	**110,4 lux**	**924,6 lux**	**231,2 lux**	**102,7 lux**
Angolo / Beam	**25°**			**25°**			**55°**			**55°**		
	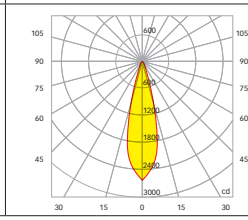			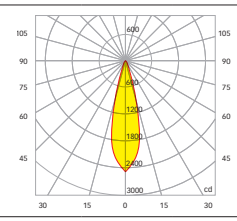			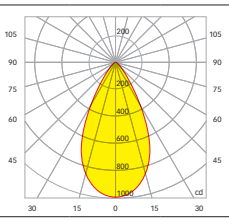			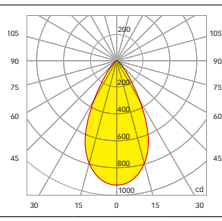		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

PALLADIO R105 / Q105

Palladio Series

PALLADIO R105 - 13W - 25° - IP66
PALLADIO R105 - 13W - 55° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	105 mm
Recesso / Recess	77 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	90 mm

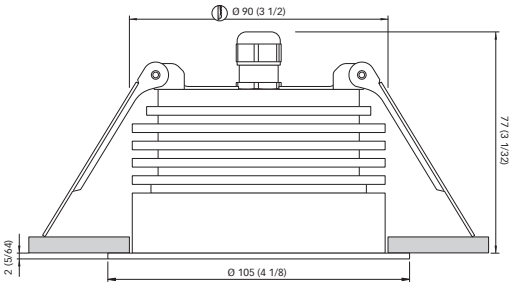

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

PALLADIO Q105 - 13W - 25° - IP66
PALLADIO Q105 - 13W - 55° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	105x105 mm
Recesso / Recess	77 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	90 mm

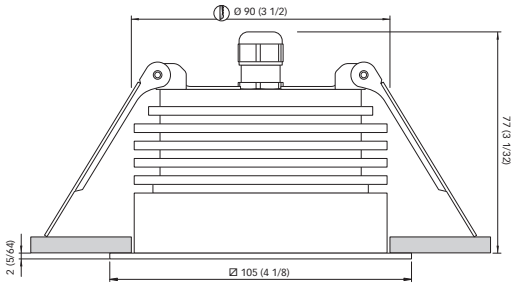

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**PALLADIO R105 / Q105 - 13W - 25°**	**PALLADIO R105 / Q105 - 13W - 55°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	20 - 30 Vdc	20 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**13 W**	**13 W**
Assorbimento / Absorption	0,53 A @ 24 V	0,53 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **95**			≥ **95**			≥ **95**			≥ **95**		
Flusso luminoso / Luminous flux	725 lm			740 lm			815 lm			820 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**	**1,05 m**	**2,10 m**	**3,15 m**	**1,05 m**	**2,10 m**	**3,15 m**
Illuminamento / Illuminance	**2646,8 lux**	**661,7 lux**	**294,1 lux**	**2702,0 lux**	**675,0 lux**	**300,2 lux**	**1118,4 lux**	**279,6 lux**	**124,3 lux**	**1118,0 lux**	**279,5 lux**	**124,2 lux**
Angolo / Beam	**25°**			**25°**			**55°**			**55°**		
	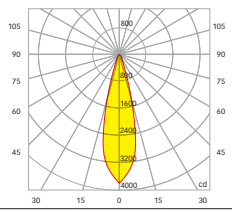			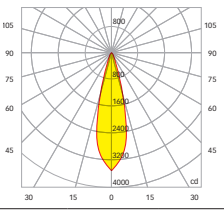			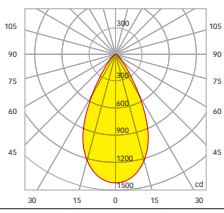			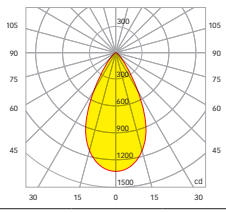		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

PALLADIO VISOR R70

Palladio Visor Series

PALLADIO VR70 - 7W - 20° - IP66
PALLADIO VR70 - 7W - 40° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	70 mm
Recesso / Recess	81 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	57 mm

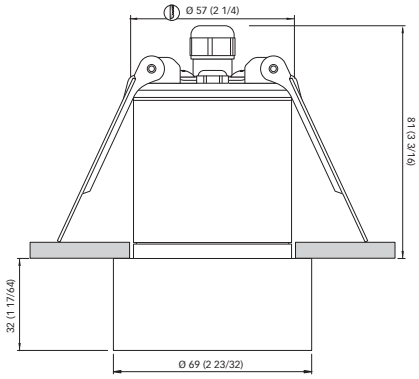

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**PALLADIO VR70 - 7W - 20°**						**PALLADIO VR70 - 7W - 40°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	20 - 30 Vdc						20 - 30 Vdc					
Potenza / Power consumption	**7 W**						**7 W**					
Assorbimento / Absorption	0,29 A @ 24 V						0,29 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	**≥ 95**			**≥ 95**			**≥ 95**			**≥ 95**		
Flusso luminoso / Luminous flux	240 lm			240 lm			320 lm			320 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,36 m**	**0,72 m**	**1,08 m**	**0,36 m**	**0,72 m**	**1,08 m**	**0,82 m**	**1,63 m**	**2,45 m**	**0,70 m**	**1,39 m**	**2,0 m**
Illuminamento / Illuminance	**1579,2 lux**	**394,8 lux**	**175,5 lux**	**1585,2 lux**	**396,3 lux**	**176,1 lux**	**892,0 lux**	**223,0 lux**	**99,1 lux**	**886,8 lux**	**221,7 lux**	**98,5 lux**
Angolo / Beam	**20°**			**20°**			**40°**			**40°**		
	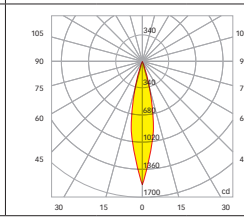			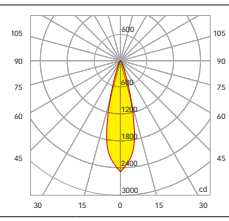			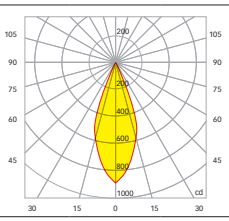			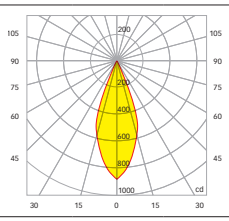		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

PALLADIO VISOR R90

Palladio Visor Series

PALLADIO VR90 - 10W - 25° - IP66
PALLADIO VR90 - 10W - 55° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	90 mm
Recesso / Recess	80 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	76 mm

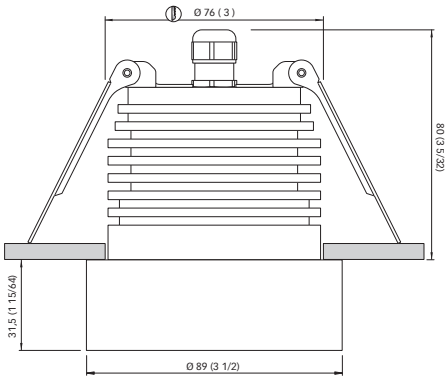

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**PALLADIO VR90 - 10W - 25°**	**PALLADIO VR90 - 10W - 55°**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	20 - 30 Vdc	20 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**10 W**	**10 W**
Assorbimento / Absorption	0,42 A @ 24 V	0,42 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **95**			≥ **95**			≥ **95**			≥ **95**		
Flusso luminoso / Luminous flux	551 lm			510 lm			600 lm			523 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,45 m**	**0,91 m**	**1,36 m**	**0,45 m**	**0,91 m**	**1,36 m**	**0,80 m**	**1,60 m**	**2,40 m**	**0,80 m**	**1,60 m**	**2,40 m**
Illuminamento / Illuminance	**2452,8 lux**	**613,2 lux**	**272,5 lux**	**2271,0 lux**	**567,8 lux**	**252,3 lux**	**1221,4 lux**	**305,4 lux**	**135,7 lux**	**1088,4 lux**	**272,1 lux**	**120,9 lux**
Angolo / Beam	**25°**			**25°**			**55°**			**55°**		
	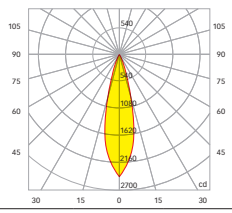			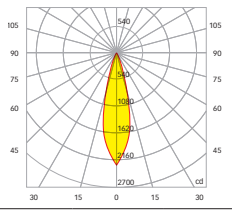			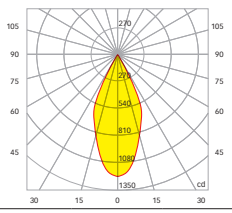			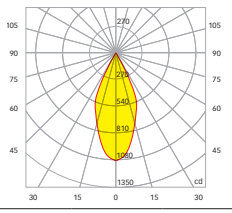		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

PALLADIO VISOR R105

Palladio Visor Series

PALLADIO VR105 - 13W - 25° - IP66
PALLADIO VR105 - 13W - 55° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	105 mm
Recesso / Recess	77 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	90 mm

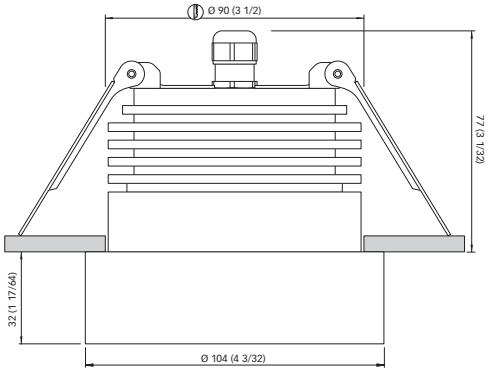

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**PALLADIO VR105 - 13W - 25°**						**PALLADIO VR105- 13W - 55°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	20 - 30 Vdc						20 - 30 Vdc					
Potenza / Power consumption	**13 W**						**13 W**					
Assorbimento / Absorption	0,53 A @ 24 V						0,53 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	**≥ 95**			**≥ 95**			**≥ 95**			**≥ 95**		
Flusso luminoso / Luminous flux	725 lm			740 lm			815 lm			820 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**	**0,50 m**	**1,00 m**	**1,50 m**	**1,05 m**	**2,10 m**	**3,15 m**	**1,05 m**	**2,10 m**	**3,15 m**
Illuminamento / Illuminance	**2646,8 lux**	**661,7 lux**	**294,1 lux**	**2702,0 lux**	**675,5 lux**	**300,2 lux**	**1118,4 lux**	**279,6 lux**	**124,3 lux**	**1118,0 lux**	**279,5 lux**	**124,2 lux**
Angolo / Beam	**25°**			**25°**			**55°**			**55°**		
	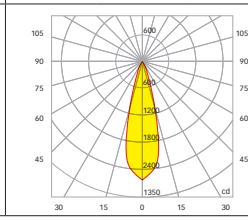			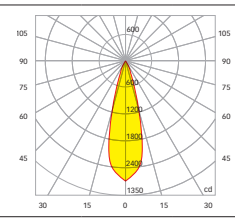			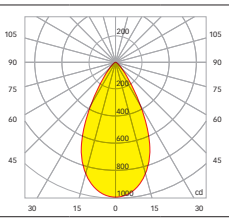			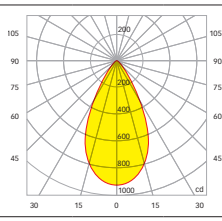		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)



AC series - 220 Vac

La serie AC comprende i modelli KOLE, MATHILDA e BYRON.
Tutti i modelli sono proposti con vetro sabbiato e in due tipi di materiale: acciaio inox AISI 316 o materiale composito. Le versioni in acciaio inox (tipo FLAT) sono caratterizzate da cornici piatte integrate al corpo dell'apparecchio.
Lo spessore delle cornici è di appena 1,5 mm. Il modello KOLE in acciaio inox è proposto anche con cornice spessorata ed è installabile sia a molle che con viti, mentre MATHILDA e BYRON sono disponibili solo in versione FLAT.
I modelli in materiale composito (tipo PL) si presentano con le stesse caratteristiche per tutti i modelli. La scelta è opzionabile anche nel caso dei riflettori, infatti è possibile richiedere il prodotto con riflettore metallizzato o bianco.
Con il tipo metallizzato si ottiente un angolo del fascio di 55°, mentre con il tipo bianco l'angolo è di 85°.

The AC series includes the KOLE, MATHILDA and BYRON models.
All models are offered with sandblasted glass and in two types of material: AISI 316 stainless steel or composite. The frames are just 1.5 mm thick.
The stainless steel KOLE model is also proposed with a thick frame and can be installed either with springs or screws, while MATHILDA and BYRON are available only in the FLAT version. The composite (PL type) models have the same features for all products. The product can be personalized also with regard to the floodlight, available as metalized or white. Metalized models yield a 55° beam angle, while white ones a 85° beam angle.

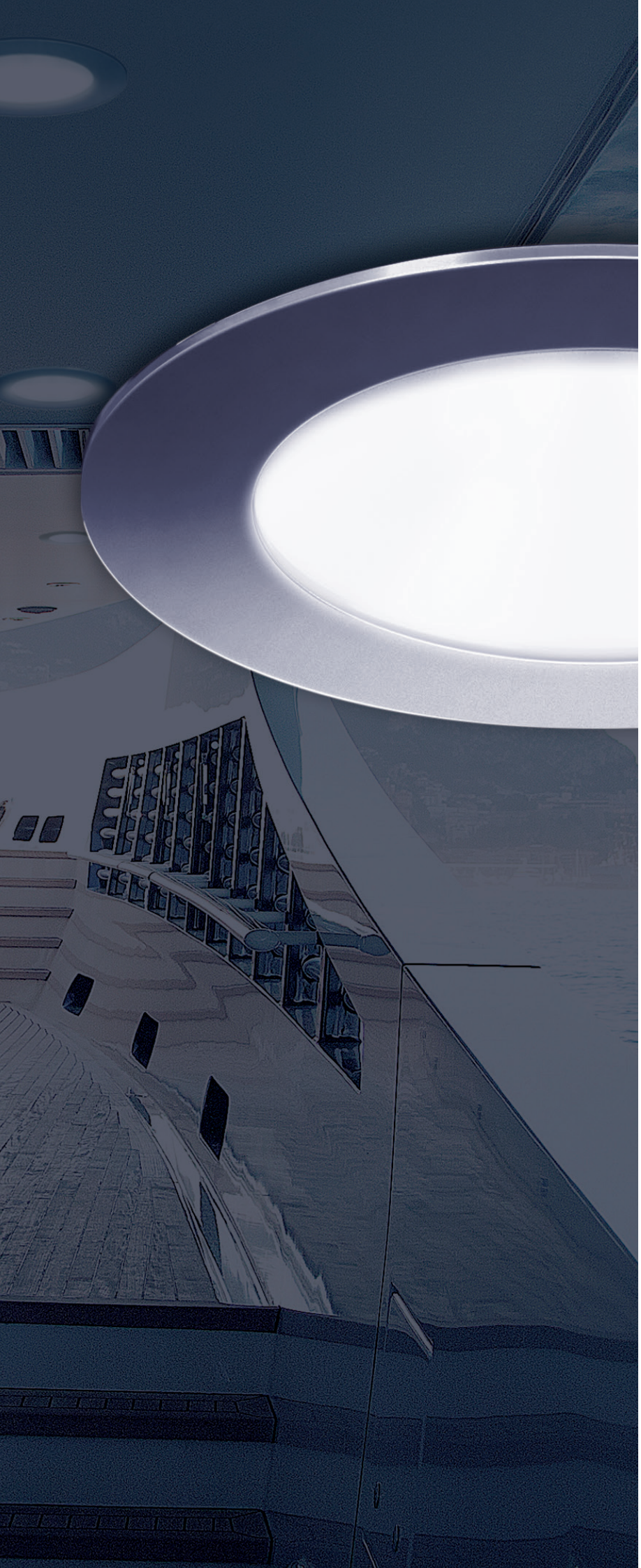

LED AC DOWNLIGHTS

CARATTERISTICHE MODELLI IN ACCIAIO INOX AISI 316
AISI 316 STAINLESS STEEL MODELS FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling

Dimmerabili / dimmables (DALI / 1...10V)

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

MODELLI/MODELS

KOLE AC - 15W - 55° - DALI - IP66
KOLE AC - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
KOLE AC - 15W - 85° - DALI - IP66
KOLE AC - 15W - 85° - (1...10V) - IP66

KOLE AC FLAT - 15W - 55° - DALI - IP66
KOLE AC FLAT - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
KOLE AC FLAT - 15W - 85° - DALI - IP66
KOLE AC FLAT - 15W - 85° - (1...10V) - IP66

MATHILDA AC FLAT - 15W - 55° - DALI - IP66
MATHILDA AC FLAT - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
MATHILDA AC FLAT - 15W - 85° - DALI - IP66
MATHILDA AC FLAT - 15W - 85° - (1...10V) - IP66

BYRON AC FLAT - 15W - 55° - DALI - IP66
BYRON AC FLAT - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
BYRON AC FLAT - 15W - 85° - DALI - IP66
BYRON AC FLAT - 15W - 85° - (1...10V) - IP66

CARATTERISTICHE MODELLI IN PLASTICA
PLASTIC MODELS FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling

Dimmerabili / dimmables (DALI / 1...10V)

Materiale / Material
Plastica / Plastic

Finiture / Finishes



Bianco / White



Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

MODELLI/MODELS

KOLE AC PL - 15W - 55° - DALI - IP66
KOLE AC PL - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
KOLE AC PL - 15W - 85° - DALI - IP66
KOLE AC PL - 15W - 85° - (1...10V) - IP66

MATHILDA AC PL - 15W - 55° - DALI - IP66
MATHILDA AC PL - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
MATHILDA AC PL - 15W - 85° - DALI - IP66
MATHILDA AC PL - 15W - 85° - (1...10V) - IP66

BYRON AC PL - 15W - 55° - DALI - IP66
BYRON AC PL - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
BYRON AC PL - 15W - 85° - DALI - IP66
BYRON AC PL - 15W - 85° - (1...10V) - IP66

AC
Series

MODELLI CON CORNICE IN ACCIAIO INOX / AC MODELS WITH FRAME IN STAINLESS STEEL

KOLE AC - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
KOLE AC - 15W - 85° - (1...10V) - IP66



IP66 1...10 V

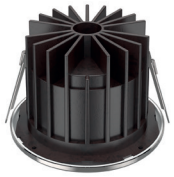

PROFILO ALTO / HIGH PROFILE
Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	126 mm
Recesso / Recess	80 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	100 mm

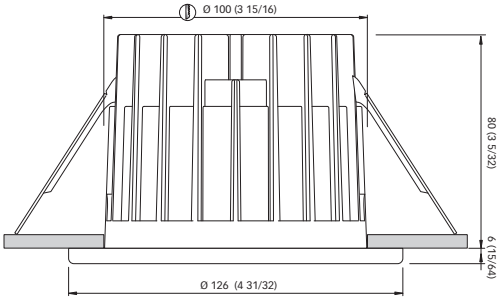

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

KOLE AC FLAT - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
KOLE AC FLAT - 15W - 85° - (1...10V) - IP66



IP66 1...10 V

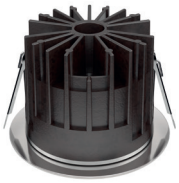

PROFILO PIATTO / FLAT PROFILE
Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	124 mm
Recesso / Recess	84 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	100 mm

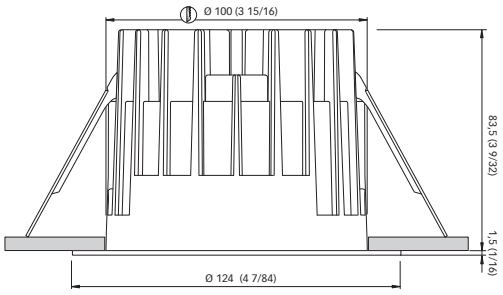

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

	AC series - angolo 55° / beam 55°						**AC series - angolo 85° / beam 85°**					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	110/220 Vac						110/220 Vac					
Assorbimento / Absorption	68 mA						68 mA					
Potenza / Power consumption	**15 W**						**15 W**					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	1300 lm			1190 lm			1260 lm			1150 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,05 m**	**2,11 m**	**3,16 m**	**1,1 m**	**2,2 m**	**3,3 m**	**1,79 m**	**3,57 m**	**5,36 m**	**1,79 m**	**3,57 m**	**5,36 m**
Illuminamento / Illuminance	**1172 lux**	**292,9 lux**	**130,2 lux**	**1023,9 lux**	**256 lux**	**113,8 lux**	**687,6 lux**	**169,6 lux**	**75,4 lux**	**622,5 lux**	**155,6 lux**	**69,2 lux**
Angolo / Beam	**55°**			**55°**			**85°**			**85°**		
	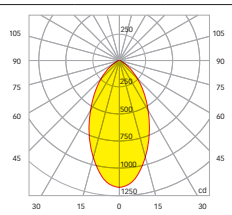			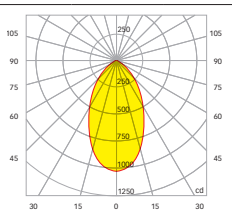			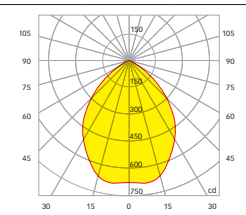			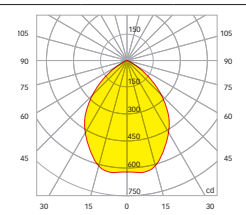		

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AC
Series

MODELLI CON CORNICE IN ACCIAIO INOX / AC MODELS WITH FRAME IN STAINLESS STEEL

MATHILDA AC FLAT - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
MATHILDA AC FLAT - 15W - 85° - (1...10V) - IP66



IP66 1...10 V

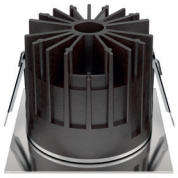

PROFILO PIATTO / FLAT PROFILE
Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	117x117 mm
Recesso / Recess	84 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	100 mm

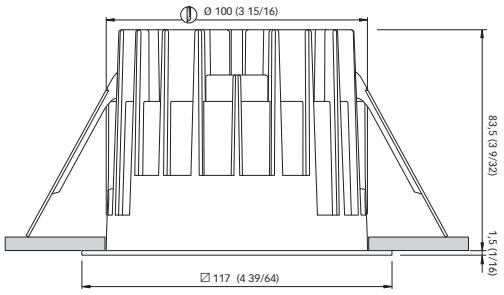

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

BYRON AC FLAT - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
BYRON AC FLAT - 15W - 85° - (1...10V) - IP66



IP66 1...10 V

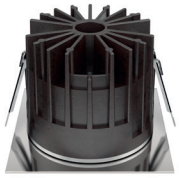

PROFILO PIATTO / FLAT PROFILE
Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	117x117 mm
Recesso / Recess	84 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	100 mm

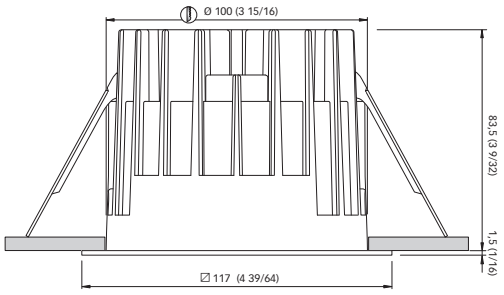

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

	AC series - angolo 55° / beam 55°	AC series - angolo 85° / beam 85°
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	110/220 Vac	110/220 Vac
Assorbimento / Absorption	68 mA	68 mA
Potenza / Power consumption	**15 W**	**15 W**

Temperatura colore / Color temperature	Bianco Naturale / Daylight			Bianco Caldo / Warm White			Bianco Naturale / Daylight			Bianco Caldo / Warm White		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	1300 lm			1190 lm			1260 lm			1150 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,05 m**	**2,11 m**	**3,16 m**	**1,1 m**	**2,2 m**	**3,3 m**	**1,79 m**	**3,57 m**	**5,36 m**	**1,79 m**	**3,57 m**	**5,36 m**
Illuminamento / Illuminance	**1172 lux**	**292,9 lux**	**130,2 lux**	**1023,9 lux**	**256 lux**	**113,8 lux**	**687,6 lux**	**169,6 lux**	**75,4 lux**	**622,5 lux**	**155,6 lux**	**69,2 lux**
Angolo / Beam	**55°**			**55°**			**85°**			**85°**		
	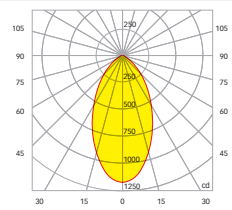			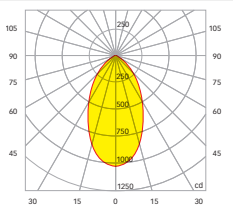			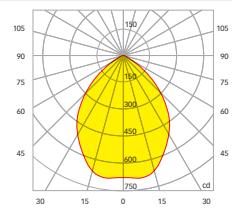			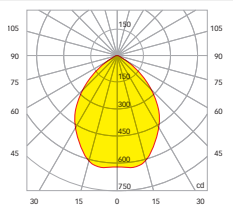		

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AC
Series

MODELLI CON CORNICE IN PLASTICA / AC MODELS WITH FRAME IN PLASTIC

KOLE AC PL - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
KOLE AC PL - 15W - 85° - (1...10V) - IP66



IP66 1...10 V

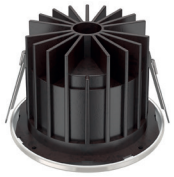

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	126 mm
Recesso / Recess	80 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	100 mm

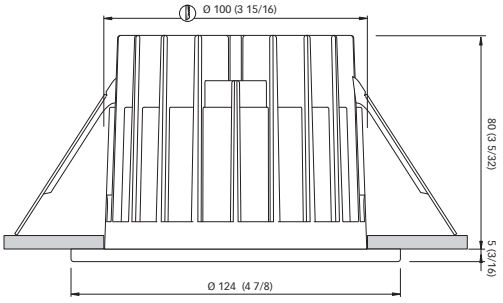

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

MATHILDA AC PL - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
MATHILDA AC PL - 15W - 85° - (1...10V) - IP66



IP66 1...10 V

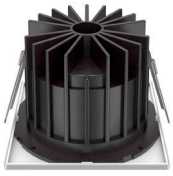

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	124 mm
Recesso / Recess	84 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	100 mm

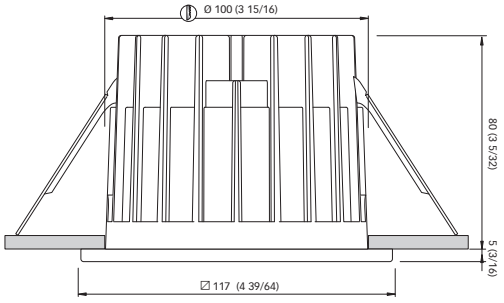

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

	AC series - angolo 55° / beam 55°	AC series - angolo 85° / beam 85°
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	110/220 Vac	110/220 Vac
Assorbimento / Absorption	68 mA	68 mA
Potenza / Power consumption	**15 W**	**15 W**

Temperatura colore / Color temperature	Bianco Naturale / Daylight			Bianco Caldo / Warm White			Bianco Naturale / Daylight			Bianco Caldo / Warm White		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	1300 lm			1190 lm			1260 lm			1150 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,05 m**	**2,11 m**	**3,16 m**	**1,1 m**	**2,2 m**	**3,3 m**	**1,79 m**	**3,57 m**	**5,36 m**	**1,79 m**	**3,57 m**	**5,36 m**
Illuminamento / Illuminance	**1172 lux**	**292,9 lux**	**130,2 lux**	**1023,9 lux**	**256 lux**	**113,8 lux**	**687,6 lux**	**169,6 lux**	**75,4 lux**	**622,5 lux**	**155,6 lux**	**69,2 lux**
Angolo / Beam	**55°**			**55°**			**85°**			**85°**		
	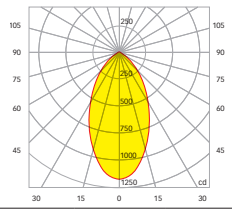			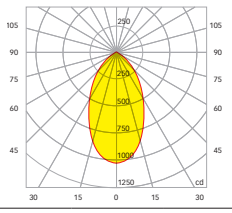			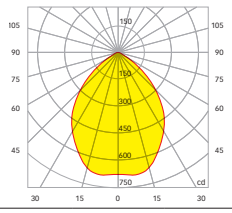			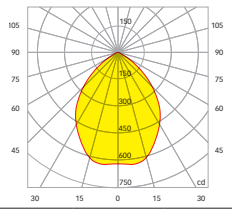		

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

AC
Series

MODELLI CON CORNICE IN PLASTICA / AC MODELS WITH FRAME IN PLASTIC

BYRON AC PL - 15W - 55° - (1...10V) - IP66
BYRON AC PL - 15W - 85° - (1...10V) - IP66



IP66 1...10 V

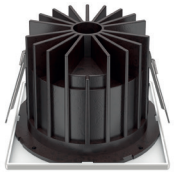

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel	117x117 mm
Recesso / Recess	84 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	100 mm

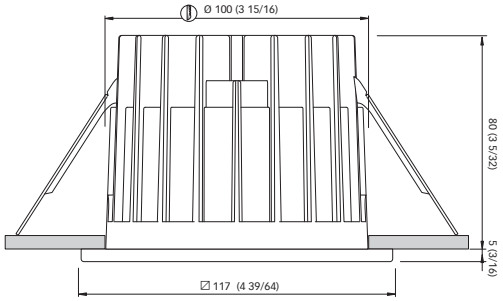

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

	AC series - angolo 55° / beam 55°						AC series - angolo 85° / beam 85°					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	110/220 Vac						110/220 Vac					
Assorbimento / Absorption	68 mA						68 mA					
Potenza / Power consumption	**15 W**						**15 W**					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	1300 lm			1190 lm			1260 lm			1150 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,05 m**	**2,11 m**	**3,16 m**	**1,1 m**	**2,2 m**	**3,3 m**	**1,79 m**	**3,57 m**	**5,36 m**	**1,79 m**	**3,57 m**	**5,36 m**
Illuminamento / Illuminance	**1172 lux**	**292,9 lux**	**130,2 lux**	**1023,9 lux**	**256 lux**	**113,8 lux**	**687,6 lux**	**169,6 lux**	**75,4 lux**	**622,5 lux**	**155,6 lux**	**69,2 lux**
Angolo / Beam	**55°**			**55°**			**85°**			**85°**		
	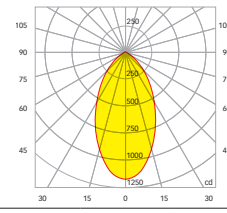			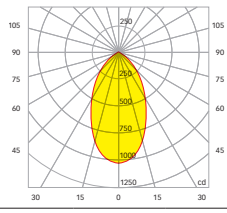			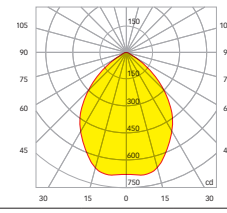			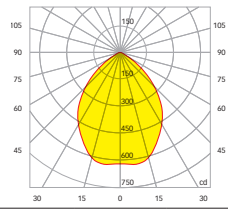		

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)



SECRET LIGHT series

LAMPADE LED RETRATTILI / LED RETRACTABLE LAMPS

Secret Light è un apparecchio d'illuminazione a LED costituito da un cilindro luminoso che si spegne se spinto all'interno dell'apposita sede, incassata. Per riportare il cilindro automaticamente in posizione accesa è sufficiente un piccolo gesto, il sistema a molla rende semplice e comoda sia la chiusura che l'apertura. Secret Light è una lampada ideale per esterni (IP66), la cornice è in acciaio inox AISI 316 e la luce di colore bianco caldo, naturale o RGBW.

Secret Light is an LED light consisting of an illuminating cylinder that switches off if pushed into its housing, embedded. To automatically switch the cylinder back on, the user just needs to gently push it, and a spring system smoothly opens or closes it. Secret Light is ideal for exterior applications (IP66), its ring is in AISI 316 stainless steel and its light is warm white, daylight or RGBW.



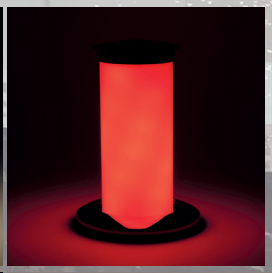
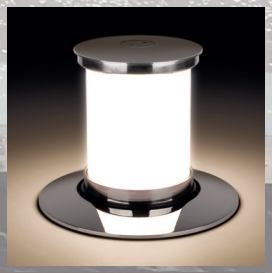



SECRET LIGHT FL 3W

Secret Light Series

SECRET LIGHT FL SD 3W - IP66
SECRET LIGHT FL OD 3W - IP66



SECRET LIGHT FL OD 3W - Diffusore opalino / Opal diffuser



SECRET LIGHT FL SD 3W - Diffusore satinato / Satin diffuser



SECRET LIGHT FL SD 3W - Installazione da incasso / Flush mounting



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	84 mm
Recesso / Recess	217,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	67 mm

Diffusore / Diffuser
Satinato (SD) / Satin (SD)
Opalino (OD) / Opal (OD)



Diffusore opalino / Opal diffuser



Diffusore satinato / Satin diffuser

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316
Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes
Lucidato / Polished

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

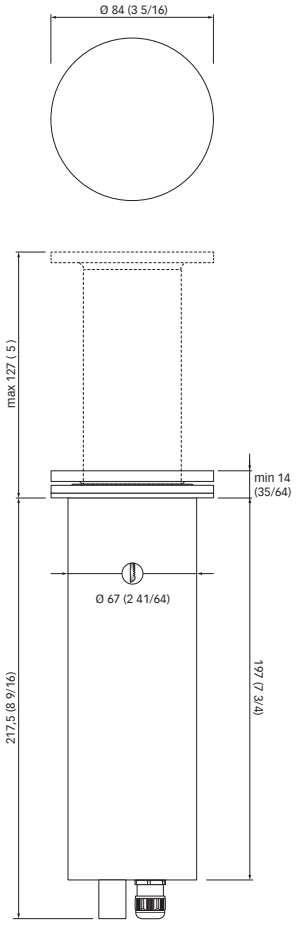

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**SECRET LIGHT FL 3 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	10 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**3 W**
Assorbimento / Absorption	0,25 A @ 12 V / 0,13 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di Voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	115 lm	105 lm

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348
Optional accessories: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)

SECRET LIGHT FL 6W

Secret Light Series

SECRET LIGHT FL SD 6W - IP66
SECRET LIGHT FL OD 6W - IP66
SECRET LIGHT FL OD 6W QC RGBW - IP66
SECRET LIGHT FL OD 6W QN RGBW - IP66



SECRET LIGHT FL SD 6W - Diffusore satinato / Satin diffuser



SECRET LIGHT FL OD 6W - Diffusore opalino / Opal diffuser



SECRET LIGHT FL SD 6W - Installazione da incasso / Flush mounting



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	88 mm
Recesso / Recess	217,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	67 mm

Diffusore / Diffuser
Satinato (SD) / Satin (SD)
Opalino (OD) / Opal (OD)

RGBW : modelli compatibili in modo specifico con QCC System o QNN System.
Models specifically compatible with QCC System or QNN System.

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK



RGBW : diffusore opalino / opal diffuser

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316
Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes
Lucidato / Polished

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

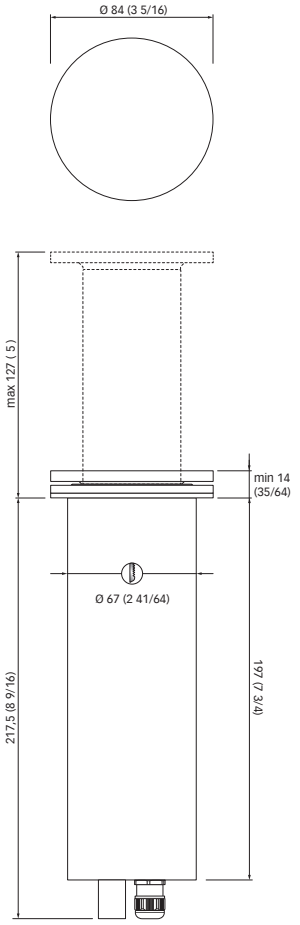

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**SECRET LIGHT FL 6 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	10 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di Voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	559 lm	503 lm

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348
Optional accessories: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)


ASTONDOA



SECRET LIGHT 3W

Secret Light Series

SECRET LIGHT SD 3W - IP66
SECRET LIGHT OD 3W - IP66



SECRET LIGHT OD 3W - Diffusore opalino / Opal diffuser



SECRET LIGHT SD 3W - Diffusore satinato / Satin diffuser



Secret Light scompare spingendo e ruotando il cilindro nell'incasso.
Secret Light disappears by pushing and rotating the cylinder in the recess.



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	88 mm
Recesso / Recess	217,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	67 mm

Diffusore / Diffuser
Satinato (SD) / Satin (SD)
Opalino (OD) / Opal (OD)



Diffusore opalino / Opal diffuser



Diffusore satinato / Satin diffuser

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316
Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes
Lucidato / Polished

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

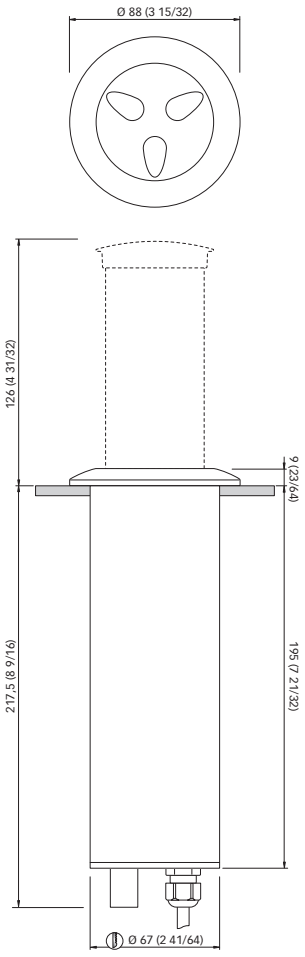

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**SECRET LIGHT 3 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	10 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**3 W**
Assorbimento / Absorption	0,25 A @ 12 V / 0,13 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di Voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	115 lm	105 lm

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348
Optional accessories: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)

SECRET LIGHT 6W

Secret Light Series

SECRET LIGHT SD 6W - IP66
SECRET LIGHT OD 6W - IP66
SECRET LIGHT OD 6W QC RGBW - IP66
SECRET LIGHT OD 6W QN RGBW - IP66



SECRET LIGHT SD 6W - Diffusore satinato / Satin diffuser



SECRET LIGHT OD 6W - Diffusore opalino / Opal diffuser



Versione RGBW (modelli QC oppure QN)
RGBW version (QC or QN models)



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	88 mm
Recesso / Recess	217,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	67 mm

Diffusore / Diffuser
Satinato (SD) / Satin (SD)
Opalino (OD) / Opal (OD)

RGBW : modelli compatibili in modo specifico con QCC System o QNN System.
Models specifically compatible with QCC System or QNN System.

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK



RGBW : diffusore opalino / opal diffuser

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316
Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes
Lucidato / Polished

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

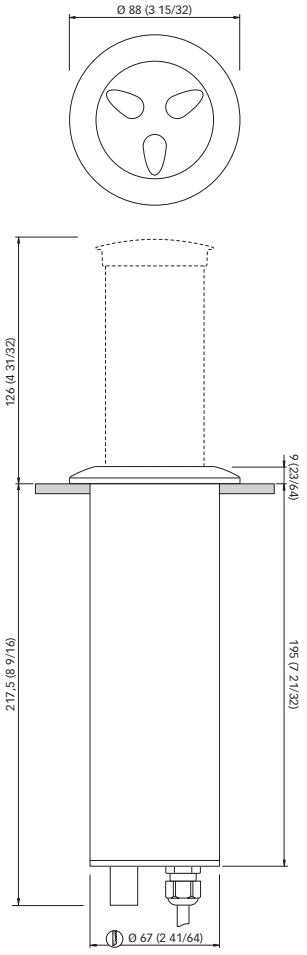

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**SECRET LIGHT 6 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	10 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di Voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	559 lm	503 lm

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348
Optional accessories: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)



SECRET LIGHT L 6W

Secret Light Series

SECRET LIGHT L OD 6W - IP66
SECRET LIGHT L OD 6W QC RGBW - IP66
SECRET LIGHT L OD 6W QC TW - IP66
SECRET LIGHT L OD 6W QN RGBW - IP66
SECRET LIGHT L OD 6W QN TW - IP66









IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	199 mm
Recesso / Recess	235 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	148 mm

RGBW / TW : modelli compatibili in modo specifico con QCC System o QNN System.
Models specifically compatible with QCC System or QNN System.

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

Diffusore / Diffuser
Opalino (OD) / Opal (OD)

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316
Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes
Lucidato / Polished

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

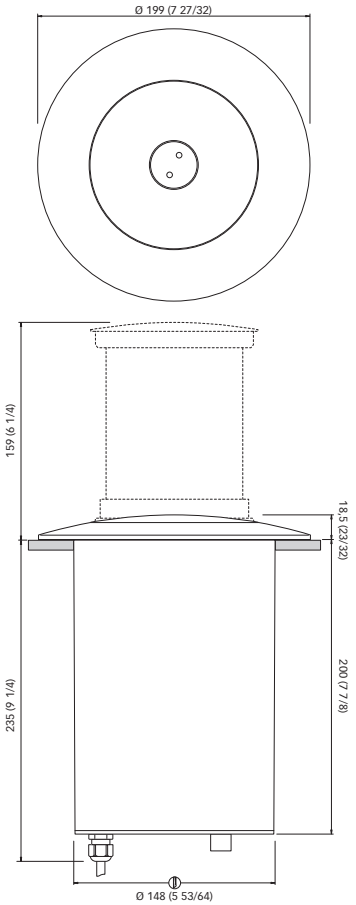

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**SECRET LIGHT L 6 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	10 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di Voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	**≥ 80**	**≥ 90**
Flusso luminoso / Luminous flux	559 lm	503 lm

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348
Optional accessories: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)

LED SURFACE-MOUNT FIXTURES



Beneteau GT 44

CLUB
Surface-mount Series



Serie Club per montaggio in superficie.
Club Series for surface mounting.
2W / 2+2W | 100° - 90° | IP40 - IP66
Versioni switch, bicolor e Dual Light (Barbie).
Switch, bicolor and Dual Light (Barbie) versions.

192

MIRÒ & TATÌ
Series



2W | 110° | IP40
Minifaretti, in materiale composito.
Minispot in composite material.

194

ACTION
Series



5W / 10W | 100° | IP66
Plafone con o senza cornice.
Disponibile versione Touch BUS.
Ceiling mount with or without frame.
Touch BUS version available.

195



ACTION è una serie di apperecchi LED ideali per illuminare le sale motori. Possono essere montati a parete, a soffitto senza ingombrare
ACTION is a series of LED devices ideal for lighting engine rooms. They can be mounted on the wall or ceiling without taking up space.

CLUB surface-mount series



I faretti della serie CLUB SURFACE-MOUNT hanno le stesse caratteristiche illuminotecniche dei faretti da incasso della serie CLUB, ma si differenziano nel tipo montaggio, in questo caso consigliato solo per applicazioni a soffitto.
Disponibili le versioni **SWITCH** e **DUAL** (non disponibile la versione TOUCH).

Downlights in the CLUB SURFACE-MOUNT series have the same lighting characteristics as the built-in spotlights in the CLUB series, but are different due to the type of installation, in this case only recommended for ceiling mounts.
Available in the **SWITCH** and **DUAL** version (not available in the TOUCH version).

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

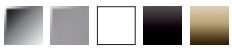

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Blu / Blue single color
Monocolore Rosso / Red single color

Monocolore Blu / Blue single color 1W

Bicolore / Bicolor 2W+0,5W
Bianco + Luce di cortesia Blu / White + Courtesy Blue light
Bianco + Luce di cortesia Rossa / White + Courtesy Red light

CLUB DUAL 2W+2W (Mod. Barbie)
Bianco-Blu / White-Blue
Bianco-Rossa / White-Red

CLUB DUAL E BICOLOR STANDARD

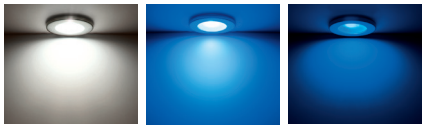

2W white light | 2W coloured light | Courtesy light

I modelli CLUB DUAL sono in grado di illuminare un ambiente sia con luce bianca che con luce colorata grazie ai rispettivi Led di uguale potenza, 2W+2W. I modelli bicolore standard dispongono di un Led 2W con luce bianca e un Led colorato di circa 0,5 Watt, ideale come luce di cortesia.

The CLUB DUAL models are able to light up an environment with both white and coloured light thanks to the equally powered LEDS of 2W+2W. The standard bicolour models have one 2W LED with white light and one coloured LED of about 0.5 Watt, ideal as a courtesy light.

Modelli / Models	**CLUB SERIES - BARBIE / TIM / MINDY / SANDY models**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**2 W**
Assorbimento / Absorption	0,16 A @ 12 V / 0,08 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	160 lm			130 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,25 m**	**4,49 m**	**6,74 m**	**2,25 m**	**4,49 m**	**6,74 m**
Illuminamento / Illuminance	**68,0 lux**	**17,0 lux**	**7,6 lux**	**55,0 lux**	**13,8 lux**	**6,1 lux**
Angolo / Beam	**100°**			**100°**		
	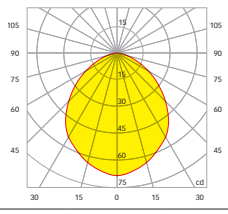			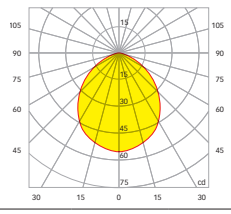		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40 / IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348
Optional accessories: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)

CLUB SURFACE-MOUNT
Series

BARBIE C IP66 - 2W - 100° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72,5 mm
Spessore / Thickness	20,5 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

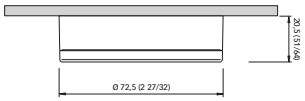

BARBIE C DUAL IP66 - 2W+2W - 100° - IP66



IP66

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	72,5 mm
Spessore / Thickness	20,5 mm

DUAL COLOR: 2W + 2W

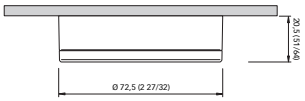

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TIM C IP40 - 2W - 100° - IP40



IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	90 mm
Spessore / Thickness	22 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

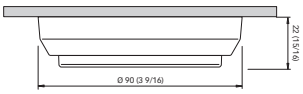

TIM CS IP40 - 2W - 100° - IP40



IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	90 mm
Spessore / Thickness	22 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

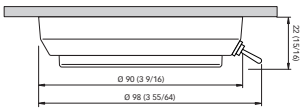

MINDY C IP40 - 2W - 100° - IP40



IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	90 mm
Spessore / Thickness	25 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W
BICOLOR: 2W + Courtesy light

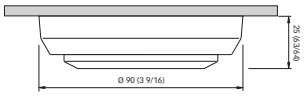

MINDY CS IP40 - 2W - 100°- IP40



IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	90 mm
Spessore / Thickness	25 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

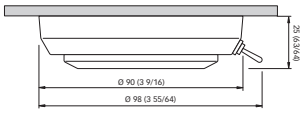

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

SANDY C IP40 - 2W - 100° - IP40



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel	90 mm
Spessore / Thickness	25 mm

BLUE SINGLE COLOR: 1W

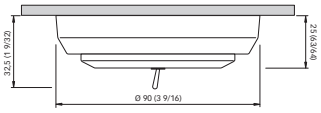

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

MIRÒ & TATÌ
Series

MIRÒ - 2W - 110° - IP40



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Ø Cornice / Ø Bezel 64 mm
Spessore / Thickness 14,5 mm

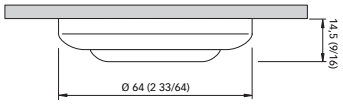

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TATÌ - 2W - 110° - IP40



IP40

Fissaggio a molle / Spring installation

Cornice / Bezel 61X61 mm
Spessore / Thickness 14,5 mm

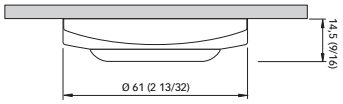

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Materiale composito / Composite material

Finiture / Finishes

Cromato / Chromed
Bianco / White

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

Modelli / Models	**MIRÒ / TATÌ** (white light)		
Sorgente luminosa / Light source	**LED**		
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc		
Potenza / Power consumption	**2 W**		
Assorbimento / Absorption	0,13 A @ 12 V / 0,14 A @ 15 V		
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Caldo / Warm White**		
	2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **80**		
Flusso luminoso / Luminous flux	133 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**3,01 m**	**6,02 m**	**9,03 m**
Illuminamento / Illuminance	**42,28 lux**	**10,57 lux**	**4,70 lux**
Angolo / Beam	**110°**		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348
Optional accessories: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)

ACTION series





ACTION è una serie di plafoni con scheda integrata a LED proposti con o senza cornice in materiale composito.
I modelli ACTION si prestano per essere installati in ambienti che dispongono di poco spazio e richiedono un'installazione funzionale, a soffitto o parete, come per esempio le sale motori. Disponibili a 5 e 10 watt, con luce naturale o bicolore e in versione touch bus che permette di comandare in modo sincronizzato tutti gli apparecchi installati.

ACTION is a series of surface-mount fixtures with built-in LED board offered with or without frame in composite material.
ACTION models are suitable for installation in rooms that have little space and require a functional ceiling or wall installation, as in engine rooms. Available in 5 and 10 watts, with natural or dual colour light and in touch bus version that allows synchronised control of all installed devices.

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Materiale composito
Composite material

Cornice disponibile su richiesta.
Frame available upon request.

Finiture / Finishes

Cromato / Chromed
Bianco / White

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

MODELLI ACTION/ ACTION MODELS
ACTION - 5W - 100° - IP66
ACTION - 10W - 100° - IP66
ACTION TOUCH BUS - 10W - 100° - IP66

ACTION 5/10W

ACTION Series

ACTION - 5W - 100° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel 140X116 mm
Spessore / Thickness 13 mm

○ Bianco naturale / Daylight

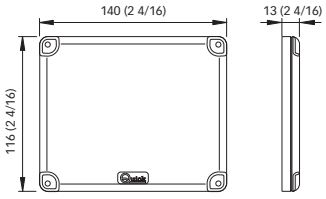

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ACTION - 10W - 100° - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel 140X116 mm
Spessore / Thickness 13 mm

○ Bianco naturale / Daylight

◑◑◑◑ *

BICOLOR: 10W + 4W Courtesy light

* Disponibile Bianco naturale+Rosso / Altri colori su richiesta.
* Available Daylight-Red / Other light colors upon request.

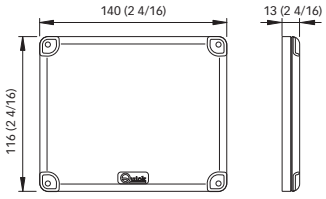

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)





Cornice disponibile su richiesta.
Frame available upon request.

Modelli / Models	**ACTION 5W**			**ACTION 10W**		
Sorgente luminosa / Light source	**LED**			**LED**		
Alimentazione / Power supply	9-16 Vdc			10 - 30 Vdc		
Potenza / Power consumption	**5 W**			**10 W**		
Assorbimento / Absorption	0,32 A @ 16 V			0,63 A @ 16 V / 0,32 A @ 32 V		
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Naturale / Daylight**		
	3800-4100 K			3800-4100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **80**			≥ **80**		
Flusso luminoso / Luminous flux	314 lm			630 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,08 m**	**4,16 m**	**6,25 m**	**2,26 m**	**4,51 m**	**6,77 m**
Illuminamento / Illuminance	**132,4 lux**	**33,1 lux**	**14,7 lux**	**266,1 lux**	**66,5 lux**	**29,6 lux**
Angolo / Beam	**100°**			**100°**		

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ACTION TOUCH BUS

ACTION Series

ACTION TOUCH BUS - 10W - 100° - IP66







IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	140X116 mm
Spessore / Thickness	13 mm

*

BICOLOR: 10W + 4W Courtesy light

* Disponibile Bianco naturale+Rosso / Altri colori su richiesta.
* Available Daylight-Red / Other light colors upon request.

Il prodotto è dotato del sistema BUS che permette di comandare in modo sincronizzato tutti gli apparecchi installati.

The product is equipped with the BUS system that allows the synchronized control of all the installed devices.

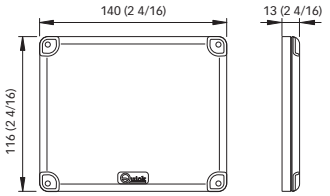

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)





Cornice disponibile su richiesta.
Frame available upon request.

Modelli / Models	**ACTION 10W + 4W TOUCH BUS**		
Sorgente luminosa / Light source	**LED**		
Alimentazione / Power supply	10 - 30 Vdc		
Potenza / Power consumption	**10 W**		
Assorbimento / Absorption	0,83 A @ 12 V / 0,42 A @ 24 V		
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**		
	3800-4100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **80**		
Flusso luminoso / Luminous flux	630 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,26 m**	**4,51 m**	**6,77 m**
Illuminamento / Illuminance	**266,1 lux**	**66,5 lux**	**29,6 lux**
Angolo / Beam	**100°**		

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

LINEAR
LED LIGHT SYSTEMS

I sistemi di luce lineare Quick Marine Lighting comprendono diverse tipologie di apparecchi illuminotecnici tra cui alcuni prodotti speciali come per esempio la serie MAXIBAR, le barre Led più vendute della gamma che diffondono la luce (monocolore/RGBW/TW) in modo uniforme e gradevole oppure la serie ONDALED costituita da barre superflessibili, performanti e disponibili per qualsiasi tipo di installazione.
Nella gamma dei sistemi lineari non manca certamente una ampia scelta di strip led e gli apparecchi per illuminare piccole zone come per esempio il piano di lavoro della cucina o un angolo lettura.

The Quick Marine Lighting linear light systems include various types of lighting devices with some special products such as the MAXIBAR series, the best-selling LED bars in the range that uniformly and pleasantly diffuse the light (single colour/RGBW/TW) or the ONDALED series made up of super-flexible, high performing bars available for any type of installation.
The range of linear systems is definitely not without a wide selection of LED strips and devices to light up small areas such as the kitchen work surface or a reading nook.



LINEAR LED LIGHT SYSTEMS

HORIZON - FD 102



SYRIA VELVET
Series

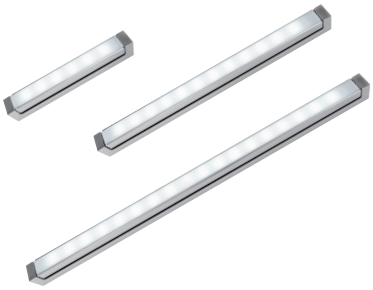

Mini barra LED orientabile con o senza interruttore.
Disponibile in 3 lunghezze: 15 / 28 / 41 cm
Adjustable mini LED bar with or without switch.
Available in 3 different lengths: 15 / 28 / 41 cm

202

LINDA
Series



Mini barra LED orientabile con interruttore.
Disponibile in 2 lunghezze: 21 / 31 cm
Adjustable mini LED bar with switch.
Available in 2 different lengths: 21 / 31 cm

204

DRESS-UP
System



Barre LED per armadi.
Montaggio a parete o soffitto
Wardrobe LED light bars.
Wall or ceiling mounting

206

SIMPLY
System

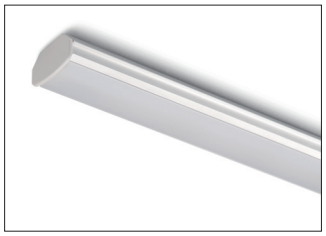

Barra LED versatili e facili da montare.
Lunghezza su richiesta.
Versatile and easy to mounting LED light bars.
Length on request.

208

INFINITY
System

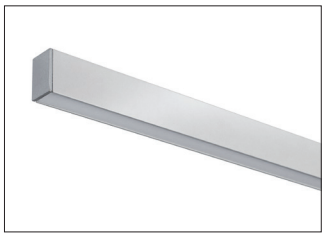

Barre LED, 8W/m, IP40, con profilo in alluminio.
Installazione ad incasso. Lunghezza su richiesta.
LED light bars, 8W/m, IP40, with aluminum profile.
Recessed installation. Length on request.

210

MAXIBAR
System

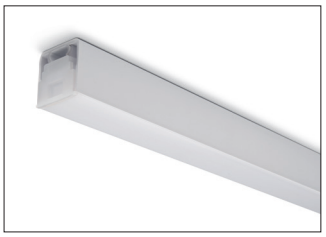

Barre LED, 18W/m, IP66.
Installazione ad incasso. Lunghezza su richiesta.
LED light bars, 18W/m, IP66.
Recessed installation. Length on request.

214

STRIP LED
Collection



Strip LED disponibili in varianti di potenza e colore.
Fornita con guaina di protezione. IP65
LED strips available in power and color variants.
Supplied with protective sheath. IP65

216

STARRY SKY
Series

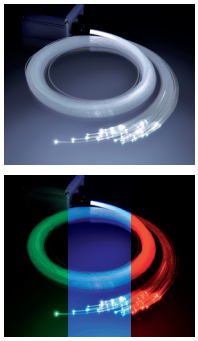

Fascio di fibra ottica, luce bianca o RGB,
per creare l'effetto cielo stellato.
Fiber optic bundle, white or RGB light,
to create the starry sky effect.

220

ONDALED
System



Barre luminose ad elevata flessibilità. IP67
8/10/11W/m. Montaggio ad incasso.
Highly flexible light bars. IP67
8/10/11W/m. Flush mounting.

222



Barra LED orientabile, ideale per illuminare piccoli spazi.
Disponibile con o senza interruttore.
Adjustable LED bar ideal for lighting small spaces.
Available with or without switch.



Installazione / Installation
Parete / Wall
Soffitto / Ceiling

Orientabile / Adjustable

Materiale / Material
Alluminio cromato / Chromed Aluminum

Finiture / Finishes

Cromo / Chrome

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white







SYRIA VELVET

SYRIA VELVET 15 - 12V - 1,5W - IP40
SYRIA VELVET 15 - 24V - 1,5W - IP40

Orientabile / Adjustable



SYRIA VELVET 15 S - 12V - 1,5W - IP40
SYRIA VELVET 15 S - 24V - 1,5W - IP40

Orientabile / Adjustable
Con interruttore / With switch



Adjustable IP40

Fissaggio con viti / Screw installation
Lunghezza / Length 150 mm

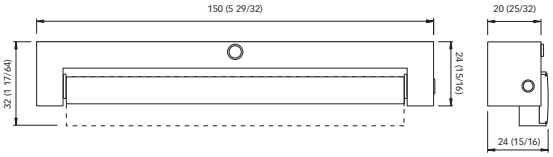

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**SYRIA VELVET 15 / SYRIA VELVET 15 S - 12V**		**SYRIA VELVET 15 / SYRIA VELVET 15 S - 24V**	
Sorgente luminosa / Light source	**LED**		**LED**	
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc		20 - 30 Vdc	
Potenza / Power consumption	**1,5 W**		**1,5 W**	
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V		0,06 A @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **80**	≥ **80**	≥ **80**
Flusso luminoso / Luminous flux	95 lm	80 lm	95 lm	80 lm

IP40

SYRIA VELVET
Series

SYRIA VELVET 28 - 12V - 3W - IP40
SYRIA VELVET 28 - 24V - 3W - IP40

Orientabile / Adjustable



SYRIA VELVET 28 S - 12V - 3W - IP40
SYRIA VELVET 28 S - 24V - 3W - IP40

Orientabile / Adjustable
Con interruttore / With switch



Adjustable IP40

Fissaggio con viti / Screw installation
Lunghezza / Length 278 mm

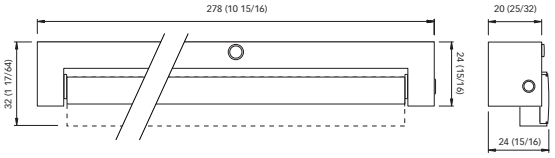

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**SYRIA VELVET 28 / SYRIA VELVET 28 S - 12V**		**SYRIA VELVET 28 / SYRIA VELVET 28 S - 24V**	
Sorgente luminosa / Light source	**LED**		**LED**	
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc		20 - 30 Vdc	
Potenza / Power consumption	**3 W**		**3 W**	
Assorbimento / Absorption	0,24 A @ 12 V		0,12 A @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **80**	≥ **80**	≥ **80**
Flusso luminoso / Luminous flux	190 lm	160 lm	190 lm	160 lm

SYRIA VELVET 41 - 12V - 4,5W - IP40
SYRIA VELVET 41 - 24V - 4,5W - IP40

Orientabile / Adjustable



SYRIA VELVET 41 S - 12V - 4,5W - IP40
SYRIA VELVET 41 S - 24V - 4,5W - IP40

Orientabile / Adjustable
Con interruttore / With switch



Adjustable IP40

Fissaggio con viti / Screw installation
Lunghezza / Length 406 mm

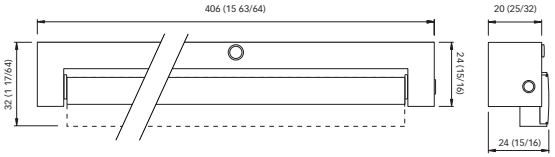

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**SYRIA VELVET 41 / SYRIA VELVET 41 S - 12V**		**SYRIA VELVET 41 / SYRIA VELVET 41 S - 24V**	
Sorgente luminosa / Light source	**LED**		**LED**	
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc		20 - 30 Vdc	
Potenza / Power consumption	**4,5 W**		**4,5 W**	
Assorbimento / Absorption	0,36 A @ 12 V		0,18 A @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **80**	≥ **80**	≥ **80**
Flusso luminoso / Luminous flux	285 lm	240 lm	285 lm	240 lm

IP40

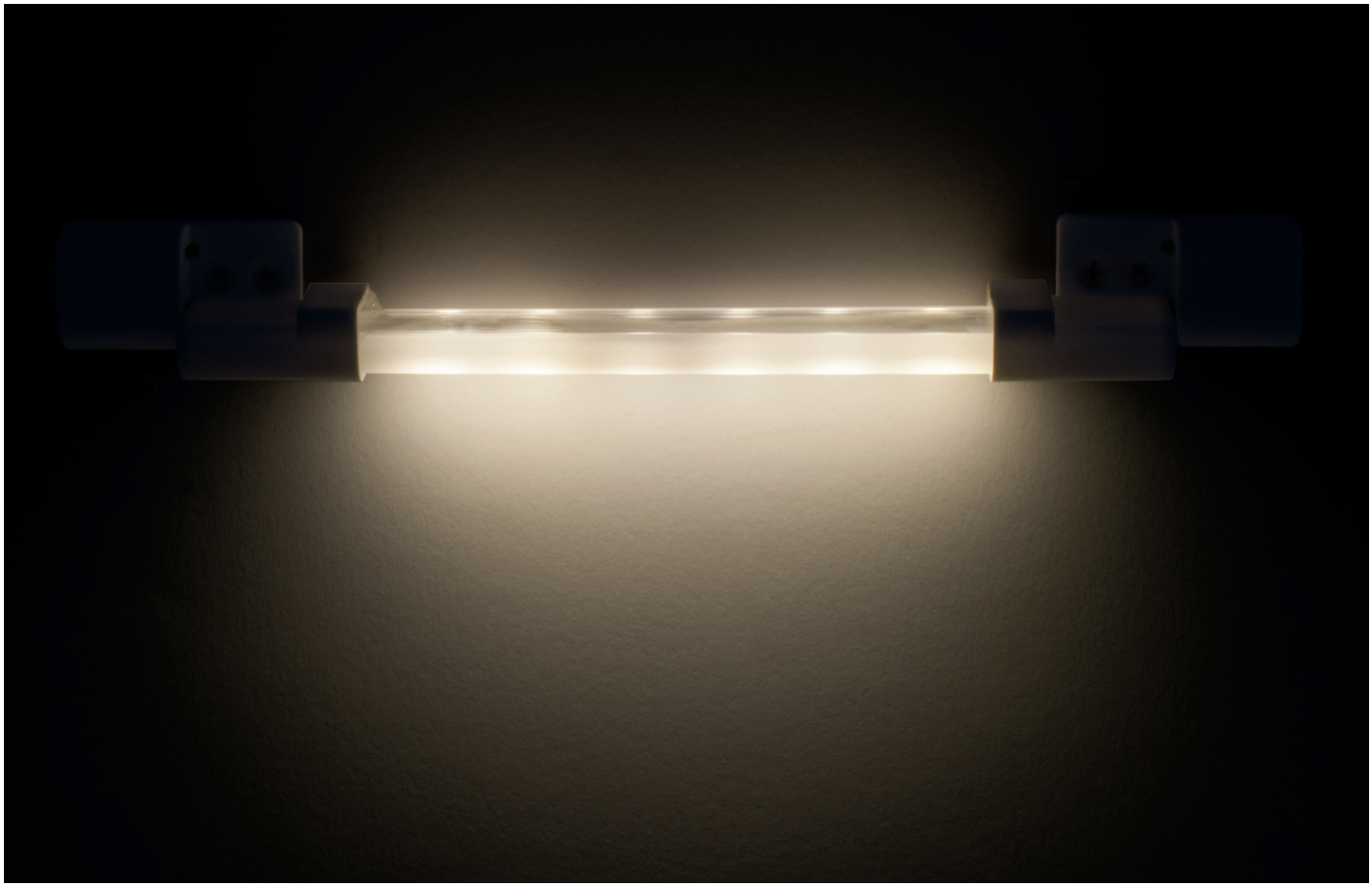

LINDA

Barra LED orientabile, ideale per illuminare piccoli spazi.
Disponibile con interruttore laterale.

Adjustable LED light bar ideal for lighting small spaces.
Available with side switch.

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Materale composito / Composite material

Finiture / Finishes

Bianco / White

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white
Monocolore Rosso / Red single color

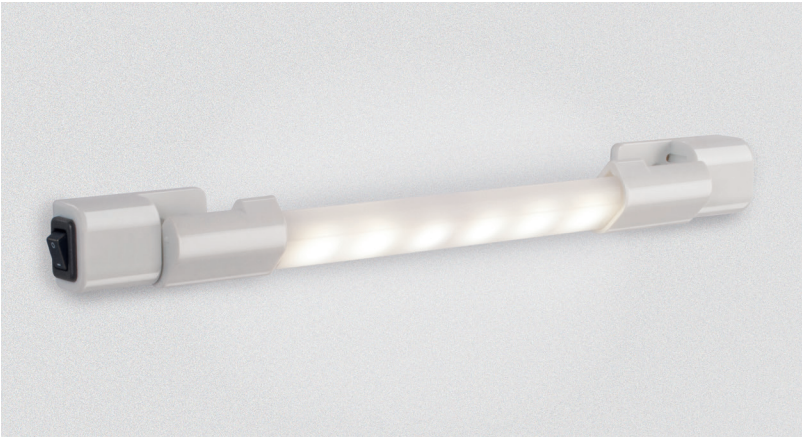

LINDA
Series

LINDA 21 - 12V - 1,5W - IP40
LINDA 21 - 24V - 1,5W - IP40

Orientabile / Adjustable
Con interruttore / With switch



Adjustable IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

Lunghezza / Length 210 mm

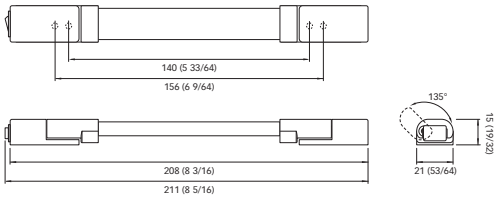

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**LINDA 21 - 12V**		**LINDA 21 - 24V**	
Sorgente luminosa / Light source	**LED**		**LED**	
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc		20 - 30 Vdc	
Potenza / Power consumption	**1,5 W**		**1,5 W**	
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V		0,06 A @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **80**	≥ **80**	≥ **80**
Flusso luminoso / Luminous flux	95 lm	80 lm	95 lm	80 lm

IP40

LINDA 31 - 12V - 3W - IP40
LINDA 31 - 24V - 3W - IP40

Orientabile / Adjustable
Con interruttore / With switch



Adjustable IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

Lunghezza / Length 310 mm

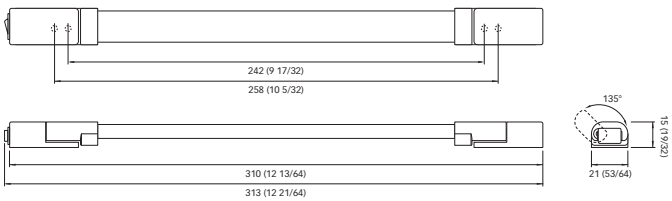

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**LINDA 31 - 12V**		**LINDA 31 - 24V**	
Sorgente luminosa / Light source	**LED**		**LED**	
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc		20 - 30 Vdc	
Potenza / Power consumption	**3 W**		**3 W**	
Assorbimento / Absorption	0,24 A @ 12 V		0,12 A @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **80**	≥ **80**	≥ **80**
Flusso luminoso / Luminous flux	190 lm	160 lm	190 lm	160 lm

IP40





DRESS UP

Barra LED di utilità studiata per illuminare gli armadi e fungere da appendiabito.
Disponibile per il montaggio da parete o soffitto (versione Top)

Utility LED light bar designed to light up cabinets and work as a clothes hook.
Available for installation in the wall or ceiling (Top version).

Installazione / Installation
Parete a parete / Wall to wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Barra in alluminio / Aluminium bar
Supporti in plastica / Plastic mounting brackets

Finiture / Finishes

Satinato / Satin

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

DRESS UP
System

DRESS-UP 12V - 4,8W/m - IP40
DRESS-UP 24V - 4,8W/m - IP40

Barra LED per armadio / Wardrobe LED light bar

IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

Lunghezza su richiesta
Length on request



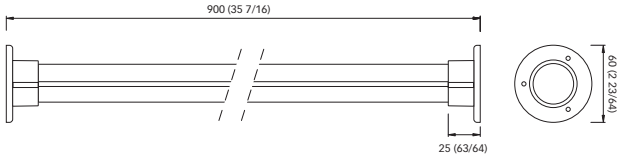

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DRESS-UP TOP 12V - 4,8W/m - IP40
DRESS-UP TOP 24V - 4,8W/m - IP40

Barra LED per armadio / Wardrobe LED light bar

IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

Lunghezza su richiesta
Length on request

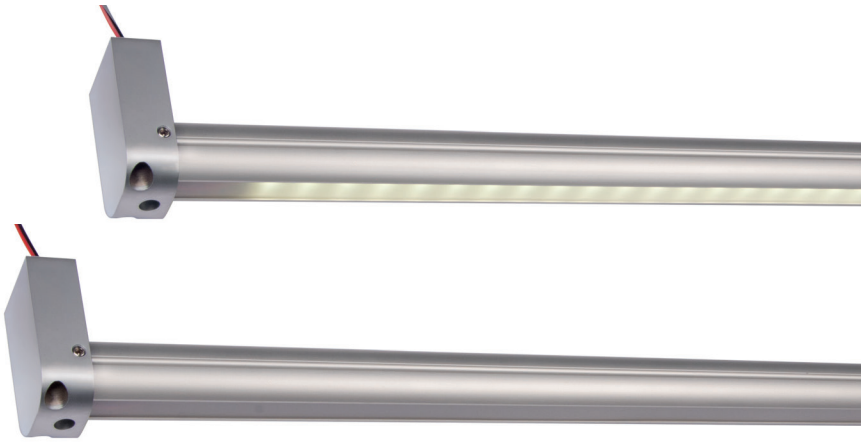

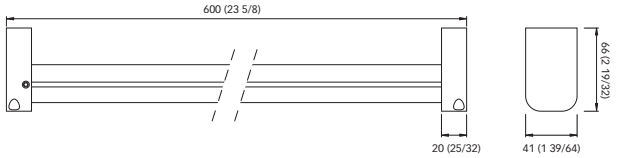

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**DRESS-UP 12V / DRESS-UP TOP 12V**	**DRESS-UP 24V / DRESS-UP TOP 24V**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc	20 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**4,8 W/m @ 12V**	**4,8 W/m @ 24V**
Assorbimento / Absorption	0,4 A/m @ 12 V	0,2 A/m @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	300 lm/m	230 lm/m	300 lm/m	230 lm/m

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)



SIMPLY

Barra LED multifunzione per illuminare e decorare.
Facile da montare è stata studiata per il montaggio in superficie.
Ideale per illuminare piani di lavoro.

Multi-function LED bar for lighting and decoration.
Easy to install, it was designed for mounting on the surface.
Ideal for lighting up work surfaces.

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Barra in alluminio - Diffusore in policarbonato
Aluminium bar - Polycarbonate diffuser

Finiture / Finishes
Bianco 9010 / White 9010

SIMPLY
System

SIMPLY 12V - 14,4W/m - IP40
SIMPLY 24V - 14,4W/m - IP40

Barra LED / LED light bar

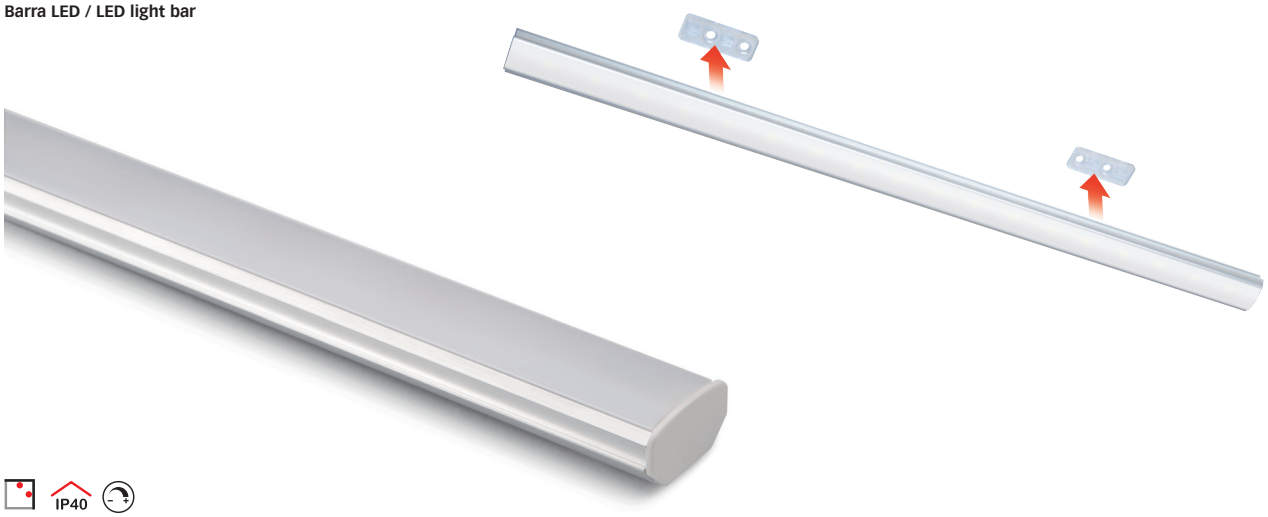

IP40

Fissaggio con viti / Screw installation
Dimmerabile / dimmable

Lunghezza / Length 465
Lunghezza / Length 920

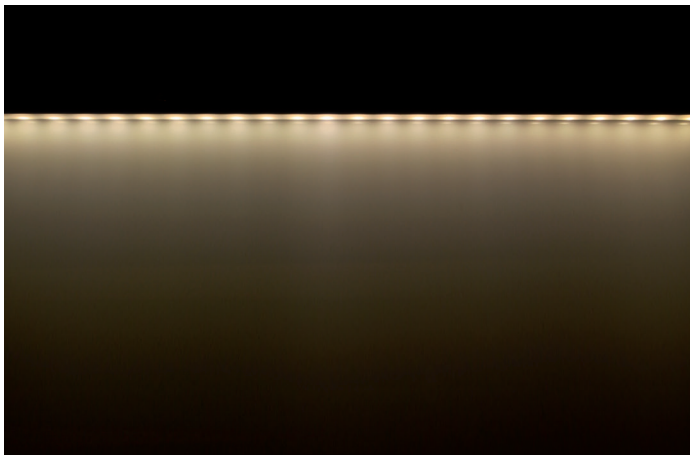

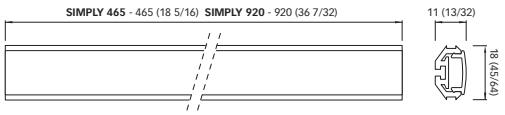

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	SIMPLY - 12V		SIMPLY - 24V	
Sorgente luminosa / Light source	**LED**		**LED**	
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc		20 - 30 Vdc	
Potenza / Power consumption	**14,4 W/m @ 12V**		**14,4 W/m @ 24V**	
Assorbimento / Absorption	1,2 A/m @ 12 V		0,6 A/m @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **90**	≥ **90**	≥ **90**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	570 lm / m	500 lm / m	570 lm / m	500 lm / m

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)


TECNORIB 42 PIRELLI


CBOAT

INFINITY

Le barre LED INFINITY sono costituite da profili in alluminio che permettono un semplice montaggio ad incasso. Ogni barra può raggiungere una lunghezza massima di 3m. INFINITY è stata progettata per diffondere la luce in modo omogeneo e gradevole. La sorgente luminosa a LED (8W/m) sviluppa 200lm/m garantendo un'ottima illuminazione in ogni tipo di ambiente.

The INFINITY LED bars are made up of aluminium profiles that allow easy flush-mount installation. Each bar can reach a maximum length of 3m. INFINITY was designed to diffuse light uniformly and pleasantly. The LED light source (8W/m) develops 200lm/m, ensuring excellent lighting in any type of environment.

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Barra in alluminio - Diffusore in policarbonato (opalino)
Aluminium bar - Polycarbonate diffuser (opaline)

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

INFINITY
System

INFINITY 12V - 8W/m - IP40
INFINITY 24V - 8W/m - IP40

Barra LED da incasso / Recessed LED light bar



IP40

Fissaggio con viti / Screw installation
Lunghezze su richiesta (max 3 m) / Length on request (max 3 m)

Diffusione della luce senza punti
Light diffusion without dots

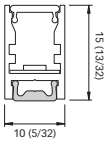

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TIPOLOGIE DI MONTAGGIO / MOUNTING TYPES



Installazione della barra tra pannelli.
Installation of the bar between panels.

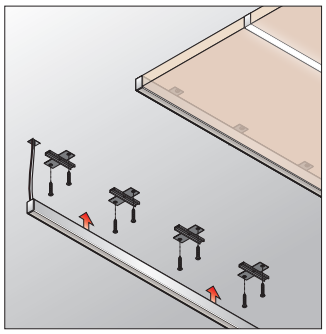

Montaggio con supporti a croce (opzionali)
Mounting with cross supports (optionals)

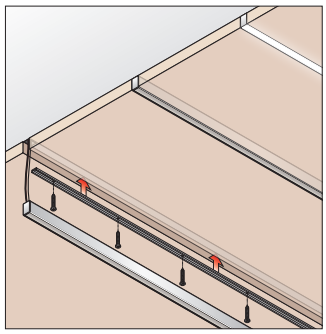

Montaggio ad incasso con profilo estruso
Recessed mounting with extruded.

ACCESSORI PER IL MONTAGGIO (OPTIONAL) / MOUNTING ACCESSORIES (OPTIONAL)

Supporti a croce per l'applicazione della barra Infinity con pannelli.

Cross supports for the application of the Infinity bar with panels.



Profilo estruso in policarbonato per l'applicazione ad incasso.

Polycarbonate extruded for recessed applications.



Modelli / Models	**INFINITY - 12V**		**INFINITY - 24V**	
Sorgente luminosa / Light source	**LED**		**LED**	
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc		20 - 30 Vdc	
Potenza / Power consumption	**8W/m @ 12V**		**8 W/m @ 24V**	
Assorbimento / Absorption	0,67 A/m @ 12 V		0,33 A/m @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	200 lm / m	176 lm / m	200 lm / m	176 lm / m

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)


NO
SITTING
PLEASE
VANITY FAIR



MAXIBAR

Maxibar è un apparecchio a LED IP66 che si applica completamente ad incasso mediante un apposito supporto provvisto di passacavi. La barra, contenente una potente strip LED, è costituita da un profilo in policarbonato.
La superficie che diffonde la luce è opalina. Il supporto accoglie la barra ad innesto rendendo facile e rapida l'installazione. Maxibar è una soluzione di grande effetto che illumina con efficacia ambienti esterni ed interni.

Maxibar is a LED device whose installation is completely built-in by means of a suitable support supplied with cable outlets. The bar, including a powerful strip LED is a high-thickness Plexiglas block. The surface which diffuses the light is opaque. The installation is easy and quick, in fact the bar just clicks into place inside the support. Maxibar is a very impressing solution, which effectively lights up both interior and exterior environments.

MAXIBAR
System





Il sistema MAXIBAR si applica completamente ad incasso mediante un apposito supporto provvisto di passacavi. La barra, contenente una potente strip LED, è costituita da un profilo in policarbonato. La superficie che diffonde la luce è opalina. Il supporto accoglie la barra ad innesto rendendo facile e rapida l'installazione. Maxibar è una soluzione di grande effetto che illumina con efficacia ambienti esterni ed interni.

Maxibar is a LED device whose installation is completely built-in by means of a suitable support supplied with cable outlets. The bar, including a powerful strip LED is a high-thickness Plexiglas block. The surface which diffuses the light is opaque. The installation is easy and quick, in fact the bar just clicks into place inside the support. Maxibar is a very impressing solution, which effectively lights up both interior and exterior environments.

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Soffitto / Ceiling
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Policarbonato e materiale composito
Polycarbonate and composite material

Finiture / Finishes
Opalino / Opaque

Diffusione della luce senza punti
Light diffusion without dots

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

RGBW - **TW** (Bianco dinamico / Tunable white)
Compatibili sistemi QCC e QNN Quick (pag. 346/348)
Compatible with QCC and QNN Quick systems (page 346/348)

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

MODELLI/MODELS
MAXIBAR - 18W/M - 12V - IP66
MAXIBAR - 18W/M - 24V - IP66
MAXIBAR DUAL - 9W/M+9W/M - 24V - IP66
MAXIBAR RGBW - 11W/M - 12V - IP66
MAXIBAR TW - 11W/M - 12V - IP66
MAXIBAR RGBW - 11W/M - 24V - IP66
MAXIBAR TW - 11W/M - 24V - IP66

MAXIBAR
System

MAXIBAR - 18W/M - 12V - IP66
MAXIBAR - 18W/M - 24V - IP66
MAXIBAR DUAL - 9W/M+9W/M - 24V - IP66
MAXIBAR RGBW - 11W/M - 12V - IP66
MAXIBAR TW - 11W/M - 12V - IP66
MAXIBAR RGBW - 11W/M - 24V - IP66
MAXIBAR TW - 11W/M - 24V - IP66

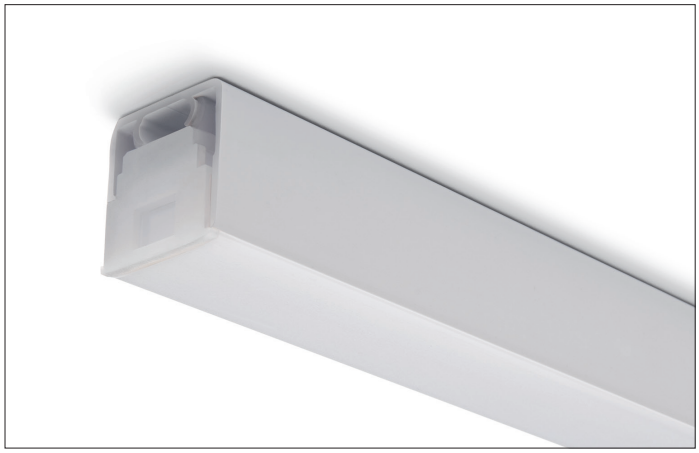

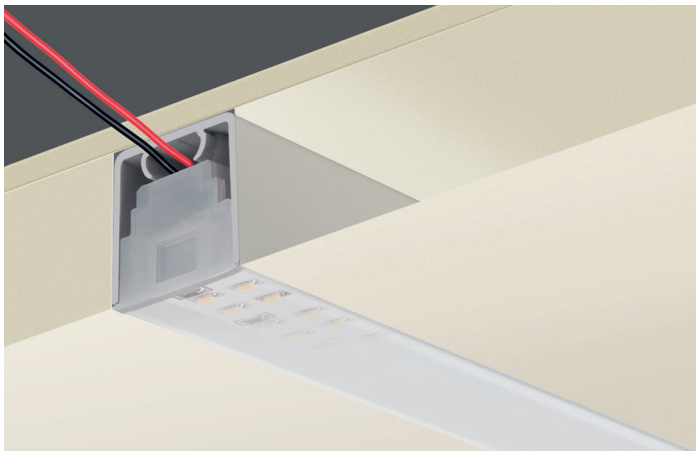

IP66

Barra da incasso / Recessed light bar
Fissaggio con viti / Screw installation

Lunghezze su richiesta (max 3 m) / Length on request (max 3 m)

DUAL COLOR: 9W + 9W
Disponibile solo con luce Bianco naturale + Rosso
Only available with Daylight + Red light

RGBW - TW: compatibile con sistemi QCC e QNN Quick (pag. 346/356)
RGBW - TW: Compatible with QCC and QNN Quick systems (page 346/348)

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

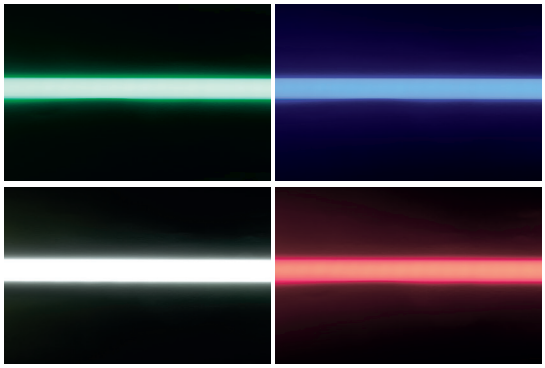

Sistema RGBW: effetto dei colori / RGBW system: color effect

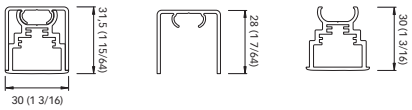

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

	MAXIBAR 12V		MAXIBAR 24V	
Sorgente luminosa / Light source	**LED**		**LED**	
Alimentazione / Power supply	10-15 Vdc		20 - 30 Vdc	
Potenza / Power consumption	**18 W/m** @ 24V		**18 W/m** @ 24V	
Assorbimento / Absorption	0,22 A/m @ 12 V		0,11 A/m @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	**≥ 80**	**≥ 90**	**≥ 80**	**≥ 90**
Flusso luminoso / Luminous flux **Strip Led 18 W/m**	1266 lm/m	1160 lm/m	1266 lm/m	1160 lm/m

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

STRIP LED
Systems

STRIP LED 12V - 4,8 W/m - IP65
STRIP LED 24V - 4,8 W/m - IP65

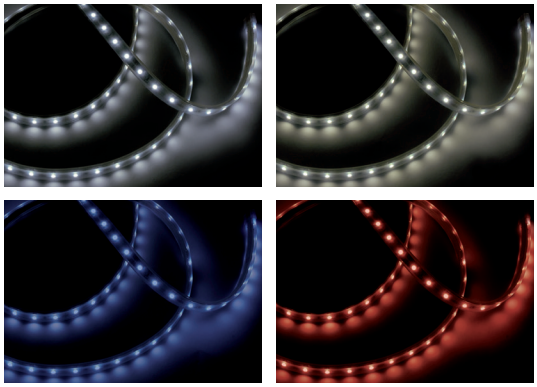

Materiale / Material
Guaina in silicone trasparente, resistente UV
Transparent silicone sheath, UV resistant

Flexible IP65

Strip Led è fornita completa di clip per il montaggio.
Strip Led is supplied with fixing clips for installation.

ACCESSORI OPTIONAL / OPTIONAL ACCESSORIES

Drivers, cappucci terminali e canalina con diffusore a pag. 219
Drivers, ends cap and raceway with diffuser on page 219

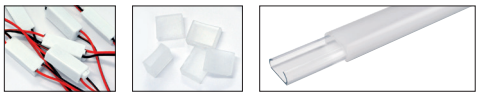

Guaina / Sheath Terminale / End Cap

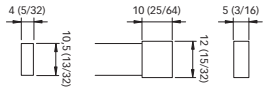

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**STRIP LED 12V**		**STRIP LED 24V**	
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc		20 - 30 Vdc	
Potenza / Power consumption	**4,8 W/m @ 12V**		**4,8 W/m @ 24V**	
Assorbimento / Absorption	0,4 A/m @ 12 V		0,2 A/m @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)
CRI (color rendering index)	≥ **90**	≥ **90**	≥ **90**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	300 lm/m	230 lm/m	300 lm/m	230 lm/m

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

STRIP LED HP 12V - 12 W/m - IP65
STRIP LED HP 24V - 12 W/m - IP65

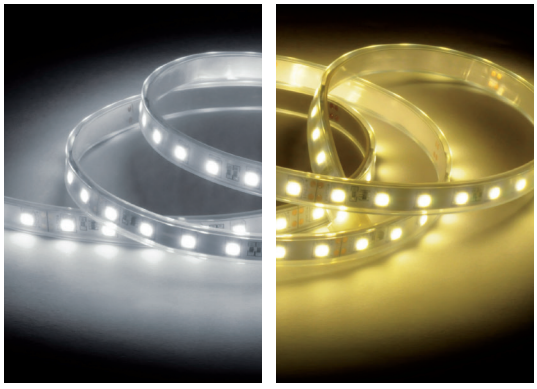

Flexible IP65

Strip Led HP è fornita completa di clip per il montaggio.
Strip Led HP is supplied with fixing clips for installation.

Materiale / Material
Guaina in silicone trasparente, resistente UV
Transparent silicone sheath, UV resistant

ACCESSORI OPTIONAL / OPTIONAL ACCESSORIES

Drivers, cappucci terminali e canalina con diffusore a pag. 219
Drivers, ends cap and raceway with diffuser on page 219

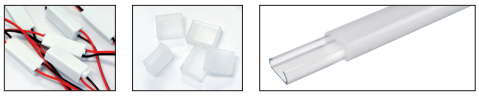

Guaina / Sheath Terminale / End Cap

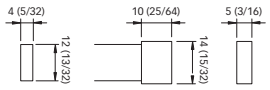

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**STRIP LED HP 12V**		**STRIP LED HP 24V**	
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc		20 - 30 Vdc	
Potenza / Power consumption	**12 W/m @ 12V**		**12 W/m @ 24V**	
Assorbimento / Absorption	0,96 A/m @ 12 V		0,48 A/m @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)
CRI (color rendering index)	≥ **90**	≥ **90**	≥ **90**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	570 lm/m	500 lm/m	570 lm/m	500 lm/m

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

STRIP LED
Systems

STRIP LED HP PLUS 12V - 10 W/m - IP65
STRIP LED HP PLUS 24V - 10 W/m - IP65





Materiale / Material
Guaina in silicone trasparente, resistente UV
Transparent silicone sheath, UV resistant

Flexible IP65

Strip Led HP PLUS è fornita completa di clip per il montaggio.
Strip Led HP PLUS is supplied with fixing clips for installation.

ACCESSORI OPTIONAL / OPTIONAL ACCESSORIES

Drivers, cappucci terminali e canalina con diffusore a pag. 219
Drivers, ends cap and raceway with diffuser on page 219







Guaina / Sheath Terminale / End Cap

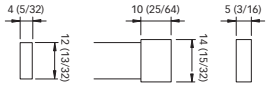

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	STRIP LED HP PLUS 12V		STRIP LED HP PLUS 24V	
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc		20 - 30 Vdc	
Potenza / Power consumption	**10 W/m @ 12V**		**10 W/m @ 24V**	
Assorbimento / Absorption	0,76 A/m @ 12 V		0,38 A/m @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity		Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes		Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)
CRI (color rendering index)	≥ **90**	≥ **90**	≥ **90**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	620 lm/m	540 lm/m	620 lm/m	540 lm/m

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

STRIP LED HP TW 24V - 10 W/m - IP65



Flexible IP65

Strip Led HP TW è fornita completa di clip per il montaggio.
Strip Led HP TW is supplied with fixing clips for installation.

TW (Bianco dinamico / Tunable white)

Compatibile con sistemi QCC e QNN Quick (pag. 346/356)
Compatible with QCC and QNN Quick systems (page 346/348)

Materiale / Material
Guaina in silicone trasparente, resistente UV
Transparent silicone sheath, UV resistant

ACCESSORI OPTIONAL / OPTIONAL ACCESSORIES

Drivers, cappucci terminali e canalina con diffusore a pag. 219
Drivers, ends cap and raceway with diffuser on page 219







Terminale / End Cap

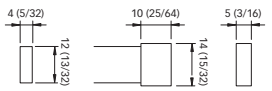

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Strip Led HP TW è linea che diffonde la luce dinamica, con temperature comprese tra 2700 K e 5700 K.
Strip Led HP TW è un prodotto compatibile con i sistemi di controllo Quick (QCC e QNN) ed eventuali altri sistemi.

Strip Led HP TW è linea che diffonde la luce dinamica, con temperature comprese tra 2700 K e 5700 K.
Strip Led HP TW è un prodotto compatibile con i sistemi di controllo Quick (QCC e QNN) ed eventuali altri sistemi.

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

	STRIP LED HP TW 24V	
Alimentazione / Power supply	20 - 30 Vdc	
Potenza / Power consumption	**10 W/m @ 24V**	
Assorbimento / Absorption	0,38 A/m @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Dinamico / Tunable White**	
	da 2700 K a 5700 K	
CRI (color rendering index)	≥ **80**	
Flusso luminoso / Luminous flux	540 lm/m	

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

STRIP LED
Systems

STRIP LED SIDE 12V - 4,5 W/m - IP65
STRIP LED SIDE 24V - 4,5 W/m - IP65



Flexible IP65

Strip Led Side è fornita completa di clip per il montaggio.
Strip Led Side is supplied with fixing clips for installation.

Materiale / Material
Guaina in silicone trasparente, resistente UV
Transparent silicone sheath, UV resistant

Strip Led SIDE è una micro linea che diffonde la luce lateralmente e si flette parallelamente al piano di applicazione.

Strip Led SIDE è una micro linea che diffonde la luce lateralmente e si flette parallelamente al piano di applicazione.

Guaina / Sheath Terminale / End Cap

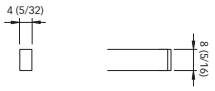

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**STRIP LED SIDE 12V**	**STRIP LED SIDE 24V**
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc	20 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**4,5 W/m @ 12V**	**4,5 W/m @ 24V**
Assorbimento / Absorption	0,4 A/m @ 12 V	0,2 A/m @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Caldo / Warm White**
	2900-3100 K (2600-2800 K*)	2900-3100 K (2600-2800 K*)
CRI (color rendering index)	≥ **90**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	230 lm/m	230 lm/m

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

STRIP LED WR 24V - 11 W/m - IP65

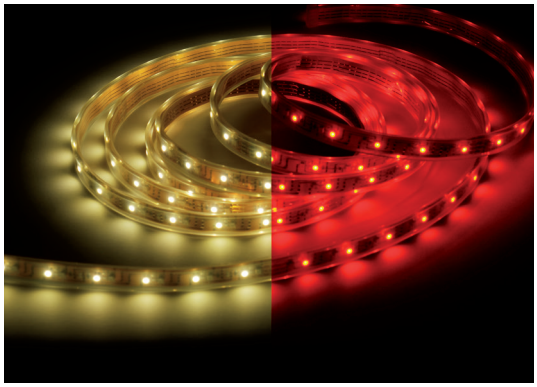

Strip Led WR è disponibile solo nella versione bicolore bianco caldo e rosso.
Strip Led WR is only available in the bicolor warm white and red version.

Flexible IP65

Strip Led WR è fornita completa di clip per il montaggio.
Strip Led WR is supplied with fixing clips for installation.

Materiale / Material
Guaina in silicone trasparente, resistente UV
Transparent silicone sheath, UV resistant

ACCESSORI OPTIONAL / OPTIONAL ACCESSORIES
Drivers e cappucci terminali a pag. 219
Drivers and ends cap on page 219





Guaina / Sheath Terminale / End Cap

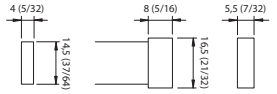

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

	STRIP LED WR
Alimentazione / Power supply	20 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**2,6 W/m** @ 24V
Assorbimento / Absorption	0,11 A/m @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Caldo / Warm White**
	2900-3100 K
Flusso luminoso / Luminous flux	140 lm/m

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

STRIP LED
Systems

STRIP LED RGBW 24V - 11 W/m - IP65

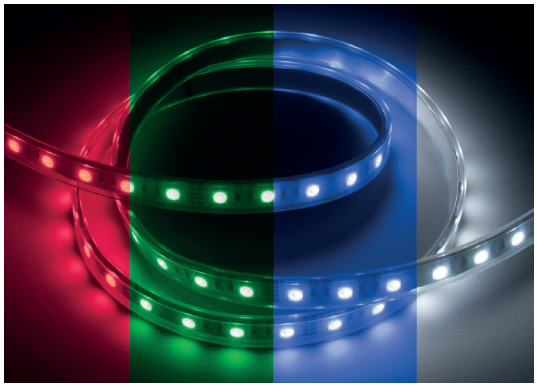

Strip Led RGBW è linea che diffonde la luce RGBW, compatibile con i sistemi di controllo Quick (QCC e QNN) ed eventuali altri sistemi.

Strip Led RGBW è linea che diffonde la luce RGBW, compatibile con i sistemi di controllo Quick (QCC e QNN) ed eventuali altri sistemi.

Flexible IP65

Strip Led RGBW è fornita completa di clip per il montaggio.
Strip Led RGBW is supplied with fixing clips for installation.

Compatibile con sistemi QCC e QNN Quick (pag. 346/348)
Compatible with QCC and QNN Quick systems (page 346/348)

Materiale / Material
Guaina in silicone trasparente, resistente UV
Transparent silicone sheath, UV resistant

ACCESSORI OPTIONAL / OPTIONAL ACCESSORIES



Cappucci terminali a pag. 219
Ends cap on page 219

Guaina / Sheath Terminale / End Cap

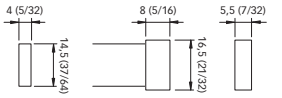

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

	STRIP LED RGBW
Alimentazione / Power supply	20 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**11 W/m** @ 24 V
Assorbimento / Absorption	0,42 A/m @ 24 V - 0,66 A/m @ 30 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**RGB+White**
Flusso luminoso / Luminous flux - **11 W/m**	410 lm/m

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

STRIP LED OPTIONAL ACCESSORIES

RACEWAY AND DIFFUSER

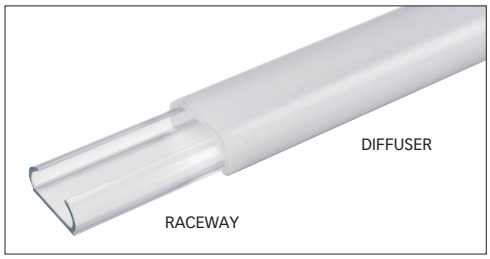

Canalina per il montaggio delle strip LED
La canalina comprende il supporto e il diffusore.
Il supporto può essere fornito anche senza diffusore
Diffusore è disponibile opalino o trasparente.

The raceway for Strip LED installation
The raceway includes support and diffuser.
The support can also be provided without diffuser.
Both transparent and opaque diffuser are available.

Materiale / Material
Policarbonato / Polycarbonate

Modelli / Models	Optional Raceway and Diffuser
STRIP LED	Sì / Yes (1 m - 1,5 m - 3 m)
STRIP LED HP	Sì / Yes (1 m - 1,5 m - 3 m)
STRIP LED HP PLUS	Sì / Yes (1 m - 1,5 m - 3 m)
STRIP LED HP TW	Sì / Yes (1 m - 1,5 m - 3 m)
STRIP LED WR	No
STRIP LED RGBW	No

LUNGHEZZE DISPONIBILI / AVAILABLE LENGTHS
1 m - 1,5 m - 3 m (3,28 ft - 4,92 ft - 9,84 ft)



Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DRIVERS

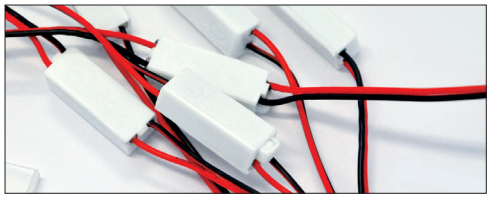

Driver per modificare a piacere la lunghezza della Strip Led.
Drivers to adjust at will the length of the Strip Led.

Modelli / Models	Optional Driver
STRIP LED	Sì / Yes
STRIP LED HP	Sì / Yes
STRIP LED HP PLUS	Sì / Yes
STRIP LED HP TW	Sì / Yes
STRIP LED WR	Sì / Yes
STRIP LED RGBW	No

END CAPS



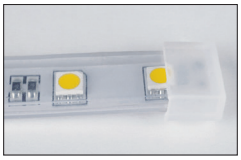

Cappucci terminali
per modificare a piacere la lunghezza della Strip Led.
Sono disponibili in diverse dimensioni secondo
il modello di strip LED

End caps to adjust at will the length of the Strip Led.
They are available in different sizes according
to the model of strip LED.

Modelli / Models	Optional End Cap
STRIP LED	Sì / Yes
STRIP LED HP	Sì / Yes
STRIP LED HP PLUS	Sì / Yes
STRIP LED HP TW	Sì / Yes
STRIP LED WR	Sì / Yes
STRIP LED RGBW	Sì / Yes

STARRY SKIES
System



STARRY SKY
Ogni Kit è costituito dai seguenti componenti:
N°1 contenitore IP65 con illuminatore a LED
N°1 Fascio di fibra ottica POINT-LIGHT PMMA nuda

STARRY SKY
Each kit is made up of the following parts:
N.1 IP65 box with LED illumination
N.1 POINT-LIGHT PMMA bare optical fiber bundle



SSW1 - 3W - IP65
SSW2 - 3W - IP65

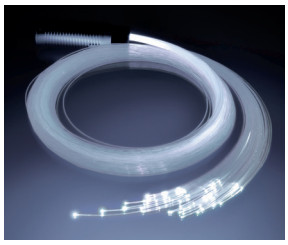

Colori luce / Light colors
Bianco naturale / Daylight

IP65

SSW1
60 Fibre ottiche - Lunghezza 2,5 m
60 Optical Fiber - Length 2,5 m

SSW2
60 + 60 Fibre ottiche - Lunghezza 2,5 + 4 m
60 + 60 Optical Fiber - Length 2,5 + 4 m

Modelli / Models	SSW1 / SSW2
Sorgente luminosa / Light source	**LED 1x3 W**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**3 W**
Assorbimento / Absorption	0,25 A @ 12 V / 0,125 A @ 24 V

IP65

SSC1 - 12V - 3W - IP65
SSC2 - 12V - 3W - IP65
SSC1 - 24V - 3W - IP65
SSC2 - 24V - 3W - IP65

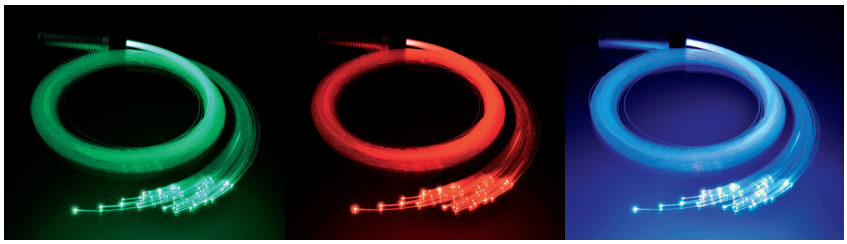

Colori luce / Light colors
RGB

IP65

SSC1
60 Fibre ottiche - Lunghezza 2,5 m
60 Optical Fiber - Length 2,5 m

SSC2
60 + 60 Fibre ottiche - Lunghezza 2,5 + 4 m
60 + 60 Optical Fiber - Length 2,5 + 4 m

Modelli / Models	SSC1 / SSC2 - 12V	SSC1 / SSC2 - 24V
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vdc	20 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**3 W**	**3 W**
Assorbimento / Absorption	0,25 A @ 12V	0,125 A @ 24V

IP65

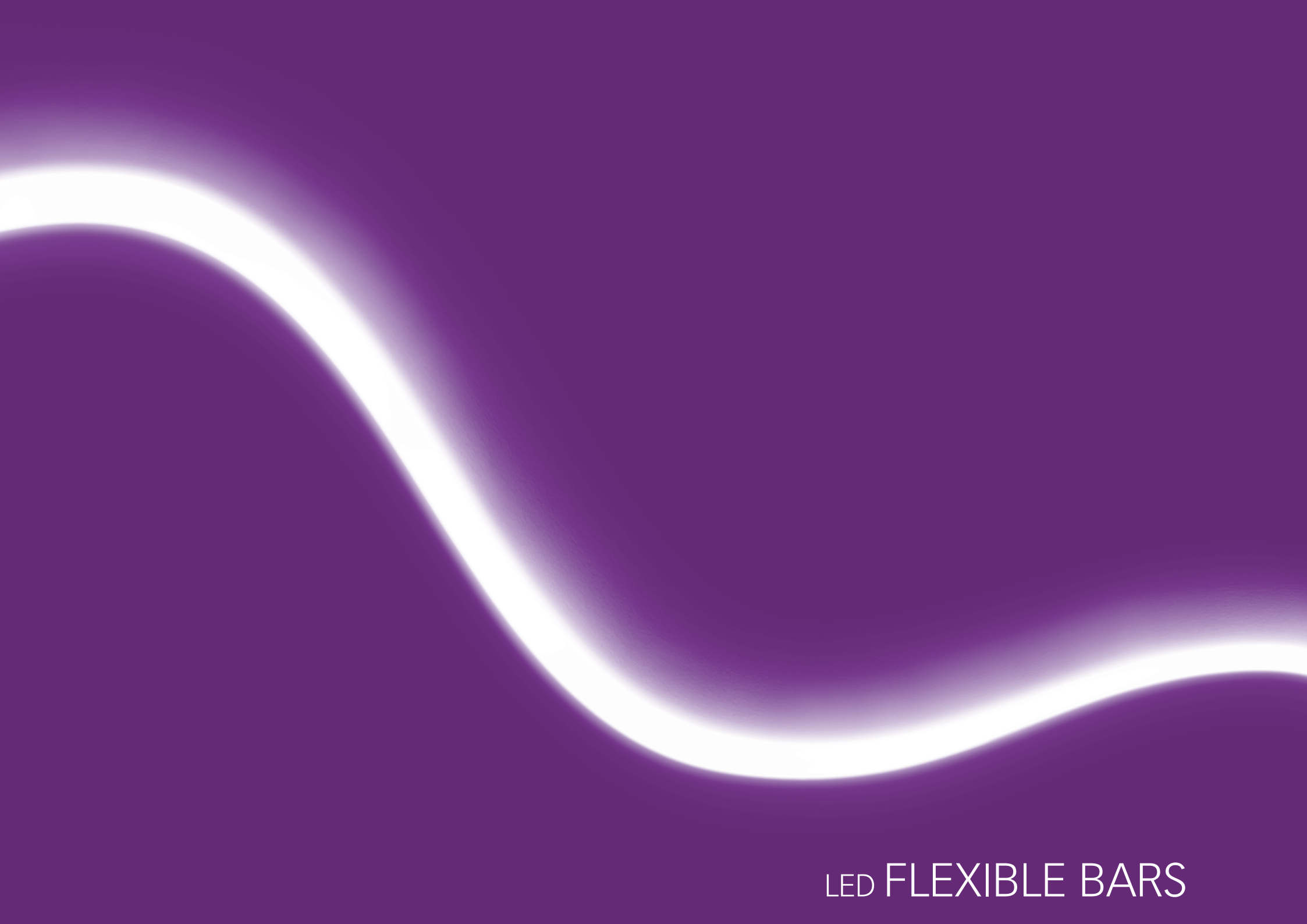
LED FLEXIBLE BARS

PRICESS V78



ONDALED

Barre LED flessibili / LED flexible bars

Ondaled è un prodotto innovativo adatto per illuminare e decorare, in esterno e in interno. E' una barra altamente flessibile, prodotta in silicone, in grado di resistere nel tempo e a tutti gli agenti atmosferici tra cui le nebbie saline. La sorgente luminosa è costituita da una strip LED, studiata appositamente per questo tipo di prodotto, è sigillata all'interno della barra flessibile. Ondaled, apparentemente semplice ed essenziale, è frutto di un'attenta progettazione mirata ad ottenere un'illuminazione perfettamente uniforme sia nel colore che nell'irradiazione della luce. La sua applicazione è ad incasso e si fissa mediante dei segmenti in alluminio.

Ondaled is an innovative product suitable for lighting and decorating both indoors and outdoors. It is a highly flexible silicone bar, capable of withstanding all weather conditions, including salt spray. The light source is made up by a strip LED especially studied for this type of product, which is sealed inside the flexible bar.
Ondaled, apparently simple and basic, is the result of a careful design, aimed at obtaining a perfectly uniform illumination, both in color and in light irradiation. Its built-in installation can be carried out using aluminum supports.





ONDALED TOP

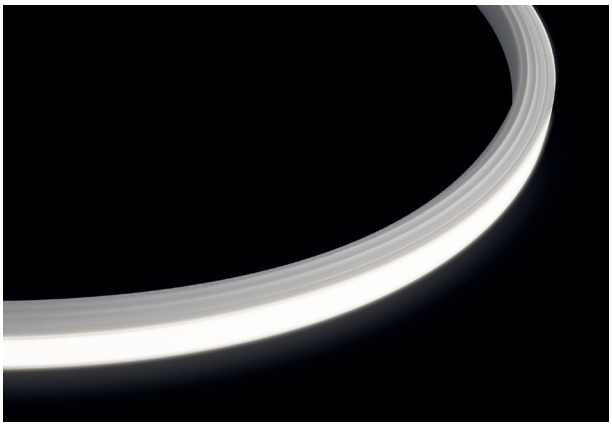

BARRA LED FLESSIBILE DA INCASSO / RECESSED FLEXIBLE LED LIGHT BAR

Installazione / Installation
Soffitto / Parete / Pavimento
Ceiling / Wall / Floor

Materiale / Material
Interamente in silicone / Entirely in silicone

Finiture / Finishes
Corpo silicone bianco - Diffusore silicone opalino
White silicone body - Opal silicone diffuser

Dimmerabile / Dimmable

Lunghezze su richiesta (max 601,5 cm - QCC models max 501,5 cm)
Length on request (max 601,5 cm - QCC models max 501,5 cm)



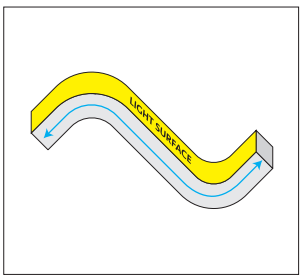

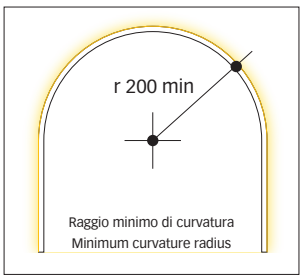

ONDALED TOP si installa in modo perpendicolare a un piano.
ONDALED TOP is installed perpendicular to a plane.

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

RGBW - **TW** (Bianco dinamico / Tunable white)
Compatibili sistemi QCC e QNN Quick (pag. 346/348)
Compatible with QCC and QNN Quick systems (page 346/348)

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

MODELLI / MODELS
ONDALED TOP - 12V - 10W/m - IP67
ONDALED TOP - 24V - 10W/m - IP67

ONDALED TOP RGBW - 12V - 11W/m - IP67
ONDALED TOP RGBW - 24V - 11W/m - IP67

ONDALED TOP TW - 12V - 11W/m - IP67
ONDALED TOP TW - 24V - 11W/m - IP67

ONDALED TOP 10



BARRA LED FLESSIBILE DA INCASSO / RECESSED FLEXIBLE LED LIGHT BAR

Installazione / Installation
Soffitto / Parete / Pavimento
Ceiling / Wall / Floor

Materiale / Material
Interamente in silicone / Entirely in silicone

Finiture / Finishes
Corpo silicone bianco - Diffusore silicone opalino
White silicone body - Opal silicone diffuser

Dimmerabile / Dimmable

Lunghezze su richiesta (max 601,5 cm - QCC models max 501,5 cm)
Length on request (max 601,5 cm - QCC models max 501,5 cm)

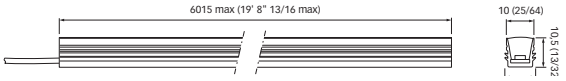

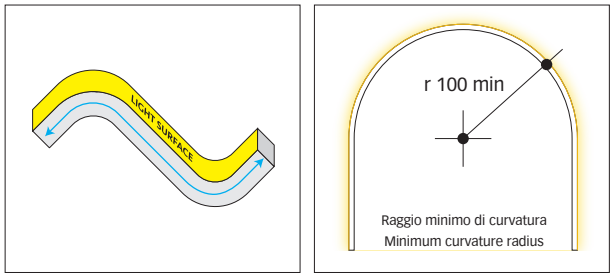

ONDALED TOP10 si installa in modo perpendicolare a un piano.
ONDALED TOP10 is installed perpendicular to a plane.

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

MODELLI / MODELS
ONDALED TOP10 - 12V - 8W/m - IP67
ONDALED TOP10 - 24V - 8W/m - IP67

ONDALED SIDE

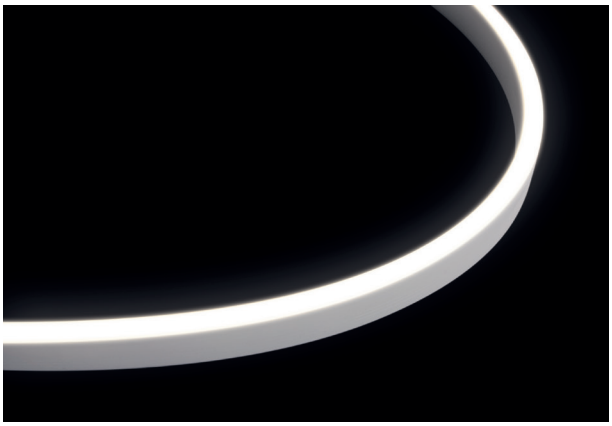

BARRA LED FLESSIBILE DA INCASSO / RECESSED FLEXIBLE LED LIGHT BAR

Installazione / Installation
Soffitto / Parete / Pavimento
Ceiling / Wall / Floor

Materiale / Material
Interamente in silicone / Entirely in silicone

Finiture / Finishes
Corpo silicone bianco - Diffusore silicone opalino
White silicone body - Opal silicone diffuser

Dimmerabile / Dimmable

Lunghezze su richiesta (max 601,5 cm - QCC models max 501,5 cm)
Length on request (max 601,5 cm - QCC models max 501,5 cm)

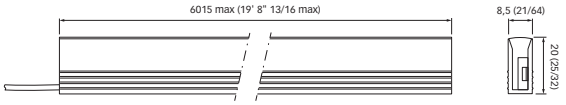

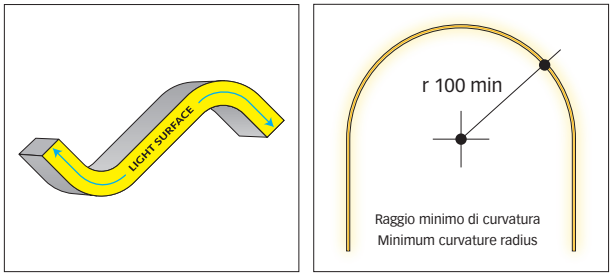

ONDALED SIDE si installa in modo parallelo a un piano.
ONDALED SIDE is installed parallel to a plane.

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

RGBW - TW (Bianco dinamico / Tunable white)
Compatibili sistemi QCC e QNN Quick (pag. 346/348)
Compatible with QCC and QNN Quick systems (page 346/348)

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

MODELLI / MODELS
ONDALED SIDE - 12V - 10W/m - IP67
ONDALED SIDE - 24V - 10W/m - IP67

ONDALED SIDE RGBW - 12V - 11W/m - IP67
ONDALED SIDE RGBW - 24V - 11W/m - IP67

ONDALED SIDE TW - 12V - 11W/m - IP67
ONDALED SIDE TW - 24V - 11W/m - IP67

ONDALED TOP
System

ONDALED TOP - 12V - 10W/m - IP67
ONDALED TOP - 24V - 10W/m - IP67

ONDALED TOP RGBW - 12V - 11W/m - IP67
ONDALED TOP RGBW - 24V - 11W/m - IP67

ONDALED TOP TW - 12V - 11W/m - IP67
ONDALED TOP TW - 24V - 11W/m - IP67

Flexible IP67

Barra flessibile da incasso / Recessed flexible light bar
Fissaggio con accessori in dotazione / installation with supplied accessories

Lunghezze su richiesta (max 601,5 cm - QCC models max 501,5 cm)
Length on request (max 601,5 cm - QCC models max 501,5 cm)
@ 12V: L = (2,5 cm x n) + 1,5 cm
@ 24V: L = (5 cm x n) + 1,5 cm

RGBW - TW (Bianco dinamico / Tunable white)
Compatibili sistemi QCC e QNN Quick (pag. 346/348)
Compatible with QCC and QNN Quick systems (page 346/348)

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

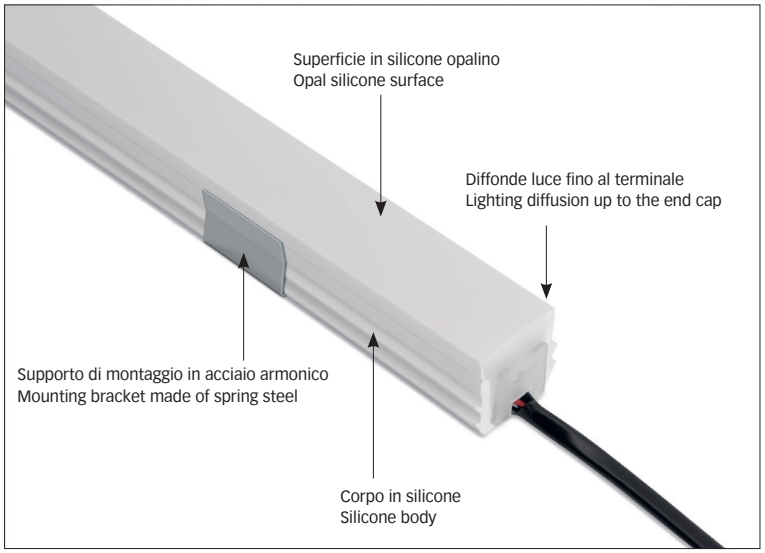

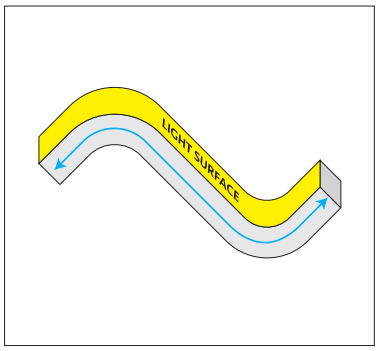

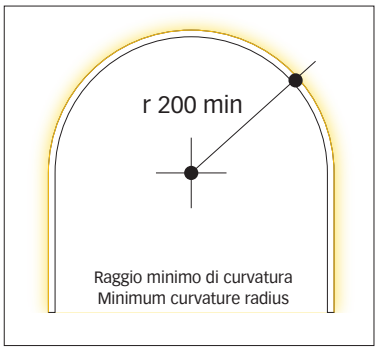

Modelli / Models	ONDALED TOP - 12V						ONDALED TOP - 24V					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	10-15 Vdc						20 - 30 Vdc					
Potenza / Power consumption	**10 W/m**						**10 W/m**					
Assorbimento / Absorption	0,84 A @ 12 V						0,42 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	470 lm/m			435 lm/m			470 lm/m			435 lm/m		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,58 m**	**5,16 m**	**7,74 m**	**2,58 m**	**5,16 m**	**7,74 m**	**2,58 m**	**5,16 m**	**7,74 m**	**2,58 m**	**5,16 m**	**7,74 m**
Illuminamento / Illuminance	**179,1 lux**	**44,8 lux**	**19,9 lux**	**166,2 lux**	**41,5 lux**	**18,5 lux**	**179,1 lux**	**44,8 lux**	**19,9 lux**	**166,2 lux**	**41,5 lux**	**18,5 lux**
Angolo / Beam	**105°**			**105°**			**105°**			**105°**		
	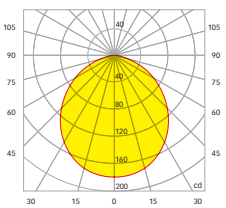			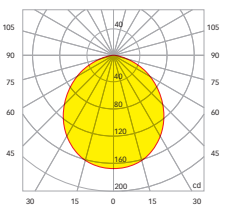			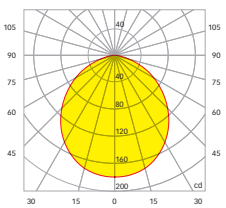			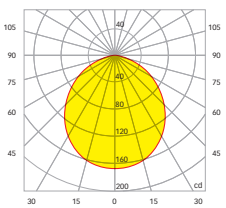		

Misurazioni per 1 metro di prodotto / Measurements for 1 meter of product
*Disponibile su richiesta / Available on request

IP67* CE
*fronte / front

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ONDALED TOP
System



Installazione di Ondaled
con i supporti di montaggio (opzionali)

I supporti bloccano Ondaled all'interno dell'incasso e consentono una libera applicazione in linea retta o curva.
I supporti sono forniti secondo la quantità richiesta (non occorrono ulteriori accessori di fissaggio).

Ondaled installation
with mounting brackets (optional)

The mounting brackets lock the Ondaled inside the recess and allow a free application in a straight line or curved.
The supports are supplied in accordance with the required quantity (no additional fastening accessories are required).



Installazione di Ondaled
con estruso in alluminio (opzionale)

L'estruso consente l'installazione esclusivamente in linea retta.
Il montaggio può essere effettuato su muratura, legno o cartongesso, utilizzando elementi di fissaggio adeguati.
Gli estrusi sono forniti in una lunghezza standard di 2 metri ciascuno.
Gli accessori per il fissaggio non sono inclusi nella fornitura del prodotto.

Ondaled installation
with extruded aluminium (optional)

The extrusion allows installation only in a straight line.
Installation can be on masonry, wood or plasterboard, using appropriate fasteners.
The extrusions are supplied in a standard length of 2 meters each.
Fastening accessories are not included in the supply.

ACCESSORI PER IL MONTAGGIO (OPTIONAL)
MOUNTING ACCESSORIES (OPTIONAL)

- Estruso in alluminio per il montaggio di Ondaled Top in superficie.
- Supporti per il montaggio di Ondaled Top ad incasso.
- Extruded aluminium for mounting Ondaled Top on a surface.
- Mounting brackets to flush mount Ondaled Top.

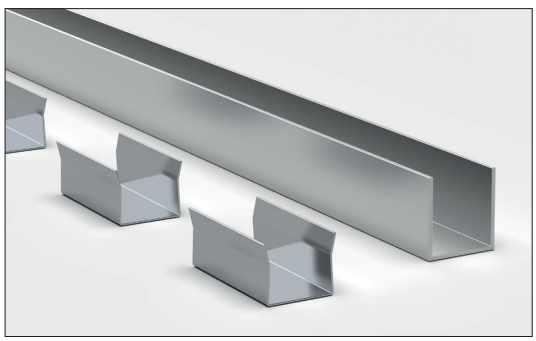

Come calcolare la lunghezza di Ondaled Top
How to calculate the length of Ondaled Top

@ 12V: L = (2,5 cm x n) + 1,5 cm
@ 24V: L = (5 cm x n) + 1,5 cm

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

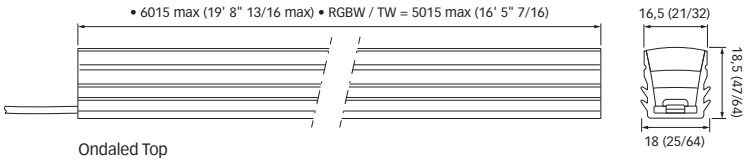

Ondaled Top

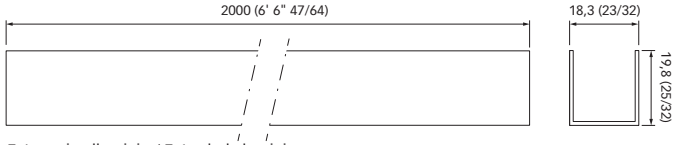

Estruso in alluminio / Extruded aluminium

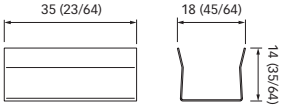

Supporti da incasso / Supports to flush mount

ONDALED TOP 10

Systems

ONDALED TOP10 - 12V - 8W/m - IP67
ONDALED TOP10 - 24V - 8W/m - IP67

Flexible IP67

Barra flessibile da incasso / Recessed flexible light bar
Fissaggio con accessori in dotazione / installation with supplied accessories

Lunghezze su richiesta (max 601,5 cm - QCC models max 501,5 cm)
Length on request (max 601,5 cm - QCC models max 501,5 cm)
@ 12V: L = (2,5 cm x n) + 1,5 cm
@ 24V: L = (5 cm x n) + 1,5 cm

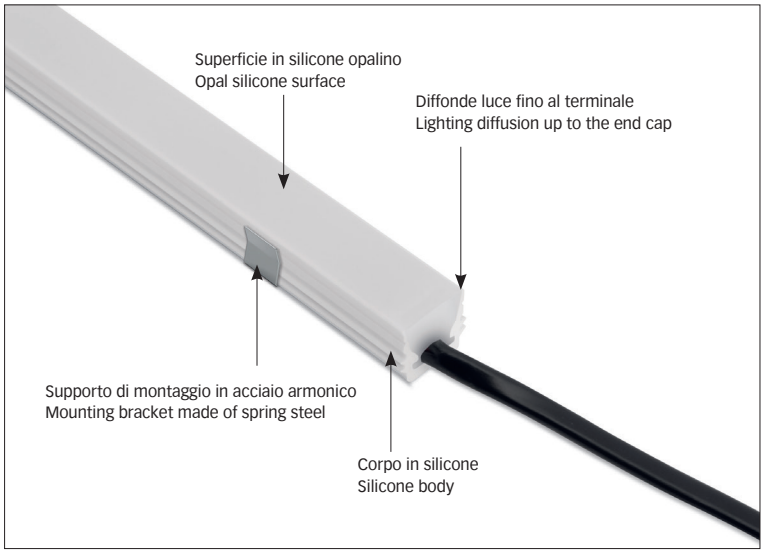

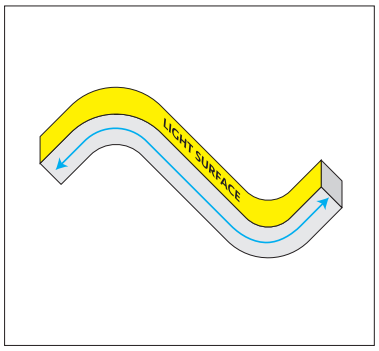

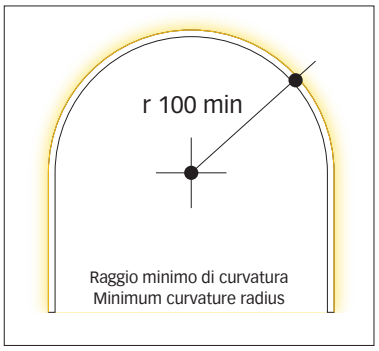

Modelli / Models	ONDALED TOP 10 - 12V	ONDALED TOP 10 - 24V
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	10-15 Vdc	20 - 30 Vdc
Potenza / Power consumption	**8 W/m**	**8 W/m**
Assorbimento / Absorption	0,66 A @ 12 V	0,33 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	Bianco Naturale / Daylight			Bianco Caldo / Warm White			Bianco Naturale / Daylight			Bianco Caldo / Warm White		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	340 lm/m			305 lm/m			340 lm/m			305 lm/m		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,83 m**	**5,67 m**	**8,50 m**	**2,83 m**	**5,67 m**	**8,50 m**	**2,83 m**	**5,67 m**	**8,50 m**	**2,83 m**	**5,67 m**	**8,50 m**
Illuminamento / Illuminance	**117,7 lux**	**29,4 lux**	**13,3 lux**	**107,8 lux**	**27,0 lux**	**12,0 lux**	**117,7 lux**	**29,4 lux**	**13,3 lux**	**107,8 lux**	**27,0 lux**	**12,0 lux**
Angolo / Beam	**110°**			**110°**			**110°**			**110°**		
	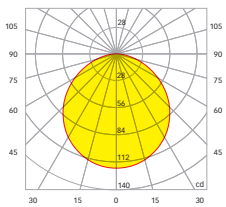			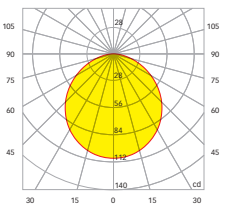			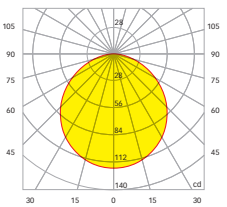			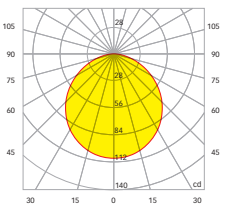		

Misurazioni per 1 metro di prodotto / Measurements for 1 meter of product
*Disponibile su richiesta / Available on request

IP67* CE

*fronte / front

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ONDALED TOP 10
Systems



Installazione di Ondaled
con i supporti di montaggio (opzionali)

I supporti bloccano l'Ondaled all'interno dell'incasso e consentono una libera applicazione in linea retta o curva.
I supporti sono forniti secondo la quantità richiesta (non occorrono ulteriori accessori di fissaggio).

Ondaled installation
with mounting brackets (optional)

The mounting brackets lock the Ondaled inside the recess and allow a free application in a straight line or curved.
The mounting brackets are supplied in accordance with the required quantity (no additional fastening accessories are required).



Installazione di Ondaled
con estruso in alluminio (opzionale)

L'estruso consente l'installazione esclusivamente in linea retta.
Il montaggio può essere effettuato su muratura, legno o cartongesso, utilizzando elementi di fissaggio adeguati.
Gli estrusi sono forniti in una lunghezza standard di 2 metri ciascuno.
Gli accessori per il fissaggio non sono inclusi nella fornitura del prodotto.

Ondaled installation
with extruded aluminium (optional)

The extrusion allows installation only in a straight line.
Installation can be on masonry, wood or plasterboard, using appropriate fasteners.
The extrusions are supplied in a standard length of 2 meters each.
Fastening accessories are not included in the supply.

ACCESSORI PER IL MONTAGGIO (OPTIONAL)
MOUNTING ACCESSORIES (OPTIONAL)

- Estruso in alluminio per il montaggio di Ondaled Top 10 in superficie.
- Supporti per il montaggio di Ondaled Top 10 ad incasso.
- Extruded aluminium for mounting Ondaled Top 10 on a surface.
- Mounting brackets to flush mount Ondaled Top 10.

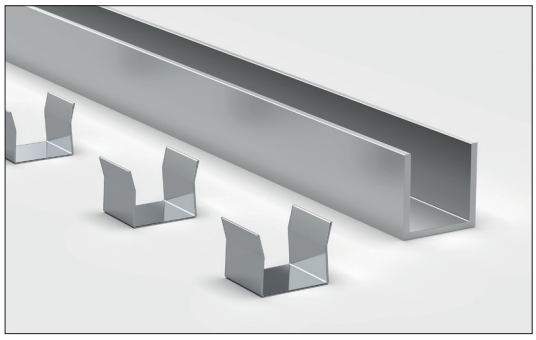

Come calcolare la lunghezza di Ondaled Top 10
How to calculate the length of Ondaled Top 10

@ 12V: L = (2,5 cm x n) + 1,5 cm
@ 24V: L = (5 cm x n) + 1,5 cm

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

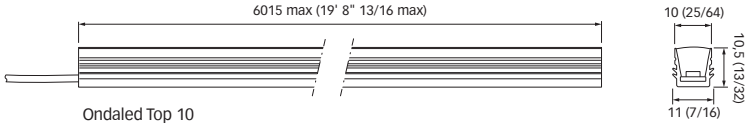

Ondaled Top 10

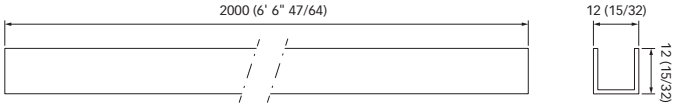

Estruso in alluminio / Extruded aluminium

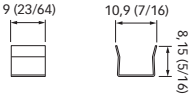

Supporti da incasso / Supports to flush mount

ONDALED SIDE
System

ONDALED SIDE - 12V - 8W/m - IP67
ONDALED SIDE - 24V - 8W/m - IP67

ONDALED SIDE RGBW - 12V - 11W/m - IP67
ONDALED SIDE RGBW - 24V - 11W/m - IP67

ONDALED SIDE TW - 12V - 11W/m - IP67
ONDALED SIDE TW - 24V - 11W/m - IP67

Flexible IP67

Barra flessibile da incasso / Recessed flexible light bar
Fissaggio con accessori in dotazione / installation with supplied accessories

Lunghezze su richiesta (max 601,5 cm - QCC models max 501,5 cm)
Length on request (max 601,5 cm - QCC models max 501,5 cm)
@ 12V: L = (2,5 cm x n) + 1,5 cm
@ 24V: L = (5 cm x n) + 1,5 cm

RGBW - **TW** (Bianco dinamico / Tunable white)
Compatibili sistemi QCC e QNN Quick (pag. 346/348)
Compatible with QCC and QNN Quick systems (page 346/348)

QCC QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

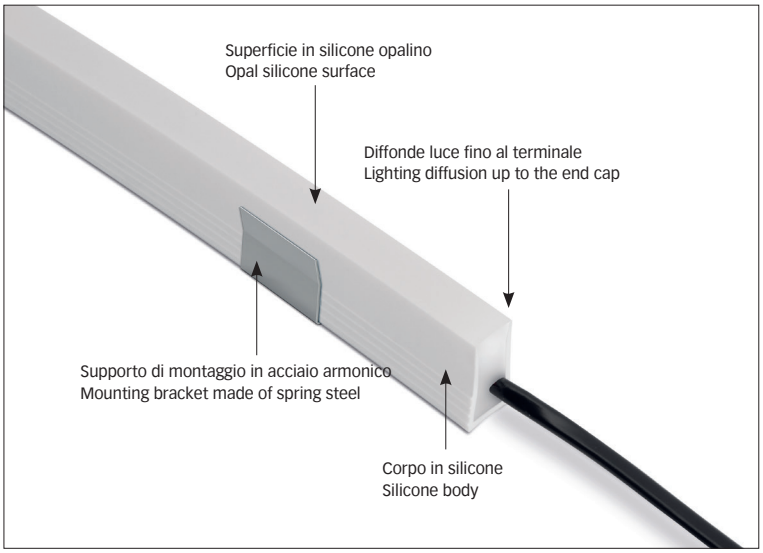

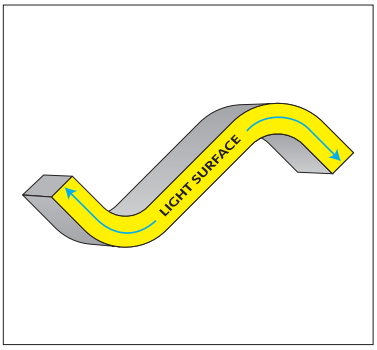

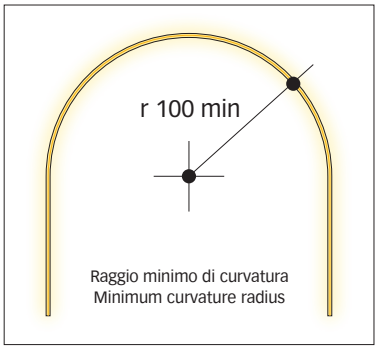

Modelli / Models	ONDALED SIDE - 12V						ONDALED SIDE - 24V					
Sorgente luminosa / Light source	**LED**						**LED**					
Alimentazione / Power supply	10-15 Vdc						20 - 30 Vdc					
Potenza / Power consumption	**8 W/m**						**8 W/m**					
Assorbimento / Absorption	0,66 A @ 12 V						0,33 A @ 24 V					
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity						Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity					
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes						Sì / Yes					
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	160 lm/m			180 lm/m			160 lm/m			180 lm/m		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**3,42 m**	**6,85 m**	**10,27 m**	**3,42 m**	**6,85 m**	**10,27 m**	**3,42 m**	**6,85 m**	**10,27 m**	**3,42 m**	**6,85 m**	**10,27 m**
Illuminamento / Illuminance	**49,0 lux**	**12,3 lux**	**5,4 lux**	**55,8 lux**	**14,0 lux**	**6,2 lux**	**49,0 lux**	**12,3 lux**	**5,4 lux**	**55,8 lux**	**14,0 lux**	**6,2 lux**
Angolo / Beam	**120°**			**120°**			**120°**			**120°**		
	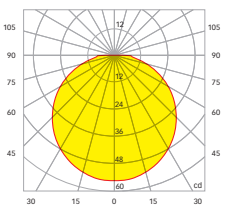			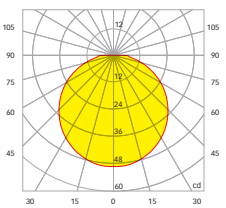			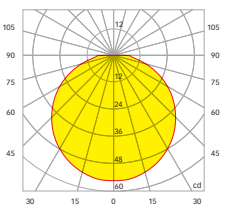			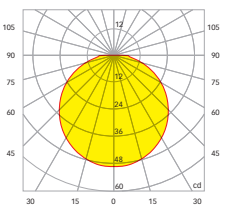		

Misurazioni per 1 metro di prodotto / Measurements for 1 meter of product
*Disponibile su richiesta / Available on request

IP67* CE
*fronte / front

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

ONDALED SIDE
System

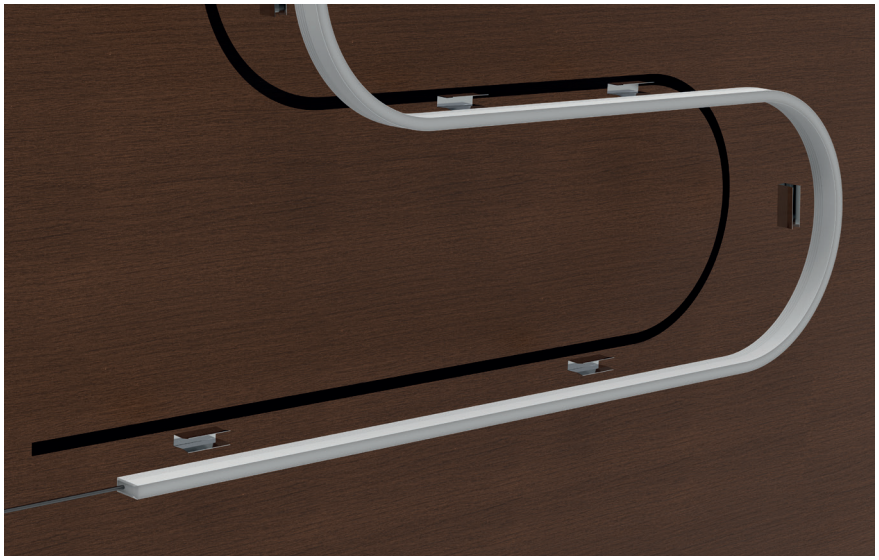

Installazione di Ondaled
con i supporti di montaggio (opzionali)

I supporti bloccano l'Ondaled all'interno dell'incasso e consentono una libera applicazione in linea retta o curva.
I supporti sono forniti secondo la quantità richiesta (non occorrono ulteriori accessori di fissaggio).

Ondaled installation
with mounting brackets (optional)

The mounting brackets lock the Ondaled inside the recess and allow a free application in a straight line or curved.
The mounting brackets are supplied in accordance with the required quantity (no additional fastening accessories are required).



Installazione di Ondaled
con estruso in alluminio (opzionale)

L'estruso consente l'installazione esclusivamente in linea retta.
Il montaggio può essere effettuato su muratura, legno o cartongesso, utilizzando elementi di fissaggio adeguati.
Gli estrusi sono forniti in una lunghezza standard di 2 metri ciascuno.
Gli accessori per il fissaggio non sono inclusi nella fornitura del prodotto.

Ondaled installation
with extruded aluminium (optional)

The extrusion allows installation only in a straight line.
Installation can be on masonry, wood or plasterboard, using appropriate fasteners.
The extrusions are supplied in a standard length of 2 meters each.
Fastening accessories are not included in the supply.

ACCESSORI PER IL MONTAGGIO (OPTIONAL)
MOUNTING ACCESSORIES (OPTIONAL)

- Estruso in alluminio per il montaggio di Ondaled Side in superficie.
- Supporti per il montaggio di Ondaled Side ad incasso.
- Extruded aluminium for mounting Ondaled Side on a surface.
- Mounting brackets to flush mount Ondaled Side.

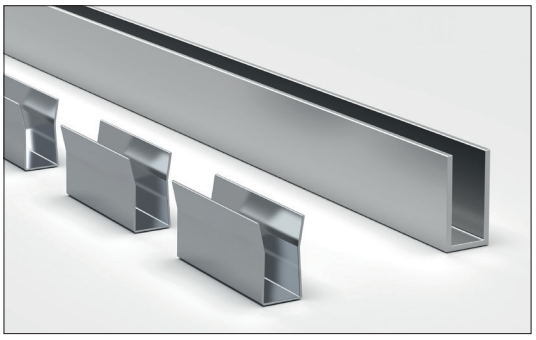

Come calcolare la lunghezza di Ondaled Side
How to calculate the length of Ondaled Side

@ 12V: L = (2,5 cm x n) + 1,5 cm
@ 24V: L = (5 cm x n) + 1,5 cm

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

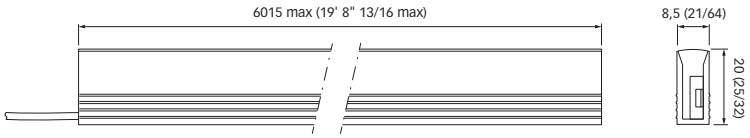

Ondaled Side

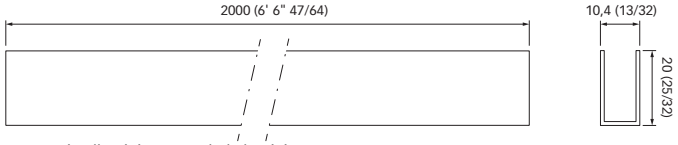

Estruso in alluminio / Extruded aluminium

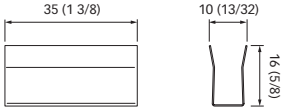

Supporti da incasso / Supports to flush mount

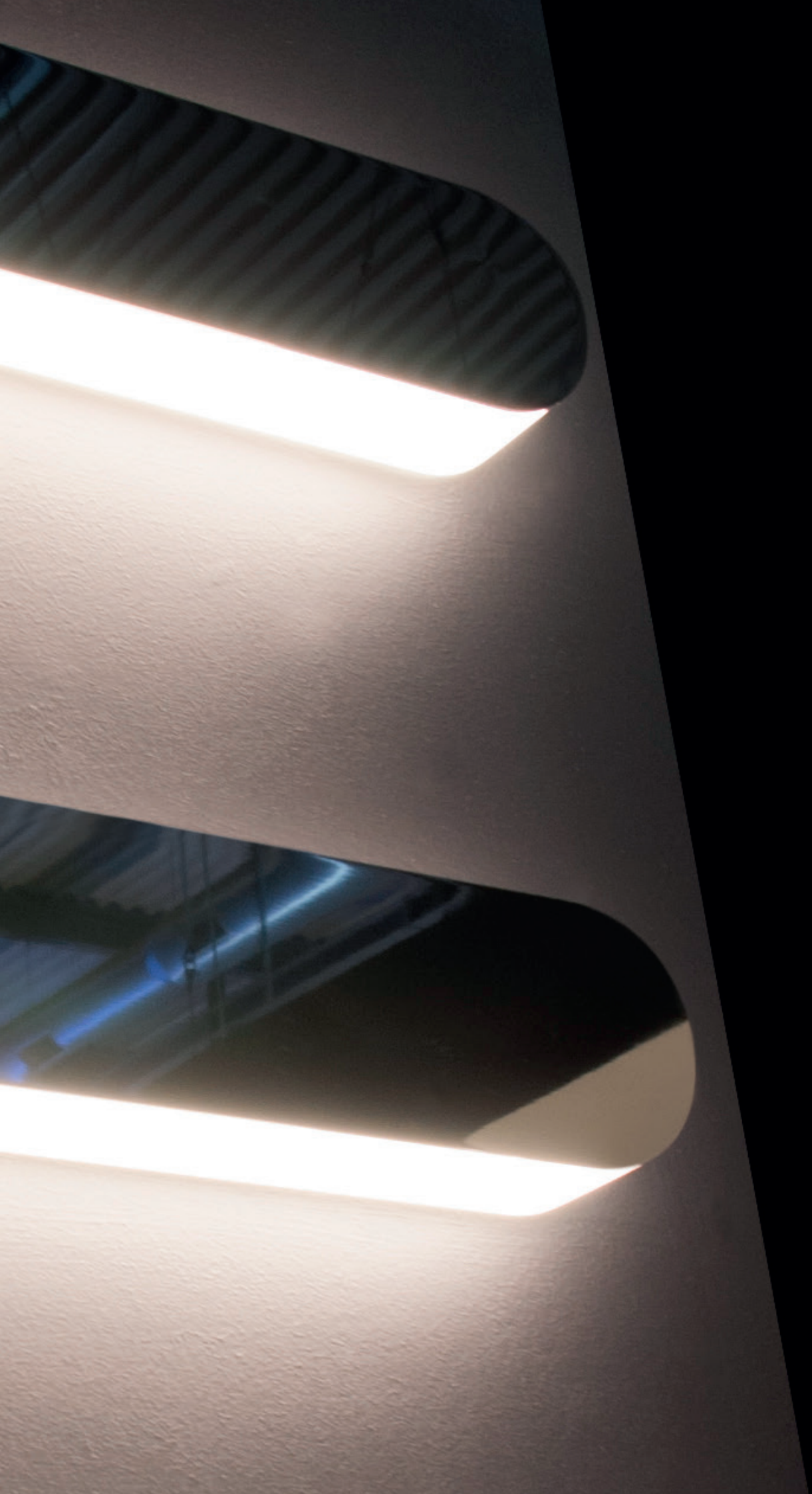



LED WALL LIGHTS

La gamma delle applique Quick Marine Lighting comprendono le serie QB, TB e PLATO'.
QB e TB offrono diverse soluzioni di illuminazione e varianti di potenza. Quasi tutti modelli sono disponibili con singola o doppia sorgente luminosa ed alcuni sono proposti in versione orientabile, utili anche come luci da lettura. La serie Platò, progettata dall'architetto Simone Micheli, si presenta con una forma originale che si presta ad essere particolarmente decorativa oltre che dotata di un'illuminazione efficace e gradevole.

The range of Quick Marine Lighting wall lights includes the QB, TB, and PLATO' series.
QB and TB offer various lighting solutions and power variants. Almost all models are available with single or double light source and some come in an adjustable version, which can also be used as reading lights. The Platò series, designed by architect Simone Micheli, has an original shape that is particularly decorative as well as being equipped with efficient and pleasant light.



HOUSE BOAT - Arch. Simone Micheli

QB
Series



2+2W / 4W / 4+4W / 6W / 6+6W | 45° | IP40
Sorgente singola o doppia. Fissi e orientabili.
Single or double source. Fixed and adjustable.

236

TB
Series



4W / 4+4W / 6W / 6+6W | 45° | IP65
Sorgente singola o doppia. Fissi e orientabili.
Single or double source. Fixed and adjustable.

240

PLATÒ
Series



11W / 22W | IP40
Lunghezze disponibili 30 e 60 cm.
30 and 60 cm available lengths.

244



QB series



Le applique QB offrono diverse soluzioni di illuminazione e varianti di potenza. Quasi tutti modelli sono disponibili con singola o doppia sorgente luminosa ed alcuni sono proposti in versione orientabile, utili anche come luci da lettura.

The QB wall lights offer various lighting solutions and power variants. Almost all models are available with single or double light source and some come in an adjustable version, which can also be used as reading lights.

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Alluminio cromato / Chromed Aluminum

Finiture / Finishes

Cromo / Chrome

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

MODELLI / MODELS
QB FIXED 1L - 4W - 45° - IP40
QB FIXED 1L - 6W - 45° - IP40
QB FIXED 2L - 2+2W - 45° - IP40
QB SPIN 1L - 4W - 45° - IP40
QB SPIN 1L - 6W - 45° - IP40
QB SPIN 2L - 2+2W - 45° - IP40
QB COMPASS 1L - 4W - 45° - IP40
QB COMPASS 1L - 6W - 45° - IP40
QB COMPASS 2L - 2+2W - 45° - IP40
QB SWIVEL 1L - 4W - 45° - IP40
QB SWIVEL 1L - 6W - 45° - IP40
QB TOWER 2L - 4+4W - 45° - IP40
QB TOWER 2L - 6+6W - 45° - IP40
QB TWINS 2L - 4+4W - 45° - IP40
QB TWINS 2L - 6+6W - 45° - IP40



QB
Series

QB FIXED 1L - 4W - 45° - IP40
QB FIXED 1L - 6W - 45° - IP40
QB FIXED 2L - 2+2W - 45° - IP40



IP40

Dimmerabili / dimmables
Fissaggio con viti / Screw installation

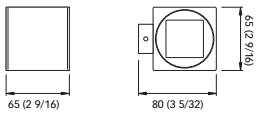

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

QB SPIN 1L - 4W - 45° - IP40
QB SPIN 1L - 6W - 45° - IP40
QB SPIN 2L - 2+2W - 45° - IP40



Adjustable IP40

Orientabili/ Adjustables
Dimmerabili / dimmables
Fissaggio con viti / Screw installation

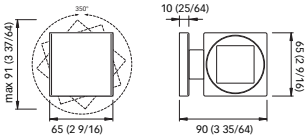

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

QB COMPASS 1L - 4W - 45° - IP40
QB COMPASS 1L - 6W - 45° - IP40
QB COMPASS 2L - 2+2W - 45° - IP40



Adjustable IP40

Orientabili/ Adjustables
Dimmerabili / dimmables
Fissaggio con viti / Screw installation

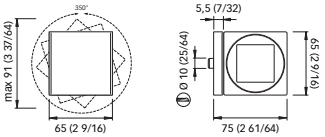

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

QB SWIVEL 1L - 4W - 45° - IP40
QB SWIVEL 1L - 6W - 45° - IP40



Adjustable IP40

Orientabili/ Adjustables
Dimmerabili / dimmables
Fissaggio con viti / Screw installation

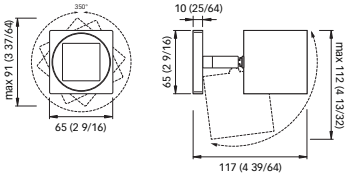

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

QB TOWER 2L - 4+4W - 45° - IP40
QB TOWER 2L - 6+6W - 45° - IP40



IP40

Dimmerabili / dimmables
Fissaggio con viti / Screw installation

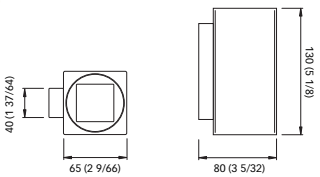

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

QB TWINS 2L - 4+4W - 45° - IP40
QB TWINS 2L - 6+6W - 45° - IP40



IP40

Dimmerabili / dimmables
Fissaggio con viti / Screw installation

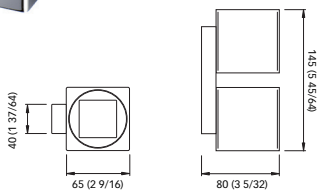

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

QB
Series

QB 4 WATT - 1 LUCE / 1 LIGHT


QB Fixed - 1L


QB Spin - 1L


QB Compass - 1L


QB Swivel - 1L

Modello / Model	**QB 4 WATT - 1 LIGHT**	**QB 6 WATT - 1 LIGHT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,36 A @ 12 V / 0,18 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	387 lm			341 lm			508 lm			468 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,08 m**	**2,16 m**	**3,23 m**	**1,06 m**	**2,12 m**	**3,18 m**	**1,08 m**	**2,15 m**	**3,23 m**	**1,20 m**	**2,40 m**	**3,61 m**
Illuminamento / Illuminance	**330,7 lux**	**82,7 lux**	**36,7 lux**	**296,3 lux**	**74,1 lux**	**32,9 lux**	**434,0 lux**	**108,5 lux**	**48,2 lux**	**355,7 lux**	**88,9 lux**	**39,5 lux**
Angolo / Beam	**60°**			**60°**			**60°**			**60°**		
	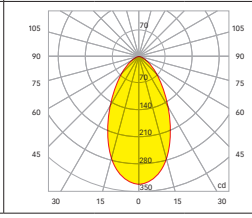			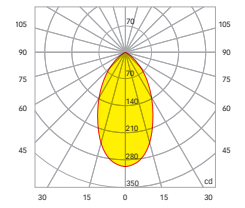			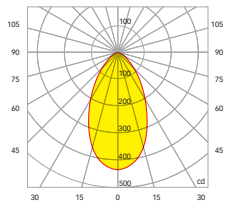			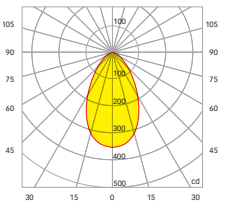		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP40

QB 2+2 WATT - 2 LUCI / 2 LIGHTS

Modello / Model	**QB 2+2 WATT - 2 LIGHT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**2+2 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	**≥ 80**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	240 lm			190 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,85 m**	**1,70 m**	**2,55 m**	**0,85 m**	**1,70 m**	**2,55 m**
Illuminamento / Illuminance	**126,8 lux**	**31,7 lux**	**14,1 lux**	**99,8 lux**	**24,9 lux**	**11,1 lux**
Angolo / Beam	**45°**			**45°**		
	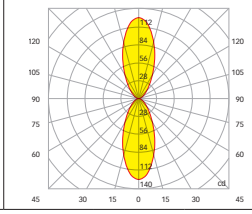			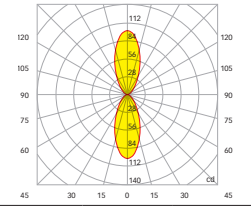		

*Disponibile su richiesta / Available on request


QB Fixed - 2L


QB Spin - 2L


QB Compass - 2L

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)

QB
Series

QB 4+4 WATT - 2 LUCI / 2 LIGHTS
QB 6+6 WATT - 2 LUCI / 2 LIGHTS





Modello / Model	**QB TWINS / QB TOWER - 4+4 WATT - 2 LIGHT**	**QB TWINS / QB TOWER - 6+6 WATT - 2 LIGHT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4+4 W**	**6+6 W**
Assorbimento / Absorption	0,67 A @ 12 V / 0,33 A @ 24 V	1 A @ 12 V / 0,5 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	774 lm			682 lm			1015 lm			935 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,08 m**	**2,16 m**	**3,23 m**	**1,06 m**	**2,12 m**	**3,18 m**	**1,08 m**	**2,15 m**	**3,23 m**	**1,20 m**	**2,40 m**	**3,61 m**
Illuminamento / Illuminance	**330,7 lux**	**82,7 lux**	**36,7 lux**	**296,3 lux**	**74,1 lux**	**32,9 lux**	**434,0 lux**	**108,5 lux**	**48,2 lux**	**355,7 lux**	**88,9 lux**	**39,5 lux**
Angolo / Beam	**60°**			**60°**			**60°**			**60°**		
	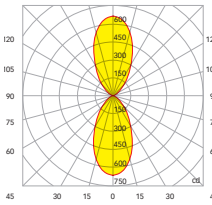			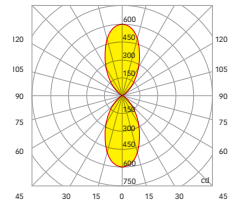			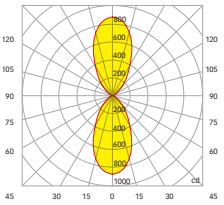			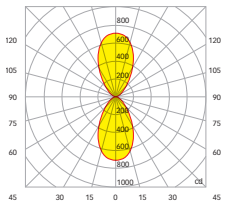		

IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)



TB series

TB
Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless steel AISI 316

Finiture / Finishes

Lucidato / Polished

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

MODELLI / MODELS
TB316 TOWER 1L - 4W - 45° - IP65
TB316 TOWER 1L - 6W - 45° - IP65
TB316 TOWER 2L - 4+4W - 45° - IP65
TB316 TOWER 2L - 6+6W - 45° - IP65

TB316 TOWER 1L - 4W - 45° - IP65
TB316 TOWER 1L - 6W - 45° - IP65
TB316 TOWER 2L - 4+4W - 45° - IP65
TB316 TOWER 2L - 6+6W - 45° - IP65



IP65

Dimmerabili / dimmables
Fissaggio con viti / Screw installation

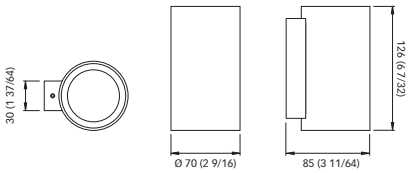

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Dimmerabile / dimmable

Materiale / Material
Alluminio cromato / Chromed Aluminum

Finiture / Finishes

Cromo / Chrome

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

MODELLI / MODELS
TB TWINS 2L - 4+4W - 45° - IP65
TB TWINS 2L - 6+6W - 45° - IP65

TB TWINS 2L - 4+4W - 45° - IP65
TB TWINS 2L - 6+6W - 45° - IP65



IP40

Dimmerabili / dimmables
Fissaggio con viti / Screw installation

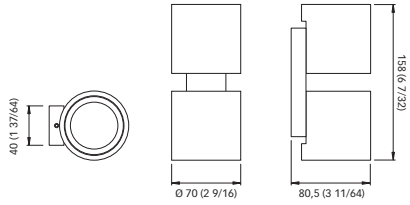

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TB
Series

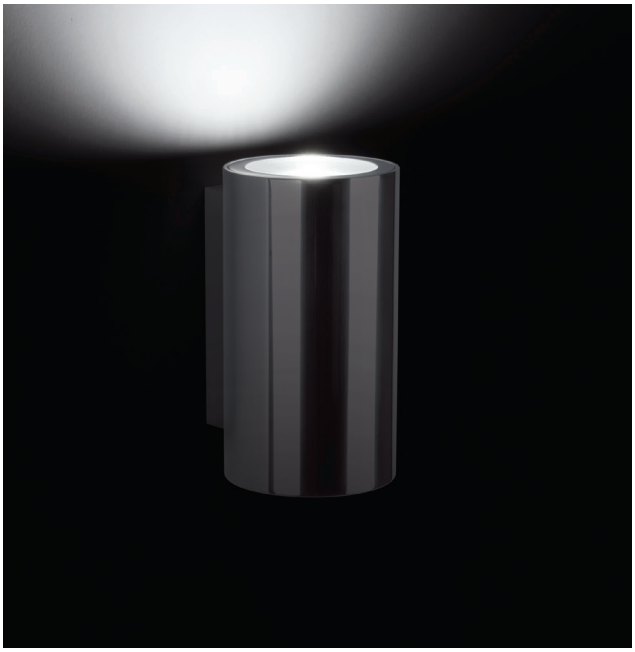

Modello / Model	**TB316 TOWER 4 WATT - 1 LIGHT**	**TB316 TOWER 6 WATT - 1 LIGHT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,36 A @ 12 V / 0,18 A @ 24 V	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	387 lm			341 lm			508 lm			468 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,08 m**	**2,16 m**	**3,23 m**	**1,06 m**	**2,12 m**	**3,18 m**	**1,08 m**	**2,15 m**	**3,23 m**	**1,20 m**	**2,40 m**	**3,61 m**
Illuminamento / Illuminance	**330,7 lux**	**82,7 lux**	**36,7 lux**	**296,3 lux**	**74,1 lux**	**32,9 lux**	**434,0 lux**	**108,5 lux**	**48,2 lux**	**355,7 lux**	**88,9 lux**	**39,5 lux**
Angolo / Beam	**60°**			**60°**			**60°**			**60°**		
	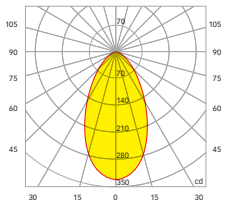			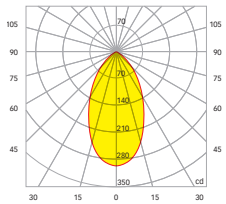			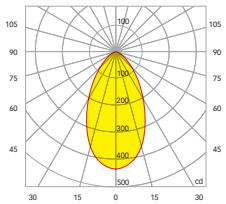			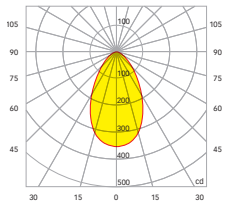		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)

TB
Series





Modello / Model	**TB316 TOWER / TB TWINS 4+4 WATT - 2 LIGHT**	**TB316 TOWER / TB TWINS 6+6 WATT - 2 LIGHT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4+4 W**	**6+6 W**
Assorbimento / Absorption	0,67 A @ 12 V / 0,33 A @ 24 V	1 A @ 12 V / 0,5 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	774 lm			682 lm			1015 lm			935 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**1,08 m**	**2,16 m**	**3,23 m**	**1,06 m**	**2,12 m**	**3,18 m**	**1,08 m**	**2,15 m**	**3,23 m**	**1,20 m**	**2,40 m**	**3,61 m**
Illuminamento / Illuminance	**330,7 lux**	**82,7 lux**	**36,7 lux**	**296,3 lux**	**74,1 lux**	**32,9 lux**	**434,0 lux**	**108,5 lux**	**48,2 lux**	**355,7 lux**	**88,9 lux**	**39,5 lux**
Angolo / Beam	**60°**			**60°**			**60°**			**60°**		
	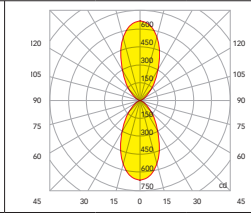			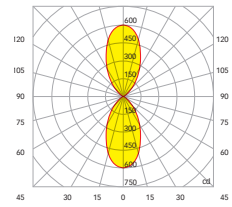			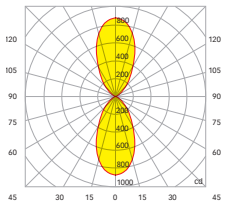			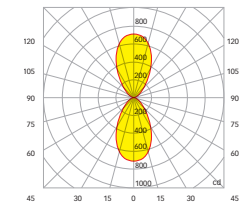		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65 / IP40

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)


SANGIORGI MOBILIFICIO

PLATO' series
WASH WALL LIGHT

Platò è una lampada LED creata per illuminare e decorare. Si applica a parete e diffonde luce indiretta a 360°.
Il corpo della lampada è costituito da una lamina in acciaio inox AISI 316 e da un diffusore opalino con spessore 42 mm.
Platò è disponibile in due formati, lunghezza 30 e 60 cm. La forma arrotondata e l'effetto di leggerezza conferito dall'illuminazione "wash wall" permette l'installazione di più elementi nello stesso ambiente.
Platò è una creazione dell'architetto Simone Micheli.

Platò is a LED lamp designed to illuminate and decorate. It is conceived for wall installation and it emits indirect light at 360°.
The lamp body is made up by an AISI 316 stainless steel plate and an opal diffuser with a thickness of 42 mm .
Platò is available in two different sizes, 30 and 60 centimeters long. The rounded shape and the lightness sensation given by the "wash wall" illumination allow installation of more elements in the same room.
Platò was conceived by architect Simone Micheli.



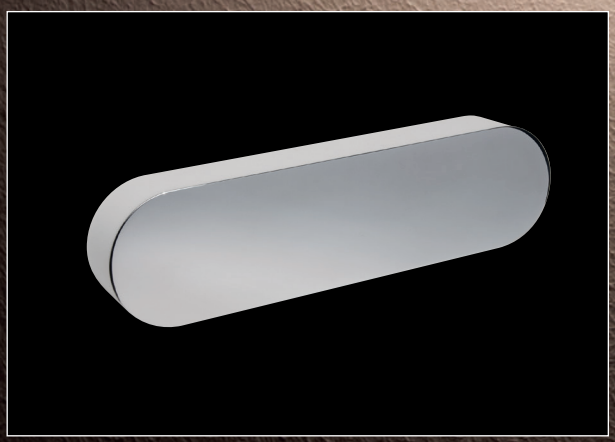



PLATÒ WASH WALL LIGHT,
TANTE IDEE IN UN UNICO PRODOTTO.

Le lampade Platò sono costituite da un corpo illuminante e da un elemento decorativo con il quale è possibile creare soluzioni e installazioni esclusive.
L'elemento standard è una lamina in acciaio inox, molto elegante con la sua finitura lucidata a specchio, ma è altrettanto interessante se viene rivestita con materiali particolari, come per esempio la pelle e il legno, oppure utilizzando la finitura di un rivestimento murale in abbinamento alla superficie della parete. Naturalmente ogni soluzione deve essere valutata e testata per raggiungere il miglior risultato. In questa pagina vi mostriamo alcune prove che abbiamo esposto in fiera.

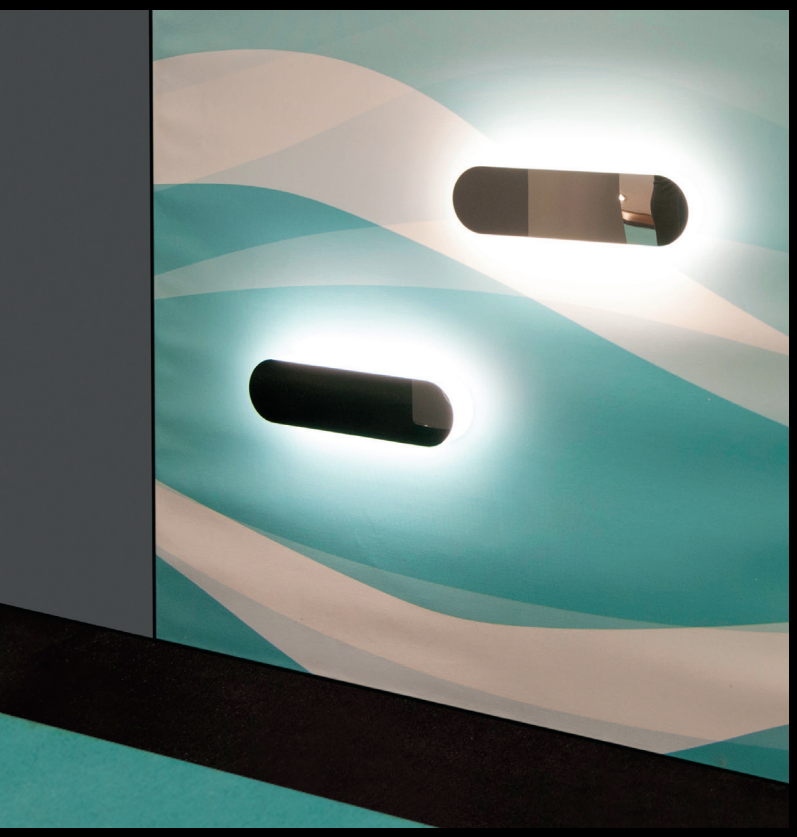

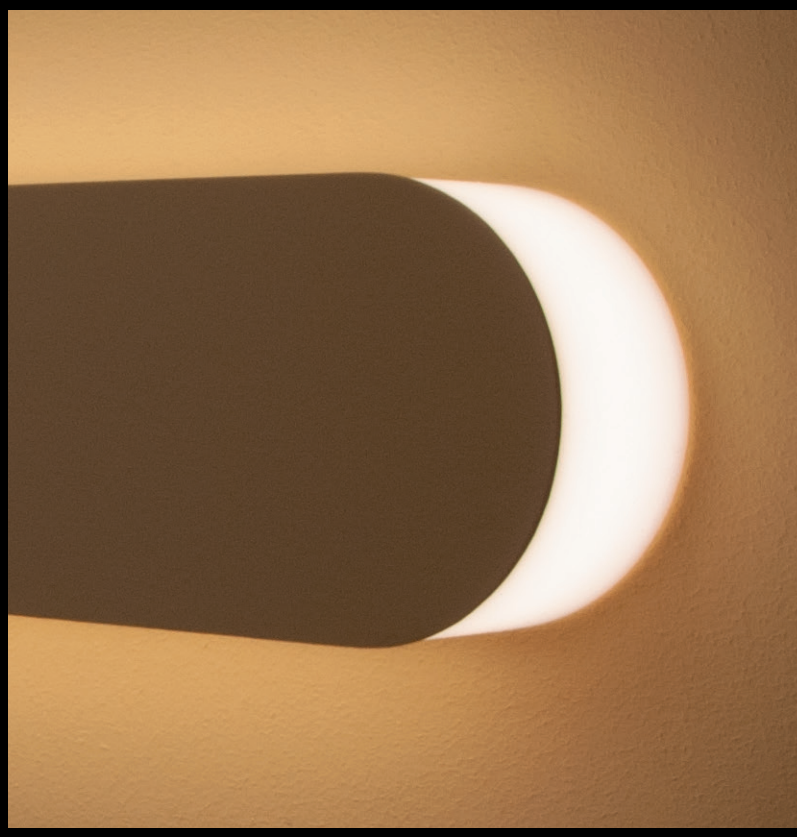

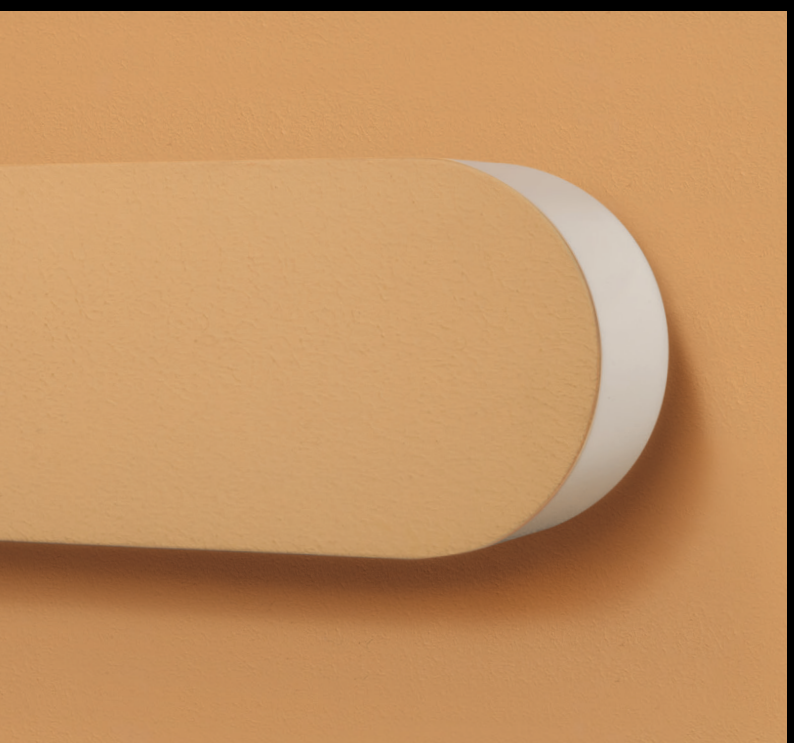

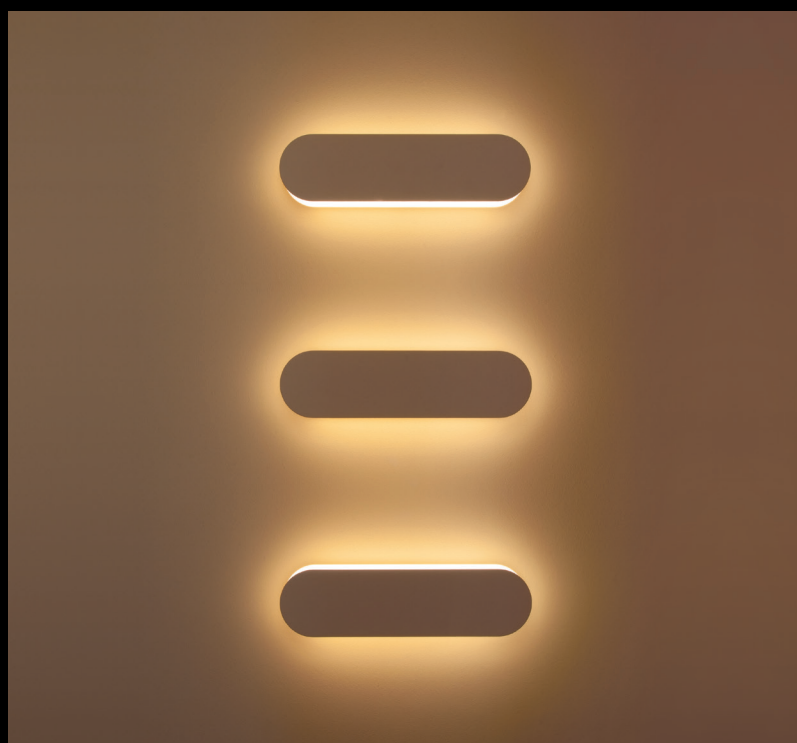

PLATÒ WASH WALL LIGHT,
MANY IDEAS IN A SINGLE PRODUCT.

The Platò lamps consist of an illuminating body and a decorative element with which it is possible to create exclusive solutions and installations.
The standard element is a stainless steel sheet featuring a very elegant mirror-polished finish, but it is equally impressive when it is coated with particular materials, such as leather and wood, or using a wall finish to match a wall surface.
Every solution must be evaluated and tested to achieve the best result. On this page, we show you some of the options we showcased at fairs.







PLATÒ WASH WALL LIGHT
Series



Mobilificio Sangiorgi





HOUSE BOAT - Arch. Simone Micheli

Installazione / Installation
Parete / Wall
Soffitto / Ceiling

Materiale / Material
Corpo: Acciaio inox AISI 316
Body: Aluminium
Diffusore: policarbonato
Diffuser: polycarbonate

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished

Temperatura colore / Color temperature
Bianco naturale / Daylight
Bianco caldo / Warm white

PLATÒ WASH WALL LIGHT

PLATÒ 30 - 11W - 12V - IP40
PLATÒ 30 - 11W - 24V - IP40



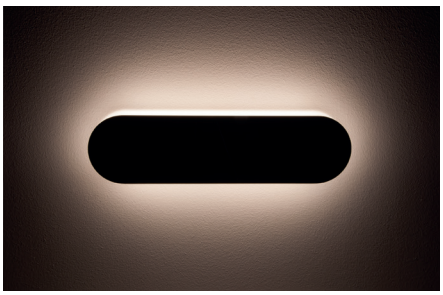

IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

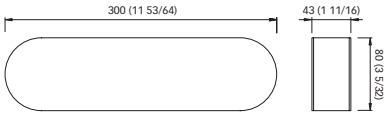

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

PLATÒ 60 - 22W - 12V - IP40
PLATÒ 60 - 22W - 24V - IP40





IP40

Platò 60 - 22W
Fissaggio con viti / Screw installation

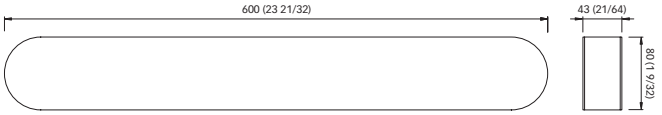

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**PLATÒ 30 - 12 V**	**PLATÒ 60 - 12 V**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	10 - 15 Vac	10 - 15 Vac
Potenza / Power consumption	**11 W**	**22 W**
Assorbimento / Absorption	0,92 A @ 12 V	1,83 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes
Modello / Model	**PLATÒ 30 - 24 V**	**PLATÒ 60 - 24 V**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	20 - 30 Vac	20 - 30 Vac
Potenza / Power consumption	**11 W**	**22 W**
Assorbimento / Absorption	0,46 A @ 24 V	0,92 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes
Temperatura colore Color temperature	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Caldo / Warm White**
	2900-3100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **90**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	814 lm	1530 lm

Altre temperature di colore su richiesta / Other temperatures available upon request.

IP40



ASTONDOA - 100 Century

LED READING LIGHTS

Quick Marine Lighting dispone di un'ampia gamma di luci da lettura offrendo la possibilità di personalizzare le finiture, sia dei componenti in metallo che del rivestimento in pelle o silicone del braccio flessibile di cui sono dotati diversi modelli.
Sono tutte lampade orientabili e possono essere montate a parete o su piano senza particolari vincoli oppure scegliendo il tipo di base che più si adatta alle esigenze del caso. AUDREY, CALIFFA, REBECCA, MAYA e SHARK sono disponibili nelle versioni bicolore bianco-rosso risultando ideali come lampade da carteggio.

Quick Marine Lighting has a wide range of reading lights, offering the ability to customise the finish both of the metal components and the leather or silicone coating of the flexible arm, which several models are equipped with.
They are all adjustable and can be mounted on a wall or flat surface without any particular constraints or by choosing the type of base that best suits your needs. AUDREY, CALIFFA, REBECCA, MAYA, and SHARK are available in the bicolour red-white versions, making them ideal as chart lights.



ABSOLUTE NAVETTA 64

LED READING LIGHTS



MCY 76



BALI 4.6



SANGIORGI MOBILIFICIO

SPOTLIGHTS
Collection



Adjustable

2,5W / 3W | IP40
Orientabili tramite snodo. Con o senza interruttore.
Adjustable by joint. With or without switch.

256-257

MAYA
Series



Flexible

2,5W / 3W | IP40
Orientabili tramite snodo. Con o senza interruttore.
Adjustable by joint. With or without switch.

259

REBECCA
Series



Flexible

1,5W | IP40 | Bicolor White-Red
Braccio flessibile. Interruttore touch. Presa USB.
Flexible arm. Touch switch. USB port.

262

AUDREY
Series



Flexible

1,5W | IP40 | Bicolor White-Red
Braccio flessibile. Con o senza interruttore.
Con o senza presa USB.
Flexible arm. With or without switch.
With or without USB port.

263-265

CALIFFA
Series



Flexible

1,5W | IP40 | Bicolor White-Red
Braccio flessibile. Interruttore touch.
Con o senza presa USB.
Flexible arm. Touch switch.
With or without USB port.

266-267

SHARK
Series



Flexible

1,5W | IP40 | Bicolor White-Red
Braccio flessibile. Con interruttore.
Flexible arm. With switch.
Disponibile 30 o 50 cm.
30 or 50 cm available.

268

SPOTLIGHTS
COLLECTION




GUIDE of MILAN
LONDON BY NIGHT
LONDON

SPOTLIGHTS
Collection



OLIVIA - 2,5W - IP40
Orientabile / Adjustable
Con interruttore / With switch



OLIVIA NS - 2,5W - IP40
Orientabile / Adjustable
Senza interruttore / Without switch



Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Alluminio cromato / Chromed Aluminum

Finiture / Finishes
Cromo / Chrome

Adjustable IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

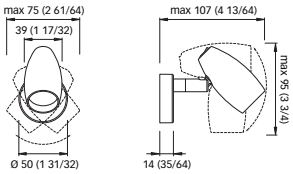

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)



JACOB - 2,5W - IP40
Orientabile / Adjustable
Con interruttore / With switch



JACOB NS - 2,5W - IP40
Orientabile / Adjustable
Senza interruttore / Without switch



Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Alluminio cromato / Chromed Aluminum

Finiture / Finishes
Cromo / Chrome

Adjustable IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

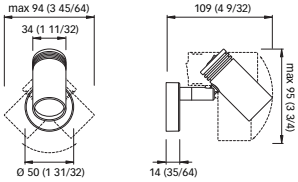

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)







ROBIN - 2,5W - IP40
Orientabile / Adjustable
Con interruttore / With switch

Adjustable IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

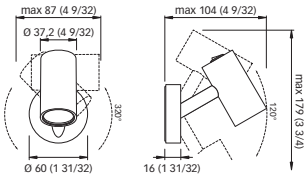

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Materiale composito / Composite material

Finiture / Finishes

Bianco / White
Titanio metallizzato / Metalized titanium

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

Modello / Model	**OLIVIA / JACOB / ROBIN**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**2,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,21 A @ 12 V / 0,11 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **80**
Flusso luminoso / Luminous flux	160 lm	140 lm

IP40

SPOTLIGHTS
Collection



Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Alluminio cromato / Chromed Aluminum

Finiture / Finishes
Cromo / Chrome

NICOLE - 1,5W - IP40
Orientabile / Adjustable
Con interruttore / With switch

Adjustable IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

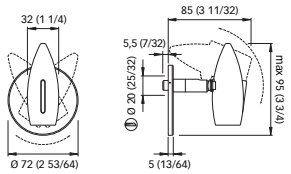

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	NICOLE
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,125 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	Bianco Naturale / Daylight	Bianco Caldo / Warm White
	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	100 lm	75 lm

IP40



Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Alluminio cromato / Chromed Aluminum

Finiture / Finishes
Cromo / Chrome

JOYCE - 3W - IP40
Orientabile / Adjustable
Con interruttore / With switch



JOYCE NS - 3W - IP40
Orientabile / Adjustable
Senza interruttore / Without switch



Adjustable IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

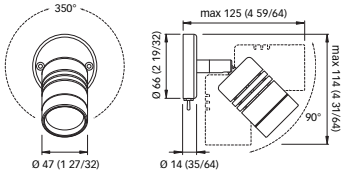

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	JOYCE
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**3 W**
Assorbimento / Absorption	0,25 A @ 12 V / 0,13 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di Voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	Bianco Naturale / Daylight
	3800-4100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**
Flusso luminoso / Luminous flux	110 lm

IP40



MAYA

Lampada da lettura con braccio flessibile disponibile anche con doppia luce, bianca-rossa, per l'illuninazione notturna del tavolo da carteggio. Nelle versioni monocolore è possibile scegliere tra luce bianca naturale o bianca calda.

Reading light with flexible arm available also with dual red-white light for night illumination of the chart table. The single colour versions come in natural white or warm white light.

MAYA
Series

MAYA 30 - 1,5W - IP40
Con interruttore / With switch

Flexible IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

MAYA 30 DUAL - 1,5W+1,5W - IP40
Con pulsante / With push-button

Flexible IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

*

DUAL COLOR: 1,5W + 1,5W
*Disponibile Bianco naturale + Rosso. Altre varianti solo su richiesta.
Available Daylight + Red. Other variants on request only.

MAYA 60 - 1,5W - IP40
Con interruttore / With switch

Flexible IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

MAYA 60 DUAL - 1,5W+1,5W - IP40
Con pulsante / With push-button

Flexible IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

*

DUAL COLOR: 1,5W + 1,5W
*Disponibile Bianco naturale + Rosso. Altre varianti solo su richiesta.
Available Daylight + Red. Other variants on request only.

Installazione / Installation
Parete / Wall

Orientabile / Adjustable

Materiale / Material
Alluminio cromato / Chromed Aluminum

Finiture / Finishes

Cromo / Chrome



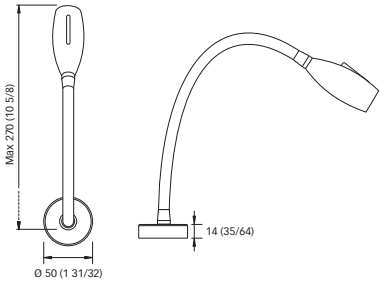

MAYA 30 / MAYA 30 DUAL

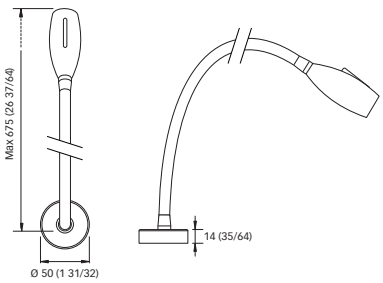

MAYA 60 / MAYA 60 DUAL

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)



Modello / Model	**MAYA 30/60**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,125 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	100 lm	75 lm

IP40



Califfa con rivestimento colore
testa di moro e oro rosa anodizzato.

Califfa with dark brown covering
and anodized rose gold.

Califfa con rivestimento colore
bordeaux e testa nero cromato.

Califfa with burgundy covering
and chromed black head.

CUSTOMIZED

LED Reading Lights

Finiture e combinazioni su richiesta
Finishes and combinations on request

Audrey con rivestimento in silicone
e testa in materiale composito.

Audrey with silicone covering
and composite head.

Rivestimento Blu Navy
Blue Navy covering

Rebecca con rivestimento in silicone
e testa in materiale composito.

Rebecca with silicone covering
and composite head.



Audrey in diverse combinazioni
di rivestimento e finitura dell'alluminio.

Audrey in different upholstery
combinations and aluminium finishes.



FINITURE DEL METALLO. La testa e la base delle lampade Audrey, Califfa e Rebecca sono realizzabili in diverse finiture ed è possibile creare l'abbinamento che si desidera con il rivestimento del braccio.
RIVESTIMENTO BRACCIO. Il braccio flessibile può essere rivestito in vera pelle o silicone. Sono disponibili diversi colori e se si desidera un rivestimento in pelle specifico per abbinarlo allo stile dell'arredo, è possibile realizzare il prodotto con il materiale fornito dal cliente.

METAL FINISHES. The head and the base of the Audrey, Califfa e Rebecca lamps are available in different finishes and with the desired combination for the arm covering.
ARM COVERING. The flexible arm can be covered in genuine leather or silicone. Different colours are available and if a specific leather covering is desired to match a particular style, it is possible to assemble the lamp with material supplied by the customer.



Audrey applicata a parete. Braccio in silicone grigio, testa e base in alluminio cromato.
Audrey mounted on wall. Arm in gray silicone, head and base in chromed aluminium.


Nero - pelle
Black - leather


Antracite - pelle
Anthracite - leather


Grigio scuro - pelle
Dark gray - leather


Bianco - pelle
White - leather


Sabbia - pelle
Sand - leather


Seppia - pelle
Sepia - leather


Beige - pelle
Beige - leather


Nocciola - pelle
Hazelnut - leather


Tabacco - pelle
Tobacco - leather


Cioccolato - pelle
Chocolate - leather


Testa di moro - pelle
Dark brown - leather


Bordeaux - pelle
Bordeaux - leather


Blu navy - pelle
Blue navy - leather


Bianco - silicone
White - silicone


Grigio - silicone
Gray - silicone


Nero - silicone
Black - silicone

Finiture disponibili su richiesta / Finishes available upon request

REBECCA
Series

REBECCA 1,5W - IP40
Pulsante touch / Touch switch

REBECCA USB 1,5W - IP40
Pulsante touch / Touch switch
Con presa USB / With USB port

Flexible IP40 USB

Fissaggio con viti / Screw installation

*

BICOLOR: 1,5W + Courtesy light
*Disponibile Bianco naturale + Rosso. Altre varianti solo su richiesta.
Available Daylight + Red. Other variants on request only.

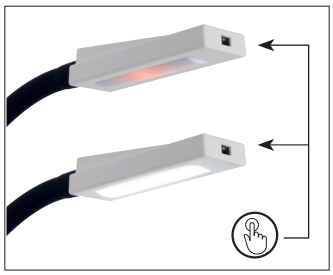

Pulsante touch / Touch switch

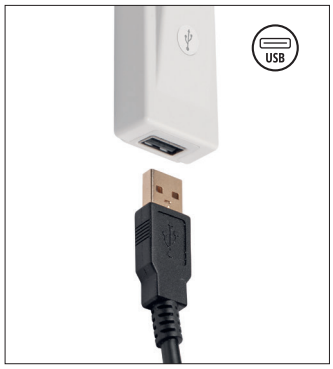

Rebecca USB - Presa USB / USB port



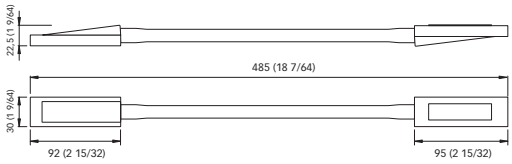

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Installazione / Installation
Parete / Wall

Orientabile / Adjustable

Materiale testa e base / Head and base material
Materiale composito / Composite material

Finiture / Finishes

Bianco / White

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

Braccio: finiture disponibili / **Arm:** finishes available

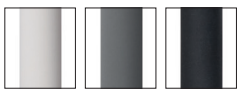

Silicone: Bianco / Grigio / Nero
Silicone: White / Gray / Black

Modello / Model	REBECCA / REBECCA USB
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**
	3800-4100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**
Flusso luminoso / Luminous flux	110 lm

IP40

AUDREY
Series

AUDREY 1,5W - IP40
Con interruttore / With switch

AUDREY NS 1,5W - IP40
Senza interruttore / Without switch

Flexible IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

AUDREY DUAL 1,5W+1,5W - IP40
Con interruttore / With switch

AUDREY NS DUAL 1,5W+1,5W - IP40
Senza interruttore / Without switch

Flexible IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

*

DUAL COLOR: 1,5W + 1,5W
*Disponibile Bianco naturale + Rosso. Altre varianti solo su richiesta.
Available Daylight + Red. Other variants on request only.







Installazione / Installation
Piano o parete / Plane or wall

Orientabile / Adjustable

Materiale testa e base / Head and base material
Alluminio cromato / Chromed Aluminum

Finiture / Finishes

Cromo / Chrome
Satinato / Satin

Altre finiture disponibili su richiesta / Other finishes available upon request

Braccio: finiture disponibili su richiesta (pagina 259)
Arm: finishes available upon request (page 259)

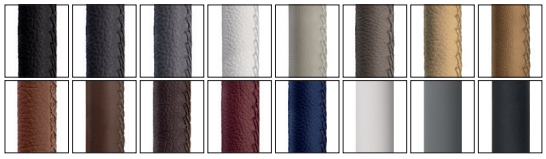

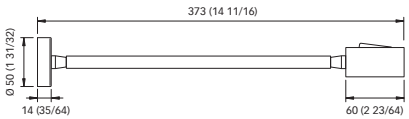

Audrey con base standard / Audrey with standard base

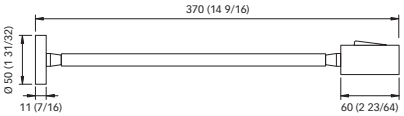

Audrey con base per modelli con rivestimento in pelle
Audrey with base for leather-covered models

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**AUDREY / AUDREY NS**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,125 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	100 lm	75 lm

IP40

AUDREY WALL
Series

AUDREY WALL 1,5W - IP40
Con interruttore in testa / With switch on head

AUDREY WALL S2 1,5W - IP40
Con interruttore sulla base / With switch on base

AUDREY WALL NS 1,5W - IP40
Senza interruttore / Without switch

AUDREY WALL USB 1,5W - IP40
Con interruttore in testa / With switch on head
Con presa USB / With USB port

AUDREY WALL USB NS 1,5W - IP40
Senza interruttore / Without switch
Con presa USB / With USB port

Flexible · IP40 · USB

Fissaggio con viti / Screw installation



AUDREY WALL DUAL 1,5W+1,5W - IP40
Con interruttore in testa / With switch on head

AUDREY WALL S2 DUAL 1,5W+1,5W - IP40
Con interruttore sulla base / With switch on base

AUDREY WALL NS DUAL 1,5W+1,5W - IP40
Senza interruttore / Without switch

AUDREY WALL USB DUAL 1,5W+1,5W - IP40
Con interruttore in testa / With switch on head
Con presa USB / With USB port

AUDREY WALL USB NS DUAL 1,5W+1,5W - IP40
Senza interruttore / Without switch
Con presa USB / With USB port

Flexible · IP40 · USB

Fissaggio con viti / Screw installation

*

DUAL COLOR: 1,5W + 1,5W
*Disponibile Bianco naturale + Rosso. Altre varianti solo su richiesta.
Available Daylight + Red. Other variants on request only.



AUDREY WALL
Interruttore in testa
Switch on head



AUDREY WALL S2
Interruttore sulla base
Switch on base



AUDREY WALL USB
Presa USB / USB port

Installazione / Installation
Parete / Wall

Orientabile / Adjustable

Materiale testa e base / Head and base material
Alluminio cromato / Chromed Aluminum

Finiture / Finishes

Cromo / Chrome
Satinato / Satin

Altre finiture disponibili su richiesta / Other finishes available upon request

Braccio: finiture disponibili su richiesta (pagina 259)
Arm: finishes available upon request (page 259)





Rivestimento in pelle in tre toni di marrone:
Tabacco, Cioccolato e Testa di moro.

Leather covering in three shades of brown:
Tobacco, Chocolate and Dark Brown.

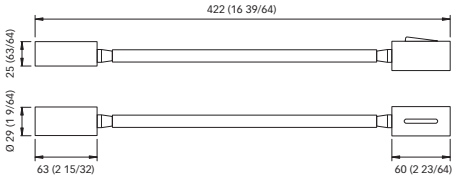

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**AUDREY WALL / S2 / USB / NS / USB NS**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,125 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	100 lm	75 lm

IP40

AUDREY WALL
Series

AUDREY WALL PL S2 1,5W - IP40
Con interruttore sulla base / With switch on base

AUDREY WALL PL NS 1,5W - IP40
Senza interruttore / Without switch

AUDREY WALL PL USB 1,5W - IP40
Senza interruttore / Without switch
Con presa USB / With USB port

Flexible · IP40 · USB

Fissaggio con viti / Screw installation

AUDREY WALL PL S2 DUAL 1,5W+1,5W - IP40
Con interruttore sulla base / With switch on base

AUDREY WALL PL NS DUAL 1,5W+1,5W - IP40
Senza interruttore / Without switch

AUDREY WALL PL USB DUAL 1,5W+1,5W - IP40
Senza interruttore / Without switch
Con presa USB / With USB port

Flexible · IP40 · USB

Fissaggio con viti / Screw installation

*

DUAL COLOR: 1,5W + 1,5W
*Disponibile Bianco naturale + Rosso. Altre varianti solo su richiesta.
Available Daylight + Red. Other variants on request only.





AUDREY WALL S2
Interruttore sulla base
Switch on base



AUDREY WALL USB NS
Presa USB / USB port



Testa e base in materiale composito con finitura cromata.
Composite head and base with chrome finish.



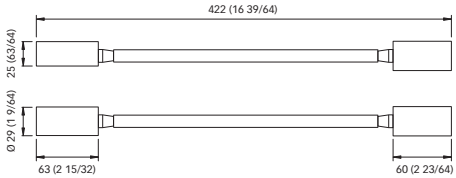

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Installazione / Installation
Parete / Wall

Orientabile / Adjustable

Materiale testa e base / Head and base material
Alluminio cromato / Chromed Aluminum

Finiture / Finishes

Bianco / White
Cromo / Chrome
Titanio metallizzato / Metalized titanium

Altre finiture disponibili su richiesta / Other finishes available upon request

Braccio: finiture disponibili / **Arm:** finishes available

Silicone: Bianco / Grigio / Nero
Silicone: White / Gray / Black

Modello / Model	AUDREY WALL PL S2 / NS / USB	
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	
Assorbimento / Absorption	0,125 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	
Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	100 lm	75 lm

IP40

CALIFFA
Series

CALIFFA 1,5W - IP40
Pulsante touch / Touch switch

Flexible · IP40 · USB

Fissaggio con viti / Screw installation

*

BICOLOR: 1,5W + Courtesy light
*Disponibile Bianco naturale + Rosso. Altre varianti solo su richiesta.
Available Daylight + Red. Other variants on request only.

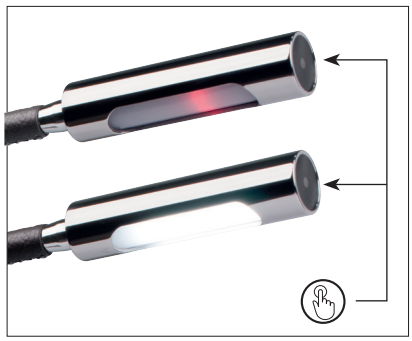

Pulsante touch / Touch switch



Disponibile anche senza rivestimento.
Also available without covering



Rivestimento in pelle
Seppia, Tabacco e Bordeaux

Leather covering
Sepia, Tobacco and Bordeaux

Installazione / Installation
Piano / Plane

Orientabile / Adjustable

Materiale testa / Head material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

Lucidato / Polished

Altre finiture disponibili su richiesta / Other finishes available upon request

Braccio: finiture disponibili su richiesta (pagina 259)
Arm: finishes available upon request (page 259)

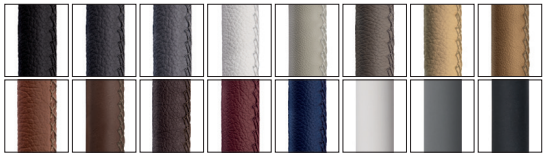

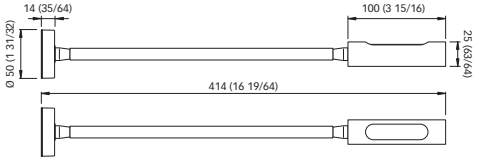

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**CALIFFA**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

	Bianco Naturale / Daylight
Temperatura colore / Color temperature	3800-4100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**
Flusso luminoso / Luminous flux	110 lm

IP40

Quick Marine Lighting - Edition 14

CALIFFA WALL
Series

CALIFFA WALL 1,5W - IP40
Pulsante touch / Touch switch

CALIFFA WALL USB 1,5W - IP40
Pulsante touch / Touch switch
Con presa USB / With USB port

Flexible IP40 USB

Fissaggio con viti / Screw installation

*

BICOLOR: 1,5W + Courtesy light
*Disponibile Bianco naturale + Rosso. Altre varianti solo su richiesta.
Available Daylight + Red. Other variants on request only.

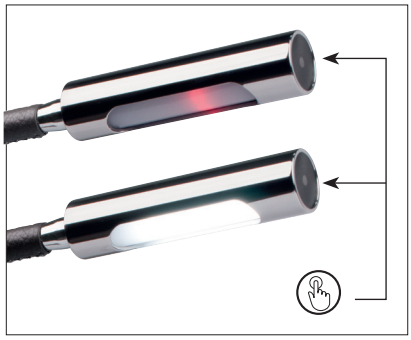

Pulsante touch / Touch switch



Califfa USB
Presa USB / USB port



Disponibile anche
senza rivestimento.
Also available
without covering

Rivestimento silicone bianco
White silicone covering

Rivestimento in pelle Tabacco
Leather covering Tobacco

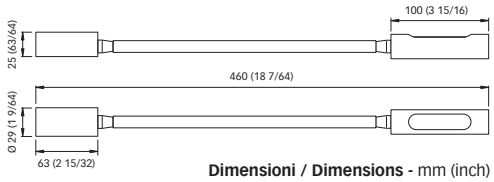

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Installazione / Installation
Piano / Plane

Orientabile / Adjustable

Materiale testa / Head material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

Lucidato / Polished

Altre finiture disponibili su richiesta / Other finishes available upon request

Braccio: finiture disponibili su richiesta (pagina 259)
Arm: finishes available upon request (page 259)

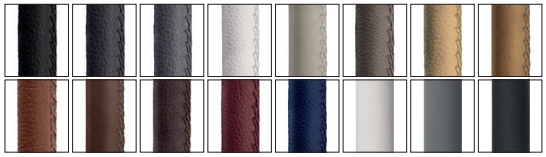

Modello / Model	**CALIFFA**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

	Bianco Naturale / Daylight
Temperatura colore / Color temperature	3800-4100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**
Flusso luminoso / Luminous flux	110 lm

IP40

Quick Marine Lighting - Edition 14



SHARK

Lampada da lettura con braccio flessibile disponibile con doppia luce, bianca-rossa, per l'illuninazione notturna del tavolo da carteggio.

Reading light with flexible arm available with dual red-white light for night illumination of the chart table.

SHARK
Series

SHARK 30 - 1,5W - IP40
Con interruttore / With switch

Flexible IP40

Fissaggio con viti / Screw installation

SHARK 50 - 1,5W - IP40
Con interruttore / With switch

Flexible IP40

Fissaggio con viti / Screw installation



Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Materiale composito / Composite material
Finiture / Finishes
Nero / Black

Bicolore / Bicolor
Bianco freddo / Rosso
Cool white / Red



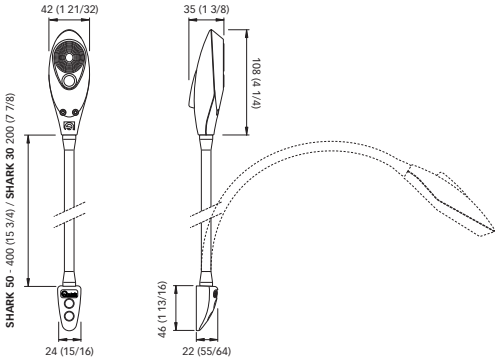

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	SHARK 30/50
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Freddo / Cool White**
	5600-6000 K°
CRI (color rendering index)	≥ **80**

IP40

LED COURTESY LIGHTS

Ampia scelta tra le luci di cortesia Quick Marine Lightng, disponibili in diverse forme e soluzioni di diffusione della luce. Quadrate, tonde, ovali, a forma di piccola barra, con singola o doppia luce, con diffusione frontale o laterale e nella dimensione più adatta al tipo di camminamento o ai gradini di una scala. La scelta delle finiture completa la disponibilità della gamma risolvendo ogni particolare esigenza.

Wide range of choices among Quick Marine Lighting courtesy lights, available in various shapes and light diffusion solutions. Square, round, oval, small bar, with single or double light, with front or side diffusion and in the most suitable size for the type of walkway or the steps of a staircase. The choice of finishes completes the range availability, solving any special need.



LED COURTESY LIGHTS

TINA & TESS
Series



Mini luce di cortesia IP65.
IP65 mini courtesy light.
Tina Ø 20 mm | Tess 15,5x15,5 mm

275

PATRICIA & C.
Series



Gruppo di luci di cortesia disponibili in 4 soluzioni utilizzando l'acciaio inox e il tecnopolimero anti UV.
Group of courtesy lights available in 4 solutions using stainless steel and the anti UV technopolymer.

276

HARRIET & HALLIE
Series



1,5W | IP65
Luci di cortesia a bassissimo incasso, 3 mm.
Courtesy lights with very low recess, 3 mm.

277

MARGOT & GWENDA
Series

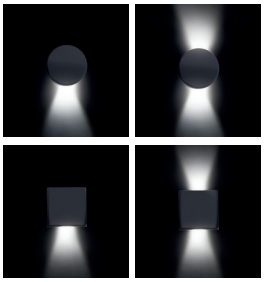

Diffusione della luce laterale.
Disponibili con singola o doppia luce.
Side light diffusion.
Available with single or double light.

278

GRACE & GLADIS
Series

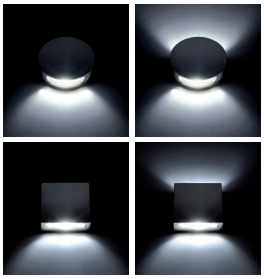

1,5W | IP65
Diffusione della luce laterale.
Disponibili con singola o doppia luce.
Side light diffusion.
Available with single or double light.

279

LIDA
Model



1,5W | 15° | IP65
Utilizzabile anche come mini faretto sottopensile o da scaffale.
Can be used also as a mini spotlight under cabinets or for shelves.

280

GAIA
Model



3,5W | 110° | IP65
Utilizzabile anche come mini faretto sottopensile o da scaffale.
Can be used also as a mini spotlight under cabinets or for shelves.

281

VITO
Model



1,5 W | 110° | IP66
Utilizzabile anche come mini faretto sottopensile o da scaffale.
Can be used also as a mini spotlight under cabinets or for shelves.

282

TILL
Model



Luce di cortesia con orientamento della luce inclinata rispetto al piano.
Courtesy light with adjustable light tilted in comparison to the surface.

283

EYELID
Model



Luce di cortesia in materiale composito
con palpebra antiabbagliamento .
Courtesy light in composite material
with antiglare lid.

284

EDEL
Model



1W | IP65
Luce di cortesia ovale con diffusore opalino.
Oval courtesy light with opal diffuser.

285

HONEY & SUGAR
Glass Series

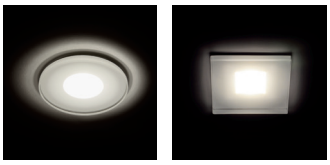

Luci in vetro della serie GLASS.
Mini faretti o Luci cortesia
Lights from the GLASS series.
Mini downlights or courtesy lights.

286

TAB
Series



Diffusione della luce laterale o centrale.
In acciaio inox AISI 316 o in materiale composito.
Side or central light diffusion.
Stainless steel AISI 316 or composite material

288-289

VENUS
Series



4W / 6W | IP66
Luce di cortesia con palpebra antiabbagliamento
disponibile in due formati Ø 72 mm e Ø 88 mm.
Courtesy light with antiglare lid
available in two sizes, Ø 72 mm and Ø 88 mm

290-291









MCY 76

TINA & TESS
Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

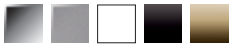

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

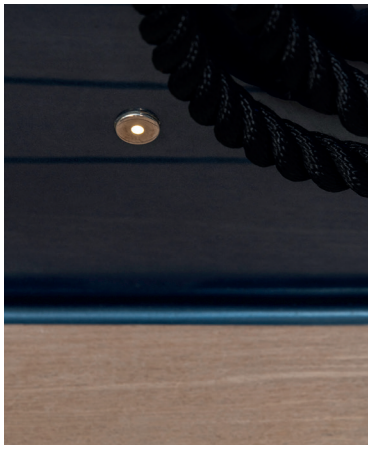

TINA - IP65



IP65

Luce da incasso / Recessed light
Inserimento a pressione / Push in fitting

Ø Cornice / Ø Bezel	20 mm
Recesso / Recess	13 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	12 mm

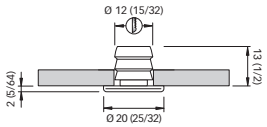

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TESS - IP65



IP65

Luce da incasso / Recessed light
Inserimento a pressione / Push in fitting

Cornice / Bezel	15,5 x 15,5 mm
Recesso / Recess	13 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	12 mm

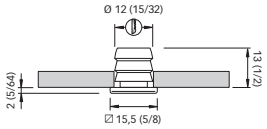

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**TINA / TESS**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**0,24 W** @ 12 V / **0,48 W** @ 24 V
Assorbimento / Absorption	0,02 A @ 12 V / 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V
Polarità / Polarity sensitive	No

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K

IP65

PATRICIA & C.
Series

PATRICIA - IP65



IP65

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	40 mm
Recesso / Recess	21 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	19 mm

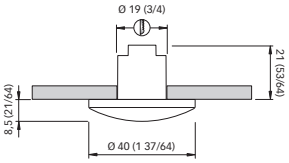

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

IRENE - IP65



IP65

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	45 mm
Recesso / Recess	21 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	19 mm

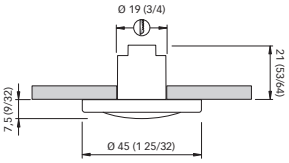

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

INES - IP65



IP65

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	45 mm
Recesso / Recess	21 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	19 mm

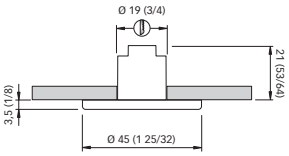

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ILENIA - IP65



IP65

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	37,5 X 37,5 mm
Recesso / Recess	21 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	19 mm

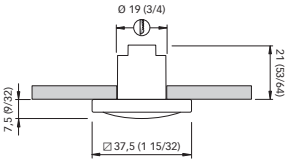

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
PATRICIA
ABS cromato - Tecnopolimero stabilizzato UV.
Chromed ABS - Technopolymer UV stabilized.
IRENE - ILENIA - INES
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

Modello / Model	**PATRICIA - IRENE - INES - ILENIA**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**0,24 W** @ 12 V / **0,48 W** @ 24 V
Assorbimento / Absorption	0,02 A @ 12 V / 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V
Polarità / Polarity sensitive	No

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K

IP65

HARRIET & HALLIE
Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

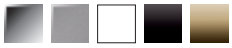

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

HARRIET - 1,5W - IP65



IP65

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	44 mm
Recesso / Recess	3 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	25 mm

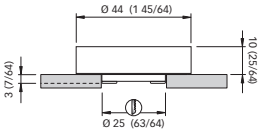

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

HALLIE - 1,5W - IP65



IP65

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	43 X 43 mm
Recesso / Recess	3 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	25 mm

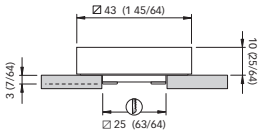

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**HARRIET / HALLIE**	
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V	
Polarità / Polarity sensitive	No	
Temperatura colore Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)
CRI (color rendering index)	≥ **90**	≥ **90**

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

MARGOT & GWENDA
Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

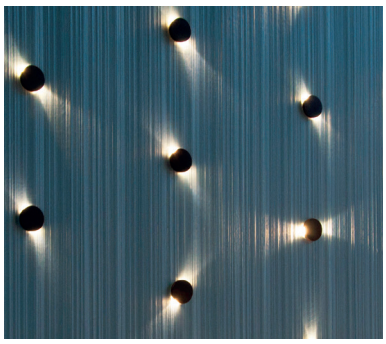

Installazione decorativa / Decorative installation
Margot (Showroom Liuni - Arch. Brioschi)



MARGOT 1L - IP65
MARGOT 2L - IP65



IP65

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	39 mm
Recesso / Recess	24 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm



MARGOT 1L - 1 luce / 1 light

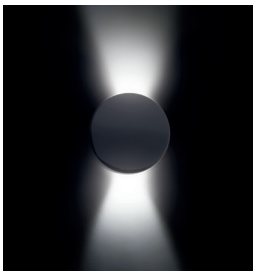

MARGOT 2L - 2 luci / 2 lights

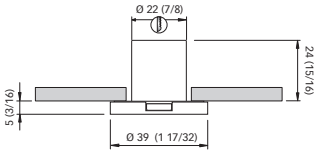

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

GWENDA 1L - IP65
GWENDA 2L - IP65



IP65

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	38X38 mm
Recesso / Recess	24 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm



GWENDA 1L - 1 luce / 1 light



GWENDA 2L - 2 luci / 2 lights

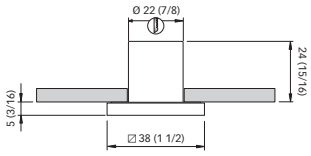

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello	**MARGOT 1L - GWENDA 1L**		**MARGOT 2L - GWENDA 2L**	
Sorgente luminosa / Light source	**LED**		**LED**	
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc		9 - 32 Vdc	
Potenza / Power consumption	**0,24 W @ 12 V / 0,48 W @ 24 V**		**0,48 W** @ 12 V / **0,96 W** @ 24 V	
Assorbimento / Absorption	0,02 A @ 12 V / 24 V		0,04 A @ 12 V / 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V		Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V	
Polarità / Polarity sensitive	No		No	
Temperatura colore Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K	3800-4100 K	2900-3100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **80**	≥ **80**	≥ **80**

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

GRACE & GLADIS
Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

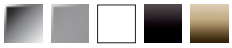

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request





GRACE 1L - 1,5W - IP65
GRACE 2L - 1,5W - IP65





GRACE 1L - 1 luce / 1 light



GRACE 2L - 2 luci / 2 lights

IP65

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	44 mm
Recesso / Recess	3 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	25 mm

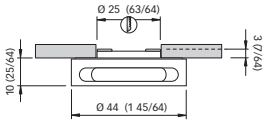

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

GLADIS 1L - 1,5W - IP65
GLADIS 2L - 1,5W - IP65



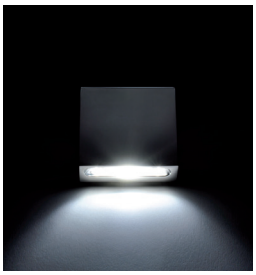

GLADIS 1L - 1 luce / 1 light



GLADIS 2L - 2 luci / 2 lights

IP65

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	43X43 mm
Recesso / Recess	3 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	25 mm

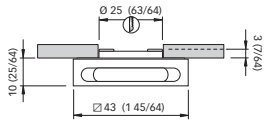

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**HARRIET / HALLIE**	
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V	
Polarità / Polarity sensitive	No	
Temperatura colore Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)
CRI (color rendering index)	≥ **90**	≥ **90**

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

LIDA
Model

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request



LIDA 1,5W - IP65



IP65

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	36x36 mm
Recesso / Recess	19 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	25 mm

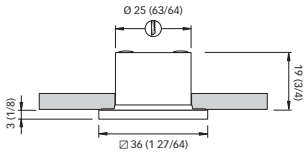

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello	**LIDA**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,13 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	sì /Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	116 lm			105 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,37 m**	**0,73 m**	**1,10 m**	**0,37 m**	**0,73 m**	**1,10 m**
Illuminamento / Illuminance	**658,3 lux**	**164,6 lux**	**73,1 lux**	**598,4 lux**	**149,6 lux**	**66,5 lux**
Angolo / Beam	**20°**			**20°**		
	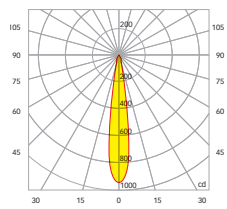			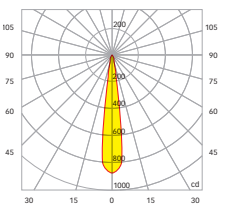		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

GAIA
Model

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

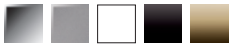

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

GAIA 3,5W - IP65



IP65

Luce da incasso / Recessed light
Inserimento a pressione / Push in fitting

Ø Cornice / Ø Bezel	36 mm
Recesso / Recess	39,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	32 mm

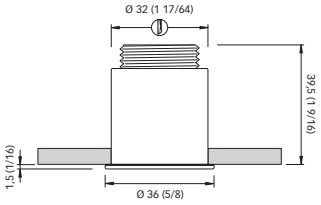

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello	**GAIA**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**3,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,25 A @ 12 V / 0,125 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 80**			**≥ 80**		
Flusso luminoso / Luminous flux	250 lm			230 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,83 m**	**5,65 m**	**8,48 m**	**2,83 m**	**5,65 m**	**8,48 m**
Illuminamento / Illuminance	**93,7 lux**	**23,4 lux**	**10,4 lux**	**83 lux**	**20,7 lux**	**9,2 lux**
Angolo / Beam	**110°**			**110°**		
	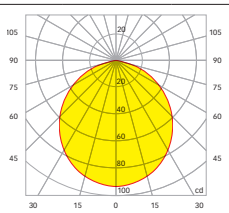			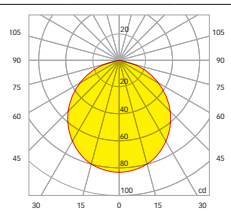		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

VITO
Model

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall - Terra/Floor

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

VITO 1,5 W - IP66



IP66

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti (viti non in dotazione
Screw installation (screws not supplied)

Cornice / Bezel	49,5 mm
Recesso / Recess	13 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	26 mm

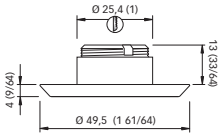

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello	**VITO**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**
Assorbimento / Absorption	0,125 A @ 12 V / 0,063 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	sì /Yes

Temperatura colore Color temperature	**Bianco Freddo / Cool White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	4800-5100 K			3800-4100 K			2900-3100 K (2600-2800 K*)		
CRI (color rendering index)	**≥ 80**			**≥ 90**			**≥ 90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	129 lm			90 lm			87 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**2,78 m**	**5,74 m**	**8,6 m**	**2,64 m**	**5,28 m**	**7,92 m**	**2,78 m**	**5,74 m**	**8,6 m**
Illuminamento / Illuminance	**62,5 lux**	**15,63 lux**	**9,95 lux**	**39,0 lux**	**9,7 lux**	**4,3 lux**	**33,2 lux**	**8,3 lux**	**3,69 lux**
Angolo / Beam	**110°**			**110°**			**110°**		
	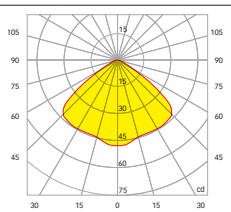			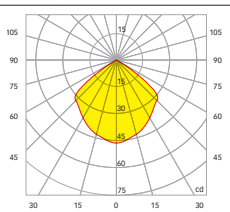			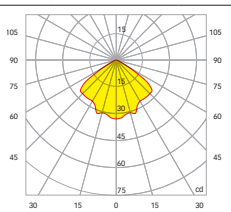		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

TILL
Model

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

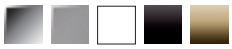

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

TILL - IP40



IP40

Luce da incasso / Recessed light
Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	21X60 mm
Recesso / Recess	22 mm
Foratura / Cutout	14X46 mm

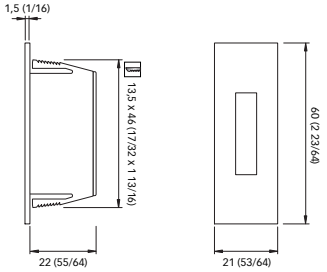

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello	**TILL**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**0,25 W** @ 12 V / **0,5 W** @ 24 V
Assorbimento / Absorption	0,02 A @ 12 V / 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**
	3800-4100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**

IP40

EYELID
Models

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Cornice: Plastica cromata
Lente: Tecnopolimero stabilizzato UV.
Bezel: Chromed plastic
Lens: Technopolymer UV stabilized.
Finiture / Finishes

Cromo / Chrome
Bianco 9010 / White 9010

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.

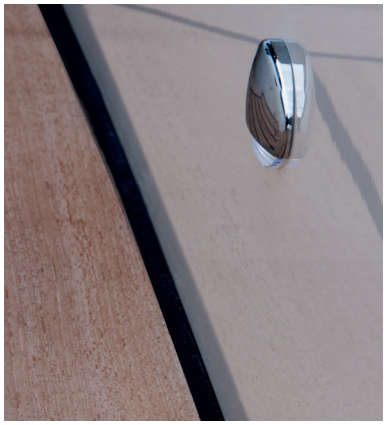

EYELID - IP65



IP65

Montaggio in superficie / Surface mountingt
Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	46X33 mm
Spessore / Thickness	8,5 mm

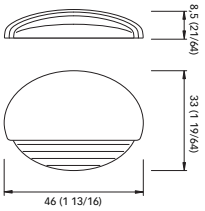

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello	**EYELID**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**0,25 W @ 12 V / 0,5 W @ 24 V**
Assorbimento / Absorption	0,02 A @ 12 V / 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**
	3800-4100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**

IP65

EDEL
Models

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

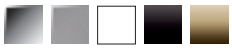

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

EDEL 1W - IP65



IP65

Montaggio in superficie / Surface mountingt
Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	77,5X38 mm
Spessore / Thickness	6 mm

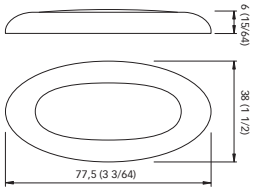

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello	**EDEL**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	12V / 24V
Potenza / Power consumption	**1W**
Assorbimento / Absorption	0,04 A @ 12 V / 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K

IP65

GLASS
Series

HONEY LP/HP - 1,5/3W - IP65

HONEY LP - 1,5W - 50° - IP65
HONEY LP - 3W - 50° - IP65





IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	5 mm
Ø Cornice / Ø Bezel	42 mm
3 Watt Recesso / Recess	34,5 mm
1,5 Watt Recesso / Recess	26,8 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

HONEY HP - 1,5W - 50° - IP65
HONEY HP - 3W - 50° - IP65





IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	9 mm
Ø Cornice / Ø Bezel	42 mm
3 Watt Recesso / Recess	34,5 mm
1,5 Watt Recesso / Recess	26,8 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

HONEY LP 1,5W

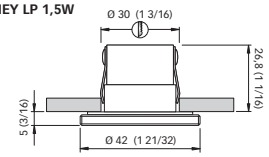

HONEY LP 3W

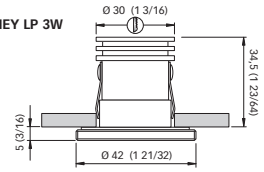

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

HONEY HP 1,5W

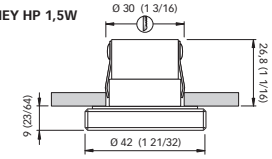

HONEY HP 3W

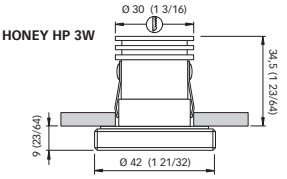

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**HONEY LP/HP - 1,5 WATT**	**HONEY LP/HP - 3 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	**3 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	0,25 A @ 12 V / 0,125 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	90 lm			78 lm			167 lm			150 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,91 m**	**1,82 m**	**2,72 m**	**0,88 m**	**1,75 m**	**2,63 m**	**0,91 m**	**1,82 m**	**2,73 m**	**0,90 m**	**1,80 m**	**2,70 m**
Illuminamento / Illuminance	**90,7 lux**	**22,7 lux**	**10,1 lux**	**82,0 lux**	**20,5 lux**	**9,1 lux**	**167,7 lux**	**41,9 lux**	**18,6 lux**	**152,3 lux**	**38,1 lux**	**16,9 lux**
Angolo / Beam	**50°**			**50°**			**50°**			**50°**		
	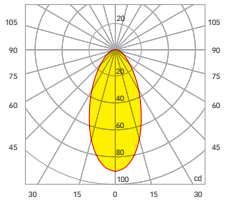			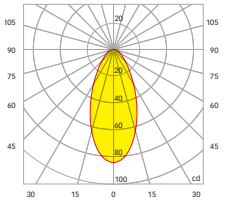			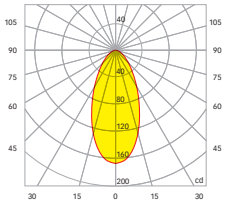			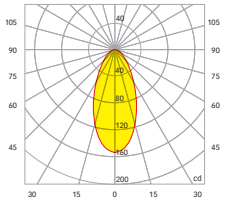		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

GLASS
Series

SUGAR LP/HP - 1,5/3W - IP65

SUGAR LP - 1,5W - 80° - IP65
SUGAR LP - 3W - 80° - IP65

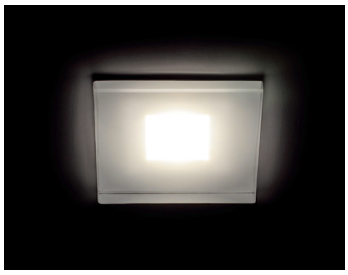



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	5 mm
Cornice / Bezel	40X40 mm
3 Watt Recesso / Recess	34,5 mm
1,5 Watt Recesso / Recess	26,8 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

○ ○

SUGAR HP - 1,5W - 80° - IP65
SUGAR HP - 3W - 80° - IP65

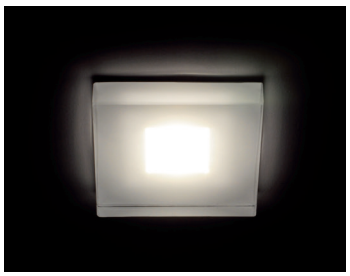



IP65

Fissaggio a molle / Spring installation

Spessore / Thickness	9 mm
Cornice / Bezel	40X40 mm
3 Watt Recesso / Recess	34,5 mm
1,5 Watt Recesso / Recess	26,8 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	30 mm

○ ○

SUGAR LP 1,5W

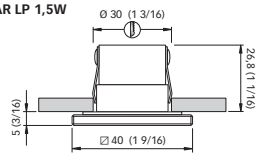

SUGAR LP 3W

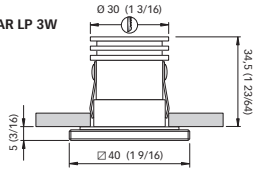

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

SUGAR HP 1,5W

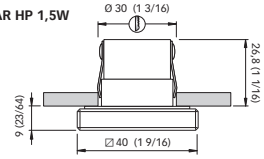

SUAGR HP 3W

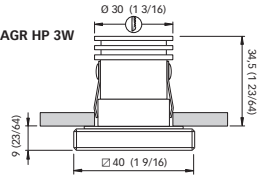

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modelli / Models	**SUGAR LP/HP - 1,5 WATT**	**SUGAR LP/HP - 3 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**1,5 W**	**3 W**
Assorbimento / Absorption	0,12 A @ 12 V / 0,06 A @ 24 V	0,25 A @ 12 V / 0,125 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V - Contro l'inversione di polarità / Spike protected ± 500 V - Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes	Sì / Yes

Temperatura colore / Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**			**Bianco Naturale / Daylight**			**Bianco Caldo / Warm White**		
	3800-4100 K			2900-3100 K			3800-4100 K			2900-3100 K		
CRI (color rendering index)	≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**			≥ **90**		
Flusso luminoso / Luminous flux	90 lm			78 lm			167 lm			150 lm		
Distanza / Distance	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m	1 m	2 m	3 m
Diametro / Diameter	**0,91 m**	**1,82 m**	**2,72 m**	**0,88 m**	**1,75 m**	**2,63 m**	**0,91 m**	**1,82 m**	**2,73 m**	**0,90 m**	**1,80 m**	**2,70 m**
Illuminamento / Illuminance	**90,7 lux**	**22,7 lux**	**10,1 lux**	**82,0 lux**	**20,5 lux**	**9,1 lux**	**167,7 lux**	**41,9 lux**	**18,6 lux**	**152,3 lux**	**38,1 lux**	**16,9 lux**
Angolo / Beam	**50°**			**50°**			**50°**			**50°**		
	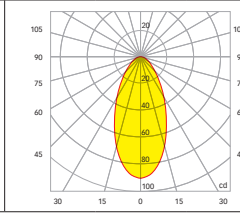			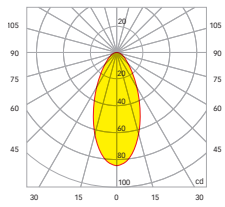			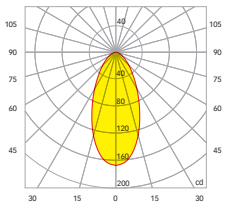			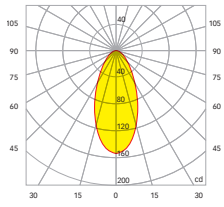		

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP65

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistemi di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. page 346 and p. 348 (QNN)

TAB

Stainless steel AISI 316 Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes



Lucidato / Polished
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request



TAB SSR1 - IP66 - 1 Luce / 1 Light



IP66

Montaggio in superficie / Surface mounting
Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	68X14 mm
Spessore / THickness	8 mm

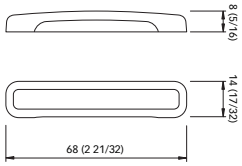

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TAB SSR2 - IP66



IP66

Montaggio in superficie / Surface mounting
Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	68X14 mm
Spessore / THickness	8 mm

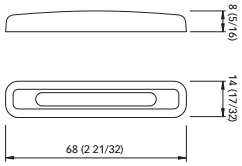

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TAB SSR4 - IP66 - 2 Luci / 2 Lights



IP66

Montaggio in superficie / Surface mounting
Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	68X14 mm
Spessore / THickness	8 mm

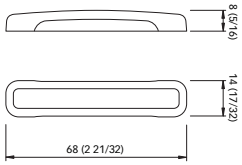

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello	**TAB SERIES**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**0,5 W** @ 12 V / **1 W** @ 24 V
Assorbimento / Absorption	0,04 A @ 12 V / 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes
Temperatura colore Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**
	3800-4100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**

IP66

TAB

Composite material Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Materiale composito / Composite material

Finiture / Finishes



Cromo / Chrome

Altre finiture di cornice disponibili su richiesta.
Other finishes available upon request.



TAB CPR1 - IP66 - 1 Luce / 1 Light



IP66

Montaggio in superficie / Surface mounting
Fissaggio con viti / Screw installation
Cornice / Bezel 69X15 mm
Spessore / THickness 8,5 mm

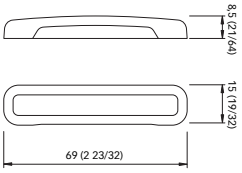

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TAB CPR2 - IP66



IP66

Montaggio in superficie / Surface mounting
Fissaggio con viti / Screw installation
Cornice / Bezel 69X15 mm
Spessore / THickness 8,5 mm

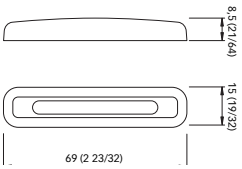

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TAB CPA1 - IP66 - 1 Luce / 1 Light



IP66

Montaggio in superficie / Surface mounting
Fissaggio con viti / Screw installation
Cornice / Bezel 69X15 mm
Spessore / THickness 8,5 mm

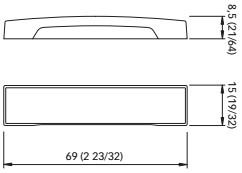

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

TAB CPA3 - IP66



IP66

Montaggio in superficie / Surface mounting
Fissaggio con viti / Screw installation
Cornice / Bezel 69X15 mm
Spessore / THickness 8,5 mm

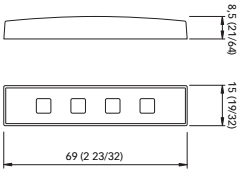

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello	**TAB SERIES**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**0,5 W** @ 12 V / **1 W** @ 24 V
Assorbimento / Absorption	0,04 A @ 12 V / 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes
Temperatura colore Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**
	3800-4100 K
CRI (color rendering index)	≥ **80**

IP66

VENUS
Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

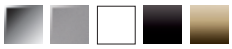

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request

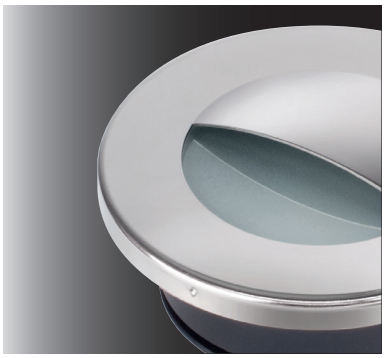

VENUS 72 V - 4W - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Cornice / Bezel	72x72 mm
Recesso / Recess	20,5 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	54 mm

BICOLOR: 4W + Courtesy light

MONOCOLORE ROSSO O BLU: solo **modelli 2W**
RED OR BLUE SINGLE COLOR: **2W models** only

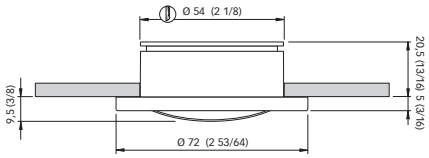

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello	**VENUS 72 - 4 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**4 W**
Assorbimento / Absorption	0,33 A @ 12 V / 0,17 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	125 lm	115 lm

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 / **Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)

VENUS
Series

CARATTERISTICHE / FEATURES

Installazione / Installation
Parete / Wall

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes

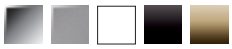

Lucidato / Polished
Satinato / Satin
Bianco 9010 / White 9010
Black PVD*
Gold PVD*

*disponibili su richiesta / available upon request



VENUS 88 6W - IP66
VENUS 88 6W QC RGBW - IP66
VENUS 88 6W QC TW - IP66



IP66

Fissaggio con viti / Screw installation

Ø Cornice / Ø Bezel	88 mm
Recesso / Recess	41 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	65 mm

BICOLOR: 6W + Courtesy light
RGBW - TW : QCC / QNN System

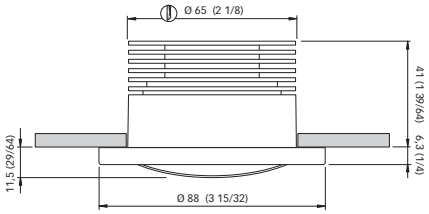

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello	**VENUS 88 - 6 WATT**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	9 - 32 Vdc
Potenza / Power consumption	**6 W**
Assorbimento / Absorption	0,5 A @ 12 V / 0,25 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	icchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	Sì / Yes

Temperatura colore Color temperature	**Bianco Naturale / Daylight**	**Bianco Caldo / Warm White**
	3800-4100 K	2900-3100 K (2600-2800 K*)
CRI (color rendering index)	≥ **80**	≥ **90**
Flusso luminoso / Luminous flux	170 lm	150 lm

*Disponibile su richiesta / Available on request

IP66

Accessori Optional: Dimmer da pag. 342 - Sistema di controllo QCC pag. 346, QNN pag. 348 **/ Optional accessories**: Dimmers from page 342 - Control systems on p. 346 (QCC) and p. 348 (QNN)

CHALLENGER

La gamma di luci subacquee Quick Marine Lighting, riconosciuta già da diversi anni con il marchio CHALLENGER comprende diversi modelli compresi tra 15 e 120 Watt e grazie alla creazione delle nuove linee DELTA, EVOLUTION e THI, è in grado di offrire una scelta più ampia e tecnicamente evoluta. I prodotti sono selezionabili secondo il tipo di design, il sistema di installazione e la temperatura colore.
Sono quindi disponibili nuovi modelli specifici per il montaggio in superficie come i prodotti della serie DELTA, o per il montaggio con passascafo come i prodotti dela serie EVOLUTION. Mentre una serie molto speciale è sicuramente la serie THI, anche questa di recente progettazione, con passascafo e intercambiabile permettendo l'eventuale sostituzione dei componenti con la barca in acqua.
Tutti i prodotti delle nuove serie sono previsti con driver integrato (escluso i modelli RGBW della serie DELTA ed EVOLUTION) e compatibili con i sistemi di controllo Quick QCC e QNN.

The Quick Marine Lighting range of underwater lights, known for several years now as the CHALLENGER brand, includes several models from 15 to 120 Watts and, with the creation of the new DELTA, EVOLUTION, and THI lines, is able to offer a wider and more technically advanced selection. Products can be selected according to the type of design, installation system, and colour temperature.
New specific models for surface installation are available such as the products in the DELTA series or for thru-hull installation such as the products in the EVOLUTION series. Meanwhile, the recently designed THI series is very special with thru-hull and being interchangeable, allowing possible replacement of parts with the boat in the water.
All products in the new series have a built-in driver (except RGBW models in the DELTA and EVOLUTION series) and are compatible with Quick QCC and QNN control systems.



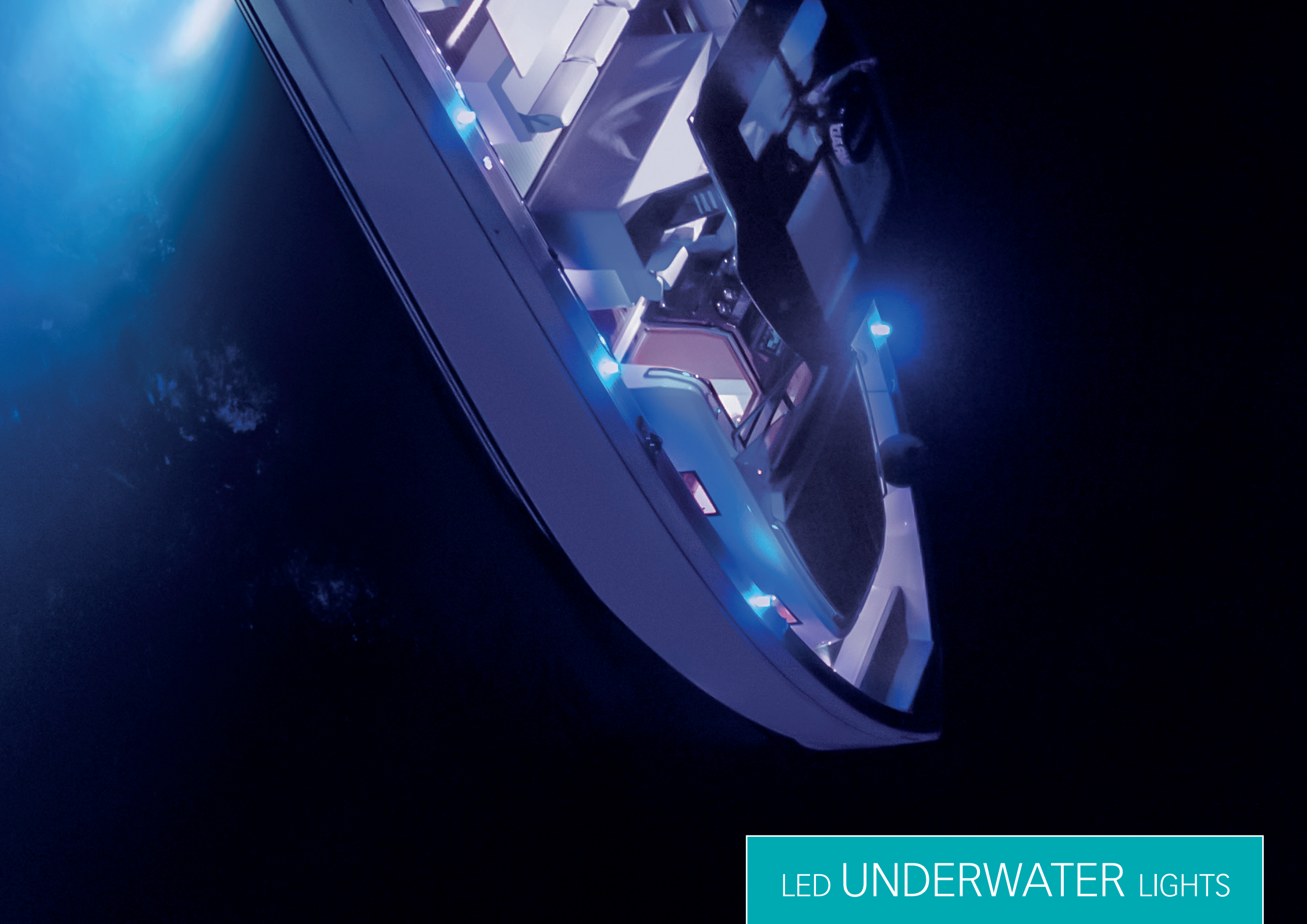

LED UNDERWATER LIGHTS


CHALLENGER

CHALLENGER DELTA
Series



30W / 45W / 60W / 80W | IP68
Driver integrato (escluso RGBW).
Montaggio in superficie con viti a vista.
Integrated driver (RGBW excluded).
Surface mounting with visible screws.

296

CHALLENGER EVOLUTION
Series



30W / 45W / 60W / 80W | IP68
Driver integrato (escluso RGBW).
Montaggio con passascafo.
Integrated driver (RGBW excluded).
Installation with through-hull.

300

CHALLENGER THI
Series



30W / 45W / 60W / 80W | IP68
Driver integrato. Intercambiabile.
Montaggio con passascafo.
Integrated driver. Interchangeable
Installation with through-hull.

304

DELTA 30W/45W

CHALLENGER DELTA Series

Installazione / Installation
Solo subacquea / Underwater only

Montaggio in superficie / Surface mounting
Fissaggio con viti / Screw installation

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes
Lucidato / Polished



Sistemi di Controllo
ON-OFF - PULSANTE - QNN (gateway) - QCC
I modelli si differenziano secondo il sistema di controllo
che si desidera installare oppure già presente a bordo.

I modelli **QN** sono compatibili con il sistema
QNN Quick Nautical Network e con i sistemi di comando ON-OFF o da pulsante.
Il driver è integrato nell'apparecchio ad eccezione della versione RGBW.
Il dispositivo gateway **QNN (pag. 348)** è un accessorio optional.

I modelli **QC** sono compatibili esclusivamente con il sistema **QCC Quick Color Control**
Il driver esterno è compreso nella fornitura dell'apparecchio.
I dispositivi di controllo **QCC (pag. 346)** sono accessori optional.

Control systems
ON-OFF - BUTTON - QNN (gateway) - QCC
Models differ according to the control system
to be installed or that is already present on board.

QN models are compatible with the
QNN Quick Nautical Network system and with ON-OFF or button control systems.
The driver is built into the device, except for the RGBW version.
The **QNN** gateway device **(page 348)** is an optional accessory.

The **QC** models are only compatible with the **QCC Quick Color Control system**
The external driver is included with the device.
The **QCC** control devices **(page 346)** are optional accessories.

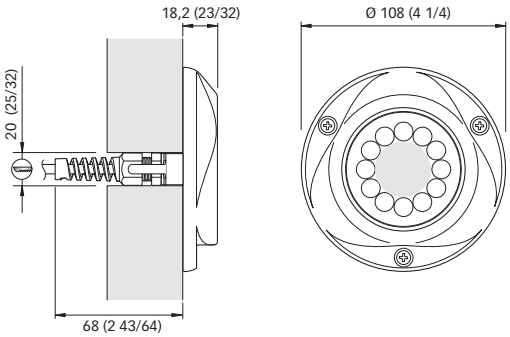

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**CLG DLT 30 QN / CLG DLT 30 QC**	**CLG DLT 45 QN / CLG DLT 45 QC**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	10-30 Vdc	10-30 Vdc
Potenza / Power consumption	**30 W**	**45 W**
Assorbimento / Absorption	2,5 A @ 12 V / 1,25 A @ 24 V	3,75 A @ 12 V / 1,875 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	sì /Yes	sì /Yes
Temperatura colore Color temperature	**Bianco Freddo / Cool White**	**Bianco Freddo / Cool White**
	6200-6500 K	6200-6500 K
Flusso luminoso / Luminous flux	3565 lm	4305 lm
Forma Angolo / Beam shape	Ellittica / Elliptical	Ellittica / Elliptical
Top/Side beam angle	45° / 27° (1)	45° / 27° (1)

(1) Angoli rilevati in aria / Angles measured in the air

IP66

DELTA 30W/45W

CHALLENGER DELTA Series

CHALLENGER DELTA 30W/45W QN MODELS

QNN QUICK NAUTICAL NETWORK



Integrated driver

CLG DLT 30 QN - 30W - IP68
CLG DLT 45 QN - 45W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white
Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	108 mm
Recesso / Recess	68 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	20 mm



Integrated driver

CLG DLT 30 QN BC - 30W - IP68
CLG DLT 45 QN BC - 45W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
BICOLORE: Blu-Bianco freddo
BICOLOR: Blue-Cool white
Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	108 mm
Recesso / Recess	68 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	20 mm



CLG DLT 30 QN RGBW - 30W - IP68
CLG DLT 45 QN RGBW - 45W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
RGBW
Sistemi di controllo / Control systems: QNN

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	108 mm
Recesso / Recess	68 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	20 mm

RGBW: QNN System

CHALLENGER DELTA 30W/45W QC MODELS

QCC



CLG DLT 30 QC - 30W - IP68
CLG DLT 45 QC - 45W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	108 mm
Recesso / Recess	68 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	20 mm



CLG DLT 30 QC BC - 30W - IP68
CLG DLT 45 QC BC - 45W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
BICOLORE: Blu-Bianco freddo
BICOLOR: Blue-Cool white
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	108 mm
Recesso / Recess	68 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	20 mm



CLG DLT 30 QC RGBW - 30W - IP68
CLG DLT 45 QC RGBW - 45W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
RGBW
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	108 mm
Recesso / Recess	68 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	20 mm

RGBW: QCC System

DELTA 60W/80W

CHALLENGER DELTA Series

Installazione / Installation
Solo subacquea / Underwater only

Montaggio in superficie / Surface mounting
Fissaggio con viti / Screw installation

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes
Lucidato / Polished

Sistemi di Controllo
ON-OFF - PULSANTE - QNN (gateway) - QCC
I modelli si differenziano secondo il sistema di controllo che si desidera installare oppure già presente a bordo.

I modelli **QN** sono compatibili con il sistema **QNN Quick Nautical Network** e con i sistemi di comando ON-OFF o da pulsante.
Il driver è integrato nell'apparecchio ad eccezione della versione RGBW.
Il dispositivo gateway **QNN (pag. 348)** è un accessorio optional.

I modelli **QC** sono compatibili esclusivamente con il sistema **QCC Quick Color Control**
Il driver esterno è compreso nella fornitura dell'apparecchio.
I dispositivi di controllo **QCC (pag. 346)** sono accessori optional.

Control systems
ON-OFF - BUTTON - QNN (gateway) - QCC
Models differ according to the control system to be installed or that is already present on board.

QN models are compatible with the **QNN Quick Nautical Network** system and with ON-OFF or button control systems.
The driver is built into the device, except for the RGBW version.
The **QNN** gateway device **(page 348)** is an optional accessory.

The **QC** models are only compatible with the **QCC Quick Color Control system**
The external driver is included with the device.
The **QCC** control devices **(page 346)** are optional accessories.





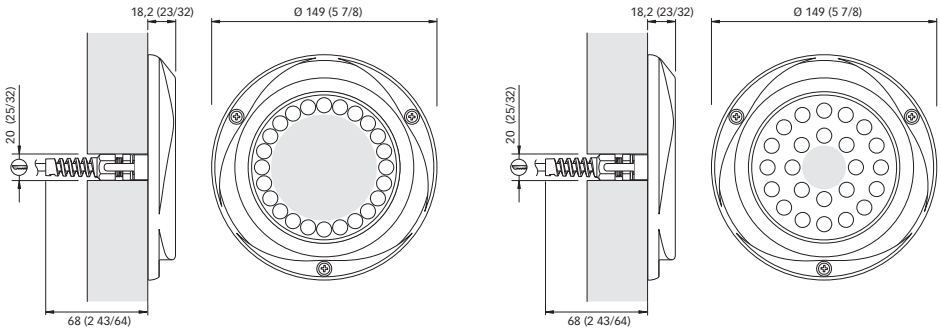

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**CLG DLT 60 QN / CLG DLT 60 QC**	**CLG DLT 80 QN / CLG DLT 80 QC**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	20-30 Vdc	20-30 Vdc
Potenza / Power consumption	**60 W**	**80 W**
Assorbimento / Absorption	2,5 A @ 24 V	3,33 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	sì /Yes	sì /Yes

Temperatura colore Color temperature	**Bianco Freddo / Cool White**	**Bianco Freddo / Cool White**
	6200-6500 K	6200-6500 K
Flusso luminoso / Luminous flux	6855 lm	8780 lm
Forma Angolo / Beam shape	Ellittica / Elliptical	Ellittica / Elliptical
Top/Side beam angle	45° / 27° (1)	45° / 27° (1)

(1) Angoli rilevati in aria / Angles measured in the air

IP68

DELTA 60W/80W

CHALLENGER DELTA Series

CHALLENGER DELTA 60W/80W QN MODELS

QNN QUICK NAUTICAL NETWORK



Integrated driver

CLG DLT 60 QN - 60W - IP68
CLG DLT 80 QN - 80W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white
Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	149 mm
Recesso / Recess	68 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	20 mm



Integrated driver

CLG DLT 60 QN BC - 60W - IP68
CLG DLT 80 QN BC - 80W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
BICOLORE: Blu-Bianco freddo
BICOLOR: Blue-Cool white
Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	149 mm
Recesso / Recess	68 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	20 mm



CLG DLT 60 QN RGBW - 60W - IP68
CLG DLT 80 QN RGBW - 80W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
RGBW
Sistemi di controllo / Control systems: QNN

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	149 mm
Recesso / Recess	68 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	20 mm

RGBW: QNN System

CHALLENGER DELTA 60W/80W QC MODELS

QCC



CLG DLT 60 QC - 60W - IP68
CLG DLT 80 QC - 80W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	149 mm
Recesso / Recess	68 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	20 mm



CLG DLT 60 QC BC - 60W - IP68
CLG DLT 80 QC BC - 80W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
BICOLORE: Blu-Bianco freddo
BICOLOR: Blue-Cool white
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	149 mm
Recesso / Recess	68 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	20 mm



CLG DLT 60 QC RGBW - 60W - IP68
CLG DLT 80 QC RGBW - 80W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
RGBW
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	149 mm
Recesso / Recess	68 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	20 mm

RGBW: QCC System

EVOLUTION 30W/45W

CHALLENGER EVOLUTION Series

Installazione / Installation
Solo subacquea / Underwater only

Montaggio con passascafo / Thru-hull mounting
Fissaggio con viti / Screw installation

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes
Lucidato / Polished





Sistemi di Controllo
ON-OFF - PULSANTE - QNN (gateway) - QCC
I modelli si differenziano secondo il sistema di controllo
che si desidera installare oppure già presente a bordo.

I modelli **QN** sono compatibili con il sistema
QNN Quick Nautical Network e con i sistemi di comando ON-OFF o da pulsante.
Il driver è integrato nell'apparecchio ad eccezione della versione RGBW.
Il dispositivo gateway **QNN (pag. 348)** è un accessorio optional.

I modelli **QC** sono compatibili esclusivamente con il sistema **QCC Quick Color Control**
Il driver esterno è compreso nella fornitura dell'apparecchio.
I dispositivi di controllo **QCC (pag. 346)** sono accessori optional.

Control systems
ON-OFF - BUTTON - QNN (gateway) - QCC
Models differ according to the control system
to be installed or that is already present on board.

QN models are compatible with the
QNN Quick Nautical Network system and with ON-OFF or button control systems.
The driver is built into the device, except for the RGBW version.
The **QNN** gateway device **(page 348)** is an optional accessory.

The **QC** models are only compatible with the **QCC Quick Color Control system**
The external driver is included with the device.
The **QCC** control devices **(page 346)** are optional accessories.

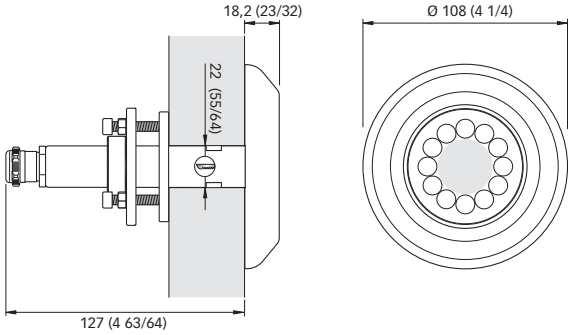

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**CLG EVO 30 QN / CLG EVO 30 QC**	**CLG EVO 45 QN / CLG EVO 45 QC**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	10-30 Vdc	10-30 Vdc
Potenza / Power consumption	**30 W**	**45 W**
Assorbimento / Absorption	2,5 A @ 12 V / 1,25 A @ 24 V	3,75 A @ 12 V / 1,875 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	sì /Yes	sì /Yes
Temperatura colore Color temperature	**Bianco Freddo / Cool White**	**Bianco Freddo / Cool White**
	6200-6500 K	6200-6500 K
Flusso luminoso / Luminous flux	3565 lm	4305 lm
Forma Angolo / Beam shape	Ellittica / Elliptical	Ellittica / Elliptical
Top/Side beam angle	45° / 27° (1)	45° / 27° (1)

(1) Angoli rilevati in aria / Angles measured in the air

IP68

EVOLUTION 30W/45W

CHALLENGER EVOLUTION Series

CHALLENGER EVOLUTION 30W/45W QN MODELS

QNN QUICK NAUTICAL NETWORK



Integrated driver

CLG EVO 30 QN - 30W - IP68
CLG EVO 45 QN - 45W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white
Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	108 mm
Recesso / Recess	127 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm



Integrated driver

CLG EVO 30 QN BC - 30W - IP68
CLG EVO 45 QN BC - 45W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
BICOLORE: Blu-Bianco freddo
BICOLOR: Blue-Cool white
Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	108 mm
Recesso / Recess	127 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm



CLG EVO 30 QN RGBW - 30W - IP68
CLG EVO 45 QN RGBW - 45W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
RGBW
Sistemi di controllo / Control systems: QNN

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	108 mm
Recesso / Recess	127 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm

RGBW: QNN System

CHALLENGER EVOLUTION 30W/45W QC MODELS

QCC



CLG EVO 30 QC - 30W - IP68
CLG EVO 45 QC - 45W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	108 mm
Recesso / Recess	127 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm



CLG EVO 30 QC BC - 30W - IP68
CLG EVO 45 QC BC - 45W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
BICOLORE: Blu-Bianco freddo
BICOLOR: Blue-Cool white
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	108 mm
Recesso / Recess	127 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm



CLG EVO 30 QC RGBW - 30W - IP68
CLG EVO 45 QC RGBW - 45W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
RGBW
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	108 mm
Recesso / Recess	127 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm

RGBW: QCC System

EVOLUTION 60W/80W

CHALLENGER EVOLUTION Series

Installazione / Installation
Solo subacquea / Underwater only

Montaggio in superficie / Surface mounting
Fissaggio con viti / Screw installation

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes
Lucidato / Polished

Sistemi di Controllo
ON-OFF - PULSANTE - QNN (gateway) - QCC
I modelli si differenziano secondo il sistema di controllo che si desidera installare oppure già presente a bordo.



I modelli QN sono compatibili con il sistema **QNN Quick Nautical Network** e con i sistemi di comando ON-OFF o da pulsante.
Il driver è integrato nell'apparecchio ad eccezione della versione RGBW.
Il dispositivo gateway **QNN (pag. 348)** è un accessorio optional.

I modelli QC sono compatibili esclusivamente con il sistema **QCC Quick Color Control**
Il driver esterno è compreso nella fornitura dell'apparecchio.
I dispositivi di controllo **QCC (pag. 346)** sono accessori optional.

Control systems
ON-OFF - BUTTON - QNN (gateway) - QCC
Models differ according to the control system to be installed or that is already present on board.

QN models are compatible with the **QNN Quick Nautical Network** system and with ON-OFF or button control systems.
The driver is built into the device, except for the RGBW version.
The **QNN** gateway device **(page 348)** is an optional accessory.

The **QC** models are only compatible with the **QCC Quick Color Control system**
The external driver is included with the device.
The **QCC** control devices **(page 346)** are optional accessories.

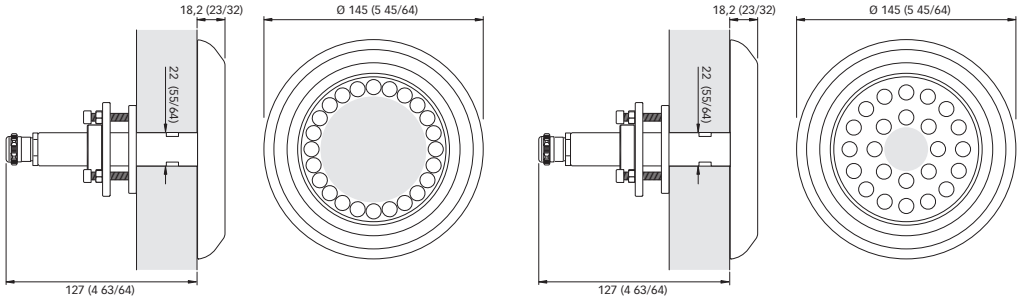

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**CLG EVO 60 QN / CLG EVO 60 QC**	**CLG EVO 80 QN / CLG EVO 80 QC**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	20-30 Vdc	20-30 Vdc
Potenza / Power consumption	**60 W**	**80 W**
Assorbimento / Absorption	2,5 A @ 24 V	3,33 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	sì /Yes	sì /Yes
Temperatura colore Color temperature	**Bianco Freddo / Cool White**	**Bianco Freddo / Cool White**
	6200-6500 K	6200-6500 K
Flusso luminoso / Luminous flux	6855 lm	8780 lm
Forma Angolo / Beam shape	Ellittica / Elliptical	Ellittica / Elliptical
Top/Side beam angle	45° / 27° (1)	45° / 27° (1)

(1) Angoli rilevati in aria / Angles measured in the air

IP68

EVOLUTION 60W/80W

CHALLENGER EVOLUTION Series

CHALLENGER EVOLUTION 60W/80W QN MODELS

QNN QUICK NAUTICAL NETWORK



Integrated driver

CLG EVO 60 QN - 60W - IP68
CLG EVO 80 QN - 80W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white
Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	145 mm
Recesso / Recess	127 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm



Integrated driver

CLG EVO 60 QN BC - 60W - IP68
CLG EVO 80 QN BC - 80W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
BICOLORE: Blu-Bianco freddo
BICOLOR: Blue-Cool white
Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	145 mm
Recesso / Recess	127 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm



CLG EVO 60 QN RGBW - 60W - IP68
CLG EVO 80 QN RGBW - 80W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
RGBW
Sistemi di controllo / Control systems: QNN

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	145 mm
Recesso / Recess	127 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm

RGBW: QNN System

CHALLENGER EVOLUTION 60W/80W QC MODELS

QCC



CLG EVO 60 QC - 60W - IP68
CLG EVO 80 QC - 80W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	145 mm
Recesso / Recess	127 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm



CLG EVO 60 QC BC - 60W - IP68
CLG EVO 80 QC BC - 80W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
BICOLORE: Blu-Bianco freddo
BICOLOR: Blue-Cool white
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	145 mm
Recesso / Recess	127 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm



CLG EVO 60 QC RGBW - 60W - IP68
CLG EVO 80 QC RGBW - 80W - IP68

DRIVER ESTERNO INCLUSO / EXTERNAL DRIVER INCLUDED
RGBW
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	145 mm
Recesso / Recess	127 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	22 mm

RGBW: QCC System

THI 30W/45W

CHALLENGER THI Series

Installazione / Installation
Solo subacquea / Underwater only

Montaggio con passascafo / Thru-hull mounting
Fissaggio con viti / Screw installation

Driver integrato / Integrated driver
Passascafo intercambiabile / Interchangeable Thru-Hull

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes
Lucidato / Polished



Sistemi di Controllo
ON-OFF - PULSANTE - QNN (gateway) - QCC
I modelli si differenziano secondo il sistema di controllo
che si desidera installare oppure già presente a bordo.

I modelli **QN** sono compatibili con il sistema
QNN Quick Nautical Network e con i sistemi di comando ON-OFF o da pulsante.
Driver integrato su tutti i modelli.
Il dispositivo gateway **QNN (pag. 348)** è un accessorio optional.

I modelli **QC** sono compatibili esclusivamente con il sistema **QCC Quick Color Control**
Il driver esterno è compreso nella fornitura dell'apparecchio.
I dispositivi di controllo **QCC (pag. 346)** sono accessori optional.

Control systems
ON-OFF - BUTTON - QNN (gateway) - QCC
Models differ according to the control system
to be installed or that is already present on board.

QN models are compatible with the
QNN Quick Nautical Network system and with ON-OFF or button control systems.
Built-in driver on all models.
The **QNN** gateway device **(page 348)** is an optional accessory.

The **QC** models are only compatible with the **QCC Quick Color Control system**
The external driver is included with the device.
The **QCC** control devices **(page 346)** are optional accessories.

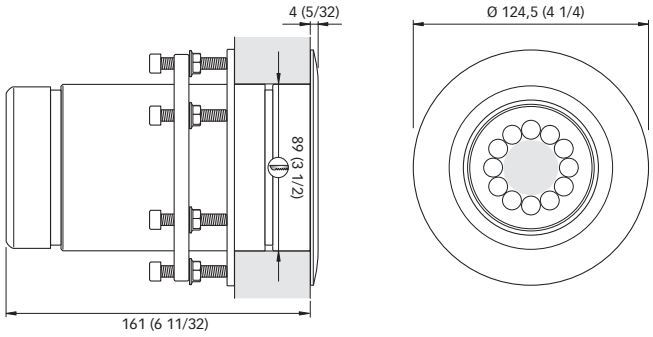

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**CLG THI 30 QN / CLG THI 30 QC**	**CLG THI 45 QN**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**	**LED**
Alimentazione / Power supply	10-30 Vdc	10-30 Vdc
Potenza / Power consumption	**30 W**	**45 W**
Assorbimento / Absorption	2,5 A @ 12 V / 1,25 A @ 24 V	3,75 A @ 12 V / 1,875 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	sì /Yes	sì /Yes
Temperatura colore Color temperature	**Bianco Freddo / Cool White**	**Bianco Freddo / Cool White**
	6200-6500 K	6200-6500 K
Flusso luminoso / Luminous flux	2500 lm	3565 lm
Forma Angolo / Beam shape	Ellittica / Elliptical	Ellittica / Elliptical
Top/Side beam angle	45° / 27° (1)	45° / 27° (1)

(1) Angoli rilevati in aria / Angles measured in the air

IP68

THI 30W/45W
CHALLENGER THI Series

CHALLENGER THI 30W/45W QN MODELS

QNN QUICK NAUTICAL NETWORK



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 30 QN - 30W - IP68
CLG THI 45 QN - 45W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL
MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white
Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 30 QN BC - 30W - IP68
CLG THI 45 QN BC - 45W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL
MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white
Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 30 QN RGBW - 30W - IP68
CLG THI 45 QN RGBW - 45W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL
RGBW
Sistemi di controllo / Control systems: QNN

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm

RGBW: QNN System

CHALLENGER THI 30W QC MODELS

QCC



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 30 QC - 30W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL
MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 30 QC BC - 30W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL
BICOLORE: Blu-Bianco freddo
BICOLOR: Blue-Cool white
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 30 QC RGBW - 30W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL
RGBW
Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm

RGBW: QCC System

THI 60W

CHALLENGER THI Series

Installazione / Installation
Solo subacquea / Underwater only

Montaggio con passascafo / Thru-hull mounting
Fissaggio con viti / Screw installation

Driver integrato / Integrated driver
Passascafo intercambiabile / Interchangeable Thru-Hull

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes
Lucidato / Polished



Sistemi di Controllo
ON-OFF - PULSANTE - QNN (gateway) - QCC
I modelli si differenziano secondo il sistema di controllo
che si desidera installare oppure già presente a bordo.

I modelli **QN** sono compatibili con il sistema
QNN Quick Nautical Network e con i sistemi di comando ON-OFF o da pulsante.
Driver integrato su tutti i modelli.
Il dispositivo gateway **QNN (pag. 348)** è un accessorio optional.

I modelli **QC** sono compatibili esclusivamente con il sistema **QCC Quick Color Control**
Il driver esterno è compreso nella fornitura dell'apparecchio.
I dispositivi di controllo **QCC (pag. 346)** sono accessori optional.

Control systems
ON-OFF - BUTTON - QNN (gateway) - QCC
Models differ according to the control system
to be installed or that is already present on board.

QN models are compatible with the
QNN Quick Nautical Network system and with ON-OFF or button control systems.
Built-in driver on all models.
The **QNN** gateway device **(page 348)** is an optional accessory.

The **QC** models are only compatible with the **QCC Quick Color Control system**
The external driver is included with the device.
The **QCC** control devices **(page 346)** are optional accessories.

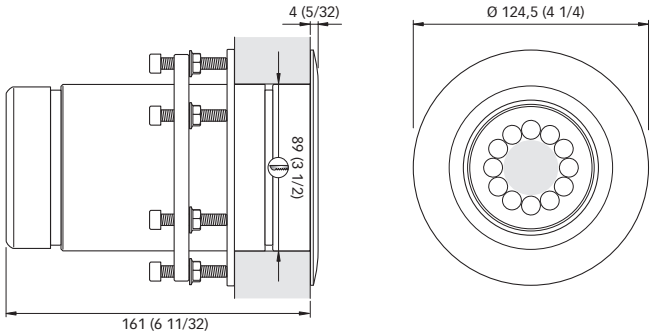

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**CLG THI 60 QN / CLG THI 60 QC**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	20-30 Vdc
Potenza / Power consumption	**60 W**
Assorbimento / Absorption	2,5 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	sì /Yes

	Bianco Freddo / Cool White
Temperatura colore Color temperature	6200-6500 K
Flusso luminoso / Luminous flux	4720 lm
Forma Angolo / Beam shape	Ellittica / Elliptical
Top/Side beam angle	45° / 27° [1]

[1] Angoli rilevati in aria / Angles measured in the air

IP68

THI 60W

CHALLENGER THI Series

CHALLENGER THI 60W QN MODELS

QNN QUICK NAUTICAL NETWORK



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 60 QN - 60W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL

MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white

Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 60 QN BC - 60W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL

MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white

Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 60 QN RGBW - 60W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL

RGBW

Sistemi di controllo / Control systems: QNN

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm

RGBW: QNN System

CHALLENGER THI 60W QC MODELS

QCC



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 60 QC - 60W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL

MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white

Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 60 QC BC - 60W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL

BICOLORE: Blu-Bianco freddo
BICOLOR: Blue-Cool white

Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 60 QC RGBW - 60W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL

RGBW

Sistemi di controllo / Control systems: QCC

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm

RGBW: QCC System

THI 80W

CHALLENGER THI Series

Installazione / Installation
Solo subacquea / Underwater only

Montaggio con passascafo / Thru-hull mounting
Fissaggio con viti / Screw installation

Materiale / Material
Acciaio inox AISI 316 / Stainless Steel AISI 316

Finiture / Finishes
Lucidato / Polished



Sistemi di Controllo
ON-OFF - PULSANTE - QNN (gateway) - QCC
I modelli si differenziano secondo il sistema di controllo
che si desidera installare oppure già presente a bordo.

I modelli **QN** sono compatibili con il sistema
QNN Quick Nautical Network e con i sistemi di comando ON-OFF o da pulsante.
Driver integrato su tutti i modelli.
Il dispositivo gateway **QNN (pag. 348)** è un accessorio optional.

I modelli **QC** sono compatibili esclusivamente con il sistema **QCC Quick Color Control**
Il driver esterno è compreso nella fornitura dell'apparecchio.
I dispositivi di controllo **QCC (pag. 346)** sono accessori optional.

Control systems
ON-OFF - BUTTON - QNN (gateway) - QCC
Models differ according to the control system
to be installed or that is already present on board.

QN models are compatible with the
QNN Quick Nautical Network system and with ON-OFF or button control systems.
Built-in driver on all models.
The **QNN** gateway device **(page 348)** is an optional accessory.

The **QC** models are only compatible with the **QCC Quick Color Control system**
The external driver is included with the device.
The **QCC** control devices **(page 346)** are optional accessories.

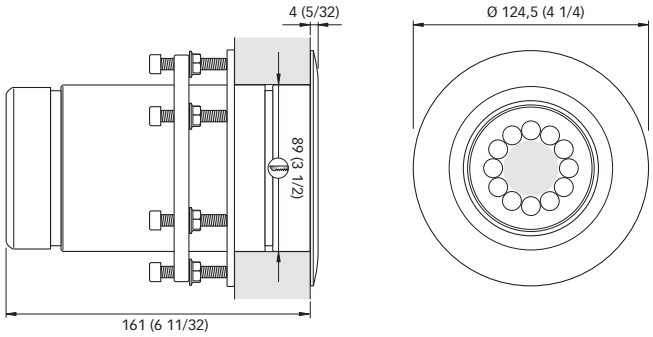

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

Modello / Model	**CLG THI 80 QN**
Sorgente luminosa / Light source	**LED**
Alimentazione / Power supply	20-30 Vdc
Potenza / Power consumption	**80 W**
Assorbimento / Absorption	3,33 A @ 24 V
Protezione LED / LED protection	Picchi di voltaggio ± 500 V / Spike protected ± 500 V Contro l'inversione di polarità / Against inversion of polarity
Polarità / Polarity sensitive	sì /Yes

	Bianco Freddo / Cool White
Temperatura colore Color temperature	6200-6500 K
Flusso luminoso / Luminous flux	6360 lm
Top/Side beam angle	120° [1]

[1] Angoli rilevati in aria / Angles measured in the air

IP68

THI 80W

CHALLENGER THI Series

CHALLENGER THI 80W QN MODELS

QNN QUICK NAUTICAL NETWORK



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 80 QN - 80W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL

MONOCOLORE: Blu, Bianco freddo
SINGLE COLOR: Blue, Cool white

Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 80 QN BC - 80W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL

BICOLORE: Blu-Bianco freddo
BICOLOR: Blue-Cool white

Sistemi di controllo: QNN / ON-OFF
Control systems: QNN / ON-OFF

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm



Integrated driver
Interchangeable Thru-Hull

CLG THI 80 QN RGBW - 80W - IP68

DRIVER INTEGRATO / INTEGRATED DRIVER
INTERCAMBIABILE / INTERCHANGEABLE THRU-HULL

RGBW

Sistemi di controllo / Control systems: QNN

IP68

Ø Cornice / Ø Bezel	124,5 mm
Recesso / Recess	161 mm
Ø Foratura / Ø Cutout	89 mm

RGBW: QNN System

LAMPSHADES

WALL AND TABLE LIGHTS COLLECTION



THE LAMPSHADES



Sharon custom - Tessuto Ecru melange
Disponibile si richiesta
Sharon custom - Melange Ecru cloth
Available on request

SHEILA
Wall lights Collection



BA15D 12/24 V - 20W max
E14 110/220 V - 25W max
Con o senza interruttore. Braccio fisso.
With or without switch. Fixed arm.

314

ISABELLA
Wall lights Collection



BA15D 12/24 V - 20W max
E14 110/220 V - 25W max
Braccio snodato. Jointed arm

315

IOLANDA
Wall lights Collection



BA15D 12/24 V - 20W max
E14 110/220 V - 25W max
Braccio snodato. Jointed arm

316

SHARON
Wall lights Collection



BA15D 12/24 V - 20W max
E14 110/220 V - 25W max
Con o senza interruttore. Braccio fisso.
With or without switch. Fixed arm.

317

DOMIZIANA
Wall lights Collection



BA15D 12/24 V - 20W max
E14 110/220 V - 25W max
Braccio snodato. Jointed arm

318

DOMITILLA
Wall lights Collection



BA15D 12/24 V - 20W max
E14 110/220 V - 25W max
Braccio snodato. Jointed arm

319





DOMINIQUE
Wall lights Collection



BA15D 12/24 V - 20W max
E14 110/220 V - 25W max
Braccio snodato. Jointed arm

320

ISOTTA
Table lights Collection



BA15D 12/24 V - 20W max
E14 110/220 V - 25W max
Braccio snodato. Jointed arm

322

DENISE
Table lights Collection



BA15D 12/24 V - 20W max
E14 110/220 V - 25W max
Braccio snodato. Jointed arm

323

SARAH
Table lights Collection



BA15D 12/24 V - 20W max
E14 110/220 V - 25W max
Con o senza interruttore. Braccio fisso.
With or without switch. Fixed arm.

324

MARTINE
Table lights Collection



BA15D 12/24 V - 20W max
E14 110/220 V - 25W max
Con o senza interruttore. Braccio fisso.
With or without switch. Fixed arm.

325

THEODORA
Table lights Collection



BA15D - 12/24 V - 8W max LED bulb
E14 - 110/220 Vac - 8W max LED bulb
Due sorgenti di illuminazione e due interruttori
Two light sources and two switches

326





SHEILA

Wall lights Collection

IP20

BA15D 12/24 V - 20W max
Disponibile lampadina LED / Available LED bulb

E14 110/220 V - 25W max



Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux



Materiale braccio / Bracket material
Alluminio / Aluminium

Finiture braccio / Bracket finishes
Cromato / Anodizzato opaco
Chromed / Opaque anodized



SHEILA

Con interruttore / With switch



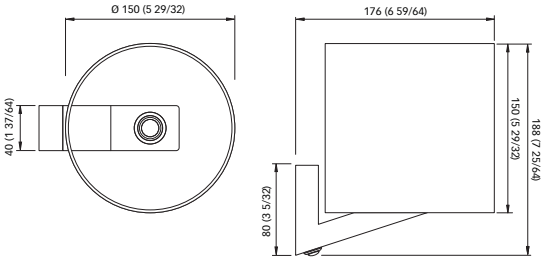

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

SHEILA NS

Senza interruttore / Without switch



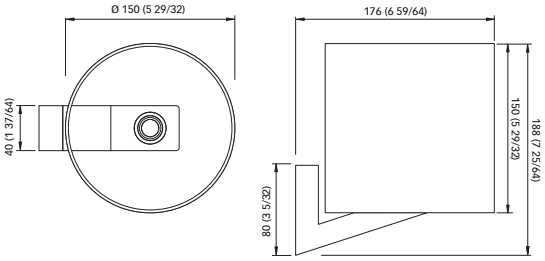

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ISABELLA
Wall lights Collection

IP20

BA15D 12/24 V - 20W max
Disponibile lampadina LED / Available LED bulb

E14 110/220 V - 25W max

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux

Materiale braccio / Bracket material
Ottone cromato / Chromed brass

Finiture braccio / Bracket finishes
Cromato / Oro
Chromed / Gold



ISABELLA 15-12
Braccio snodato / Jointed arm



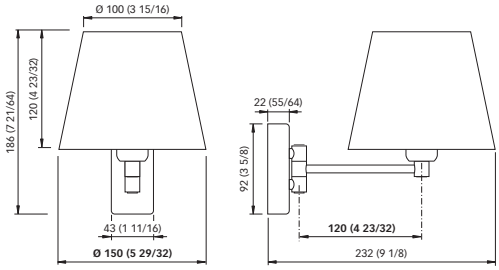

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ISABELLA 15-25
Braccio snodato / Jointed arm



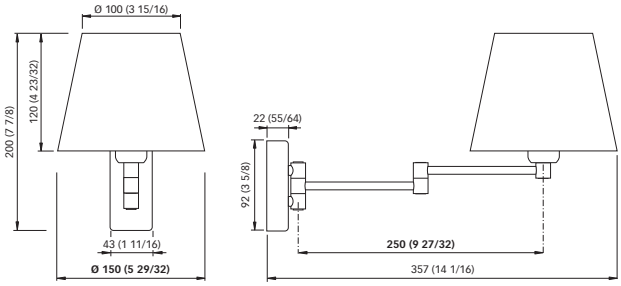

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ISABELLA 18-30
Braccio snodato / Jointed arm



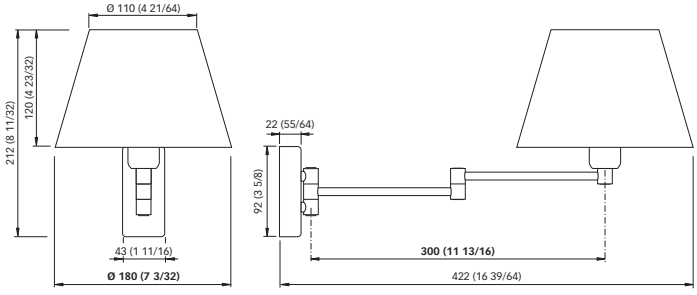

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

IOLANDA

Wall lights Collection

IP20

BA15D 12/24 V - 20W max
Disponibile lampadina LED / Available LED bulb

E14 110/220 V - 25W max

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux

Materiale braccio / Bracket material
Ottone cromato / Chromed brass

Finiture braccio / Bracket finishes
Cromato / Oro
Chromed / Gold



IOLANDA 30-30

Braccio snodato / Jointed arm



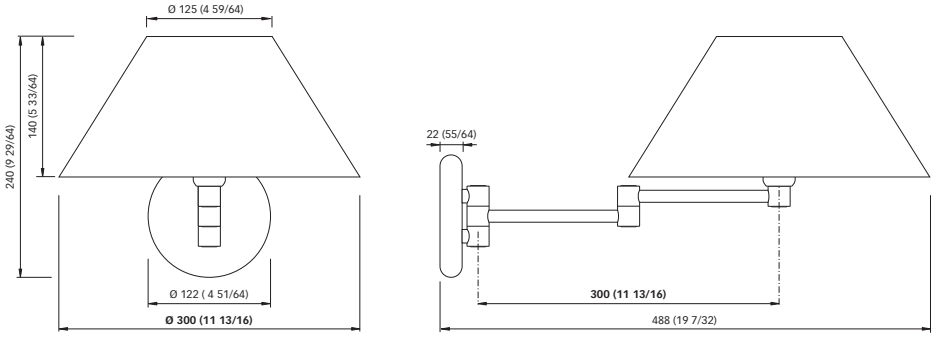

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

SHARON

Wall lights Collection

IP20

BA15D 12/24 V - 20W max
Disponibile lampadina LED / Available LED bulb

E14 110/220 V - 25W max

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux



Materiale braccio / Bracket material
Alluminio / Aluminium

Finiture braccio / Bracket finishes
Cromato / Anodizzato opaco
Chromed / Opaque anodized





SHARON 10
Con interruttore / With switch



SHARON 10 NS
Senza interruttore / Without switch



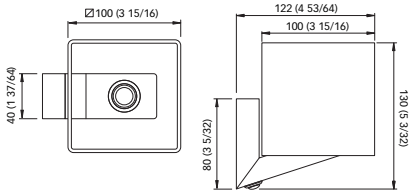

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

SHARON 15
Con interruttore / With switch



SHARON 15 NS
Senza interruttore / Without switch



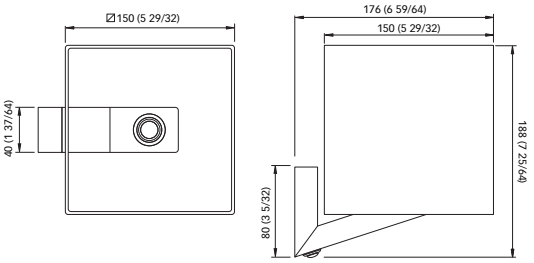

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

SHARON 20
Con interruttore / With switch



SHARON 20 NS
Senza interruttore / Without switch



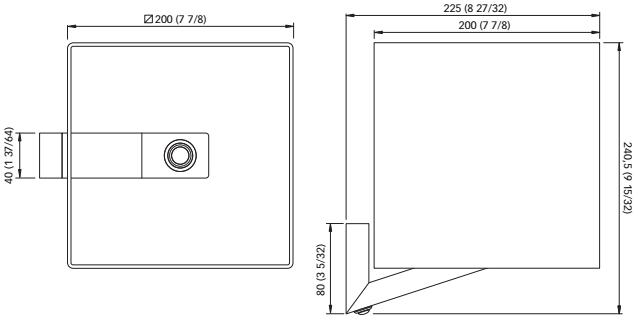

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DOMIZIANA

Wall lights Collection

IP20

BA15D 12/24 V - 20W max
Disponibile lampadina LED / Available LED bulb

E14 110/220 V - 25W max

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux

Materiale braccio / Bracket material
Ottone cromato / Chromed brass

Finiture braccio / Bracket finishes
Cromato / Oro
Chromed / Gold



DOMIZIANA 15-30

Braccio snodato / Jointed arm



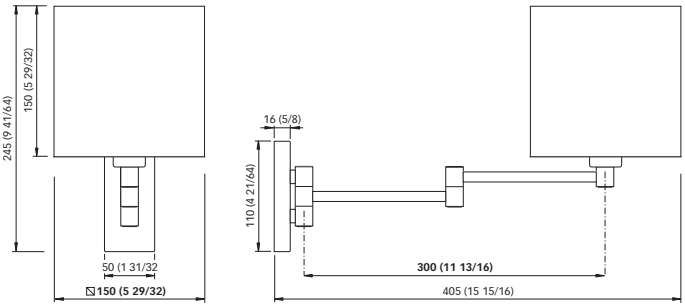

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DOMITILLA

Wall lights Collection

IP20

BA15D 12/24 V - 20W max
Disponibile lampadina LED / Available LED bulb

E14 110/220 V - 25W max

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux

Materiale braccio / Bracket material
Ottone cromato / Chromed brass

Finiture braccio / Bracket finishes
Cromato / Oro
Chromed / Gold



DOMITILLA 12-25

Braccio snodato / Jointed arm



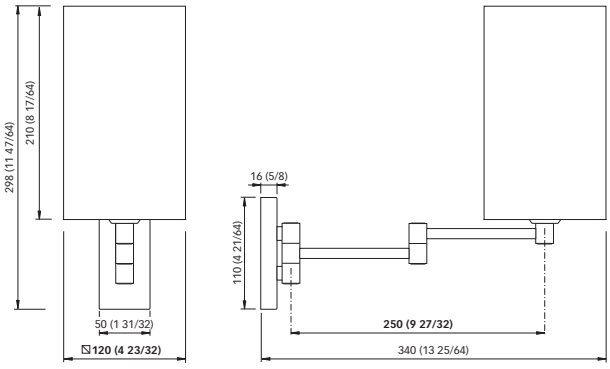

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DOMINIQUE
Wall lights Collection

IP20

BA15D 12/24 V - 20W max
Disponibile lampadina LED / Available LED bulb

E14 110/220 V - 25W max

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux

Materiale braccio / Bracket material
Ottone cromato / Chromed brass

Finiture braccio / Bracket finishes
Cromato / Oro
Chromed / Gold



DOMINIQUE 12-9
Con braccio fisso / Fixed arm



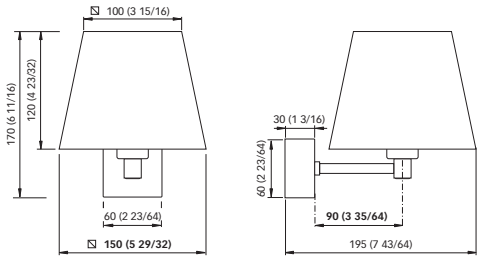

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DOMINIQUE 15-30
Braccio snodato / Jointed arm



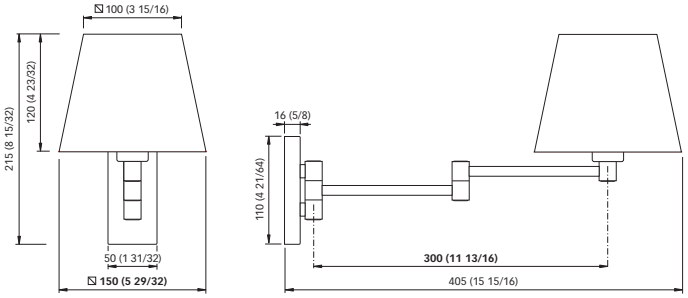

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DOMINIQUE 18-30
Braccio snodato / Jointed arm



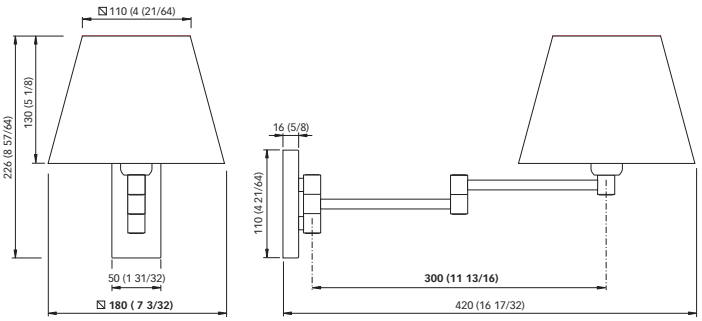

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DOMINIQUE
Wall lights Collection

IP20

BA15D 12/24 V - 20W max
Disponibile lampadina LED / Available LED bulb

E14 110/220 V - 25W max

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux

Materiale braccio / Bracket material
Ottone cromato / Chromed brass

Finiture braccio / Bracket finishes
Cromato / Oro
Chromed / Gold



DOMINIQUE22-35
Braccio snodato / Jointed arm



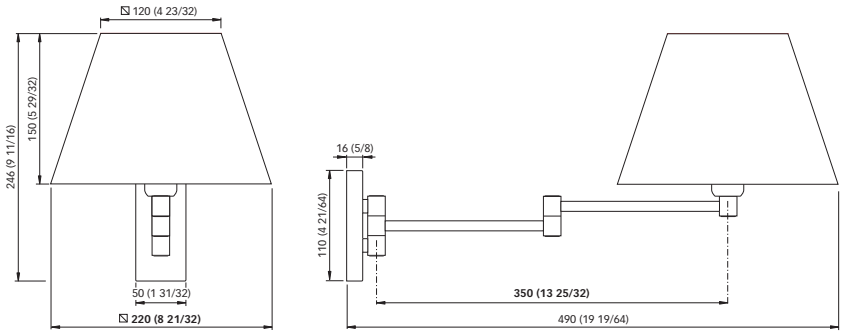

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

ISOTTA

Table lights Collection

IP20

BA15D 12/24 V - 20W max
Disponibile lampadina LED / Available LED bulb

E14 110/220 V - 25W max

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux

Materiale braccio / Bracket material
Ottone cromato / Chromed brass

Finiture braccio / Bracket finishes
Cromato / Oro
Chromed / Gold



ISOTTA 30-30

Braccio snodato / Jointed arm



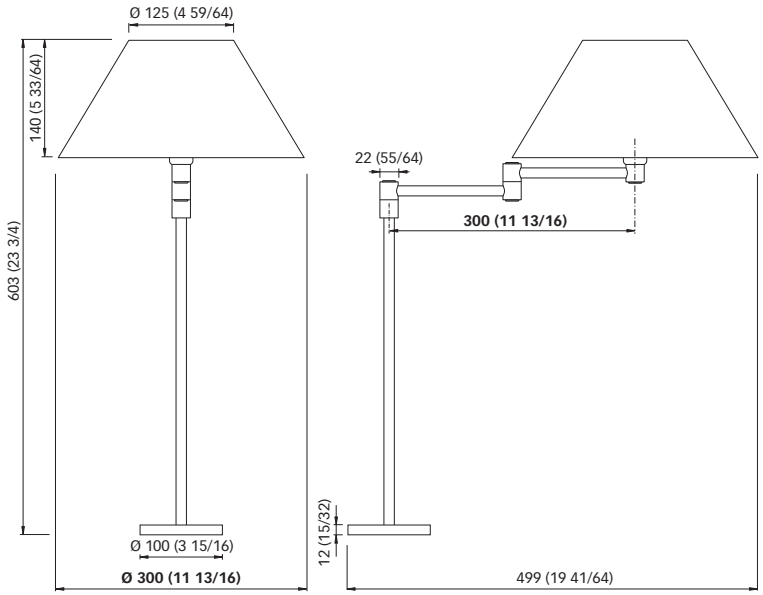

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DENISE

Table lights Collection

IP20

BA15D 12/24 V - 20W max
Disponibile lampadina LED / Available LED bulb

E14 110/220 V - 25W max

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux

Materiale braccio / Bracket material
Ottone cromato / Chromed brass

Finiture braccio / Bracket finishes
Cromato / Oro
Chromed / Gold



DENISE 24-30

Braccio snodato / Jointed arm



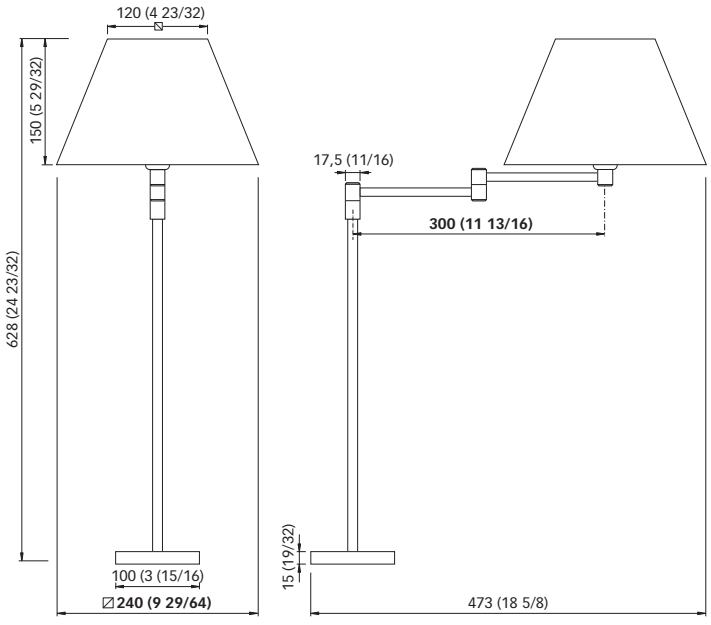

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

SARAH

Table lights Collection

IP20

BA15D 12/24 V - 20W max
Disponibile lampadina LED / Available LED bulb

E14 110/220 V - 25W max

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux

Materiale braccio / Bracket material
Alluminio / Aluminium

Finiture braccio / Bracket finishes
Cromato / Anodizzato opaco
Chromed / Opaque anodized



SARAH

Con interruttore / With switch



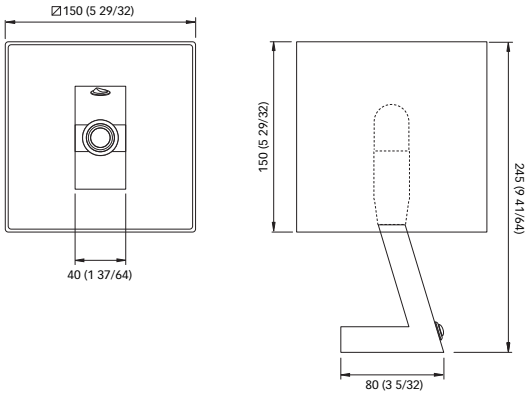

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

SARAH NS

Senza interruttore / Without switch



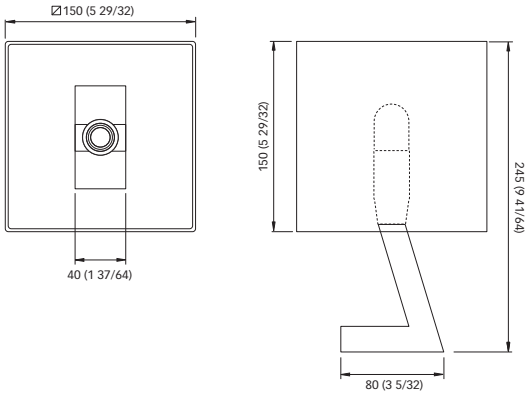

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

MARTINE

Table lights Collection

IP20

BA15D 12/24 V - 20W max
Disponibile lampadina LED / Available LED bulb

E14 110/220 V - 25W max

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux

Materiale braccio / Bracket material
Alluminio / Aluminium

Finiture braccio / Bracket finishes
Cromato / Anodizzato opaco
Chromed / Opaque anodized



MARTINE
Con interruttore / With switch

MARTINE NS
Senza interruttore / Without switch



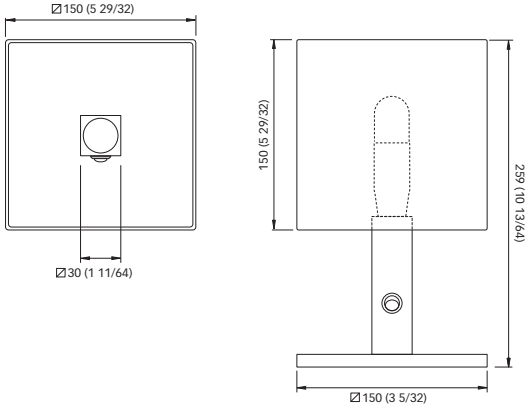

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

MARTINE HP
Con interruttore / With switch

MARTINE HP NS
Senza interruttore / Without switch



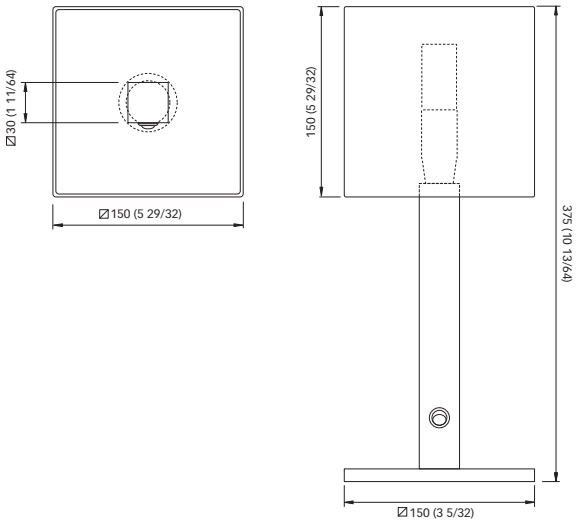

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

THEODORA series

I modelli della serie THEODORA si distinguono in due formati, base con cerchio Ø 250 e base con cerchio Ø 300.
I paralumi possono essere a cilindro oppure a forma di parallelepipedo in entrambi i casi.
Le lampade THEODORA sono dotate di due sorgenti luminose, una è costituita da un attacco per lampadine BA15D, l'altra è una luce decorativa che di diffonde all'interno del cerchio su cui è fissato il portalampada.
Le due sorgenti di luce sono attivabili, una alla volta o contemporaneamente, tramite i rispettivi interruttori presenti nel supporto base. L'illuminazione proveniente dall'interno del cerchio può essere utilizzata come luce di cortesia ed è disponibile anche con temperatura di colore blu, oltre che bianco caldo.

The models in the THEODORA series come in two formats: base with Ø 250 ring and base with Ø 300 ring.
The shades can be cylindrical or parallelepipedal in both cases.
THEODORA lamps are equipped with two light sources, one with a connection for BA15D lamps and the other being a decorative light that is diffused inside the ring on which the lamp holder is attached.
The two light sources can be activated one at a time or at the same time using the switches in the support base.
The light coming from inside the ring can be used as a courtesy light and is also available in blue as well as warm white.



THEODORA

Table lights Collection



Paralume luce LED bianca calda e luce di cortesia LED blu.
Lampshade with LED warm white light and LED blue courtesy light.

THEODORA
Table lights Collection

IP20

BA15D - 12/24 V - Max 8 W LED bulb

BA15D - 110/220 Vac - Max 8 W LED bulb

LED courtesy light

Alimentatore universale incluso per il sistema a 110/220V
Universal power supply included for 110/220V system
U: USA - E: EU - K: UK - A: SAA

Paralume - BA15D per lampadina a LED max 8W
Base - luce di cortesia blu o luce di cortesia bianca calda
Lampshade - BA15D for max 8W LED bulb
Base - blue courtesy light or warm white courtesy light

Materiale base e anello / Base and ring material
Alluminio Cromato / Chromed aluminium

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux



La lampada è fornita di due interruttori per l'accensione delle luci del paralume e dell'anello.

The lamp is provided with two switches for switching on the lights and the ring.

THEODORA 250 Q
Doppio interruttore / Double switch



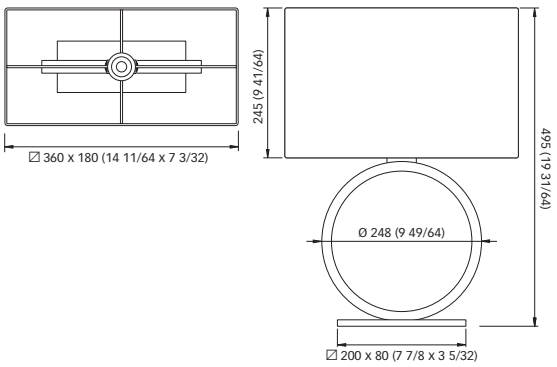

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

THEODORA 300 Q
Doppio interruttore / Double switch



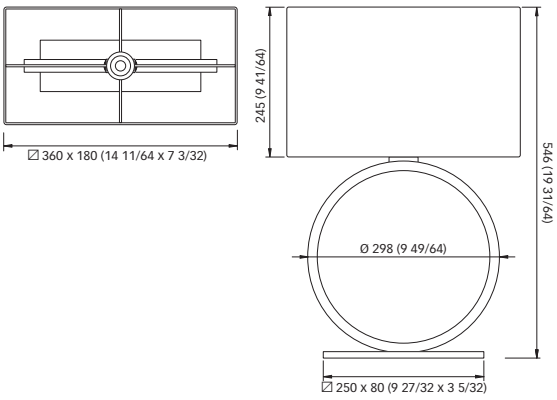

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

THEODORA

Table lights Collection



Paralume luce LED bianca calda e luce di cortesia LED bianca.
Lampshade with LED warm white light and LED whitecourtesy light.

THEODORA
Table lights Collection

IP20

BA15D - 12/24 V - Max 8 W LED bulb

BA15D - 110/220 Vac - Max 8 W LED bulb

LED courtesy light

Alimentatore universale incluso per il sistema a 110/220V
Universal power supply included for 110/220V system
U: USA - E: EU - K: UK - A: SAA

Paralume - BA15D per lampadina a LED max 8W
Base - luce di cortesia blu o luce di cortesia bianca calda
Lampshade - BA15D for max 8W LED bulb
Base - blue courtesy light or warm white courtesy light

Materiale base e anello / Base and ring material
Alluminio Cromato / Chromed aluminium

Materiale Paralume / Lampshade material
Tessuto PVC / Fabric PVC

Finiture Paralume / Lampshade finishes
Lino / Avorio / Marrone / Bordeaux
Linen / Ivory / Brown / Bordeaux



La lampada è fornita di due interruttori per l'accensione delle luci del paralume e dell'anello.

The lamp is provided with two switches for switching on the lights and the ring.

THEODORA 250 R
Doppio interruttore / Double switch



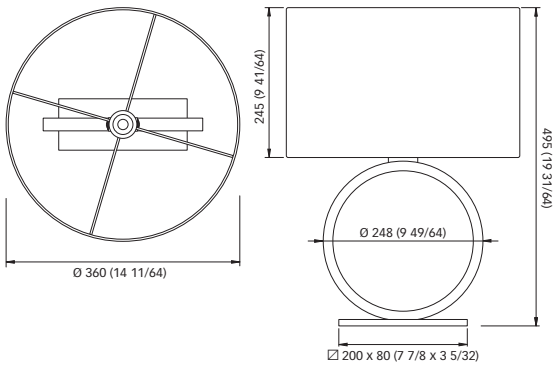

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

THEODORA 300 R
Doppio interruttore / Double switch



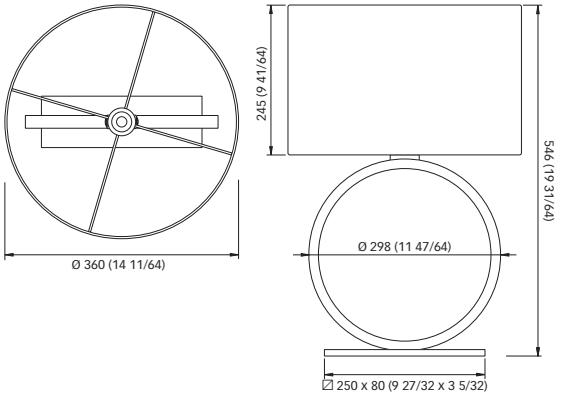

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

CONNECTION ACCESSORIES

ELECTRONIC ACCESSORIES



Quick Marine Lighting ha selezionato una serie di dispositivi per rispondere alle esigenze di qualsiasi tipo di alimentazione presente a bordo delle imbarcazioni con LED driver, alimentatori AC-DC DIN rail e convertitori DC-AC.
Per il controllo e la regolazione dell'illuminazione sono disponibili diversi dimmer e i sistemi progettati appositamente per i prodotti Quick. Il sistema QCC Quick Color Control è in grado di regolare il colore (RGBW) e l'intensità luminosa di ciascun ambiente in modo indipendente. Il sistema permette di creare scenari di grande effetto.
Il sistema QNN Quick Nautical Network invece è costituito da un dispositivo gateway che permette, tramite il chartplotter di interfacciare e comandare i sistemi Quick installati a bordo, tra cui l'impianto d'illuminazione.

Quick Marine Lighting has selected a series of devices to meet the needs of any type of power supply on board boats with LED drivers, AC-DC DIN rail power supplies, and DC-AC converters.
Various dimmers and systems designed specifically for Quick products are available for controlling and regulating the illumination. The QCC Quick Color Control system can independently regulate the colour (RGBW) and light intensity in any environment. The system makes it possible to create impressive scenarios.
The QNN Quick Nautical Network system, on the other hand, is comprised of a gateway device that allows interfacing with and controlling the Quick systems installed on board, including the lighting system, via the chart plotter.

AC-DC LED DRIVER
ALIMENTATORI LED AC-DC



336

AC-DC POWER SUPPLIES
ALIMENTATORI AC-DC DIN RAIL



340

DC-DC CONVERTER
CONVERTITORI DC-DC



341

LED DIMMER
DIMMER LED



342

QCC
RGBW, TUNABLE WHITE AND SINGLE-COLOUR SYSTEMS



346

QNN
QUICK NAUTICAL NETWORK



348

PSCV 4W - 24 V - IP65



- Alimentatore indipendente
- Ripple della corrente d'uscita <3%
- Durata nominale 50.000h a tc max

- Independent driver
- Typical ripple current <3%
- Nominal life-time up to 50,000h at tc max

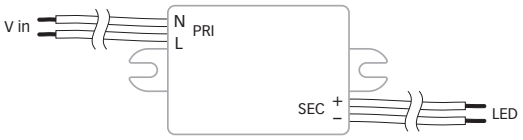

Schema di collegamento / Wiring diagram

Modello /Model	PSCV 4 W - 24V
Codice / Code	**FASP01000007A00**
Potenza / Power	**4 W**
Tensione in uscita / Output voltage	**24 V**
Corrente in uscita / Output current	**0,17 A max**
Tensione in ingresso / Input voltage	100 ÷ 240 Vac
Frequenza / Frequency	50-60 Hz
Fattore di potenza / Power factor	0,40 C
Protezioni / Protections	Cortocircuito / Short circuit - Surriscaldamento/Overheating Sovraccarico / Overload
Temp. operativa / Operating temperature	-10°C ÷ +50°C



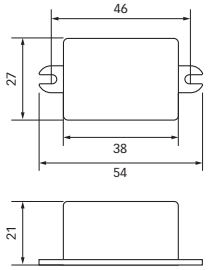

Dimensioni in mm / Dimensions in mm
Peso / Weight 40 g

PSCV 10W - 24 V - IP20



- Alimentatore indipendente
- Ripple della corrente d'uscita <3%
- Durata nominale 50.000h a tc max

- Independent driver
- Typical ripple current <3%
- Nominal life-time up to 50,000h at tc max

Norme di riferimento / Reference rule
EN 55015
EN 61000-3-2
EN 61347-1
EN 61347-2-13
EN 61547
EN 62384

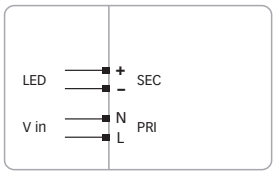

Schema di collegamento / Wiring diagram

Modello /Model	PSCV 10 W - 24V
Codice / Code	**FASP10000002D00**
Potenza / Power	**10 W**
Tensione in uscita / Output voltage	**24 V**
Corrente in uscita / Output current	**0,41 A max**
Tensione in ingresso (1) / Input voltage (1)	220 ÷ 240 Vac
Frequenza / Frequency	50-60 Hz
Fattore di potenza / Power factor	0,60 C
Protezioni / Protections	Cortocircuito / Short circuit - Surriscaldamento/Overheating Sovraccarico / Overload
Temp. operativa / Operating temperature	-10°C ÷ +50°C

(1) Idoneo per funzionamento a range esteso 110-264V - 50/60Hz con declassamento della potenza di circa il 50%.
(1) Suitable for operation at extended range 110-264V - 50/60Hz with about 50% of power derating.



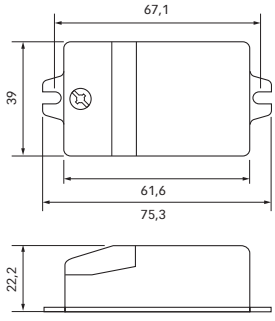

Dimensioni in mm / Dimensions in mm
Peso / Weight 50 g

PSCV 15W - 24 V - IP20



- Alimentatore indipendente
- Ripple della corrente d'uscita <3%
- Durata nominale 50.000h a tc max

- Independent driver
- Typical ripple current <3%
- Nominal life-time up to 50,000h at tc max

Norme di riferimento / Reference rule
EN 55015
EN 61000-3-2
EN 61347-1
EN 61347-2-13
EN 61547
EN 62384

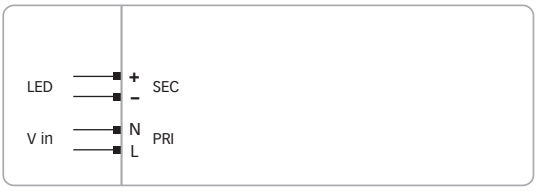

Schema di collegamento / Wiring diagram

Modello /Model	PSCV 15 W - 24V
Codice / Code	**FASP01000001D00**
Potenza / Power	**15 W**
Tensione in uscita / Output voltage	**24 V**
Corrente in uscita / Output current	**0,7 A max**
Tensione in ingresso (1) / Input voltage (1)	220 ÷ 240 Vac
Frequenza / Frequency	50-60 Hz
Fattore di potenza / Power factor	0,60 C
Protezioni / Protections	Cortocircuito / Short circuit - Surriscaldamento/Overheating Sovraccarico / Overload
Temp. operativa / Operating temperature	-10°C ÷ +50°C

(1) Idoneo per funzionamento a range esteso 110-264V - 50/60Hz con declassamento della potenza di circa il 50%.
(1) Suitable for operation at extended range 110-264V - 50/60Hz with about 50% of power derating.



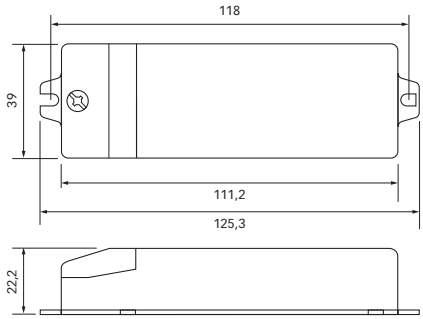

Dimensioni in mm / Dimensions in mm
Peso / Weight 80 g

PSCV 30W - 24 V - IP20

PFC • **ACTIVE PFC |** Correttore del Fattore di Potenza attivo.
Active Power Factor Corrector.



- Alimentatore indipendente
- Ripple della corrente d'uscita <5%
- Durata nominale 50.000h a tc max

- Independent driver
- Typical ripple current <5%
- Nominal life-time up to 50,000h at tc max

Norme di riferimento / Reference rule
EN 55015
EN 61000-3-2
EN 61347-1
EN 61347-2-13
EN 61547
EN 62384



Schema di collegamento / Wiring diagram

Modello /Model	PSCV 30 W - 24V
Codice / Code	**FASP01000003D00**
Potenza / Power	**30 W**
Tensione in uscita / Output voltage	**24 V**
Corrente in uscita / Output current	**1,2 A max**
Tensione in ingresso (1) / Input voltage (1)	220 ÷ 240 Vac
Frequenza / Frequency	50-60 Hz
Fattore di potenza / Power factor	0,95 C
Protezioni / Protections	Cortocircuito / Short circuit - Surriscaldamento/Overheating Sovraccarico / Overload
Temp. operativa / Operating temperature	-10°C ÷ +50°C

(1) Idoneo per funzionamento a range esteso 110-264V - 50/60Hz con declassamento della potenza di circa il 50%.
(1) Suitable for operation at extended range 110-264V - 50/60Hz with about 50% of power derating.



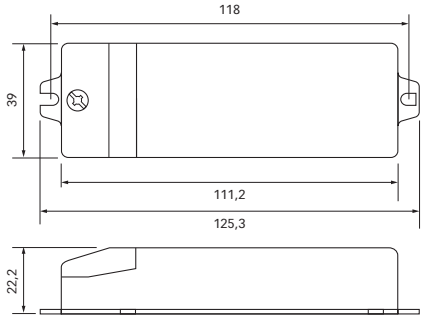

Dimensioni in mm / Dimensions in mm
Peso / Weight 80 g

PSCV 60W - 24 V - IP20



• **ACTIVE PFC |** Correttore del Fattore di Potenza attivo.
Active Power Factor Corrector.

- Alimentatore indipendente
- Ripple della corrente d'uscita <3%
- Durata nominale 50.000h a tc max
- Independent driver
- Typical ripple current <3%
- Nominal life-time up to 50,000h at tc max

Norme di riferimento / Reference rule
EN 55015
EN 61000-3-2
EN 61347-1
EN 61347-2-13
EN 61547
EN 62384

Modello /Model	PSCV 60 W - 24V
Codice / Code	**FASP01000004D00**
Potenza / Power	**60 W**
Tensione in uscita / Output voltage	**24 V**
Corrente in uscita / Output current	**2,5 A max**
Tensione in ingresso (1) / Input voltage (1)	220 ÷ 240 Vac
Frequenza / Frequency	50-60 Hz
Fattore di potenza / Power factor	0,9 C
Protezioni / Protections	Cortocircuito / Short circuit - Surriscaldamento/Overheating Sovraccarico / Overload
Temp. operativa / Operating temperature	-10°C ÷ +50°C

(1) Idoneo per funzionamento a range esteso 110-264V - 50/60Hz con declassamento della potenza di circa il 50%.
(1) Suitable for operation at extended range 110-264V - 50/60Hz with about 50% of power derating.

IP20 SELV

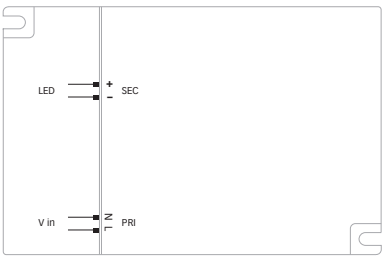

Schema di collegamento / Wiring diagram

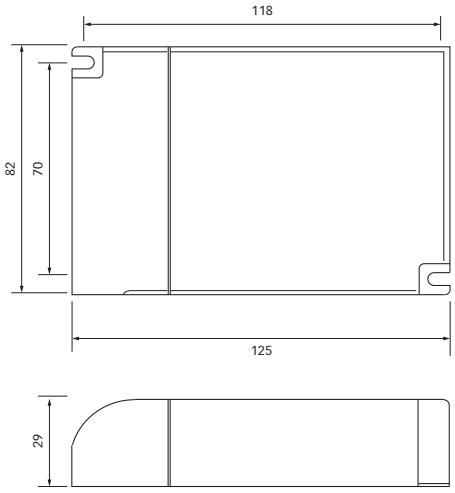

Dimensioni in mm / Dimensions in mm
Peso / Weight 180 g

PSCV 150W - 24 V - IP20



- **ACTIVE PFC |** Correttore del Fattore di Potenza attivo. Active Power Factor Corrector.

- Alimentatore indipendente
- Ripple della corrente d'uscita <3%
- Durata nominale 50.000h a tc max

- Independent driver
- Typical ripple current <3%
- Nominal life-time up to 50,000h at tc max

Norme di riferimento / Reference rule
EN 55015
EN 61000-3-2
EN 61347-1
EN 61347-2-13
EN 61547
EN 62384

Modello /Model	PSCV 150 W - 24V
Codice / Code	**FASP01000006D00**
Potenza / Power	**150 W**
Tensione in uscita / Output voltage	**24 V**
Corrente in uscita / Output current	**6,25 A max**
Tensione in ingresso (1) / Input voltage (1)	220 ÷ 240 Vac
Frequenza / Frequency	50-60 Hz
Fattore di potenza / Power factor	> 0,96 C
Protezioni / Protections	Cortocircuito / Short circuit - Surriscaldamento/Overheating Sovraccarico / Overload
Temp. operativa / Operating temperature	-10°C ÷ +50°C

(1) Idoneo per funzionamento a range esteso 110-264V - 50/60Hz con declassamento della potenza di circa il 50%.
(1) Suitable for operation at extended range 110-264V - 50/60Hz with about 50% of power derating.

IP20 SELV



Schema di collegamento / Wiring diagram

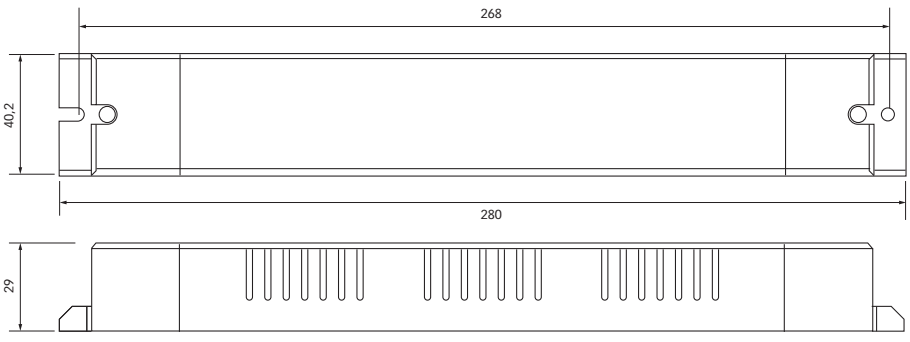

Dimensioni in mm / Dimensions in mm
Peso / Weight 250 g

ALIMENTATORI AC-DC DIN RAIL / AC-DC DIN-RAIL POWER SUPPLIES

PS45- 45W - 24 V



Modello / Model	PS45
Potenza / Power	**45 W**
Tensione in ingresso / Input voltage	85 - 264 Vac 50/60 Hz
Tensione in uscita / Output voltage	24 Vdc
Max Ampere sul carico / Max Load	2 A
Protezioni / Protections	Surriscaldamento - Sovratensione - Sovraccarico Overheating - Overvoltage - Overload

TUV UL CUL CB CE

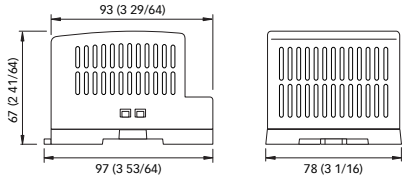

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

PS60 - 60W - 24 V



Modello / Model	PS60
Potenza / Power	**60 W**
Tensione in ingresso / Input voltage	85 - 264 Vac 50/60 Hz
Tensione in uscita / Output voltage	24 Vdc
Max Ampere sul carico / Max Load	2,5 A
Protezioni / Protections	Surriscaldamento - Sovratensione - Sovraccarico Overheating - Overvoltage - Overload

TUV UL CUL CB CE

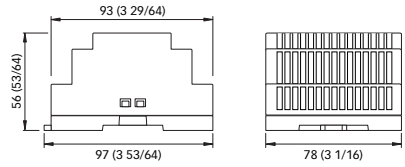

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

PS240 - 240W - 24 V



Modello / Model	PS240
Potenza / Power	**240 W**
Tensione in ingresso / Input voltage	85 - 264 Vac 50/60 Hz
Tensione in uscita / Output voltage	24 Vdc
Max Ampere sul carico / Max Load	10 A
Protezioni / Protections	Surriscaldamento - Sovratensione - Sovraccarico Overheating - Overvoltage - Overload

TUV UL CUL CB CE

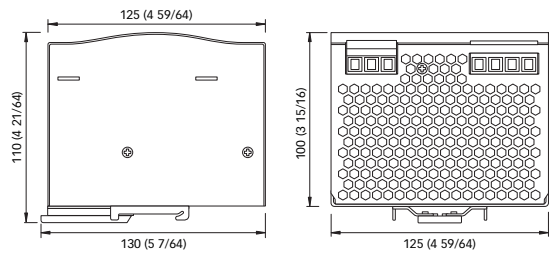

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

CONVERTER 24V-24V - 50W



Modello / Model	CONVERTER 24V-24V 50W
Potenza / Power	**50 W**
Tensione in ingresso / Input voltage	19 ~ 36 Vdc
Tensione in uscita / Output voltage	24 Vdc
Max Ampere sul carico / Max Load	2,1 A
Protezioni / Protections	Corto circuito - Sovratensione - Sovraccarico Short circuit - Overvoltage - Overload

SELV RoHS CE

Fino a 5 metri barra a Led "INFINITY"
Up to 5 meters Led light bar "INFINITY"

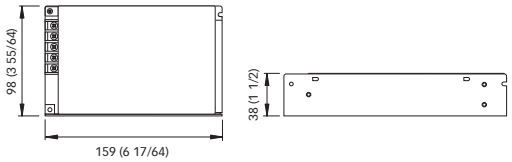

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

CONVERTER 24V-24V 100W



Modello / Model	CONVERTER 24V-24V 100W
Potenza / Power	**100 W**
Tensione in ingresso / Input voltage	19 ~ 36 Vdc
Tensione in uscita / Output voltage	24 Vdc
Max Ampere sul carico / Max Load	4,2 A
Protezioni / Protections	Corto circuito - Sovratensione - Sovraccarico Short circuit - Overvoltage - Overload

SELV RoHS CE

Fino a 10 metri barra a Led "INFINITY"
Up to 10 meters Led light bar "INFINITY"

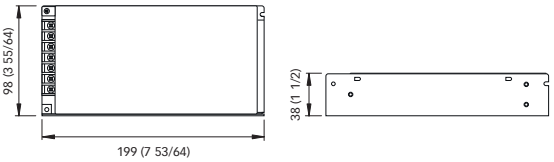

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

CONVERTER 24V-24V 150W



Modello / Model	CONVERTER 24V-24V 150W
Potenza / Power	**150 W**
Tensione in ingresso / Input voltage	19 ~ 36 Vdc
Tensione in uscita / Output voltage	24 Vdc
Max Ampere sul carico / Max Load	6,3 A
Protezioni / Protections	Corto circuito - Sovratensione - Sovraccarico Short circuit - Overvoltage - Overload

SELV RoHS CE

Fino a 15 metri barra a Led "INFINITY"
Up to 15 meters Led light bar "INFINITY"

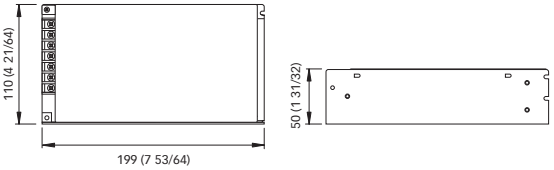

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DISPOSITIVI PER LA REGOLAZIONE DELL'INTENSITA' LUMINOSA
DEVICES FOR LIGHT INTENSITY ADJUSTMENT

ZDIM 100



Modello / Model	ZDIM 100
Potenza / Power consumption	**50 W** @ 12 V - **100 W** @ 24 V
Alimentazione / Power supply	10-30 Vdc*
Comando / Control type	Pulsanti / Push-buttons switches
Fusibile / Fuse	8 A
Protezioni / Protections	Cortocircuito / Short circuit / Surriscaldamento / Overheating Sovraccarico / Overload / Picchi di tensione / Voltage spikes

* ATTENZIONE: attenersi ai dati di targa delle lampade a LED utilizzate.
* WARNING: observe the data plate of the LED lamps used.

IP20 SELV

PUSH

Dimmer compatibile con i faretti Quick Marine Lighting della **serie Club e i modelli Tatì, Mirò, Yoko, Lucille e Thekla**.

Dimmer compatible with the Quick Marine Lighting spotlights of the **Club series and with models Tatì, Mirò, Yoko, Lucille and Thekla**.

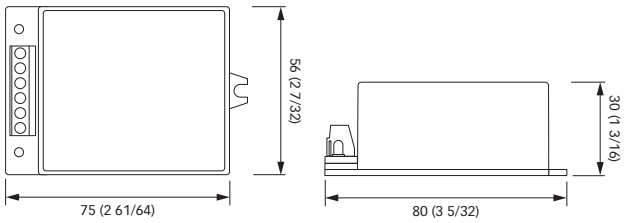

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

LDIM BUS 2CH



Modello / Model	LDIM BUS 2CH
Potenza / Power consumption	**50 W** @ 12 V - **100 W** @ 24 V - **per canale / each channel**
Alimentazione / Power supply	10-30 Vdc
Comando / Control type	Pulsanti / Push-buttons switches
Fusibile / Fuse	8 A
Protezioni / Protections	Cortocircuito / Short circuit / Surriscaldamento / Overheating Sovraccarico / Overload / Picchi di tensione / Voltage spikes

IP20 SELV

PUSH

Dimmer compatibile con tutti i **faretti e le Strip LED Quick Marine Lighting**.
Dimmer compatible with all the **Quick Marine Lighting spotlights and LED Strips**.

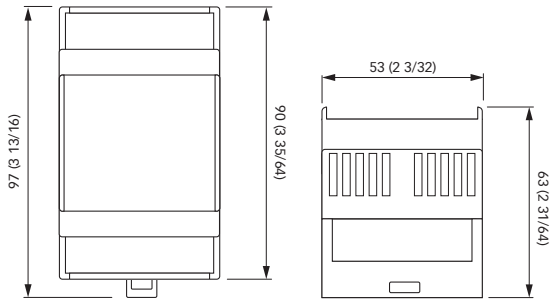

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

DISPOSITIVI PER LA REGOLAZIONE DELL'INTENSITA' LUMINOSA
DEVICES FOR LIGHT INTENSITY ADJUSTMENT

LDIM BUS RGBW



Modello / Model	LDIM BUS RGBW
Potenza / Power consumption	**75 W** @ 12 V - **150 W** @ 24 V - **per canale / each channel**
Alimentazione / Power supply	10-30 Vdc
Comando / Control type	Pulsanti / Push-buttons switches
Protezioni / Protections	Fusibile autoripristinante per canale / Resettable fuse each channel Fusibile a lama 15 A ogni 2 canali / Blade fuse 15 A each 2 channels Cortocircuito / Short circuit / Surriscaldamento / Overheating Sovraccarico / Overload / Picchi di tensione / Voltage spikes

IP20 SELV

PUSH Modbus

Dimmer compatibile con le **Strip LED RGBW e con tutti i faretti e le Strip LED con luce bianca Quick Marine Lighting**.

Dimmer compatible with **RGBW LED Strips and with all the Quick Marine Lighting spotlights and LED Strips with white light**.

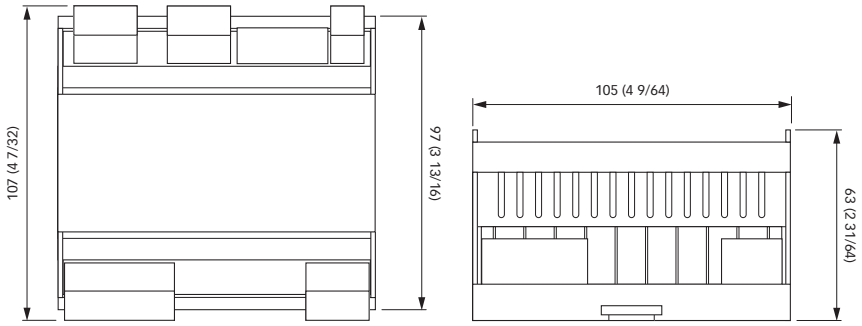

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)

HDIM 300 PLUS



Modello / Model	HDIM 300 PLUS MASTER	HDIM 300 PLUS SLAVE
Potenza / Power consumption	**150 W** @ 12 V - **300 W** @ 24 V	
Alimentazione / Power supply	10-30 Vdc	
Comando / Control type	Pulsanti. Numero indefinito Push-buttons switches. Unlimited number	Segnale proveniente da HDIM300 MASTER Signal from HDIM300 MASTER
Protezioni / Protections	Fusibile da 15A interno contro i cortocircuiti del carico. Internal 15A fuse, against short circuits of the load.	

IP20 SELV

PUSH

Dimmer compatibile con tutti gli **apparecchi a LED Quick Marine Lighting**.

Dimmer compatible with all the **Quick Marine Lighting LED devices**.

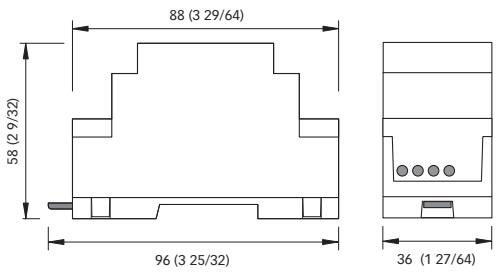

Dimensioni / Dimensions - mm (inch)


MCY 76



LIGHTING

CONTROL SYSTEMS

Quick Color Control System



Il sistema QCC è costituito da una serie di dispositivi elettronici che permettono il funzionamento ed il controllo degli apparecchi LED Quick RGBW e luce dinamica (TW).
Con il sistema QCC è possibile controllare 4 diversi scenari di luce. In modo indipendente può essere regolato il colore e l'intensità luminosa di ciascun ambiente.
Il sistema è compatibile con tutti i modelli QCC della gamma Quick Marine Lighting.

The QCC system consists of a series of electronic devices to operate and control the Quick RGBW and tunable white LED devices. Using this QCC system you can control 4 different light settings. In an independent manner you can adjust the colour and light intensity of any zone.
The system is compatible with all the QCC models of the Quick Marine Lighting range.

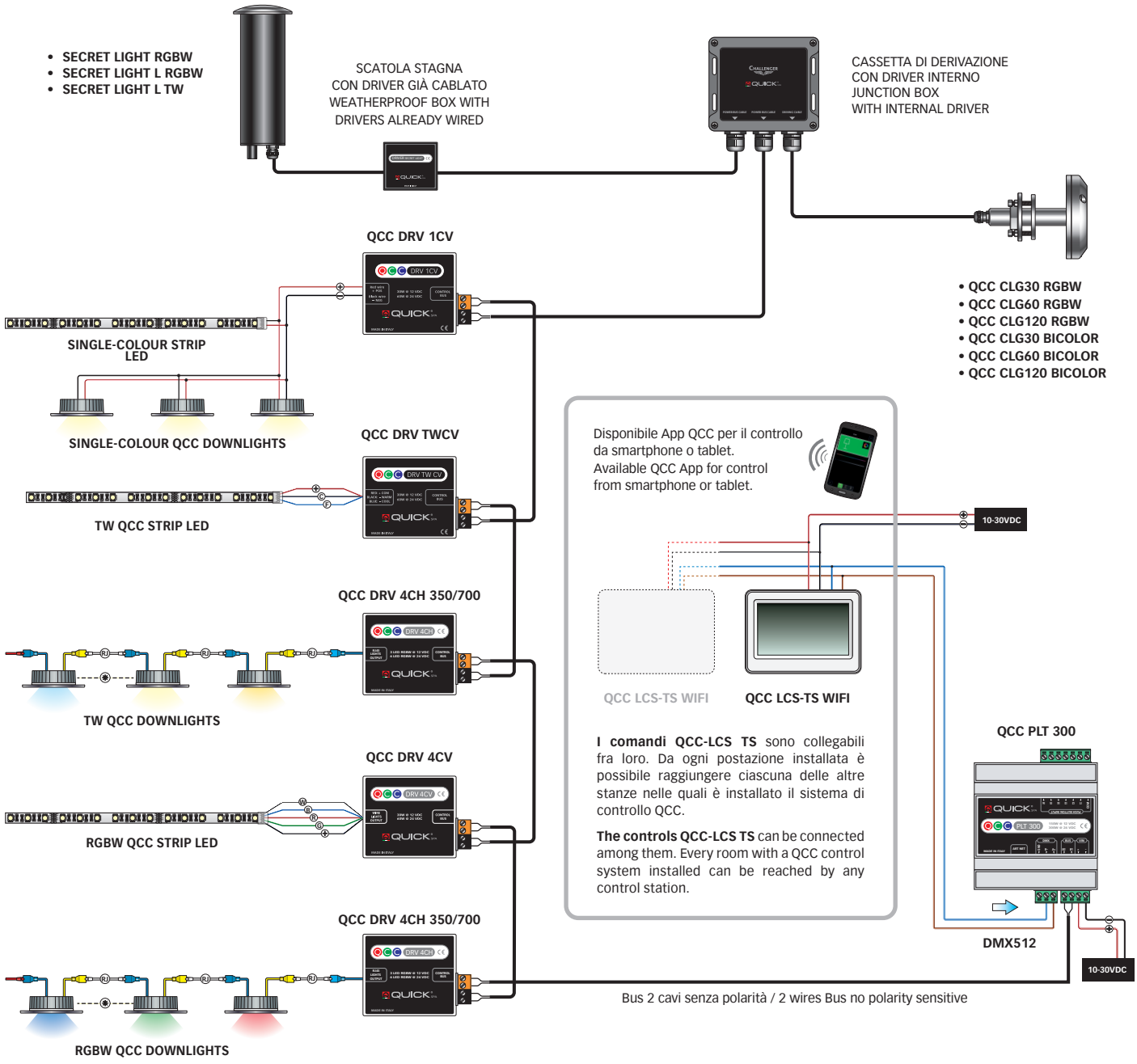

Quick Color Control System

QCC-LCS TS WIFI - 4.3"
LIGHT COLOR SELECTOR - TOUCH SCREEN 4.3"



Modello / Model	QCC-LCS TS WIFI
Alimentazione / Power supply	10 ÷ 30 Vdc
Corrente assorbita / Power consumption	60mA @ 24Vdc
Output di controllo / Control Output	Segnale di controllo DMX
Dimensioni (L x A x P) / Dimensions (W x H x D)	87,5 x 112 x 58 mm (3 7/16 x 4 13/32 x 2 9/32 inch)

Per il controllo da dispositivi mobili tramite App Quick Color Control
To allow the control by mobile devices through the Quick Color Control App

IP20 SELV

QCC-PLT 300
PILOT



Modello / Model	QCC-PLT 300
Alimentazione / Power supply	10 ÷ 30 Vdc
Corrente assorbita / Power consumption	max 12,5 A
Input di comando / Control input	DMX o da pulsanti a contatto pulito DMX or by clean-contact push buttons
Potenza / Power	150 W @ 12 V / 300 W @ 24 V
Dimensioni (L x A x P) / Dimensions (W x H x D)	87,5 x 112 x 58 mm (3 7/16 x 4 13/32 x 2 9/32 inch)

Dispositivo di gestione del sistema QCC
QCC system management device

IP20 SELV

QCC-DRV 4CH 350/700
DRIVER CONSTANT CURRENT



Modello / Model	QCC-DRV 4CH - 350	QCC-DRV 4CH - 700
Input da segnale di controllo Input from control signal	BUS due cavi / Two wires BUS	
Corrente costante massima per ogni canale Maximum constant current for each channel	350 mA	700 mA
Compatibilità / Compatibility	6W QCC RGBW and TW downlights	12W QCC RGBW and TW downlights
Carico massimo / Max Load	fino a / Up to 3 @ 12V - 6 @ 24V	fino a / Up to 3 @ 24V
Dimensioni (L x A x P) / Dimensions (W x H x D)	66,5 x 59 x 27,4 mm (2 5/8 x 2 21/64 x 1 5/64 inch)	

Driver per faretti 6/12W RGBW e bianco dinamico
6/12W RGBW and tunable white downlights driver

IP20 SELV

QCC-DRV 4CV
DRIVER CONSTANT VOLTAGE



Modello / Model	QCC-DRV 4CV
Input da segnale di controllo / Input from control signal	BUS due cavi / Two wires BUS
Corrente in uscita / Output current	max 2,5 A
Potenza / Power	30W @ 12V - 60W @ 24V
Dimensioni (L x A x P) / Dimensions (W x H x D)	66,5 x 59 x 27,4 mm (2 5/8 x 2 21/64 x 1 5/64 inch)

Driver per luci lineari RGBW
RGBW linear lights driver

IP20 SELV

QCC-DRV TWCV
DRIVER CONSTANT VOLTAGE



Modello / Model	QCC-DRV TWCV
Input da segnale di controllo / Input from control signal	BUS due cavi / Two wires BUS
Corrente in uscita / Output current	max 2,5 A
Potenza / Power	30W @ 12V - 60W @ 24V
Dimensioni (L x A x P) / Dimensions (W x H x D)	66,5 x 59 x 27,4 mm (2 5/8 x 2 21/64 x 1 5/64 inch)

Driver per luci lineari bianco dinamico
Tunable white linear lights driver

IP20 SELV

QCC-DRV 1CV
DRIVER CONSTANT VOLTAGE



Modello / Model	QCC-DRV 1CV
Input da segnale di controllo / Input from control signal	BUS due cavi / Two wires BUS
Corrente in uscita / Output current	max 2,5 A
Potenza / Power	30W @ 12V - 60W @ 24V
Dimensioni (L x A x P) / Dimensions (W x H x D)	66,5 x 59 x 27,4 mm (2 5/8 x 2 21/64 x 1 5/64 inch)

Driver per luci lineari e faretti monocolore
Linear lights and single-colour downlights driver

IP20 SELV

QNN QUICK NAUTICAL NETWORK



Quick Nautical Network è un dispositivo innovativo, che permette di integrare i sistemi Quick a quelli di navigazione. Il QNN - Quick Nautical Network è un gateway in grado di ricevere tutti i protocolli di comunicazione dei vari prodotti Quick (tra cui eliche di manovra, carica batterie, salpa ancora, stabilizzatori MC² Quick Gyro, luci e molti altri) per poi inviarli, tramite protocollo HTML5, a tutti i chart plotter di nuova generazione presenti sul mercato.
Grazie al sistema di connessione plug & play, caratterizzato da un'estrema semplicità di installazione, tutte le calibrazioni fatte sui sistemi dei prodotti Quick o da chart plotter sono automaticamente condivise tra i due sistemi (Quick e chart plotter): l'utente in possesso di un chart plotter di ultima generazione compatibile con HTML5, non dovrà fare altro che collegare quest'ultimo al QNN e ai sistemi dei prodotti Quick.



The Quick Nautical Network is an innovative device, which allows the integration of Quick systems with navigation systems.
The QNN - Quick Nautical Network is a gateway, able to receive all of the different protocols used by Quick devices (e.g. thrusters, battery chargers, windlasses, MC² Quick Gyros, lights and so on), and convert them into the HTML5 protocol to be integrated with all the new generation chart plotters on the market. Thanks to the plug & play connection system that is easily installed, the calibrations made on the Quick products systems or on the chart plotter are automatically shared between the two systems (Quick and chart plotter).
As long as the user has a new generation chart plotter compatible with HTML5, they will only need to connect the chart plotter to the QNN and to the Quick products systems.

QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

QNN GATEWAY
QNN - QUICK NAUTICAL NETWORK



Permette di controllare i Sistemi Quick® su tutti i pannelli di navigazione di ultima generazione.
Allows you to control Quick® Systems on all the latest-generation of navigation panels.

Modello / Model	QNN GATEWAY
CPU	ARM Cortex-A8 300 MHz
Sistema operativo / Operating system	Linux RT
FLASH	2 GB
RAM	256 MB
FRAM	64 KB
Real time clock - RTC Back-up	Sì
Ethernet port	2 (porta 0 - 10/100, porta 1 - 10/100)
USB port	1 (Host v. 2.0, max. 100 mA)
Serial port	RS-485
CAN bus port	2 (optical isolation – 1kV)
LED indicators	5 (Power, Ethernet status)
Tensione di alimentazione / Supply voltage	da 9 a 32 Vdc
Consumo Corrente / Current Consumption	0,15A max. at 24 Vdc
Temperatura operativa / Operating Temp	-15°C to +55°C
Storage Temp	-20°C to +70°C
Operating / Storage Humidity	5 - 85% RH, non condensante / 5 - 85% RH, non-condensing
Classe EMC / EMC class	EN60495 - FCC Title 47 Part 15 Subpart B Class B

IP67 SELV

LDIM-BUS-RGBW
DIMMER PER 4 CANALI LED

PUSH Modbus



Modello / Model	LDIM BUS RGBW
Alimentazione / Power supply	10-30 Vdc
Potenza / Power consumption	75 W @ 12 V - 150 W @ 24 V - per canale / each channel
Comando / Control type	Pulsanti / Push-buttons switches
Dimensioni (L x A x P) / Dimensions (W x H x D)	105 x 63 x 97 mm (4 9/64 x 2 31/64 x 3 13/16 inch)

IP20 SELV

Il comando permette di variare la luminosità, di 4 canali di sorgenti luminose a Led, in modo indipendente, tramite i relativi 4 ingressi (pulsanti) o tramite la linea seriale.
The dimmer lets you change the intensity of 4 channels of LED lights independently, using the 4 respective inputs (buttons) or the serial line.

QNN-DRV 4CH 350
DRIVER QNN RGBW



Driver per faretti 6/12W RGBW
6/12W RGBW downlights driver

Modello / Model	QNN - DRV 4CH - 350
Input da segnale di controllo Input from control signal	5 cavi a tensione costante 10-30 Vdc 5 constant voltage 10-30 Vdc cables
Corrente costante massima per ogni canale Maximum constant current for each channel	350 mA
Carico massimo / Max Load	3 downlights @ 6W RGBW @ 12V 6 downlights @ 6W RGBW @ 24V 3 downlights @ 12W RGBW @ 24V
Dimensioni (L x A x P) / Dimensions (W x H x D)	66,5 x 59 x 27,4 mm (2 5/8 x 2 21/64 x 1 5/64 inch)

IP20 SELV

QNN-DRV TW 700
DRIVER QNN TUNABLE WHITE



Driver per faretti 6/12W bianco dinamico
6/12W tunable white downlights driver

Modello / Model	QNN-DRV TW 700
Input da segnale di controllo Input from control signal	5 cavi a tensione costante 10-30 Vdc 5 constant voltage 10-30 Vdc cables
Corrente in uscita / Output current	700 mA
Carico massimo / Max Load	3 downlights @ 6W TW @ 12V 6 downlights @ 6W TW @ 24V 3 downlights @ 12W TW @ 24V
Dimensioni (L x A x P) / Dimensions (W x H x D)	66,5 x 59 x 27,4 mm (2 5/8 x 2 21/64 x 1 5/64 inch)

IP20 SELV

DRIVER RGBW CHALLENGER EVO e DELTA
DRIVER CONSTANT VOLTAGE



Driver per Challenger EVO/DELTA RGBW
RGBW Challenger EVO/DELTA Driver

IP20 SELV

QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

SCHEMA DI COLLEGAMENTO SISTEMA RGBW, BIANCO DINAMICO E MONOCOLORE COMANDATO DA GATEWAY QNN
CONNECTION DIAGRAM FOR RGBW, TUNABLE WHITE AND MONOCOLOR SYSTEM CONTROLLED BY QNN GATEWAY

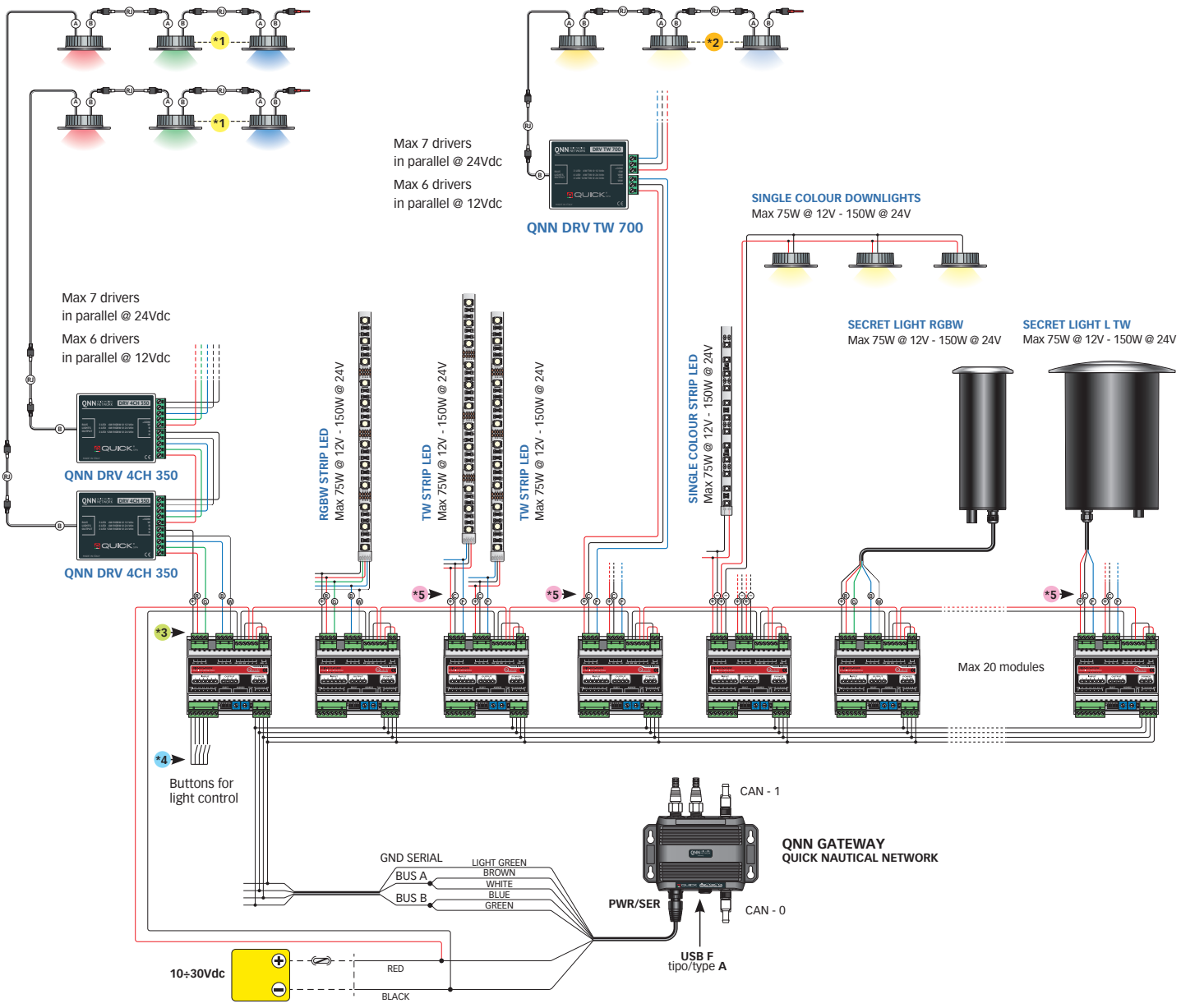

RJ

Connessione RJ45 maschio-maschio
RJ45 male to male connector

***1**

QNN DRV 4CH 350

6W QCC/QNN RGBW DOWNLIGHTS fino a n° 3 @ 12V
6W QCC/QNN RGBW DOWNLIGHTS fino a n° 6 @ 24V
12W QCC/QNN RGBW DOWNLIGHTS fino a n° 3 @ 24V

6W QCC/QNN RGBW DOWNLIGHTS Up to # 3 @ 12V
6W QCC/QNN RGBW DOWNLIGHTS Up to # 6 @ 24V
12W QCC/QNN RGBW DOWNLIGHTS Up to # 3 @ 24V

***2**

QNN DRV TW 700

6W QCC/QNN RGBW DOWNLIGHTS fino a n° 3 @ 12V
6W QCC/QNN RGBW DOWNLIGHTS fino a n° 6 @ 24V
12W QCC/QNN RGBW DOWNLIGHTS fino a n° 3 @ 24V

6W QCC/QNN RGBW DOWNLIGHTS Up to # 3 @ 12V
6W QCC/QNN RGBW DOWNLIGHTS Up to # 6 @ 24V
12W QCC/QNN RGBW DOWNLIGHTS Up to # 3 @ 24V

***3**

LDIM-BUS-RGBW
MAX 6A per canale
MAX 6A per channel

***4**

Per la connessione dei pulsanti di controllo delle luci e la configurazione Dip-Switch consultare il manuale del dimmer **LDIM-BUS-RGBW.**

For the connection of the light control buttons and the Dip-Switch configuration, consult the manual of the **LDIM-BUS-RGBW** dimmer.

***5**

+ = positivo comune / common positive
C = negativo bianco caldo / warm white negative
F = negativo bianco freddo / cool white negative

QNN QUICK NAUTICAL NETWORK

SCHEMA DI COLLEGAMENTO SISTEMA RGBW, BIANCO DINAMICO E MONOCOLORE COMANDATO DA GATEWAY QNN
CONNECTION DIAGRAM FOR RGBW, TUNABLE WHITE AND MONOCOLOR SYSTEM CONTROLLED BY QNN GATEWAY

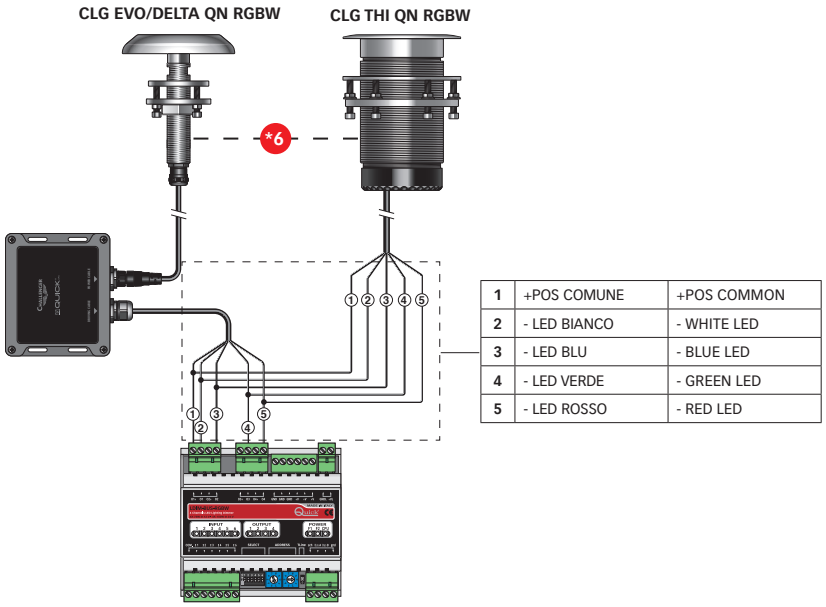

1	+POS COMUNE	+POS COMMON
2	- LED BIANCO	- WHITE LED
3	- LED BLU	- BLUE LED
4	- LED VERDE	- GREEN LED
5	- LED ROSSO	- RED LED

*6

Max 2 CLG (EVO/DLT/THI) **30W @ 12V**
Max 1 CLG (EVO/DLT/THI) **45W @ 12V**
Max 5 CLG (EVO/DLT/THI) **30W @ 24V**
Max 3 CLG (EVO/DLT/THI) **45W @ 24V**
Max 2 CLG (EVO/DLT/THI) **60W @ 24V**
Max 1 CLG (EVO/DLT/THI) **80W @ 24V**

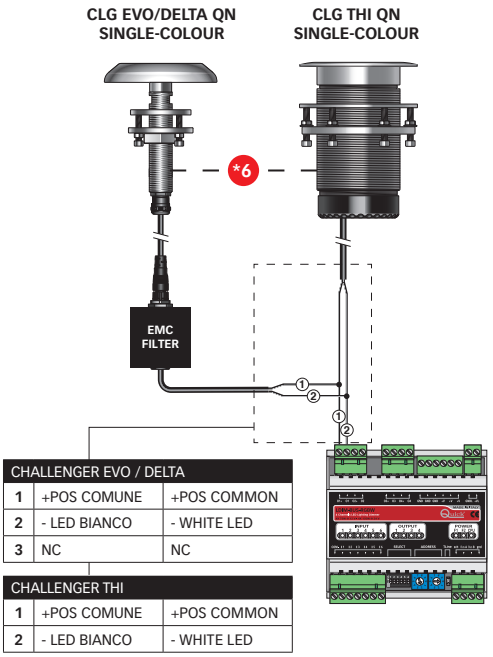

CHALLENGER EVO / DELTA		
1	+POS COMUNE	+POS COMMON
2	- LED BIANCO	- WHITE LED
3	NC	NC

CHALLENGER THI		
1	+POS COMUNE	+POS COMMON
2	- LED BIANCO	- WHITE LED

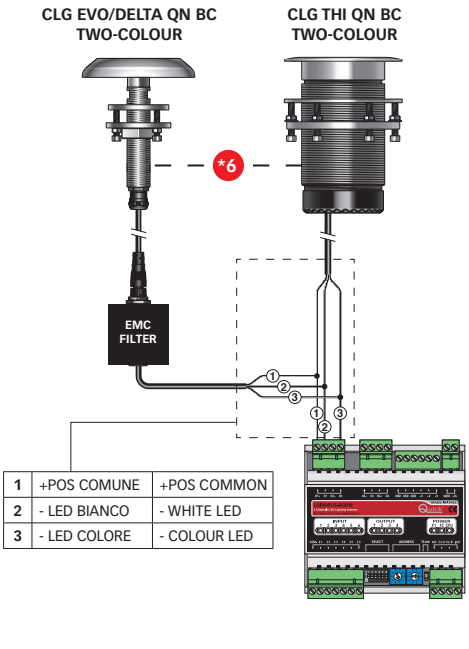

1	+POS COMUNE	+POS COMMON
2	- LED BIANCO	- WHITE LED
3	- LED COLORE	- COLOUR LED

QUICK S.P.A. is a member of

UCINA
CONFINDUSTRIA NAUTICA

ABYC
Setting Standards for safer Boating®
SETTING STANDARDS FOR SAFER BOATING

NMMA
NATIONAL MARINE MANUFACTURERS ASSOCIATION

ECOLIGHT
EFFICIENZA E PROFESSIONALITA' PER L'AMBIENTE

QUICK® SPA
Company with certified Quality system
ISO 9001:2015

ISO 9001
BUREAU VERITAS
Certification

Quick Marine Lighting - ED 14 - IT/EN - August 2022
CDCLGML00R14

La ditta si riserva di modificare le caratteristiche degli articoli contenuti nel presente catalogo senza preavviso.
The company reserves the right to modify the characteristics of the articles in this catalogue without notice.

ITEM NAME	SERIES NAME	PAGE
A		
ACTION 10W	ACTION	196
ACTION 10W+4W	ACTION	197
ACTION 5W	ACTION	197
ACTION TOUCH BUS 10W	ACTION	196
AG1B WHOLLY 4W	AG WHOLLY	152
AG1B WHOLLY 6W	AG WHOLLY	153
AG1D WHOLLY 4W	AG WHOLLY	156
AG1D WHOLLY 6W	AG WHOLLY	157
AG1K 4W	AG	132
AG1K 6W	AG	133
AG1K WHOLLY 4W	AG WHOLLY	150
AG1K WHOLLY 6W	AG WHOLLY	151
AG1M WHOLLY 4W	AG WHOLLY	154
AG1M WHOLLY 6W	AG WHOLLY	155
AG2B WHOLLY 4W	AG WHOLLY	160
AG2B WHOLLY 6W	AG WHOLLY	161
AG2D WHOLLY 4W	AG WHOLLY	164
AG2D WHOLLY 6W	AG WHOLLY	165
AG2K 4W	AG	134
AG2K 6W	AG	135
AG2K WHOLLY 4W	AG WHOLLY	158
AG2K WHOLLY 6W	AG WHOLLY	159
AG2M WHOLLY 4W	AG WHOLLY	162
AG2M WHOLLY 6W	AG WHOLLY	163
APOLLO XP HP 6W	GLASS	117
APOLLO XP HP 6W QC RGBW	GLASS	117
APOLLO XP HP 6W QC TW	GLASS	117
APOLLO XP LP 6W	GLASS	117
APOLLO XP LP 6W QC RGBW	GLASS	117
APOLLO XP LP 6W QC TW	GLASS	117
AUDREY	AUDREY	263
AUDREY DUAL	AUDREY	263
AUDREY NS	AUDREY	263
AUDREY NS DUAL	AUDREY	263
AUDREY WALL	AUDREY	264
AUDREY WALL DUAL	AUDREY	264
AUDREY WALL NS	AUDREY	264
AUDREY WALL NS DUAL	AUDREY	264
AUDREY WALL PL NS	AUDREY	265
AUDREY WALL PL NS DUAL	AUDREY	265
AUDREY WALL PL S2	AUDREY	265
AUDREY WALL PL S2 DUAL	AUDREY	265
AUDREY WALL PL USB	AUDREY	265
AUDREY WALL PL USB DUAL	AUDREY	265
AUDREY WALL S2	AUDREY	264
AUDREY WALL S2 DUAL	AUDREY	264
AUDREY WALL USB	AUDREY	264
AUDREY WALL USB DUAL	AUDREY	264
AUDREY WALL USB NS	AUDREY	264
AUDREY WALL USB NS DUAL	AUDREY	264
B		
BARBIE C 2W	CLUB SURFACE-MOUNT	193
BARBIE C DUAL 2+2W	CLUB SURFACE-MOUNT	193
BLAKE XP - FP OD 4W	XP	74
BLAKE XP - FP OD 6W	XP	75
BLAKE XP - FP OD 6W QC RGBW	XP	75
BLAKE XP - FP OD 6W QC TW	XP	75
BLAKE XP - FP SD 4W	XP	72
BLAKE XP - FP SD 6W	XP	73
BLAKE XP - FP SD 6W QC RGBW	XP	73
BLAKE XP - FP SD 6W QC TW	XP	73
BLAKE XP - HP 4W	XP	78
BLAKE XP - HP 6W	XP	79
BLAKE XP - HP 6W QC RGBW	XP	79
BLAKE XP - HP 6W QC TW	XP	79
BLAKE XP - LP 4W	XP	76
BLAKE XP - LP 6W	XP	77
BLAKE XP - LP 6W QC RGBW	XP	77
BLAKE XP - LP 6W QC TW	XP	77
BRANDON E - OD 2W	ELITE	53
BRANDON E - OD DUAL 2W+2W	ELITE	53
BRANDON E - SD 2W	ELITE	53
BRANDON E - SD DUAL 2W+2W	ELITE	53
BRANDON ET - OD 2W	ELITE	53
BRANDON ET - SD 2W	ELITE	53
BRYAN C 2W - IP40/IP66	CLUB	58
BRYAN C DUAL 2+2W - IP40/IP66	CLUB	58
BRYAN CS 2W - IP40	CLUB	58
BRYAN CT 2W - IP40/IP66	CLUB	58
BRYAN N 2W - IP40/IP66	NICE	64
BRYAN N DUAL 2+2 - IP40/IP66	NICE	64
BRYAN NT 2W - IP40/IP66	NICE	64
BRYAN V 4W - IP66	VIP	67
BRYAN VN 4W - IP66	VIP NICE	67
BYRON AC 15W	AC (220 Vac)	177
BYRON AC PL 15W	AC (220 Vac)	179
C		
CALIFFA	CALIFFA	266
CALIFFA WALL	CALIFFA	267
CALIFFA WALL USB	CALIFFA	265
CHIARA 4W	ROUND	84
CHIARA 6W	ROUND	84
CHIARA 6W QC RGBW	ROUND	84
CHIARA 6W QC TW	ROUND	84
CLG DLT 30 QC - 30W	**CHALLENGER - DELTA**	296
CLG DLT 30 QC BC - 30W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 30 QC RGBW - 30W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 30 QN - 30W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 30 QN BC - 30W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 30 QN RGBW - 30W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 45 QC - 45W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 45 QC BC - 45W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 45 QC RGBW - 45W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 45 QN - 45W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 45 QN BC - 45W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 45 QN RGBW - 45W	CHALLENGER - DELTA	296
CLG DLT 60 QC - 60W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 60 QC BC - 60W	CHALLENGER - DELTA	297
CLG DLT 60 QC RGBW - 60W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 60 QN - 60W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 60 QN BC - 60W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 60 QN RGBW - 60W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 80 QC - 80W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 80 QC BC - 80W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 80 QC RGBW - 80W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 80 QN - 80W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 80 QN BC - 80W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG DLT 80 QN RGBW - 80W	CHALLENGER - DELTA	298
CLG EVO 30 QC - 30W	**CHALLENGER - EVOLUTION**	300
CLG EVO 30 QC BC - 30W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 30 QC RGBW - 30W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 30 QN - 30W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 30 QN BC - 30W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 30 QN RGBW - 30W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 45 QC - 45W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 45 QC BC - 45W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 45 QC RGBW - 45W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 45 QN - 45W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 45 QN BC - 45W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 45 QN RGBW - 45W	CHALLENGER - EVOLUTION	300
CLG EVO 60 QC - 60W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 60 QC BC - 60W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 60 QC RGBW - 60W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 60 QN - 60W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 60 QN BC - 60W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 60 QN RGBW - 60W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 80 QC - 80W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 80 QC BC - 80W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 80 QC RGBW - 80W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 80 QN - 80W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 80 QN BC - 80W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG EVO 80 QN RGBW - 80W	CHALLENGER - EVOLUTION	302
CLG THI 30 QC - 30W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 30 QC BC - 30W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 30 QC RGBW - 30W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 30 QN - 30W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 30 QN BC - 30W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 30 QN RGBW - 30W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 45 QN - 45W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 45 QN BC - 45W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 45 QN RGBW - 45W	CHALLENGER - THI	304
CLG THI 60 QC - 60W	CHALLENGER - THI	306
CLG THI 60 QC BC - 60W	CHALLENGER - THI	306
CLG THI 60 QC RGBW - 60W	CHALLENGER - THI	306
CLG THI 60 QN - 60W	CHALLENGER - THI	306
CLG THI 60 QN BC - 60W	CHALLENGER - THI	306
CLG THI 60 QN RGBW - 60W	CHALLENGER - THI	306
CLG THI 80 QN - 80W	CHALLENGER - THI	308
CLG THI 80 QN BC - 80W	CHALLENGER - THI	308
CLG THI 80 QN RGBW - 80W	CHALLENGER - THI	308
CRISTIAN 6W QC RGBW	ROUND	86
CRISTIAN 6W QC TW	ROUND	86
CRISTIAN 7W	ROUND	86
CRISTIAN 12W	ROUND	86
CRISTIAN 12W QC RGBW	ROUND	86
CRISTIAN 12W QC TW	ROUND	86
D		
DAISY 40 1,5W	FLORA	46
DAISY 40 3,5W	FLORA	47
DAISY 52 1,5W	FLORA	46
DAISY 52 3,5W	FLORA	47
DANAE HP 6W QC RGBW	GLASS	122
DANAE HP 6W QC TW	GLASS	122
DANAE HP 7W	GLASS	122
DANAE HP 12W	GLASS	123
DANAE HP 12W QC RGBW	GLASS	123
DANAE HP 12W QC TW	GLASS	123
DANAE LP 6W QC RGBW	GLASS	122
DANAE LP 6W QC TW	GLASS	122
DANAE LP 7W	GLASS	122
DANAE LP 12W	GLASS	123
DANAE LP 12W QC RGBW	GLASS	123
DANAE LP 12W QC TW	GLASS	123
DAPHNE HP 4W	GLASS	120
DAPHNE LP 4W	GLASS	120
DAPHNE XP HP 6W	GLASS	121
DAPHNE XP HP 6W QC RGBW	GLASS	121
DAPHNE XP HP 6W QC TW	GLASS	121
DAPHNE XP LP 6W	GLASS	121
DAPHNE XP LP 6W QC RGBW	GLASS	121
DAPHNE XP LP 6W QC TW	GLASS	121
DEMETRA 6W QC RGBW	SQUARE	93
DEMETRA 6W QC TW	SQUARE	93
DEMETRA 7W	SQUARE	93
DEMETRA 12W	SQUARE	93
DEMETRA 12W QC RGBW	SQUARE	93
DEMETRA 12W QC TW	SQUARE	93
DRESS-UP 12V/24V	DRESS-UP	207
DRESS-UP TOP 12V/24V	DRESS-UP	207
E		
EDEL	EDEL	285
EDWIN C 2W - IP40/IP66	CLUB	57
EDWIN C DUAL 2+2W - IP40/IP66	CLUB	57
EDWIN N 2W - IP40/IP66	NICE	63
EDWIN N DUAL 2+2 - IP40/IP66	NICE	63
EDWIN V 4W - IP66	VIP	67
EDWIN VN 4W - IP66	VIP NICE	67
ELLIOT E - OD 2W	ELITE	52
ELLIOT E - OD DUAL 2W+2W	ELITE	52
ELLIOT E - SD 2W	ELITE	52
ELLIOT E - SD DUAL 2W+2W	ELITE	52
ELLIOT ET - OD 2W	ELITE	52
ELLIOT ET - SD 2W	ELITE	52
ELY 1,5W	ELY	32
ELY 3W	ELY	33
ELY AG 1,5W	ELY AG - ANTIGLARE COLL.	34 - 126
ELY AG 3W	ELY AG - ANTIGLARE COLL.	35 - 127
ELY AG WT 1,5W	ELY AG - ANTIGLARE COLL.	36 - 128
ELY SMOKEY 1,5W	ELY	37
ELY SMOKEY 3W	ELY	37
ELY SMOKEY WT 1,5W	ELY	37
ERICA 1 - 2W	ERICA	40
ERICA 2 - 4W	ERICA	40
ERICA 3 - 6W	ERICA	40
EYELID	EYELID	284
F		
G		
GAIA	GAIA	281
GLADIS 1L	GRACE & GLADIS	279
GLADIS 2L	GRACE & GLADIS	279
GRACE 1L	GRACE & GLADIS	279
GRACE 2L	GRACE & GLADIS	279
GWENDA 1L	MARGOT & GWENDA	278
GWENDA 2L	MARGOT & GWENDA	278
H		
HALLIE	HALLIE & HARRIET	277
HARRIET	HALLIE & HARRIET	277
HONEY HP - 1,5W	GLASS	114 - 286
HONEY HP - 3W	GLASS	114 - 286
HONEY LP - 1,5W	GLASS	114 - 286
HONEY LP - 3W	GLASS	114 - 286
I		
ILENIA	PATRICIA & C.	276
INES	PATRICIA & C.	276
INFINITY 12V/24V	INFINITY	211
IRENE	PATRICIA & C.	276
J		
JACOB - 2,5W	JACOB - SPOTLIGHTS COLL.	256
JACOB NS - 2,5W	JACOB - SPOTLIGHTS COLL.	256
JAZZ H10 4W	JAZZ - ANTIGLARE COLL.	138
JAZZ H10 6W	JAZZ - ANTIGLARE COLL.	139
JD - 1,5	JO&JD	43
JO - 1,5	JO&JD	43
JOYCE - 3W	JOYCE - SPOTLIGHTS COLL.	257
JOYCE NS - 3W	JOYCE - SPOTLIGHTS COLL.	257
K		
KAI XP - FP OD 4W	XP	74
KAI XP - FP OD 6W	XP	75
KAI XP - FP OD 6W QC RGBW	XP	75
KAI XP - FP OD 6W QC TW	XP	75
KAI XP - FP SD 4W	XP	72
KAI XP - FP SD 6W	XP	73
KAI XP - FP SD 6W QC RGBW	XP	73
KAI XP - FP SD 6W QC TW	XP	73
KAI XP - HP 4W	XP	78
KAI XP - HP 6W	XP	79
KAI XP - HP 6W QC RGBW	XP	79
KAI XP - HP 6W QC TW	XP	79
KAI XP - LP 4W	XP	76

ITEM NAME	SERIES NAME	PAGE
KAI XP - LP 6W	XP	77
KAI XP - LP 6W QC RGBW	XP	77
KAI XP - LP 6W QC TW	XP	77
KLEOS 180 - 12W	ROUND	89
KLEOS 235 - 15W	ROUND	89
KOLE AC 15W	AC (220 Vac)	176
KOLE AC FLAT 15W	AC (220 Vac)	176
KOLE AC PL 15W	AC (220 Vac)	178
KOR XP - HP 4W	XP	78
KOR XP - HP 6W	XP	79
KOR XP - HP 6W QC RGBW	XP	79
KOR XP - HP 6W QC TW	XP	79
KOR XP - LP 4W	XP	76
KOR XP - LP 6W	XP	77
KOR XP - LP 6W QC RGBW	XP	77
KOR XP - LP 6W QC TW	XP	77
KRISTINE 6W QC RGBW	SQUARE	92
KRISTINE 6W QC TW	SQUARE	92
KRISTINE 7W	SQUARE	92
KRISTINE 12W	SQUARE	92
KRISTINE 12W QC RGBW	SQUARE	92
KRISTINE 12W QC TW	SQUARE	92
KXP L2 / KXP L2R	KAI/KOR XP LP ACCESSORIES	80
L		
LIDA	LIDA	280
LINDA 21 - 12V/24V	LINDA	205
LINDA 31 - 12V/24V	LINDA	205
LUCILLE 1,5W	ADJUSTABLES	97
M		
MARGOT 1L	MARGOT & GWENDA	278
MARGOT 2L	MARGOT & GWENDA	278
MARINA XP - FP OD 4W	XP	74
MARINA XP - FP OD 6W	XP	75
MARINA XP - FP OD 6W QC RGBW	XP	75
MARINA XP - FP OD 6W QC TW	XP	75
MARINA XP - FP SD 4W	XP	72
MARINA XP - FP SD 6W	XP	73
MARINA XP - FP SD 6W QC RGBW	XP	73
MARINA XP - FP SD 6W QC TW	XP	73
MARINA XP - HP 4W	XP	78
MARINA XP - HP 6W	XP	79
MARINA XP - HP 6W QC RGBW	XP	79
MARINA XP - HP 6W QC TW	XP	79
MARINA XP - LP 4W	XP	76
MARINA XP - LP 6W	XP	77
MARINA XP - LP 6W QC RGBW	XP	77
MARINA XP - LP 6W QC TW	XP	77
MATHILDA AC 15W	AC (220 Vac)	177
MATHILDA AC PL 15W	AC (220 Vac)	178
MAXIBAR - 18W/m	MAXIBAR	215
MAXIBAR DUAL - 9W/M+9W/m	MAXIBAR	215
MAXIBAR QC RGBW - 11W/M	MAXIBAR	215
MAXIBAR QC TW - 11W/M	MAXIBAR	215
MAYA 30	MAYA	259
MAYA 30 DUAL	MAYA	259
MAYA 60	MAYA	259
MAYA 60 DUAL	MAYA	259
MINDY C 2W - IP40	CLUB SURFACE-MOUNT	193
MINDY CS 2W - IP40	CLUB SURFACE-MOUNT	193
MIRIAM C 2W - IP40	CLUB	59
MIRO' 2W	MIRO' & TATI'	194
N		
NICOLE 1,5W	NICOLE - SPOTLIGHTS COLL.	257
NIKITA 4W	ADJUSTABLE	98
NIKITA 6W	ADJUSTABLE	98
NIKITA 9W	ADJUSTABLE	99
NIKITA AG 4W	ADJ. - ANTIGLARE COLL.	100 - 141
NIKITA AG 6W	ADJ. - ANTIGLARE COLL.	101 - 142
NIKITA AG 9W	ADJ. - ANTIGLARE COLL.	102 - 143
NK1 / NK2 / NK3	NIKITA ACCESSORIES	103 - 144
O		
OLIVIA - 2,5W	OLIVIA - SPOTLIGHTS COLL.	256
OLIVIA NS - 2,5W	OLIVIA - SPOTLIGHTS COLL.	256
ONDALED SIDE - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	230
ONDALED SIDE RGBW - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	230
ONDALED SIDE TW - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	130
ONDALED TOP - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	226
ONDALED TOP RGBW - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	226
ONDALED TOP TW - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	226
ONDALED TOP10 - 12V/24V	ONDALED SYSTEM	228
P		
PALLADIO Q90 - 10W	PALLADIO	169
PALLADIO Q70 - 7W	PALLADIO	168
PALLADIO Q105 - 13W	PALLADIO	170
PALLADIO R70 - 7W	PALLADIO	168
PALLADIO R90 - 10W	PALLADIO	169
PALLADIO R105 - 13W	PALLADIO	170
PALLADIO VR70 - 7W	PALLADIO VISOR	171
PALLADIO VR90 - 10W	PALLADIO VISOR	172
PALLADIO VR105 - 13W	PALLADIO VISOR	173
PATRICIA	PATRICIA & C.	276
PLATO' 30 12V/24V	PLATO'	244-249
PLATO' 60 12V/24V	PLATO'	244-249
Q		
QB COMPASS 1L - 4W	QB	236-239
QB COMPASS 1L - 6W	QB	236-239
QB COMPASS 2L - 2+2W	QB	236-239
QB FIXED 1L - 4W	QB	236-239
QB FIXED 1L - 6W	QB	236-239
QB FIXED 2L - 2+2W	QB	236-239
QB SPIN 1L - 4W	QB	236-239
QB SPIN 1L - 6W	QB	236-239
QB SPIN 2L - 2+2W	QB	236-239
QB SWIVEL 1L - 4W	QB	236-239
QB SWIVEL 1L - 6W	QB	236-239
QB TOWER 2L - 4+4W	QB	236-239
QB TOWER 2L - 6+6W	QB	236-239
QB TWINS 2L - 4+4W	QB	236-239
QB TWINS 2L - 6+6W	QB	236-239
R		
REBECCA 1,5W	REBECCA	262
REBECCA USB 1,5W	REBECCA	262
REGINA 4W	ADJUSTABLE	104
REGINA 6W	ADJUSTABLE	104
REGINA 9W	ADJUSTABLE	105
REGINA AG 4W	ADJ. - ANTIGLARE COLL.	106 - 145
REGINA AG 6W	ADJ. - ANTIGLARE COLL.	107 - 146
REGINA AG 9W	ADJ. - ANTIGLARE COLL.	108 - 147
ROBIN 2,5W	ROBIN - SPOTLIGHTS COLL.	256
S		
SANDY C 2W - IP40	CLUB SURFACE-MOUNT	193
SECRET LIGHT - OD 3W	SECRET LIGHT	186
SECRET LIGHT - OD 6W	SECRET LIGHT	187
SECRET LIGHT - OD 6W QC RGBW	SECRET LIGHT	185
SECRET LIGHT - OD 6W QN RGBW	SECRET LIGHT	185
SECRET LIGHT - SD 3W	SECRET LIGHT	186
SECRET LIGHT - SD 6W	SECRET LIGHT	187
SECRET LIGHT F/FL- OD 6W QC RGBW	SECRET LIGHT	183
SECRET LIGHT F/FL - OD 3W	SECRET LIGHT	182
SECRET LIGHT F/FL - OD 6W	SECRET LIGHT	183
SECRET LIGHT F/FL - OD 6W QN RGBW	SECRET LIGHT	183
SECRET LIGHT F/FL - SD 3W	SECRET LIGHT	182
SECRET LIGHT F/FL - SD 6W	SECRET LIGHT	183
SECRET LIGHT L 6W	SECRET LIGHT	189
SECRET LIGHT L 6W QC RGBW	SECRET LIGHT	189
SECRET LIGHT L 6W QC TW	SECRET LIGHT	189
SECRET LIGHT L 6W QN RGBW	SECRET LIGHT	189
SECRET LIGHT L 6W QN TW	SECRET LIGHT	189
SELENE C 2W - IP40	CLUB	59
SHARK 30	SHARK	269
SHARK 50	SHARK	269
SIMPLY 12V /24V	SIMPLY	209
SONIA 4W	ROUND	85
SONIA 9W	ROUND	85
STARRY SKY - KIT SSC 1	STARRY SKY	220
STARRY SKY - KIT SSC 2	STARRY SKY	220
STARRY SKY - KIT SSW 1	STARRY SKY	220
STARRY SKY - KIT SSW 2	STARRY SKY	220
STRIP LED 12V/24V	STRIP LED SYSTEMS	216
STRIP LED ACCESSORIES	STRIP LED SYSTEMS	219
STRIP LED HP 12V/24V	STRIP LED SYSTEMS	216
STRIP LED HP PLUS 12V/24V	STRIP LED SYSTEMS	217
STRIP LED HP TW 24V	STRIP LED SYSTEMS	217
STRIP LED RGBW 24V	STRIP LED SYSTEMS	219
STRIP LED SIDE 12V/24V	STRIP LED SYSTEMS	218
STRIP LED WR 24V	STRIP LED SYSTEMS	218
SUGAR HP - 1,5W	GLASS	115 - 287
SUGAR HP - 3W	GLASS	115 - 287
SUGAR LP - 1,5W	GLASS	115 - 287
SUGAR LP - 3W	GLASS	115 - 287
SYRIA VELVET 15 - 12V/24V	SYRIA VELVET	202
SYRIA VELVET 15 S - 12V/24V	SYRIA VELVET	202
SYRIA VELVET 28 - 12V/24V	SYRIA VELVET	203
SYRIA VELVET 28 S - 12V/24V	SYRIA VELVET	203
SYRIA VELVET 41 - 12V/24V	SYRIA VELVET	203
SYRIA VELVET 41 S - 12V/24V	SYRIA VELVET	203
T		
TAB CPA1	TAB	289
TAB CPA3	TAB	289
TAB CPR1	TAB	289
TAB CPR2	TAB	289
TAB SSR1	TAB	288
TAB SSR2	TAB	288
TAB SSR4	TAB	288
TATI' 2W	MIRO' & TATI'	194
TB TWINS 2L - 4+4W	TB	241-243
TB TWINS 2L - 6+6W	TB	241-243
TB316 TOWER 1L - 4W	TB	241-243
TB316 TOWER 1L - 6W	TB	241-243
TB316 TOWER 2L - 4+4W	TB	241-243
TB316 TOWER 2L - 6+6W	TB	241-243
TED C 2W - IP40/IP66	CLUB	56
TED C DUAL 2+2W - IP40/IP66	CLUB	56
TED CS 2W - IP40	CLUB	56
TED CT 2W - IP40/IP66	CLUB	56
TED N 2W - IP40/IP66	NICE	62
TED N DUAL 2+2 - IP40/IP66	NICE	62
TED NT 2W - IP40/IP66	NICE	62
TED V 4W - IP66	VIP	67
TED VN 4W - IP66	VIP NICE	67
TESS	TINA & TESS	275
THEKLA LUX 9W	ROUND	87
TILL	TILL	283
TIM C 2W - IP40	CLUB SURFACE-MOUNT	193
TIM CS 2W - IP40	CLUB SURFACE-MOUNT	193
TINA	TINA & TESS	275
TODD E - OD 2W	ELITE	52
TODD E - OD DUAL 2W+2W	ELITE	52
TODD E - SD 2W	ELITE	52
TODD E - SD DUAL 2W+2W	ELITE	52
TODD ET - OD 2W	ELITE	52
TODD ET - SD 2W	ELITE	52
TULIP 40 1,5W	FLORA	48
TULIP 40 3,5W	FLORA	49
TULIP 52 1,5W	FLORA	48
TULIP 52 3,5W	FLORA	49
V		
VANESSA 6W QC RGBW	SQUARE	94
VANESSA 6W QC TW	SQUARE	94
VANESSA 7W	SQUARE	94
VANESSA 12W	SQUARE	94
VANESSA 12W QC RGBW	SQUARE	94
VANESSA 12W QC TW	SQUARE	94
VENUS 72 V - 4W	VENUS	290
VENUS 88 6W	VENUS	291
VENUS 88 6W QC RGBW	VENUS	291
VENUS 88 6W QC TW	VENUS	291
VITO	VITO	282
X		
Y		
YOKO 1,5W	ADJUSTABLES	97
Z		
ZEUS HP 6W QC RGBW	GLASS	118
ZEUS HP 6W QC TW	GLASS	118
ZEUS HP 7W	GLASS	118
ZEUS HP 12W	GLASS	119
ZEUS HP 12W QC RGBW	GLASS	119
ZEUS HP 12W QC TW	GLASS	119
ZEUS LP 6W QC RGBW	GLASS	118
ZEUS LP 6W QC TW	GLASS	118
ZEUS LP 7W	GLASS	118
ZEUS LP 12W	GLASS	119
ZEUS LP 12W QC RGBW	GLASS	119
ZEUS LP 12W QC TW	GLASS	119

LAMPSHADES

DENISE	DENISE	323
DOMINIQUE 15-9 / 15-30 / 18-30	DOMINIQUE	320
DOMINIQUE 22-35	DOMINIQUE	321
DOMITILLA	DOMITILLA	319
DOMIZIANA	DOMIZIANA	318
IOLANDA	IOLANDA	316
ISABELLA 15-12 / 15-25 / 18-30	ISABELLA	315
ISOTTA	ISOTTA	322
MARTINE / MARTINE NS	MARTINE	325
SARAH / SARAH NS	SARAH	324
SHARON / SHARON NS 10/15/20	SHARON	317
SHEILA / SHEILA NS	SHEILA	314
THEODORA 250 Q	THEODORA	329
THEODORA 300 Q	THEODORA	329
THEODORA 250 R	THEODORA	331
THEODORA 300 R	THEODORA	331

ELECTRICAL ACCESSORIES

AC-DC LED DRIVER	336 - 339
AC-DC POWER SUPPLIES	340
DC-AC CONVERTER	341
DIMMERS	342
LIGHTING CONTROL STSTEMS	346-348

Novembre 2022 / November 2022 CDCLGML00R14 - REV. 14 - IT/EN

QUICK® SPA
Via Piangipane 120/A - 48124 Piangipane (RA) ITALY
Tel. +39 0544 415061 - Fax +39 0544 415047
www.quickitaly.com

QUICKUSA INC
810 Oregon Ave. Ste. F - Linthicum, MD 21090 USA
Tel. 410-636-5991 - Fax 410-636-5995
www.quickusa.com

QUICK UK
Quick Nautical Equipment LTD
Units 6-7-8 Glenmore Business Park - Lime Kiln Lane - Holbury
SOUTHAMPTON SO45 2AR, UK - Tel +44 (0) 23 8087 9013
www.quickitaly.com